

ĐẶC SAN CỎ THƠM ONLINE

SỐ 15 – THÁNG 5, 2019



VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



TÌNH MẸ CON – Tranh của Họa sĩ Cát Đơn Sa



ĐẶC SAN CỜ THƠM ONLINE SỐ 15 – THÁNG 5, 2019

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO:

- 22 – DANH HỌA FRANCISCO GOYA (1746-1828) - PHẠM VĂN TUẤN
69- CHÂN DUNG TS TRẦN BÍCH SAN – NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
85- ĐỨC QUỐC GIÚP VIỆT NAM CỘNG HÒA – NGUYỄN VIỆT KIM
104- ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA PHÁP QUỐC – TP NGUYỄN VĂN THÀNH23
122- ĐỌC SÁCH “VĂN HỌC VIỆT NAM” CỦA TS TRẦN BÍCH SAN – TRƯƠNG ANH THUY

VĂN:

- 4- VÀI LỜI CHÂN TÌNH – PHAN ANH DŨNG
8 - BẾN PHÀ KỶ NIỆM – VUU VẤN TÂM, Germany
10- LÒNG MẸ – NGỌC HẠNH
16- NGÀY HỘI NGỘ – HỒNG THỦY
39- MÁI TRƯỜNG XƯA – LÊ TRỌNG LỘC
43- ÁO GÁM VỀ LÀNG - Ỡ NGUYỄN
49- CHUYỆN TỬ SINH – NGUYỄN TUẤN
55- BỚT MỘT MIỆNG ĂN – TT THÁI AN
75- NHỮNG SUY NGHĨ VỀ NGÀY 30/4 – TRƯƠNG VŨ
81- TÌNH NHẢM – TRỊNH BÌNH AN
90- KIẾP TRÀM LUÂN – NGUYỄN LÂN
100– KHÓI BAY VÔ MẮT – ĐOÀN XUÂN THU Melbourne
137– NHÌN LẠI ĐỀ THƯƠNG ... LÊ MỘNG HOÀNG

- 143 – TAY BÚP MĂNG – DIỄM CHÂU (CÁT ĐƠN SA)
153- HƯƠNG THƠM NGÀY CŨ – VŨ NAM, Germany
164- CHUYẾN ĐI NAM MỸ... - QUỐC THÁI ĐÌNH HÙNG CƯỜNG
178- VỢ VẮNG NHÀ – PHẠM THÀNH CHÂU
186- HOÀI NIỆM – TIỂU THU
194- MƯA BÊN ĐỜI – ĐỖ BÌNH, France
201- TÔI LÀM TÔI MẤT NƯỚC – LÊ VĂN PHÚC
213- TÁM ẢNH “HÌNH ẢNH MỘT BUỔI CHIỀU” – LÊ HỮU

THƠ:

- 6 – MỘT CHỨT SÀI GÒN GIỮA LÒNG PARIS – PHAN KHÂM
7 - TRẮNG QUÊN HẸN – PHẠM THỊ NHUNG
7 - TƯỞNG NHỚ QUÊ HƯƠNG – Y THI
21- NHỚ MÙA HOA PHƯỢNG – ĐT MINH GIANG
36 - TRÀ THIÊN - TRẦN QUỐC BÁO
38- THƠ QUÊN – TUỆ NGA
48 –LÒNG MẸ THƯƠNG CON - TRẦN QUỐC BÁO, Richmond VA
53- THÁNG TƯ ĐEN & NIỀM ĐAU QUÊ MẸ - HOA VẤN
64 – LỜI NGUYỆN CẦU 30/4 ... LÊ MỘNG HOÀNG
65 – ĐÔI CẢ THIÊN THU TIẾNG MẸ CƯỜI - TRẦN TRUNG ĐẠO / MY LIFE FOR MY MOM'S LAUGH - Chuyển ngữ: THANH THANH

80-THƠ CƯỜI, SOI BÓNG CHÂN NHƯ
- VƯƠNG THANH

84- CHIỀU MƯA ĐÔNG ... ĐINH CƯỜNG

89- BÚT DIỆU QUANG - TUỆ NGÀ

103- CHIỀU 30/4/2019 - HẠ THÁI

111- A FATHER'S LOVE - Chuyển ngữ:

TÌNH CỦA BỐ - T.M. NGÔ TẮNG GIAO

142- CHÉN CƠM QUÊ NHÀ - TRƯỜNG
ĐINH

161- KHI VỀ NGANG ĐÓN CŨ & HẸN
MỘT NGÀY VỀ - NGUYỄN KINH BẮC

177 -NHỮNG ĐÓA HOA LÒNG - THÁI
HƯNG PGH

185 -QUÊ BẠN, QUÊ TÔI - NGUYỄN
KINH BẮC

202 - BẢN TANGO VÀ EM - BÙI
THANH TIỀN

202 - HẠ XƯA - KIM OANH, Úc Châu

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH:

1- BÌA: TÌNH MẸ CON - Tranh:
CÁT ĐƠN SA

5- LÊN ĐƯỜNG - Thư họa: VŨ HÓI;
Thơ: HOÀNG SONG LIÊM

14 -MẸ VÀ CON - Tranh: MAI TRUNG
THỨ

15-ĐÔI TAY MẸ HIỀN - Tranh & thơ:
THANH TRÍ, SACRAMENTO

37 - MỘNG CHIỀU XUÂN - Tranh:
NGUYỄN SƠN, Germany

48- MẸ THƯƠNG CON - Tranh: BÉ KÝ

54 -NHẪN ... - Thư họa: VẤN TẤN
PHƯỚC, France

68 - CON BÊN MẸ NGÀY TẾT - Tranh:
NGUYỄN THỊ HỢP

79- NGHĨ VỀ MỘT LINH HỒN TRÊN
BIỂN - TRƯƠNG VŨ

89- THƠ NHƯ HẠT BỤI ... - Thư họa:
VŨ HÓI; Thơ: TUỆ NGÀ

CỎ THƠM

112- NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH - VŨ
CÔNG HIỀN

135- HOA ANH ĐÀO CHEVY CHASE, MD
- Ảnh: PHAN ANH DŨNG

162 - HOA XUÂN - Ảnh: MINH CHÂU

193- TRÊN ĐÒI HOA - Ảnh: NGUYỄN
SƠN, Germany

NHẠC:

38- THƠ QUÊN - Thơ: TUỆ NGÀ - Phổ
nhạc: MỘC THIỀNG

65- ĐÔI CẢ THIÊN THU TIẾNG MẸ
CƯỜI - Thơ: TRẦN TRUNG ĐẠO - Phổ
nhạc: VÕ TÁ HÂN

151- ĐƯỜNG EM ĐI -Nhạc & lời: PHẠM
DUY

217- THÁNG 7 CHƯA MƯA - Thơ: Y
DỊCH; Nhạc: PHẠM ANH DŨNG

217- HÌNH ẢNH MỘT BUỔI CHIỀU -
Nhạc: LÂM TUYỀN; Lời: DẠ CHUNG

GIỚI THIỆU SÁCH:

74 - VĂN HỌC VIỆT NAM của TRẦN
BÍCH SAN

219- CHA VÔ DANH của PHẠM NGỌC
LÂN, France

219- CHUYỆN DUNG KẾ, NHỮNG KẾ
LẠC LOÀI, BIỂN VÀ CÁ, BÊN KIA ĐÒI
của HOÀNG DUNGdc



VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,

- Đặc san Cỏ Thơm online số 15 hân hạnh gửi đến quý vị nhân ngày Lễ Hiền Mẫu Mother's Day ở Hoa Kỳ ngày 12 tháng 5, 2019 - sau khi tạp chí báo in Cỏ Thơm số 84 đã chính thức phát hành ngày 21 tháng 4, 2019.
- Chân thành cảm ơn quý tác giả đã sốt sắng gửi bài và lòng thương mến của quý vị dành cho Cỏ Thơm qua những email, điện thoại khích lệ và tiếp tục ủng hộ việc làm của chúng tôi.
- Trong Đặc san online số 15 này mời quý vị xem nhiều văn, thơ, nhạc, họa... về **MẸ KÍNH YÊU** cũng như những tâm sự khắc khoải về ngày **30 THÁNG 4**.
- Về sách mới xuất bản, mời quý vị xem:
 - * 2 bài viết của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung (trang 69) và Trương Anh Thụy (trang 122) về tác giả và tác phẩm của pho sách "**Văn Học Việt Nam**", do Biên khảo gia TS Trần Bích San (Louisiana) biên soạn rất công phu.
 - * Bộ sách 4 quyển "**Chuyện Dung Kể, Những Kẻ Lạc Loài, Biển và Cá, Bên Kia Đồi**" của nhà văn Hoàng Dungdc - trang 219.
 - * Tác phẩm "**Cha Vô Danh**" của nhà văn Phạm Ngọc Lân (France) - trang 219.
- Cỏ Thơm xin thành thật chia buồn với tang quyến của:
 - * Cụ quả phụ Lê Văn Giám tự Văn Bình, khuê danh: Phùng Thị Nhật - mẹ của ÔB Đinh Hùng Cường & Ngọc Trâm (Virginia).
 - * Bà quả phụ Lê Đình Điều, khuê danh: Phạm Thị Dung - chị của nhà văn Bích Huyền và nhạc sĩ BS Phạm Anh Dũng (California).

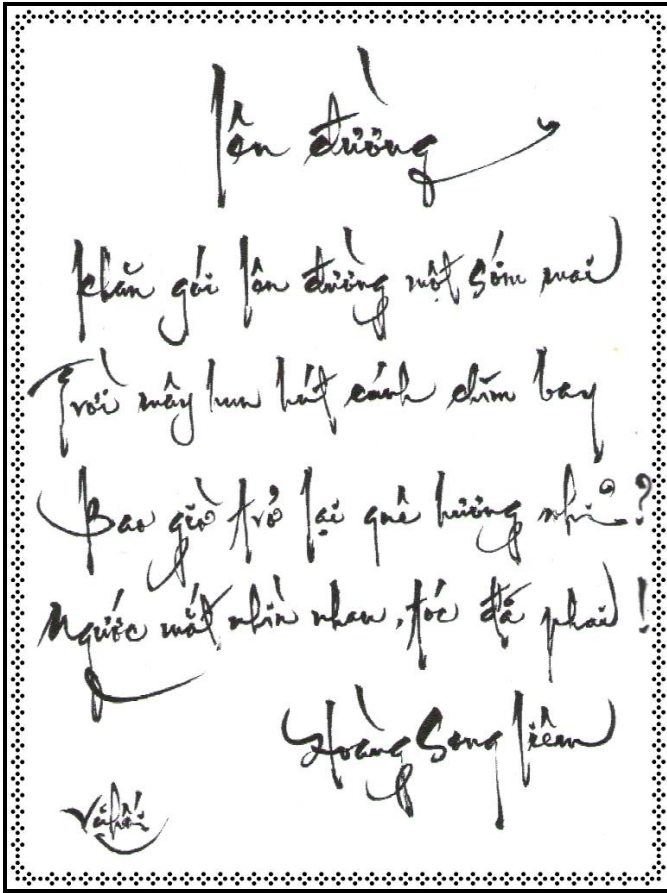


Thân mời quý vị bỏ chút thì giờ quý báu đến họp mặt chung vui với chúng tôi trưa Chủ nhật 23 tháng 6 tại nhà hàng Harvest Moon, Falls Church Virginia để mừng Cothom Foundation hoạt động vô vụ lợi liên tục được 24 năm (xin xem chi tiết trang 218).

Thân chúc quý vị được nhiều sức khỏe và an vui.

PHAN ANH DŨNG

Richmond, Virginia USA



LÊN ĐƯỜNG

Thơ: **Hoàng Song Liêm** – Thư họa: **Vũ Hối**



MỘT CHÚT SÀI GÒN GIỮA LÒNG PARIS

*Tôi ôm Paris nhớ da diết Sài Gòn
Sài Gòn con gái, Sài Gòn nét son
Sài Gòn mê say cao đầu ngạo nghễ
Một Sài Gòn không man rợ dã man*

*Những ngày Paris tôi vẫn tưởng Sài Gòn
Tôi hành hạ mình bằng những ví von
So sánh nào chịu đốn đau như thế
Sài Gòn ly cà phê đắng Kim Sơn*

*Điều thuốc tàn trên phiến đá hàng hiên
Về dừng dưng nhìn ai đó thân quen
Ôi Sài Gòn một thời dù như thế
Ôi Sài Gòn đã đổi trắng thay đen*

*Nhớ Sài Gòn giữa Paris hôm nay
Lòng Paris tôi muốn được giang tay
Hát tiếng hát tự do thời đã hát
Tiếng hát không ai bắt bớ tù đầy*

*Rất Sài Gòn những vỉa hè Paris
Như trong mơ đang mộng ước điều gì
Khu phố Sài Gòn ngả năm ngả bảy
Sài Gòn ơi sao bán loạn cuồng si*

*Cám ơn những người tôi gặp Paris
Nhịp tim Sài Gòn những bước đang đi
Phiêu bạt chân trời ruột đau đòi đoạn
Mong một ngày quét sạch lũ man di...*

Phan Khâm

TRĂNG QUÊN HẸN

Tuyết đổ, sương mù đêm núi Alpes
Một màu băng giá... phủ không gian
Trăng rằm núi tuyết? - Trăng quên hẹn
Để bạn bên trời rét buốt thêm.

Trăng vẫn là trăng thuở ấu thơ
Là trăng yêu dấu chốn quê xưa.
Ơi trăng núi tuyết, trăng huyền diệu
Xin nhớ mùa sau nối hẹn hò.



Phạm Thị Nhung

Cao nguyên Megève (1113m) thuộc miền núi Alpes, Pháp quốc.



Ở Cozumel

Tưởng Nhớ Quê Hương

Thấp thoáng bờ kia rợp bóng dừa
Tôi nhìn chợt nhớ dáng quê xưa
Bao năm cách biệt đời phiêu bạt
Một kiếp xa rồi buổi tiễn đưa
Tựa cánh chim trời bay lưu lạc
Như bèo xuôi nước giạt ban trưa
Nơi đây xứ lạ nghe buồn quá
Gởi chút thân thương thấy rất thừa.

Y Thi - 042419



Ngồi Ở Thuyền Gió

Trên Sông Cỏ

Ta Nhớ Về Quê Xưa

Có một dòng sông lặng lẽ trôi
Miền Nam đất Mỹ nơi đây rồi
Đàn cò mỗi cánh tìm cây đậu
Cá sấu phơi lưng tắm nắng chơi
Cứ ngỡ quê xưa trong khoé mắt
Ai ngờ chốn cũ quá xa xôi
Con thuyền xẻ gió bay trên nước
Bỏ lại đằng sau chút bồi hồi ...

Y Thi - 033019

* Ngồi ở thuyền gió đến Everglades National Park, Florida, Hoa Kỳ, chợt thấy giống miền Tây Việt Nam, nên ghi lại vài dòng...

BẾN PHÀ KỶ NIỆM

**** VƯỜN VĂN TÂM ****

*Thanh Minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ, hội là Đạp Thanh (*)*

Mỗi năm một lần, vào dịp lễ Thanh Minh, má tôi thường thu xếp dắt các con về quê ngoại, trước là để thăm bà con họ hàng, sau là để viếng thăm mồ mả ông bà và những người thân đã khuất núi.

Đường về miền Tây xa lơ xa lắc, phải qua mấy cái Bắc mới đến được quê nhà. Đường đi Bạc-Liêu phải qua Bắc Mỹ-Thuận và Bắc Cần-Thơ, muốn về Rạch Giá phải xuôi theo Bắc Mỹ-Thuận và Bắc Vàm-Cống. Hai bên đường là những cánh đồng xanh bát-ngát. Tháng ba lúa mới kịp trở đồng-đòng. Những cơn gió mát rượi mang theo hương lúa đồng quê len qua mấy khung cửa xe đò đã làm dịu hẳn cái oi ả của những ngày mùa hạ sắp về.



Xe đến Bắc Mỹ-Thuận, phải nối đuôi những chiếc xe đi trước và sắp thành một hàng dài vô tận. Vì chỉ có hai chiếc phà, một chuyến đi và một chuyến về nên hành khách hai bên bờ phải mất rất nhiều thời gian chờ đợi. Có nhiều vị gấp gáp một chút, họ chọn chiếc xe đầu tiên sắp được xuống phà để mau đi qua Bắc. Trường hợp này

được gọi là "sang xe" hay "nhảy xe" và đương nhiên họ phải trả tiền lần nữa cho quãng đường còn lại. Ai nấy cũng tranh thủ thời gian "kẹt Bắc" để xuống xe cho giãn gân giãn cốt, đi vệ sinh hay kiếm cái gì đó lót lòng trên chặng đường còn xa thăm thẳm. Tôi mê mẩn thu vào mắt cái khung cảnh lạ lẫm nơi này. Đây là những khóm lục bình với những chùm bông tím tím lặng lờ trôi giữa dòng nước ngàu đục phù sa. Kia là những đợt sóng lăn-tăn như trải dài để trời nước được giao nhau. Chân trời dù xa xôi tầm tắp nhưng cũng có lúc được hòa với dòng nước một màu xanh ngọc bích. Thích hơn nữa là nhìn cảnh sinh hoạt mua bán nhộn nhịp nơi này, kẻ gánh người bung, tiếng rao hàng inh ỏi, vui tai... mía ghim ướp lạnh, cóc ổi ngâm nước đường, mấy túi trái ấu đen thui có hình thù lạ lẫm

như cái mào ông quan trong mấy tuồng cải lương chiếu trên ti-vi. Trên mỗi chuyến phà, tôi đều gặp những người hát dạo thường đi cùng một em bé dẫn đường. Mấy anh, mấy chị thường bị mù hay bị mất một cánh tay hoặc bên chân đã bị đứt lìa một đoạn. Có thể, họ là những nạn nhân của chiến tranh hay những thương phế binh đã bỏ lại đầu đó trên quê hương đau khổ này một phần thân thể. Giọng ca buồn nảo nuột trên phà làm cho hành khách ai nấy cũng bùi ngùi cho một kiếp nhân sinh. Khi phà cập vào bến, bà con reo vui hơn hờ vì con đường trước mắt sẽ được thu ngắn thêm chút nữa. Qua Bắc Mỹ-Thượn dẫn đến hai ngã rẽ, một hướng Cần-Thơ, xuôi về Bạc-Liêu, Cà-Mau, hướng kia đi Rạch-Giá, nối liền Long-Xuyên, Châu-Đốc với Hà-Tiên.

Xe đến Bắc Cần-Thơ, cảnh chờ đợi mỗi mòn cũng như bán buôn tấp nập trên phà dưới bến được lập lại y như vậy một lần nữa. Quê hương tôi nơi đâu cũng trời nước một màu xanh. Cuộc sống trên bến dưới thuyền của người dân tôi bao đời vẫn cơ cực.

Ngày nay, cuộc sống đã thay đổi khá nhiều, những phương tiện giao thông cũng dần được cải tiến. Những bến phà được thay thế bằng những chiếc cầu xây dựng mới mẻ. Thời gian di chuyển từ Sài Gòn về miền Tây hay ngược lại được rút ngắn lại rất nhiều. Quang cảnh hơn hờ, nhộn nhịp, kẻ mua người bán, trên bến dưới thuyền đã lui dần vào dĩ vãng, để lại dòng sông buồn trôi lững lờ giữa trời nước bao la !

Ở những xứ sở văn minh, bên cạnh những chiếc cầu được xây dựng kiên cố, hiện đại, người ta vẫn giữ lại những bến phà cũ kỹ và hoạt động thường nhật mỗi ngày đôi ba bận. Nơi xứ mình thì khác, cái cũ đều bị xóa sạch để nhường chỗ những cái mới mẻ hơn, nhưng tiếc là họ đã bỏ quên những nét thẩm mỹ cần thiết trong cuộc sống.

Thế hệ các em, các cháu sau này chỉ còn có thể nghe lại những câu chuyện di chuyển trên phà, qua Bắc qua lời kể của ông bà, cha mẹ. Năm tháng đã đi qua, những chiếc phà đưa khách sang sông dần chìm trôi vào dĩ vãng, và đã trở thành huyền thoại. Quê hương giờ đã xa mờ, nhưng tôi vẫn nhớ hoài những lần được về quê cùng cha mẹ, được xuống phà qua Bắc, lòng trẻ dại nôn nao vui sướng và những kỷ niệm ngày thơ như vẫn còn đâu đây trong cõi nhớ nhạt nhòa.

VŨU VĂN TÂM (Bonn, Germany)

() truyện Thủy Kiều của cụ Nguyễn Du*

LÒNG MẸ

(Kính tặng các bà Mẹ nhân Ngày Lễ Từ Mẫu)

**** Ngọc Hạnh ****

Ngày lễ “Hiền Mẫu” là ngày dành riêng cho các bà Mẹ thân thương. Các con ở xa hay gần phần lớn về nhà hay điện thoại thăm hỏi Mẹ. Bên ngoài nắng vàng nhẹ nhàng phủ lên vạn vật, hoa cỏ tươi thắm khắp nơi như chào đón ngày LỄ. Các con mời Vân ra ngoài ăn tối. Con trai lớn ở tiểu bang khác đã bay về nhà thăm Mẹ từ hôm trước. Cũng tốt thôi. Lâu lâu gia đình sum họp đông đủ có dâu, rể, con, cháu làm Vân nhớ Mẹ da diết. Mẹ Vân về cõi vĩnh hằng khi anh em Vân chưa ai có gia đình. Nay con Vân đã xong Đại học, có việc làm tương đối ổn định và Vân đã có cháu. Xin cảm ơn nhà nước Hoa Kỳ tạo điều kiện dễ dàng cho các con Vân hoàn tất việc học ở đất nước văn minh, giàu có và nhân đạo.

Đời sống đầy đủ tiện nghi ở xứ Cờ Hoa làm Vân nhiều lần bùi ngùi nhớ mẹ. Mẹ Vân vĩnh viễn ra đi trong thời kỳ loạn lạc, khói lửa quê nhà. Mẹ là con một trong gia đình khá giả trong làng, tưởng sẽ có gia đình hạnh phúc. Mẹ có chồng khi 18 tuổi, đến 25 tuổi người chồng yêu quý qua đời. Mẹ Vân có 3 con, đứa nhỏ nhất 6 tháng. Mẹ Vân đẹp người đẹp nét, đảm đang - theo ý của Vân. Nếu không, Ba của Vân đâu có cưới Mẹ vì Ba là người ở thành thị. Mẹ sống trong làng ở ngoại ô. Mới 18 tuổi Mẹ làm dâu trưởng gia đình đông người gồm ông bà Nội với 8 em chồng vừa trai vừa gái. Tuy thế, dần dần các cô có gia đình theo chồng ra ở riêng. Mẹ sống bình an trong tình thương yêu của chồng và gia đình nhà chồng cho đến khi cha mất ít lâu, Mẹ mới xin phép Nội trở về làng với ông bà Ngoại.

Theo trí nhớ, Mẹ Vân trắng hồng, da mịn màng, mũi cao ... Vân không giống Mẹ và như là... con nuôi! Vân ngăm ngăm đen đến nỗi khi Vân lớn lên có cậu người Ấn, con chủ tiệm bán tơ lụa, mỹ phẩm đi theo. Anh cả Vân bảo “em biết tại sao Bi theo em không, vì nó tưởng em là đồng hương với nó!”. Nghe thật chán! Tuy là người Ấn nhưng màu da Bi có lẽ còn sáng sủa hơn Vân. Lâu lâu cũng có trường hợp ngoại lệ. Vân có chị bạn, bác gái cao ráo trắng trẻo quý phái, đi đứng chậm rãi dịu dàng, người Hoàng tộc, nhưng chị bạn da ngăm đen và cứng cáp giống như ...con trai. Tuy thế, chị được nhiều người quý mến vì chị học giỏi và tính tốt, hay giúp đỡ người khác.

Tuy cha mất sớm nhưng với tình thương bao la của Mẹ, Vân chẳng thấy thiếu thốn tình cha. Có thể lúc cha mất Vân còn nhỏ nên quen với sự vắng mặt cha. Trong 3 anh em, lúc nhỏ Vân là đứa trẻ hay đau yếu, dễ bị cảm lạnh, ho hen, hay mè nheo với Mẹ nhất. Cả 3 người đều được Mẹ dạy biết đọc, biết viết, biết làm toán trước khi đến trường nên được xếp vào lớp 2 khi đi học. Dù học khá được cô giáo thương nhưng Vân vẫn thích ở nhà với ông bà và được Mẹ dạy học. Viết đẹp hay làm toán đúng được mẹ khen là Vân thích lắm. Đứa nào đau ốm, ho hen dù chút chút Mẹ đều cưng chiều, được ngủ chung với Mẹ, để Mẹ quạt hay đắp chăn cho và được hưởng cái mùi thơm tho quen thuộc của mẹ. Thường ngày chỉ có em Út được ngủ chung với Mẹ mà thôi. Khi đi học Tiểu học, tối nào Mẹ cũng kiểm bài, xem lời phê cô giáo nên không thể lười biếng được. Mẹ vui khi các con được điểm cao. Các con là nguồn vui, là báu vật của Mẹ. Nhớ lại, Vân càng thêm thương Mẹ.

Mẹ Vân thường nhắc nhở anh em phải thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau và nên biết thương người nghèo khó ... Vân nghe kể lại vì lòng “thương kẻ khó” mà tiệm tạp hóa của Mẹ đóng cửa vì hết vốn. Sau khi Ba mất, ông bà mở tiệm tạp hóa tại nhà cho Mẹ kiếm thêm lợi tức nuôi con. Mẹ thường cho người nghèo mua chịu ghi sổ, lâu ngày họ không trả. Mẹ không đòi vì biết họ không có tiền nên dần dà phải dẹp tiệm vì tiền lời đã không có còn mất tiền luôn tiền vốn. Có lẽ nhờ lòng nhân hay giúp người khác của Mẹ và ông bà mà gia đình Vân được nhiều ơn phước, may mắn bất ngờ như lúc vượt biên. Sau 2 lần vượt biên hụt, Vân chịu an phận không tính chuyện vượt biên nữa vì hết tiền. Thành linh có người quen đến rủ đi, họ cho mượn tiền, khi đến xứ tự do trả lại sau. Thường là phải năn nỉ để người ta cho mượn tiền nhưng trường hợp Vân thì ngược lại. Vân nghĩ là do phước đức ông bà chứ mấy khi có chuyện lạ như thế!

Xin kể thêm chuyện ngoài lề. Vùng Thủ đô Hoa Kỳ mùa Đông thường có tuyết nhiều hay ít. Cách đây đã lâu, lúc con gái mới ra trường đi làm vài tháng, một hôm thấy con về nhà với chiếc xe lạ. Hóa ra cháu bị tai nạn vì tuyết dày, đường trơn xe cháu bị lật úp. Cháu kẹt trong xe không ra được. Người đi đường gọi cảnh sát giùm. Chiếc xe hư hại nặng phải câu đi nhưng cháu vô sự và họ đưa cháu về nhà. Nói như đùa, mấy ai xe lật ngược mà được an toàn như có phép lạ chở che? Khi ấy Vân nhớ đến tính hay giúp người của Mẹ, phải chăng Mẹ gieo nhân lành nên Vân có quả ngọt?

Như đã kể, Mẹ Vân tuy đã 3 con nhưng gọn gàng xinh xắn, ông bà Ngoại lại khá giả nên nhiều ông bươm vờn quanh. Những người cầu hôn xin cưới Mẹ, toàn là những người tử tế, có nghề nghiệp vững vàng. Mẹ Vân từ chối thì thôi, họ không theo đuổi nữa trừ một người. Đó là vị công chức tòa tỉnh cùng sở với bác của Vân, còn độc thân. Ông gặp mẹ Vân ở nhà bác khi có giỗ một lần là nghĩ đến chuyện lập gia đình. Ba Mẹ của ông lúc đầu phản đối nhưng sau cũng bằng lòng. Ông khéo lấy lòng những người bà con của Mẹ Vân, từ người lớn trong nhà cho đến người giúp việc, mọi người đều thương mến ông. Ông bà Ngoại Vân thì chịu lắm vì thương Mẹ Vân tuổi trẻ gặp cảnh ngang trái, chần đờn, gổn chiếc... Mỗi lần ông đến thăm ông bà Ngoại Vân là ông mang quà cáp hậu hỉ cho cả gia đình. Biết Mẹ hay giúp người khó khăn ông thường cho trẻ con nghèo tập, sách, bút đi học, cho người bệnh nghèo chút tiền đi nhà thương hay khám bệnh... Vân không hiểu nổi vì ông thích chuyện trò với ông bà ngoại nhiều hơn, không thấy chuyện trò riêng với Mẹ mà sao lại thương yêu Mẹ? Anh Cả không thích ông, có thể nói là ... ghét dù bà Ngoại dễ dàng. Anh Cả muốn Mẹ là của riêng mấy anh em thôi. Trong bà con ai cũng muốn mẹ ượng ông nhất là gia đình bác Vân. Ông còn đến thăm Nội để xin cưới Mẹ và hứa nuôi các con của Mẹ tử tế như con ruột. Chẳng biết ông nói thế nào mà Nội cũng khuyên Mẹ nên ượng ông ấy. Có lẽ ông Nội thấy bạn của Nội cưới một bà đã có 3 con, cho các con bà du học và thành đạt. Quý ông thương yêu vợ đâu nề hà việc nuôi con riêng của vợ, ông Nội bảo thế.

Cũng có thể Nội thương Mẹ Vân còn trẻ, lâu dài về sau biết có sống cu ky mãi được không, tốt hơn là ượng ông này gia đình tốt, có nghề nghiệp vững vàng, có thể bảo đảm đời sống con dâu và các cháu của Nội chẳng? Mẹ Vân dù bà con hai bên Nội Ngoại khuyên nhủ Mẹ vẫn từ chối. Sau mấy năm theo đuổi không kết quả, ông buồn tình xin đổi đi nơi khác sau khi nói với bác Vân là không cưới được Mẹ Vân, ông sẽ sống độc thân suốt đời!

Anh Cả khi lớn lên biết nghĩ thì ân hận mãi vì trong những người cầu hôn với Mẹ có lẽ ông là người Mẹ có cảm tình nhưng vì các con Mẹ để tuổi xuân qua đi. Mẹ sống đơn độc, không có bờ vai nương tựa, không ai chia sẻ vui, buồn, không người để tâm tình trong suốt bao năm dài. Con đau ốm, con đi học gần xa một mình Mẹ lo. Dĩ nhiên ông bà giúp tài chánh nhưng các việc khác Mẹ lo liệu một mình, thương Mẹ vô cùng:

Mẹ đưa anh Cả đến trường công,
Mẹ dạy các con học vỡ lòng,
Mẹ đã vì con còn nhỏ dại,
Quên đi tất cả mối tình nồng
Mẹ vừa làm Mẹ lại làm Cha.
Thương con Mẹ để tuổi Xuân qua.
Cô đơn, lạnh lẽo bao đêm vắng
Lòng Mẹ yêu con thật hải hà.

Càng nhớ chuyện xưa Vân càng thương Mẹ da diết. Khi biết nghĩ thì Mẹ không còn nữa, bà đã mãi mãi xa rời con cháu về cõi vĩnh hằng. Vân xin cảm ơn ông công chức đã kiên nhẫn và thương yêu đeo đuổi Mẹ mấy năm dài. Vân xin lỗi ông về những trái tính anh em Vân đối với ông lúc còn nhỏ, dù ông còn tồn tại trên đời hay an nghỉ nơi đất Phật hay nước Chúa trên Thiên đàng.

Nghĩ lại lòng Mẹ yêu con thật vô cùng, không bờ bến. Theo báo chí, công nương Diana tự sẵn sóc hai hoàng tử lúc còn bé chứ không phải vú em, chẳng biết có đúng không. Ngoài ra Tổng thống Pháp, ông Macron, cưới người vợ lớn hơn ông 20 tuổi, cô giáo ông thương yêu từ lúc còn là học sinh Trung học. Như thế 2 người sẽ không con chung nhưng có lẽ vì thương con nên bố mẹ Tổng Thống cũng chấp nhận cô dâu lớn tuổi hơn con mình dù ông bà biết chắc sẽ không có cháu nội!

Riêng anh em Vân chưa đền đáp chút nào công ơn dưỡng dục cho người Mẹ góa bụa tốt bụng của mình. Thương biết bao những hôm mưa tan trường về Mẹ đã đứng chờ ở cửa, quần áo khô sạch sẽ mẹ chọn sẵn sàng cho mỗi đứa. Mẹ thức suốt đêm khi con đau ốm, nghiêm khắc khi các con ham chơi phạm lỗi, mắng con mà lòng xót xa... Lớn lên có gia đình, có con, anh em Vân càng yêu Mẹ nhiều hơn nhưng Mẹ không còn nữa. Riêng Vân càng thương người mẹ trẻ góa bụa yêu quý của mình rất, rất nhiều, vì lúc nhỏ Vân không khỏe mạnh để nuôi như các trẻ con khác. Thương Mẹ đã vì các con để tuổi thanh xuân qua đi nhưng sự thương yêu muôn màng đâu có ích chi. Vì thế quý bạn trẻ thân mến hãy yêu thương, trân quý cha mẹ khi người còn trên cõi đời, đừng chờ lúc người qua đời rồi mới tiến đưa long trọng hay làm lễ giỗ linh đình...

Cha Mẹ yêu thương các con bình thường như hơi thở. Vì thương yêu Mẹ quên cả nhọc nhằn, thức khuya dậy sớm, chăm chút con khi khỏe

CỎ THƠM

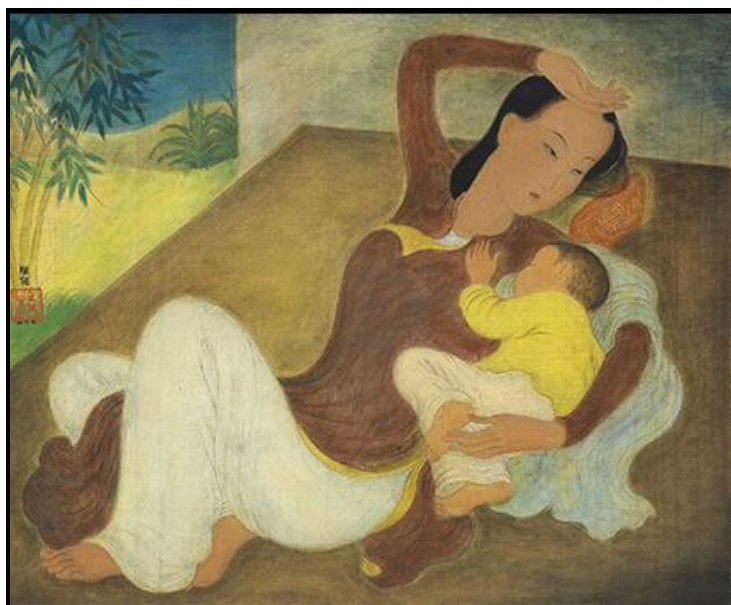
mạnh, lúc ốm đau, từ lúc con mới ra đời đến khi khôn lớn, dù Mẹ là người nghèo khó hay giàu sang. Nếu may mắn gặp dâu hiền rể thảo, xứng đôi vừa lứa thì có phước, còn trái lại cũng làm ngơ cho con được hạnh phúc. Lúc mặn nồng tình yêu lứa đôi có thể làm người ta quên đi ngăn cách tuổi tác sang hèn, theo thời gian có khi thay đổi nhưng tình mẫu tử luôn ngọt ngào, đầm ấm, bền bỉ... cho đến chết.

Vân xin chúc tất cả các bà Mẹ có ngày Lễ Mẹ vui tươi ấm áp bên cạnh gia đình con cháu thân thương và câu hát:

*“Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào,
Tình Mẹ tha thiết như giòng suối hiền ngọt ngào...”*

của Nhạc Sĩ Y Vân thật đúng vô cùng, như là chân lý và sẽ không bao giờ thay đổi dù năm dài tháng rộng, nơi xứ văn minh Âu Mỹ hay đất nước Ai Cập huyền bí xa xôi...

Ngọc Hạnh



Mẹ và Con – Tranh: **Mai Trung Thứ**



Đôi Tay Mẹ Hiền

*Tình mẫu tử trong ngàn mắt biếc
Mẹ thương con thấm thiết tình sâu
Đôi tay đôi cánh nhiệm mầu
Mẹ mang sức sống tô màu ấu thơ
Cho con chẳng vướng bụi dơ
Mây trời mẹ trải vườn mơ địa đàng
Êm đêm giữa chốn trần gian*

*Che mùa nắng hạ
mưa hàn gió đông
Trong nơi dễ giấc ấm nồng
Đong đưa năm tháng ăm bồng à ơ
Ngày đêm mười ngón buông tơ
Tình mẹ dệt gấm
tuổi thơ Thiên đường.*

Thanh Trí, Sacramento

NGÀY HỘI NGỘ

**** Hồng Thủy ****

Thằng Việt vừa ngáp ngáp dài quay sang hỏi mẹ:

- Sao máy bay bố đến trễ vậy mẹ.

- Mẹ cũng không biết tại sao nữa.

Con Thơ đứng dậy vươn vai.

- Ngồi hoài mỏi quá. Mẹ với Việt có đói không con đi mua Pizza ăn cho đỡ đói.

Hiền nhìn con gái lắc đầu.

- Mẹ chỉ mệt chứ không đói. Độ nửa giờ nữa máy bay mới tới. Tụi con đói thì đi mua cái gì ăn đỡ đi. Ăn chút thôi để bụng về nhà ăn cơm với bố. Thức ăn ê hề ở nhà ngon lắm đó.

- Đúng rồi, hèn gì hồi nãy Việt thấy mẹ nướng thịt thơm quá trời.

Thơ ngồi lại xuống ghế.

- Thôi vậy ráng nhịn thêm về nhà ăn bún thịt nướng ngon hơn.

Máy bay bắt đầu hạ thấp để đáp xuống phi trường Reagan, ông Nam thấy lòng nôn nao khó tả. Mười năm rồi chưa được gặp vợ và hai con. Khi cả nhà đi vượt biên, ông đưa vợ con lên tàu trước rồi quay về nhà lấy thêm ít thuốc men cần thiết. Không ngờ ông bị bắt và bị kẹt lại. Vợ con ông may mắn đi thoát. Năm ấy thằng Việt mới 5 tuổi và con Thơ 7 tuổi. Bây giờ chắc chúng lớn bộn rồi. Ảnh Hiền gửi về cho ông vào dịp con Thơ ra trường chụp chung với đông người quá, nên người nào cũng nhỏ xíu. Mắt ông có cườm bị mờ nhìn không rõ nên thấy vợ con mờ mờ ảo ảo. Lát nữa đây được gặp mặt, chắc ba mẹ con thay đổi khá nhiều. Hiền viết thư kể chuyện nàng mập ra và cắt tóc ngắn cho tiện chứ không để tóc dài nữa. Bước ra khỏi lối đi hẹp như một cái hẻm nhỏ ông thấy ngay vợ con đã đứng chờ sẵn. Ông buông cái túi xách xuống đất ôm chầm lấy vợ. Chiếc áo lụa nuốt nà và mùi nước hoa thơm mát làm ông muốn xiết chặt vợ mãi không rời. Hiền sưng sờ vì chồng thay đổi quá nhiều, ông già và gầy hẳn đi, trông không còn chút gì của một chàng sĩ quan hào hoa trong quá khứ. Buông vợ ra ông quay sang nhìn hai con, trông chúng lạ lùng quá. Thằng Việt tóc cắt ngắn chải dựng ngược lên như lông nhím lờm chờm chỗ vàng chỗ đen. Nhìn hai ống quần của nó kéo lê dưới đất ông vội kêu lên.

- Con ơi! Sợi dây lưng đứt hay sao mà quần con sắp tuột rồi kìa.

Con Thơ bưng miệng cười

- Không phải đâu bố, mốt đó.

Ông Nam ngạc nhiên

- Mốt gì, con nói bố không hiểu.

- Mốt bây giờ con trai mặc như vậy đó bố. Quần phải rộng, lưng xệ và ống quần kéo lê dưới đất.

Ông Nam nhăn nhó.

- Mốt gì khủng quá vậy.

Thằng Việt nhìn bố hơi khó chịu. Hiền thấy không khí nặng nề vội kéo ông đi.

- Thôi đi lấy hành lý cho nhẹ, còn về nhà ăn cơm kẻo đói. Xứ Mỹ chứ đâu phải ở Việt Nam, anh để ý đến cách ăn mặc của con làm gì.

Ông Nam cảm thấy mặt nóng bừng vì giận nhưng chỉ lẳng lặng đi theo vợ. Bây giờ ông mới để ý đến khoảng bụng để trần của con Thơ, dễ đến nửa gang tay chứ không ít. Cái quần Jean bạc théch, rách ở đầu gối, bó sát người xệ xuống dưới rốn. Cái áo cụt tay, ngắn cũn cỡn để lòi một khoảng da thịt. Ông nghĩ đàn bà con gái không được phép ăn mặc hở hang như vậy. Ông quay sang gay gắt với vợ.

- Em không dạy dỗ con đàng hoàng để chúng ăn mặc như đồ cà lơ thất thểu.

Hiền bực mình gắt lại.

- Anh ăn nói hay nhỉ, không dạy dỗ đàng hoàng làm sao chúng còn nói được tiếng Việt thông thạo để mà nói chuyện với anh. Con mình như vậy là có phúc lắm rồi. Còn chuyện ăn mặc, chúng nó theo thời mình phải thông cảm cho chúng nó chứ.

Ông Nam gắt lên

- Thông cảm cái gì, em dung túng cho chúng nó ăn mặc như đồ đứng đường. Con nhà tử tế phải ăn mặc đàng hoàng chứ. Hiền giận xanh cả mặt.

- Anh ăn nói chả suy nghĩ gì cả. Đừng quên ở Mỹ khác ở Việt Nam khác.

Ông Nam càng lớn tiếng hơn.

- Khác là khác thế nào, là bố mẹ không được phép dạy con cái à.

Một vài người qua lại tò mò nhìn ông Nam. Con Thơ vừa mắc cỡ vừa bực, nó ghé tai mẹ nói nhỏ.

- Cho con mượn chìa khóa xe, con với thằng Việt ra xe trước nhé con chịu hết nổi rồi.

Cầm được chìa khóa, con Thơ kéo vội em đi. Nhìn hai đứa nhỏ biến mất vào đám đông, ông Nam bực tức nói với vợ.

- Em thấy chưa? đúng là đồ mất dạy, đi mà không thèm chào hỏi gì bố hết.

- Anh dữ dần la lối như vậy làm sao chúng nó dám nói gì với anh.

Ông Nam như lửa bị chế thêm dầu, cứ thế bùng lên.

- Em định nói giáo cho giặc, dung túng con hỗn láo với bố phải không? Hiền uất đến trào máu.

- Nếu anh tiếp tục nói năng như vậy, em cũng không thể nói chuyện với anh được nữa, đừng nói gì các con. Nói xong, Hiền bước đi thật nhanh về phía lấy hành lý để chấm dứt cuộc cãi vã, mà Hiền không bao giờ ngờ có thể xảy ra ở giây phút đầu hội ngộ sau 10 năm xa cách. Biết vợ giận, ông Nam hơi hối hận. Ông tự trách mình nóng nảy quá nên nói những lời nặng nề. Có thể bao nhiêu năm chịu đựng tù tội bất công đã làm con người ông thay đổi, dễ nóng giận và nói những lời cay đắng. Có một dạo, ông giật mình thấy cứ mờ mèm ra là ông chửi thề. Chửi thề cuộc đời, chửi thề số kiếp. Nhìn đám valise chạy lòng vòng cái nọ nối đuôi cái kia, Hiền bắt buộc phải lên tiếng với chồng.

- Cái nào của anh nhớ chỉ trước em lấy mới kíp, không thôi nó lại chạy nguyên cả vòng nữa chờ lâu lắm đó.

Giọng ông Nam buồn như tiếng thở dài

- Cái valise nào cũ nhất, xưa nhất, là của anh đó. Em gửi tiền dặn anh mua valise mới nhưng anh muốn mang theo cái valise kỷ niệm ngày cưới mình mua để đi trăng mật ở Đà Lạt. Anh quý cái valise đó vô cùng.

Câu nói của ông Nam làm Hiền quên hết giận hờn, nàng nhìn chồng xót xa

- Vợ chồng mình thương nhau như vậy mà sao anh cứ nói những lời làm buồn lòng nhau. Thôi mình bỏ qua đi nhé. Phải vui mừng vì được đoàn tụ chứ.

Hai đứa nhỏ đang ngồi trong xe thấy bố mẹ đi tới, vội vàng mở cửa xe bước ra ngoài. Ông Nam vẫy hai con lại:

- Bố xin lỗi, hồi nãy bố nóng quá. Tại bố không quen cái mốt lạ lùng của xứ Mỹ nên la tụi con. Lại đây cho bố hôn mỗi đứa một cái.

Hai chị em ngạc nhiên về thái độ thay đổi nhanh chóng của bố nhưng chúng cũng ngoan ngoãn chạy lại ôm ông Nam. Thăng Việt vui vẻ

- Con coi hình, hồi xưa bố mập và cao lớn lắm, sao bây giờ bố ốm nhom và nhỏ xíu.

Hiền cười - Ngày xưa bố đẹp trai như Việt vậy đó, chỉ khác là tóc bố không dựng đứng giống Việt bây giờ thôi.

Ông Nam cũng cười nhưng giọng nói thật buồn:

- Ở tù, ăn uống đói khát, bị hành hạ tinh thần lẫn thể xác lại thêm nỗi buồn nhớ vợ, nhớ con. Bố còn sống được là may lắm đó các con ơi!

Bữa cơm đoàn tụ mọi người ăn uống thật vui vẻ. Chưa bao giờ ông Nam ăn ngon miệng như vậy. Ông ngồi cho một chân lên ghế, gấp thức ăn để vào bát rồi và lùa vào mồm, nhai ngồm ngoàm một cách thú vị. Trẻ con vừa ăn lại vừa liếc nhìn ông bố với đôi mắt tò mò pha lẫn ngạc nhiên. Hiền ngồi nhìn chồng, nhìn con lo lắng, chỉ sợ chúng lại phê bình cách ăn uống của Nam làm ông bố lại nổi giận. Cũng may bữa cơm trôi qua một cách yên lành. Cơm nước xong. Ông Nam đem bịch kẹo chuối ông mua từ Việt Nam chia cho các con ăn tráng miệng. Đứa nào cũng lắc đầu quày quẩy. Ông Nam ép mãi, con Thơ mới nói:

- Bố ơi! đồ ăn ở Việt Nam họ làm không hợp vệ sinh và pha chế nhiều chất hoá học độc, ăn bịnh chết đó.

Ông Nam bực mình:

- Tao ăn hoài có chết đâu. Tụi bây qua Mỹ, ăn đồ Mỹ quen rồi, bây giờ bày đặt chê đồ Việt Nam, đúng là vọng ngoại.

Con Thơ bị bố mắng linh đĩ mất. Thằng Việt mắt trước mắt sau cũng bỏ đi luôn. Cả hai đứa chui vào phòng riêng của chúng đóng cửa thật chặt. Hiền chỉ biết ngao ngán thờ dài. Hai vợ chồng ngồi uống trà với nhau, ông Nam đẩy gói kẹo chuối về phía Hiền.

- Sao ? em có dám ăn món quà quê hương của anh không hay cũng sợ giống mấy đứa lai Mỹ.

Hiền rất khó chịu vì cái lối nói mỉa mai của chồng, nhưng nàng cố nhịn vì biết ông Nam mang đầy mặc cảm nên dễ nóng giận. Nàng chỉ nhỏ nhẹ:

- Anh biết tại sao trẻ con nó sợ không ? Vì mỗi ngày trên Internet và báo chí họ đều nói về những vụ làm ăn ẩu tả ở Việt Nam. Phần lớn thức ăn đều không hợp vệ sinh và có pha chế nhiều chất hoá học có hại cho sức khoẻ

- Ôi dào, hại mới chả không hại, dễ thường bao nhiêu người ở Việt Nam người ta chết hết hay sao.

Biết là cãi thêm nữa thế nào cũng thành to chuyện, Hiền vội đổi đề tài

- Anh có muốn coi Tivi không? ở đây cũng có đài Việt Nam hay lắm. Coi một tí cho tiêu cơm rồi đi tắm cho khoẻ.

Buổi tối vào giường ngủ, ông Nam rụt rè nằm xuống bên cạnh vợ. Ông thấy rõ sự cách biệt giữa hai vợ chồng. Vợ ông trông còn rất trẻ trung nuột nà, ông thì quá già nua cằn cỗi. Lúc ở Việt Nam ông luôn luôn phẩn

khởi khi nghĩ đến lúc được nằm gần người vợ yêu quý. Ông vẫn tưởng tượng ông sẽ ôm ngấu nghiến lấy vợ, hôn hít cho thoả nỗi nhớ mong. Không ngờ cái hành động ông vẫn mơ ước đó và tưởng là sẽ làm một cách thật hồ hởi dễ dàng thì bây giờ đối với ông lại quá khó khăn. Ông muốn dơ cánh tay lên ôm quàng lấy thân thể vợ mà sao cánh tay ông như làm bằng sắt, nó nặng nề quá không sao nhấc lên nổi. Ông muốn cất tiếng nói, thổ lộ bao nhiêu nỗi nhớ mong mà sao đôi môi ông không mở ra được. Những lời muốn nói không sao thốt ra, chỉ có nỗi tủi hờn cứ dâng trào lên để cuối cùng thoát ra ngoài bằng một tiếng thở dài. Ông ao ước vợ ông sẽ ôm choàng lấy ông để hỏi han an ủi nhưng Hiền vẫn nằm yên lặng như một pho tượng chỉ có tiếng thở đều hoà của nàng đáp lại nỗi chao động trong lòng ông. Hình như nàng đã ngủ. Ông Nam chua chát nghĩ thầm. Niềm vui hội ngộ sau 10 năm xa cách là thế này sao?

Thật ra Hiền chưa ngủ, nàng đang ở trong tình trạng thật bối rối. Thời gian dài xa nhau và những thay đổi từ thể xác đến tâm hồn của ông Nam đã là một tảng nước đá làm hàng rào ngăn cách hai người. Hiền muốn làm cử chỉ quán quít chồng nhưng nàng không sao đóng kịch được, lòng nàng lạnh tanh thì làm sao mà âu yếm được cơ chứ. Phải chi ông Nam tỏ ra muốn gần gũi nàng thì còn có cơ để khuyến khích nàng cố gắng đáp ứng. Đằng này ông chỉ nằm đó vắt tay lên trán yên lặng thở dài tỏ vẻ chán nản. Ai làm gì mà chán nản cơ chứ, nàng ngao ngán nghĩ thầm. Xa nhau 10 năm trời, nàng cố gắng làm lụng vất vả để nuôi dạy các con. Cố gắng quên đi nỗi khao khát của người đàn bà trẻ, để giữ lòng chung thủy với chồng. Ngày đoàn tụ, không một lời nói cho mát lòng nhau, chỉ thấy toàn mĩa mai cay đắng. Chịu đựng không khí căng thẳng thêm một hồi lâu, cuối cùng Hiền trở mình quay lưng lại phía chồng cố dỗ giấc ngủ.

Nằm mãi Hiền cũng không ngủ được, tự nhiên nàng chợt nhớ đến câu thơ trong truyện Kiều “Chưa vui xum họp đã sầu chia ly”. Chẳng lẽ vợ chồng Hiền cũng giống như trường hợp đó sao. Không thể nào, Hiền tự nhủ lòng mình, mình sẽ phải cố gắng giúp chồng thích ứng với đời sống bên Mỹ. Nam đã chịu cực khổ quá nhiều, bao nhiêu năm tù tội đã làm tâm tính chàng thay đổi. Nam đã mất tất cả, tuổi trẻ, sức khỏe, danh vọng, tiền bạc và cả quê hương nữa. Bây giờ chàng chỉ còn lại Hiền và hai đứa con. Nàng không thể nào để cho gia đình đổ vỡ, để Nam cô đơn buồn tủi. Hiền quay lại nhẹ nhàng kéo tay chồng xuống, gối đầu lên cánh tay chàng. Ông Nam vừa ngạc nhiên vừa sung sướng, ông vòng tay ôm choàng lấy vợ, ông nói mà nước mắt ứa ra, con người anh tàn tạ quá rồi, thân thể già nua, tâm hồn cạn cỗi, chỉ có trái tim là không bao giờ thay đổi vì lúc nào nó cũng mãi mãi yêu em.

Hồng Thủy

NHỚ MÙA HOA PHƯỢNG



*Mùa hoa phượng trở đỏ sân trường
Ngắm cánh phượng bay chợt vấn vương
Ve khóc biệt ly hồn thổn thức
Hè về xa vắng bóng người thương*

*Từ lúc đổi thay màu núi sông
Gió chiều hiu hắt thổi phượng đông
Người đi ấp ủ niềm tâm sự
Có nhớ cô em nhạt má hồng*

*Đất khách ly hương ngắm phượng rơi
Tâm hồn xao xuyến chẳng nên lời
Thuở nào hai đứa chung tình sử
Nhật ký sang trang cách biệt đời*

*Hôm nay mưa gió lạnh hồn thơ
Thêu dệt đôi vãn ước mộng mơ
Ánh mắt phai mờ chờ hạnh phúc
Hồng trần đôi lúc chợt hoang sơ*

ĐT Minh Giang



FRANCISCO GOYA

(1746 - 1828)

Nhà Danh Họa chuyên vẽ Bạo Hành và Tội Ác

**** Phạm Văn Tuấn ****



Trong cuộc đời cầm cọ, Francisco Goya đã khai thác các chiều sâu của nỗi sợ hãi, cơn giận dữ, các cảnh bất công và bạo hành đối với con người. Lòng say mê diễn tả thú tính của con người qua các bức vẽ, qua các nét phác thảo... đã khiến cho nhà Danh Họa Goya được mô tả vừa là một thiên tài, vừa là một kẻ điên. Nhưng, tất cả các họa phẩm của Francisco Goya đã là những ghi chép của Lịch Sử, vừa mạnh mẽ, vừa trường tồn.

1/ Thời niên thiếu và học nghề Hội Họa.

Francisco José de Goya y Lucientes chào đời vào ngày 30/3/1746 trong làng Fuendetodos, cách thị xã Zaragoza 30 dặm và thuộc tỉnh Aragon, nước Tây Ban Nha. Francisco là người con thứ tư của ông Jose Goya và bà Engracia Lucientes. Ông bố Jose là một thợ thủ công, chuyên làm các kỷ vật giá trị bằng các lá vàng mỏng còn bà mẹ Engracia thuộc về một gia đình có đất đai tại Fuendetodos nên được tạm coi là quý tộc cấp thấp. Fuendetodos là một vùng đất cằn cỗi, nên gia đình Goya đã dọn nhà tới thị xã Zaragoza, thời đó Francisco lên 4 tuổi.

Vào thập niên 1750, Francisco theo học trường tôn giáo Escuelas Pias de San Anton trong thị xã Zaragoza, đã học tiếng La Tinh giống như các trẻ em cùng thời. Chính trong thời kỳ này, Francisco kết bạn với Martin Zapater và nhờ các bức thư trao đổi giữa Zapater và Goya mà người đời sau mới hiểu rõ về con người của Họa Sĩ này, về các lý do tại sao Họa Sĩ Goya nhận lãnh chức vụ trong triều đình Tây Ban Nha cùng những thất vọng của ông trước các cảnh bạo hành mà Họa Sĩ là một nhân chứng.

Năm lên 13 hay 14 tuổi, Francisco Goya theo học bốn năm hội họa tại xưởng vẽ của ông José Luzan y Martinez. Tại nơi này, các học sinh học nghề thủ công, tập vẽ bắt chước những họa phẩm của các bậc thầy. Francisco cũng theo học một nghệ sĩ khác là nhà điêu khắc Juan Famirez về phương pháp đổ khuôn và tạc tượng.

Vào thế kỷ 18, trong số các nghề thủ công, bộ môn Hội Họa đã vượt lên hạng trên, ngang hàng với Âm Nhạc và Văn Chương bởi vì họa phẩm là sản phẩm của các tài năng thiên phú. Tại thị xã Zaragoza, Francisco Goya còn gặp gỡ một họa sĩ trẻ là ông Francisco Bayeu. Ông Bayeu này cũng học Hội Họa tại Zaragoza, ngoài ra còn tới thành phố Madrid để theo học các họa sư người Ý do Vua Charles III mang về từ vương quốc Naples, với các kiểu mẫu hội họa mới, linh động hơn.

Vào năm 1763, họa sĩ Francisco Bayeu và người em Ramon mở ra một phòng vẽ tranh, làm quen với giới nghệ sĩ của thành phố Madrid và là bạn của họa sĩ cung đình Anton Raphael Mengs. Ông Mengs nhận được lương bổng của triều đình Tây Ban Nha và được phong là Họa Sĩ của Nhà Vua vào năm 1786.

Francisco Goya khi tới tuổi 17, đã theo học anh em ông Bayeu và là người thợ phụ trong xưởng vẽ. Vào thời đó, Hàn Lâm Viện Hoàng Gia tại San Fernando mỗi ba năm đều tổ chức một cuộc thi học bổng hội họa. Goya đã tham dự hai lần vào các năm 1763 và 1766 nhưng đều gặp thất bại. Không nản lòng, Goya qua thành phố Rome vào cuối thập niên 1760 để học hỏi thêm. Nhờ thời gian du học này, Francisco Goya đã nhìn thấy kho tàng nghệ thuật của nước Ý.

Tới tháng 4 năm 1771, Francisco Goya nộp tranh vào kỳ thi hội họa tổ chức do Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật Hoàng Gia tại Parma và đoạt giải nhì. Sau lần thành công này, Goya trở về thị xã Zaragoza vào tháng 6 năm đó, và khi ở lứa tuổi 25, đã nhận đơn đặt hàng đầu tiên là vẽ bức tranh tường (fresco) có tên là "Tôn Sùng Thượng Đế" (The Adoration of the Name of God) bên trong Giáo Đường Santa Maria del Pilar. Họa sĩ Goya được trả công 15,000 đồng reales, một số tiền tương đương với 18 tháng lương của một viên chức cùng thời. Bức tranh tường đã làm cho Francisco Goya nổi tiếng và vào năm 1773, Goya đã kiếm được nhiều tiền hơn ông thầy Luzan. Chàng họa sĩ Goya cưới cô nàng Josefa Bayeu vào ngày 25-7-1773 và cư ngụ tại đường Noah's Ark.

Francisco Goya được họa sĩ Anton Mengs mời tới Madrid vào mùa đông năm 1774, để làm việc tại xưởng dệt thảm hoàng gia, nơi có các người thợ Flemish danh tiếng làm ra sản phẩm từ các bức họa của ông Mengs. Do là một người ham săn bắn, Vua Charles III đã đặt xưởng dệt làm 9 tấm thảm mô tả cảnh đi săn để treo trong phòng ăn của Lâu Đài Escorial, tọa lạc tại phía bắc của thành phố Madrid. Goya vì vậy đã sáng tác 9 bức vẽ trong đó có đủ các thú vật như chó săn, lợn rừng, chim muông..., 5 bức vẽ xong vào ngày 24/5/1775, 4 bức còn lại vào ngày

30/8. Tới tháng 7 năm 1776, họa sĩ Mengs đã thu xếp cho Francisco Goya được trả lương năm là 8,000 đồng reales.



Vào ngày 29/6/1779, họa sĩ Mengs qua đời. Francisco Goya nộp đơn xin làm họa sĩ cung đình nhưng gặp thất bại trước họa sĩ Mariano Salvador Maella, rồi nhờ họa phẩm "**Chúa Ki-Tô trên Cây Thánh Giá**" (Christ on the Cross), Goya được chấp thuận vào Hàn Lâm Viện Hoàng Gia San Fernando, là một Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật quan trọng bậc nhất của xứ Tây Ban Nha. Một tháng sau, Hàn Lâm Viện kể trên lại nhận một nhà văn kiêm luật sư tên là Gaspar Melchor de Jovellanos. Ông Jovellanos là người đã được Vua Charles III chọn làm Quan tòa hoàng gia (Royal magistrate), là một nhân vật tiến bộ, đã đặt nền móng kinh tế và chính trị mới, tìm cách

hủy bỏ chế độ phong kiến tại Tây Ban Nha, theo đuổi Phong Trào Khai Sáng (The Enlightenment) của thời đại Lý Trí (the Age of Reason) chủ trương do các nhà tư tưởng hàng đầu của thế kỷ 18 như Voltaire, Diderot, J.J. Rousseau ...

Do cùng ở trong Hàn Lâm Viện San Fernando, Francisco Goya đã chịu ảnh hưởng của ông Jovellanos và được ông này giới thiệu vẽ nhiều tác phẩm trả thù lao cao tại thành phố Salamanca nhưng các họa phẩm này bị phá hủy khi quân đội Pháp xâm lăng Tây Ban Nha. Về sau vào năm 1798, Francisco Goya vẽ chân dung của ông Jovellanos, một tác phẩm biểu lộ lối bút pháp trưởng thành.

Francisco Goya đã sáng tác rất phong phú trong thập niên 1780. Các chân dung của ông đã ra khỏi truyền thống diễn tả cũ, với đề tài có vẻ như bị lạc lõng trong một thế giới xa lạ và trống rỗng. Theo nhà sử học về nghệ thuật Fred Licht, các chân dung này mô tả bản chất cô đơn của đời người trong một thế giới thay đổi nhanh chóng. Nhà danh họa Goya cũng vẽ một nhóm người, chẳng hạn như hai họa phẩm "Gia đình của Don Luis" (1784) và "Gia đình của Bá Tước Osuna" (1788).

Vào năm 1781, Vua Charles III tổ chức một kỳ thi để chọn ra 7 họa sĩ có tài, dùng vào việc trang trí Nhà Thờ San Francisco del Grande của thành phố Madrid. Francisco Goya dĩ nhiên được chọn lựa và được coi là người đứng đầu, lo việc vẽ bức tranh lớn nhất và quan trọng nhất của khu thờ chính. Họa sĩ Goya còn được giới thiệu vẽ chân dung gia đình

của người em nhà vua là Don Luis de Borbon và họa phẩm của Goya được đánh giá rất cao, tới độ người vợ của họa sĩ được trao tặng một chiếc mũ bằng vàng và bạc, trị giá tới 30,000 đồng reales. Điều không may cho họa sĩ Goya là Hoàng Thân Don Luis sớm qua đời, khiến cho mối liên lạc hoàng gia này đã bị chấm dứt.

Francisco Goya có một đứa con trai vào năm 1784, đặt tên là Francisco Javier Pedro. Đây là người con duy nhất sống còn tới tuổi trưởng thành và bức họa mà họa sĩ Goya vẽ cậu Javier khi 19 tuổi được coi là một trong các bức danh họa mô tả thời thanh niên.

Danh tiếng của Francisco Goya vẫn gia tăng. Họa sĩ được chọn làm phụ tá giám đốc về Hội Họa tại Hàn Lâm Viện Hoàng Gia San Fernando vào năm 1785 rồi vào tháng 6 năm sau, trở thành họa sĩ cung đình với người anh vợ tên là Ramon Bayeu, lãnh lương năm là 15,000 đồng reales. Trong thời gian này, Goya làm quen được với ông bà Bá Tước Osuna. Bà Bá Tước Osuna được mọi người coi là "phụ nữ đặc sắc nhất của thành phố Madrid", bà ta cũng là người ham cưỡi ngựa, mê coi đấu bò rừng, thích làm bạn với các nhà văn, các nghệ sĩ, các diễn viên...

Họa sĩ Goya được ông bà Bá Tước coi trọng, thường được mời tới lâu đài tại miền quê tên là La Alameda và chính tại nơi đây, Francisco Goya đã sáng tác vài họa phẩm đặc sắc. Thế nhưng, bà Bá Tước Osuna cũng là đối thủ của một phụ nữ đẹp là bà Bá Tước Alba, một người đã ảnh hưởng vào cuộc đời và nghệ thuật của họa sĩ Goya.

Ngày 14/12/1788, Vua Charles III qua đời. Các sử gia Tây Ban Nha đều công nhận rằng đây là nhà vua vĩ đại bậc nhất của nước này trong khi Vua Ferdinand VII bị coi là con người tệ hại nhất. Lên nối ngôi là Vua Charles IV. Vào ngày 25/4/1789, Francisco Goya được thăng cấp thành họa sĩ của nhà vua.

2/ Họa sĩ Cung Đình

Trong hai thập niên 1780 và 1790, Francisco Goya đã vẽ rất nhiều chân dung cho hoàng gia, cho các nhà quý tộc, các nhân viên cao cấp, các nhà giàu của nước Tây Ban Nha. Nhà danh họa phải làm việc mỗi ngày 10 giờ và chuyện còn kể rằng vào ban đêm lúc vẽ trong phòng, ông Goya đã phải đội một chiếc mũ lớn trên đó có gắn nhiều ngọn nến. Do làm việc nhiều, Francisco Goya mua được một căn nhà và sắm được một chiếc xe ngựa hai bánh, đây là thứ đắt tiền, sang trọng và hiếm thấy của thành phố Madrid. Nhà danh họa cũng hưởng thụ một cuộc sống vật chất đầy đủ, với âm nhạc, với các loại thực phẩm đắt tiền.

Công việc vẽ chân dung cho các nhân vật thuộc vương triều Tây Ban Nha thực ra chỉ bắt đầu vào năm 1783 khi Francisco Goya nhận lệ phí để vẽ một chân dung toàn thân của Bá Tước Floridablanca, tên thực là Jose Monino y Redondo. Đây là nhân vật quan trọng nhất trong triều đình Tây Ban Nha, một người có cảm tình với Phong Trào Khai Sáng (the Enlightenment), với các đạo luật cấp tiến về kinh tế và xã hội được thi hành dưới thời Vua Charles III.



Bá Tước Floridablanca đã vừa lòng về tác phẩm chân dung của mình, nên đặt Francisco Goya vẽ thêm 6 tấm tranh cho ngân hàng San Carlos mà ông mới sáng lập. Trong hai năm 1785-86, nhà danh họa Goya cũng vẽ các bức "Chân dung của Nữ Bá Tước Benavente" và "Chân dung của Hầu Tước Pontejos". Các họa phẩm này có màu sắc rất rực rỡ, diễn tả rõ ràng thứ chất liệu của y phục đề tài. Nữ Bá Tước Benavente cũng là bà Bá Tước Osuna và bức chân dung của bà này đã ảnh hưởng tới một

trong các họa sĩ danh tiếng người Pháp của thế kỷ 19, đó là ông Edouard Manet, thuộc trường phái Hội Họa Mới. Các họa sĩ Pháp thời đó đã gọi Manet là "người Tây Ban Nha của thành phố Paris".

Từ năm 1794, Francisco Goya quay sang tìm hứng khởi và sự trợ giúp của một người đàn bà đẹp nhất thời đó: bà **Bá Tước Alba**. Nữ Bá Tước tóc đen này, sinh năm 1762, đã thừa hưởng danh hiệu quý tộc, một tài sản lớn và kết hôn ở lứa tuổi 13 với một nhà quý tộc cao cấp là Hầu Tước miền Villafranca. Bà Bá Tước Alba nổi danh về sắc đẹp tới độ khi bà ta đi qua đường, các trẻ em đã ngừng chơi đùa để ngắm nhìn diện mạo và dáng vẻ của bà. Ngoài vẻ đẹp, bà Alba còn là một phụ nữ hay thay đổi tính tình và cứng đầu, bà tin rằng các người đàn ông thường thèm muốn bà và vẻ đẹp của bà là mẫu mực của các phụ nữ khác. Bà Alba lại coi thường lối sống quy ước, ưa thích ăn mặc giống như lớp người "maja" thuộc giai tầng thấp của xã hội.



Vào một ngày trong năm 1794, bà Bá Tước Alba, khi đó 32 tuổi, đã tới phòng tranh của Francisco Goya để nhờ nhà danh họa 50 tuổi này vẽ một bức chân dung toàn thân: áo lụa trắng, tóc dài đen, vòng đeo cổ màu

đỏ... với con chó con màu trắng nằm dưới chân, toàn cảnh trong sự nhịp nhàng về màu sắc. Vào mùa hè năm 1895, Francisco Goya thường lui tới lâu đài của bà Alba để vẽ các chân dung cho gia đình này trong khi đó, bà Bá Tước này còn tìm cách gây cảm tình với nhà đấu bò danh tiếng Pedro Romero, ưa thích gây bất hòa với nữ Bá Tước Osuna và Hoàng Hậu Maria Luisa. Kết quả của mối tị hiềm là bà Bá Tước Alba bị Hoàng Hậu cấm lui tới triều đình.

Khi người chồng qua đời vào năm 1796, bà Alba trở về miền đất sở hữu tại Sanlucar de Barrameda, gần thành phố Cadiz và sau đó, nhà danh họa Goya cũng lui tới nơi này. Hai người từ nay là hai tình nhân và Francisco Goya đã vẽ người đàn bà này mặc bộ áo lụa đen, với cánh tay trái đeo hai cái vòng, một chiếc ghi chữ "Alba" còn chiếc kia ghi tên "Goya". Trong tấm tranh, bàn tay phải của đề tài lại chỉ xuống mặt đất, có vạch giòng chữ "Chỉ có Goya" (Solo Goya). Người ta tin rằng chính vào thời gian này, Francisco Goya đã vẽ bức họa "**Maja khỏa thân**" (The Naked Maja) với thân hình là của bà Bá Tước Alba còn bộ mặt được thay thế bằng diện mạo của người đàn bà khác. Sự liên hệ giữa nhà danh họa và bà Bá Tước không kéo dài được lâu vì Francisco Goya rời khỏi Sanlucar vào năm 1797 rồi 5 năm sau, bà Bá Tước Alba qua đời ở lứa tuổi 40.



Vào ngày 31/10/1799, Francisco Goya được Thủ Tướng Mariano Luis de Urquijo chấp nhận là Họa Sĩ bậc nhất của cung đình với lương năm là 50,000 đồng reales, rồi tới đầu năm 1800, được mời vẽ cho gia đình Vua Charles IV. Đây là một trong các vị vua bất tài của nước Tây Ban Nha và con trai của nhà vua này là Ferdinand VII về sau trở thành con người tệ hại nhất trong lịch sử của xứ Tây Ban Nha.

3/ Tâm tư của Nhà Danh Họa Goya

Qua đầu thế kỷ 19, Francisco Goya là nhà danh họa bậc nhất được khen ngợi, với danh vọng và tài sản được bảo đảm. Ông thường giao du

với nhiều nhân vật uy tín nhưng trong hoàn cảnh sinh sống tốt đẹp này, nhà danh họa đã mắc bệnh tâm thần.

Từ năm 1792, họa sĩ Goya cảm thấy bị mất thăng bằng, khó khăn khi lắng nghe, mắt kém, nói năng mê sảng. Tình trạng bệnh hoạn này đã biểu lộ qua một loạt bản khắc họa (etchings) có tên là "Los Caprichos". Francisco Goya đi tìm thứ thế giới nội tâm rồi các tư tưởng và cảm giác cá nhân được bộc lộ ra bằng những sáng tác nghệ thuật và những thứ này không phải do các đơn đặt hàng. Trí tưởng tượng của nhà danh họa đã thể hiện ra bằng một loạt công trình sáng tạo riêng tư vừa mang tính bí ẩn, vừa mô tả sự ghê rợn, đó là loại "Họa Phẩm Màu Đen" (Black Paintings).

Khởi đầu, Francisco Goya vẽ 11 bức tranh nhỏ mà nhà danh họa gọi là "Tranh Lạc Hướng" (Diversiones Nacionales) và gửi sáng tác cho ông Bernado de Iriate, một nhà văn giữ chức vụ Phó Giám Đốc của Hàn Lâm Viện San Fernando. Đề tài của những bức họa này là cảnh đấu bò rừng, cảnh đấm tầu, cảnh người bán hàng rong, cảnh nhà thương điên...

Họa sĩ Goya bắt đầu nhìn thấy một thứ thế giới đồi bại, trong đó con người bị đối xử xấu xa hơn con vật. Đây là thứ "thế giới đen" và trong mọi bóng tối của nơi này đều chứa đựng các điều ác. Hai bức họa "**Nhà của kẻ điên**" (Madhouse) và "Sân chứa người khùng" (Courtyard with Lunatics) là cách mô tả theo hiện thực các diện đen tối của đời sống. Francisco Goya tiếp tục khai thác "tính chất điên dại" của con người, với bộ mặt bị vẽ méo xẹo đi, với cảnh người điên treo cánh tay, treo đầu vào các thanh sắt của phòng giam. Nhà danh họa còn vẽ các kẻ nghiện rượu, các gái điếm, bộc lộ cảm tưởng đối với mọi khía cạnh bất thường của cuộc sống xã hội.



Khi Francisco Goya trở về Madrid vào năm 1797, ông đã đi tìm mua các đĩa lớn bằng đồng và các dụng cụ khắc nét rồi bằng phương tiện này, nhà danh họa đã mô tả theo trí tưởng tượng. Vào ngày 6/2/1799, người ta thấy xuất hiện trên tờ báo Diario de Madrid lời rao bán một loạt 80 bức vẽ khắc nét bởi Francisco Goya với giá 4 đồng reales một đĩa. Ông bà Bá Tước Osuna là người đầu tiên mua loại bản vẽ này. Thế nhưng, nhà danh họa Goya phải ngưng loại sáng tác này bởi vì loại tranh Los Caprichos đã chế giễu sự tham nhũng của giới tu sĩ, chỉ trích tính ngu xuẩn của giới quý tộc Tây Ban Nha, đã phản kháng loại thuế bất công làm cho giới lao động nghèo khó.



Đề tài của các bản vẽ “mới” là sự ngu xuẩn và nhảm lẫn của xã hội, tính ích kỷ và dối trá của con người, lòng cuồng tín tôn giáo và loại tòa án tôn giáo áp chế... Hơn nữa, loại tranh Los Caprichos còn phản ánh các tư tưởng của Phong Trào Khai Sáng Tây Ban Nha, chẳng hạn bức vẽ “**Caprichos số 43**” đã mô tả một nghệ sĩ hay một nhà văn đang gục đầu ngủ, phía trên là các con cú, các con dơi. . . , đây là những con vật của cơn ác mộng.

Vào thế kỷ 18, con cú không tượng trưng cho sự khôn ngoan như theo ý nghĩa của thời nay, mà là hình ảnh của sự ngu đần và điên khùng. Nhà danh họa Goya muốn nói ra rằng một xã hội sẽ không thể có được lý trí (reason) nếu đặt căn bản trên các điều mê tín của tôn giáo và trên tập quán mù quáng của giới quý tộc. Ngoài ra còn có các bản vẽ số 39, số 42, số 49, số 79... vẽ con lừa, vẽ loại quý mặc áo thầy tu...

Francisco Goya đã bị ảnh hưởng của ông Jovellanos, một nhà trí thức thường công kích hệ thống thuế vụ, chỉ trích đời sống quý tộc và chế riếu các bà mệnh phụ ưa thích kết hôn vì địa vị hơn là vì tình yêu.

Các bản vẽ khắc nét Los Caprichos đã được vị Đại Sứ Pháp tại Tây Ban Nha chú ý, đó là ông Ferdinand Guillemardet. Ông Đại Sứ này đã mua một số bản vẽ và mang về Pháp. Người con đỡ đầu của ông là Eugène Delacroix, một họa sĩ danh tiếng của Phong Trào Lãng Mạn. Delacroix đã phải cảm phục Goya về cách diễn tả ánh sáng và bóng tối, và thiên tài của Goya bộc lộ qua cách bố cục mới lạ. Các bản vẽ Los Caprichos đã tránh né các chi tiết dư thừa, đề tài được đặt rải rác khiến cho con mắt của người ngắm tranh phải tập trung vào bi kịch trung tâm. Cách mô tả cơn ác mộng trong các bản vẽ này còn gây ảnh hưởng tới

nhà thơ người Pháp Charles Baudelaire, một thi hào hàng đầu của thế kỷ 19.

Trong các năm từ 1815 tới 1824, Francisco Goya đã cho ra đời một loạt bản vẽ khắc nhỏ hơn với tên là "Disparates" (Điên Rồ) và loạt thứ hai "Tauromaquia" mô tả cảnh đấu bò rừng. Nhưng loạt tác phẩm hội họa danh tiếng nhất của Francisco Goya là bộ tranh "Tai họa của Chiến Tranh" (Disasters of War) với 85 bức vẽ mô tả cuộc chiến tranh đẫm máu của người dân Tây Ban Nha khi quân đội Pháp của Napoléon xâm lăng xứ sở này.

Vào năm 1807, người dân Tây Ban Nha chán nản trước cảnh tham nhũng của triều đình Vua Charles IV, đồng thời Hoàng Tử Ferdinand VII cũng muốn tranh giành ngôi báu. Lợi dụng sự chia rẽ trong vương triều và lòng bất mãn của dân chúng, quân đội Pháp đã tràn vào xứ Tây Ban Nha, chiếm đóng thành phố Madrid và Trận Chiến Tranh Bán Đảo (the Peninsular War) bắt đầu vào ngày 2/5/1808.

Ngày 6/6/1808, Hoàng Đế Napoléon Bonaparte phong cho người anh là Joseph làm Vua xứ Tây Ban Nha. Dân chúng Tây Ban Nha đã bất phục, nổi lên chống lại quân đội Pháp bằng những toán quân du kích, với số lượng 30,000 toán hoạt động rải rác trên toàn lãnh thổ Tây Ban Nha.



Tới tháng 8/1808, do lòng can đảm của người dân địa phương, quân đội Pháp đã bị đẩy lui khỏi thành phố Zaragoza và Tướng Jose de Palafox đã mời nhà danh họa Goya tới viếng thăm thành phố này để ghi chép các vinh quang của người dân. Khi quay trở lại, quân đội Pháp đã trả thù. Thành phố

Zaragoza bị phá hủy vào ngày 21/2/1809, hàng ngàn người bị giết chết. Các bản vẽ số 36-39 của nhà danh họa Goya đã mô tả nhiều cảnh tàn nhẫn. Xác người treo trên cây trong khi binh lính Pháp đứng nhìn. Có nhiều cảnh vẽ binh lính Pháp tàn sát dân chúng, cảnh đàn bà trẻ em chống cự quân xâm lăng. Bức "**Tai Họa số 5**" có phụ đề là "họ giống như các con thú dữ", vẽ cảnh một phụ nữ một tay bế con thơ, một tay cầm ngọn giáo đâm vào bụng của một binh lính Pháp.

Tuy nhiên vào năm 1810, Francisco Goya được tòa thị chính Madrid đặt vẽ chân dung của Vua Joseph Napoléon. Người ta đã nghi ngờ lòng ái quốc của nhà danh họa Goya. Thực ra, Francisco Goya có cảm tình với Phong Trào Khai Sáng và vài người bạn của ông, như các ông Moratin và Valdes đã làm việc cho triều đình của Vua Joseph. Nhà vua người Pháp này khi cai trị xứ sở Tây Ban Nha, đã ra các đạo luật hủy bỏ loại tòa án tôn giáo (the Inquisition), triệt hạ hai phần ba các tu viện và tước quyền của hai giới quý tộc và tu sĩ. Cho nên phải nói một cách công bằng rằng nhà danh họa Goya đã ủng hộ các tư tưởng "xây dựng mới" của chính quyền Pháp đồng thời cũng lên án "sự tàn ác" của người Pháp xâm lăng. Một câu chuyện kể lại rằng có người hỏi nhà danh họa tại sao vẽ các cảnh man rợ mà con người phạm phải, thì Francisco Goya trả lời: "để nói cho mọi người đừng bao giờ hành động man rợ".

Vào năm 1813, người dân Tây Ban Nha vùng dậy do sự giúp đỡ của quân đội Anh chỉ huy bởi Hầu Tước Wellington, Vua Joseph Napoléon phải chạy khỏi thành phố Madrid và Ferdinand VII lên ngai vàng. Sau khi chiếm quyền, nhà vua này đã hủy bỏ mọi cải cách, phục hồi quyền lực của nhà thờ Cơ Đốc, đặt ra tòa án tôn giáo. Người dân Tây Ban Nha lại chịu cảnh đàn áp mới. Các người có cảm tình với người Pháp khi trước, như hai ông Moratin và Valdes, phải bỏ xứ ra đi, nhiều người khác bị bắt giam. Nhà danh họa Goya phải vẽ ra vài tác phẩm mang tính ái quốc để làm vữa lòng triều đình Ferdinand VII.

Từ ngày 8 tháng 3 năm 1814, Francisco Goya vẽ họa phẩm "Ngày 2 tháng 5" (The Second of May) mô tả "Cuộc nổi dậy tại Puerta del Sol" và họa phẩm "Ngày 3 tháng 5" (The Third of May) trình bày "Cuộc hành hình các người Madrilenos".

Trước kia vào năm 1808, khi quân đội Pháp chiếm đóng thành phố Madrid và bắt giam Vua Tây Ban Nha, người dân Madrid được gọi tên là "Madrilenos" đã không có phản ứng, nhưng tới ngày 2 tháng 5, khi binh lính Pháp đi bắt thêm các gia đình hoàng gia thì trên đường phố Madrid, đặc biệt tại Công Trường Puerta del Sol, người dân Tây Ban Nha đã chống cự. Từ các bao lơn, từ các cửa sổ, trên các nóc nhà... dân chúng đã ném gạch đá vào quân đội Pháp. Vua Joseph Napoléon đã dùng đoàn quân Mamluks gốc Ai Cập, tàn sát người dân thành phố Madrid. Các người dân bị nghi ngờ tham gia vào cuộc nổi loạn này bị đưa đi xử bắn trên ngọn đồi Principe Pio, bên ngoài thành phố.

Trong họa phẩm "Ngày 2 tháng 5", Francisco Goya đã vẽ cảnh tàn sát tại phần tiền cảnh (foreground) để người ngắm tranh dễ thấy nỗi khủng

khiếp của chiến tranh, với quân Mamluks và người dân thành phố chém giết nhau, mặt đối mặt, vũ khí mọi hướng, thân người ngã gục trong cảnh hỗn loạn và nhà phê bình Fred Licht đã nhận xét rằng trong họa phẩm này, không có một bố cục trung tâm nào, không có một nhân vật chính nào bởi vì nhà danh họa Goya muốn trình bày cảnh tàn sát không nương tay của cả hai phía.

Trong họa phẩm "**Ngày 3 tháng 5**", nhà danh họa làm tăng thêm nỗi kinh hoàng, diễn tả cảnh tàn nhẫn trên ngọn đồi Principe Pio. Các người lính Pháp đã quay lưng lại, không để thấy rõ mặt. Họ là các kẻ sát nhân vô danh. Tiền cảnh là nền đất đẫm máu với xác người đè lên nhau và hậu cảnh mô tả vài người ôm mặt. Nhưng trong ánh sáng của ngọn đèn chiếu tới, có vẽ một kẻ anh hùng đang giang hai cánh tay thách đố, coi thường cõi chết.



Sức mạnh mô tả qua họa phẩm "Ngày 3 tháng 5" của Francisco Goya đã được vài nhà danh họa khác bắt chước, chẳng hạn như họa sĩ người Pháp Edward Manet trong họa phẩm "Hành Quyết Maximilian" (the Execution of Maximilian) hay họa sĩ Pablo Picasso qua bức vẽ "Tàn Sát tại Triều Tiên" (Massacre at Korea) thực hiện năm 1951. Ngày nay, hai họa phẩm kể trên của Francisco Goya là thứ được Viện Bảo Tàng Prado trân trọng nhất nhưng vào thời kỳ trước, Viện Bảo Tàng đã không cho trưng bày hai tấm tranh kể trên của nhà danh họa trong 40 năm.

Vào năm 1812, bà vợ Josefa của Francisco Goya qua đời. Nhà danh họa kết nối liên hệ tình cảm với cô nàng Leocadia Zorilla, một thiếu nữ đáng tuổi con gái của mình và điều này đã gây ra mối bất hòa với người con trai Javier. Tới tháng 10 năm 1814, Zorilla sinh ra một bé gái đặt tên

là Maria del Rosario, chính thức ghi sổ là con của ông Isidro Weiss, người chồng đã qua đời của nàng Zorilla. Francisco Goya có lẽ là người cha thực sự của đứa bé này.

Từ năm 1814, chính quyền đàn áp của Vua Ferdinand VII đã lập lại tòa án tôn giáo, với các quan tòa do nhà vua chỉ định, để truy tố các người dân Tây Ban Nha có cảm tình với quân đội Pháp khi trước, để đàn áp các kẻ chống đối chính trị.

Vào tháng 3 năm 1815, Francisco Goya bị gọi ra trình diện trước tòa án tôn giáo, trên đầu đội một chiếc mũ cao hình chóp nón (coroza), mình mặc một loại áo dài không cánh tay (sanbenito). Nhà danh họa 68 tuổi, vừa điếc tai, vừa yếu đuối vì nhiều bệnh tật, phải cắt nghĩa lý do của bức họa xấu xa "Maja khỏa thân" (the Naked Maja), mặc dù trong nhiều thập niên, vương triều Tây Ban Nha đã từng thu thập các tác phẩm hội họa khỏa thân.

Cuộc xét xử này thực ra là cách hành hạ nhà danh họa vì những tư tưởng chính trị trước và sau cuộc chiến tranh của người Tây Ban Nha chống lại quân đội Pháp. Nhờ hai người làm chứng xác nhận lòng yêu nước và các hoạt động của nhà danh họa trong thời kỳ chiến tranh, nhờ một nhân viên trong ban xét xử của tòa án tôn giáo công nhận rằng họa phẩm "Maja khỏa thân" bắt nguồn từ các họa phẩm của nhà danh họa Titian gốc Ý và nhà danh họa Tây Ban Nha Diego Velazquez (1599-1660), tòa án tôn giáo đã không kết tội Francisco Goya ngoài điều bắt buộc một thời gian "sám hối".

4/ Các họa phẩm đen

Vào ngày 17/2/1819, Francisco Goya mua một căn nhà miền quê có tên là Quinta del Sordo (căn nhà của người điếc), tọa lạc tại phía bên kia giòng sông Manzanares. Căn nhà này có vườn rộng, có giếng nước, có vườn nho và nhà danh họa đã sống với nàng Leocadia Zorilla cùng đứa bé gái 5 tuổi, tên thường gọi là Rosarito. Francisco Goya bị bệnh tật trong các năm cuối đời, sống nhờ sự chăm sóc của nàng Zorilla và nhờ cách chữa trị của bác sĩ Eugenio Garcia Arrieta.

Từ năm 1820 tới năm 1824, nhà danh họa Goya thực hiện các bức tranh mà người đời sau gọi tên là "các họa phẩm đen" (Black Paintings), lúc đầu được vẽ vào tường phòng ăn, về sau được chuyển sang vải bố. Khi vào trong phòng ăn, người ta thấy ba tấm tranh lớn: "Quý Saturn đang ăn thịt con" (Saturn Devouring His Son) và "Judith với cái đầu của Holofernes" (Judith with the Head of Holofernes). Đây là viên tướng người Assyrian đã bị giết bởi nàng góa phụ Judith của thành phố

Bethulia. Tác phẩm thứ ba của Francisco Goya có tên là "**Ngày nghỉ của các phù thủy**" (The Witches' Sabbath) trong đó con quỷ có bề ngoài là con dê đang thuyết giảng cho đám phù thủy mặc áo nhà tu. Nhà danh họa đã chế diễu giới tu sĩ trong y phục của thú vật.



Vào năm 1823 tại xứ Tây Ban Nha, chính quyền khắc nghiệt của Vua Ferdinand VII đã bao trùm khắp nơi. Nhiều người bị bắt giữa đêm khuya và các tòa án quân sự chỉ thi hành luật pháp một cách sơ sài. Tây Ban Nha trở thành xứ sở mất tự do nhất của châu Âu và tình trạng đe dọa này khiến cho nhà danh họa Goya phải bỏ trốn. Sau khi bàn giao căn nhà cho người cháu là Mariano, Francisco Goya tới trú ẩn tại nhà một người bạn tên là Jose Duaso y Latre.

Tới khi Vua Ferdinand công bố lệnh ân xá, nhà danh họa Goya xin phép du lịch qua nước Pháp trong 6 tháng để chữa bệnh, ông xin phép ra đi một phần vì không muốn bị nghi ngờ về lòng thiếu trung thành, một phần vì muốn duy trì số tiền lương do chính quyền cung cấp. Ngày 24/6/1824, nhà danh họa dừng chân tại thành phố Bordeaux, nơi cư ngụ của người bạn cũ là Leandro de Moratin. Ông Moratin đã mô tả nhà danh họa là "một ông già vừa điếc, vừa yếu đuối, không biết một câu tiếng Pháp nhưng lại muốn thử mọi thứ mới lạ". Francisco Goya tới thủ đô Paris vài ngày rồi quay trở về Bordeaux vì ông bạn Moratin e ngại rằng

thời tiết mùa đông của thành phố đó sẽ ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của nhà danh họa.

Tại Bordeaux vào thời gian này đã có một cộng đồng nhỏ người Tây Ban Nha lưu vong và Francisco Goya vui hưởng một cuộc sống tiện nghi, bên nàng Zorilla và cô bé Rosarito từ Tây Ban Nha qua theo. Nhà danh họa tiếp tục vẽ một loạt bản khắc nét nhưng không thuộc loại tác phẩm đen nữa, vẽ một số chân dung và vẽ cỡ nhỏ trên ngà voi. Tới tháng 5-1826, nhà danh họa 80 tuổi này trở về thành phố Madrid, xin chính quyền số tiền hưu bổng của chức vụ họa sĩ cung đình. Sau một tháng cứu xét, nhà vua đã ban cho Francisco Goya 50,000 đồng reales và nhà danh họa trở lại Bordeaux, lòng đầy vui sướng. Francisco Goya cũng trở về Madrid vài lần nữa và trong một lần, ông đã vẽ chân dung cho đứa cháu Mariano, 19 tuổi, giống như bức chân dung khi trước của người con trai Javier cũng 19 tuổi.

Tại thành phố Madrid, người thay thế Francisco Goya làm họa sĩ cung đình bậc nhất là Vicente Lopez, đã yêu cầu nhà danh họa ngồi làm mẫu cho một bức chân dung, trong đó họa sĩ Goya cầm miếng pha màu cùng vài cây cọ.

Vào tháng 2 năm 1828, Francisco Goya lâm bệnh, nên có dặn vợ chồng người cháu Mariano qua Bordeaux. Ngày 28/3, cặp vợ chồng này tới nơi thì vào ngày 16/4/1828, nhà danh họa Francisco Goya thờ hơi cuối cùng, bên cạnh gia đình và vài người bạn.

Francisco Goya được chôn cất tại Bordeaux nhưng tới năm 1901, dân chúng Tây Ban Nha muốn mang nắm xương tàn của nhà danh họa về chôn tại thành phố Madrid. Cuối cùng vào năm 1928, mảnh đất của ngôi nhà thờ nhỏ San Antonio de la Florida là nơi an nghỉ cuối cùng của nhà danh họa, vì vào năm 1798, Francisco Goya đã trang trí vòm mái của ngôi giáo đường này.

Francisco Goya là họa sĩ tìm cách khám phá chiều sâu ảm đạm của tâm hồn con người với cơn giận dữ, với nỗi sợ hãi, với cảnh bất công, cảnh chém giết... mà trước ông, chưa từng có họa sĩ nào đam mê theo đuổi. Các họa phẩm rực rỡ của Francisco Goya là các hình ảnh của Lịch Sử. Nhà danh họa Goya đã tạo ảnh hưởng sâu đậm tới các họa sĩ sáng tác về sau và làm thay đổi chiều hướng của Nghệ Thuật Hội Họa Tây Phương./.

Phạm Văn Tuấn

TRÀ THIÊN

Trà rót đầy ly, ngồi tịnh thiền, (a)
Nhìn làn hơi khói nhẹ bay lên
Khơi tâm hàn sĩ, nhân duyên quán (b)
Trí huệ phiêu bồng, tới cõi tiên!

Vị Trà thanh khiết, thật vô lường,
Thắm giọng, mùi thơm tỏa vấn vương
Thơm tự tâm trà, (nơi chẳng thấy!) (c)
Muôn loài, hữu xạ tự nhiên hương.

Nước, lửa, âm dương hiệp trợ trà,
Ngắm như trời đất dưỡng sinh ta.
Uống trà, mong có người tri kỷ,
Như Tử Kỳ xưa gặp Bá Nha.

Ly ngọc ánh lên, một niệm suy,
My Nương nhìn thấy bóng Trương Chi
Phút giây chợt quán điều Chân Mỹ
Nhưng hận... vì Duyên đã lỡ thì!

Hàn Sĩ cũng nhìn sâu đáy ly,
Ô kia!... hình bóng thật tinh vi
Bao la vũ trụ, nằm trong đó!
Tận đáy lòng người, nào khác chi!

Quán triết nội tâm, Thiền giúp ta,
Vun bồi thiện đức, diệt tư tà
An nhiên tự tại, lòng thanh thân,
Mở rộng vòng tay, sống vị tha.

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia

- (a) Trà Thiên 茶禪 : dùng cách uống trà để hành thiền.
(b) Nhân duyên quán: xét nhân duyên, biết chân tướng của vạn vật.
(c) Không nhìn thấy Tâm: “Tâm nhi bất kiến” 心而不見.





MỘNG CHIỀU XUÂN

Tranh sơn dầu trên bố - **Nguyễn Sơn (Germany)**

THƠ QUÊN

Bao năm rồi lưu lạc
Lòng vẫn nhớ quê xưa
Nhớ hàng Cau, luống Cãi
Bờ sông mát bóng Dừa

Bao năm rồi viễn Xứ!
Quê Hương chìm khói sương
Trời quê ai nắng ngọt
Sao nghe hồn tà dương

Bao năm rồi lữ khách!
Tình trầm trong khói Thu
Quê Hương ! Chiều quan tái ...
Thoáng bóng Đồi Phù Du!

Bao năm rồi bước mỗi
Viết chưa tròn Ý Thơ!
Núi ngàn năm vẫn đó
Có nghe lòng hoang sơ ...

Phố chiều nay Mưa Bụi !
Lữ Khách nào, Tìm Thu ...
Chỉ thấy trời sương trắng
Núi Hồng Sầu Thiên Thu ...

Bao năm rồi vẫn Nhủ
Phần Còn Lại, Cho Thơ,
Thơ Quên! Ngày Nắng Lửa...
Thơ Quên! Tháng Sương Mù!

Thơ Ném Sầu ra Cửa
Để Thấy Đồi Lại Thơ!

Bao năm rồi phiêu bạt,
Lâu quá mới lại mơ
Đêm qua mơ mình lạc
Giữa Ngân Hà耿耿 ngơ ...

Tuệ Nga

Oregon 2019

THƠ QUÊN (Thơ: **Tuệ Nga**, Nhạc: **Mộc Thiêng**)
Ca Sĩ **Ngọc Quy** hát:

<http://www.cothommagazine.com/CoThompdf/NSCT15/ThoQuen-TueNga-MocThieng.mp3>



MÁI TRƯỜNG XƯA

(Viết cho Ba với tất cả tình thương yêu của con)

**** Lê Trọng Lộc ****

Chuyện kể rằng cách đây 70 năm, một chàng thư sinh vừa bước vào đời với bao nhiêu ước mơ lý tưởng của tuổi xuân thì. Có những buổi chiều vàng trong núi rừng thanh vắng, bên bờ suối róc rách, và từ trong hang đá, tiếng côn trùng nỉ non như đang than thở cho vận mệnh quê hương dưới gông cùm nô lệ của thời Pháp thuộc. Tiếng gọi non sông đã thức tỉnh lòng trai và đưa những bước chân hào hùng theo đoàn quân cứu nước. Ánh chiều trải ngang trên những cánh rừng già trông thật thơ mộng nhưng vắng lặng buồn thiu làm chàng nhớ người yêu, nhớ gia đình quay quắt. Xa xa, tiếng vượn hú chim kêu như đang ru một điệu buồn vu vơ khó tả. “Chiều nay trên chiến khu lòng buồn. Âm thầm tiếng suối reo ngàn thông réo...”

Thế rồi chàng được lệnh giải ngũ từ biên khu kháng chiến ở tận rừng sâu của vùng cao nguyên Trung phần. Sau bao tháng gian nan với bệnh sốt rét vàng da của miền rừng rú, thân hình chàng chỉ có da bọc lấy xương, lẫn thẩn trở về như người từ cõi chết. Ánh mắt xa xăm nhìn về một một tương lai mịt mù không định hướng.

Năm tháng dưỡng bệnh ở quê nhà làm chàng cảm thấy thao thức bất an. Những cánh hoa vàng tàn tạ nở rụng theo mùa đem lại cho chàng những giây phút chạnh lòng khắc khoải. Không chờ đợi được với thời gian đứng yên lặng chậm, chàng liên lạc với quân đoàn kháng chiến để mong trở về với quân ngũ chiến khu. Nhưng thời gian đã đổi thay và chiến lược kháng binh cũng đã thay hình đổi dạng, bỏ quên một người trai đang tha thiết với non sông. Chàng thẩn thờ trước biến chuyển của thời cuộc.

Thời gian đẩy đưa, dòng đời bất định, chàng tìm được việc làm ở Sở Giáo Dục và được bổ nhiệm làm một giáo viên tiểu học trường làng. Nhìn cảnh tiêu điều của những ngôi trường xiêu vẹo ở vùng giới tuyến nghèo nàn làm lòng chàng xót xa. Những học sinh rách áo đói cơm, bốn mùa mưa nắng triền miên là biểu tượng cho đời sống lam lũ của những người dân nghèo chất phác, sống qua ngày với những mảnh ruộng nương rau, sỏi đá khô cằn. Tương lai trước mặt là những ngày dài lao động dưới ách

nô lệ nhọc nhằn. Một ý nghĩ thoáng hiện bỗng làm chàng vui lên. Một nụ cười nở nhẹ trên môi.

Chàng quyết định đem tất cả tâm huyết để cho có một mái trường làm nơi cho các em nương tựa và học hành, mong nâng cao đời sống trong thời chiến chinh ly loạn. Chàng trở lại Sở Giáo Dục của tỉnh để tranh đấu cho các em và đã được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường làng với trách nhiệm là tu bổ một ngôi trường cho tương xứng với số dân sinh sống trong vùng.

Ngày tháng trôi qua, cuộc chiến càng ngày càng khốc liệt, phủ trùm đất nước. Từng lớp trai trẻ lần lượt xếp bút nghiêng để lên đường nhập ngũ rồi gục ngã trên những chôn đèo heo hút gió. Nhìn theo bóng trẻ lớn lên vội vàng trong thời loạn lạc làm lòng chàng quặn đau. Những học trò của chàng chưa kịp trưởng thành đã phải rời ghế nhà trường để bước vào đời với một tương lai mù mịt như khói lửa biên thuý.

*“Thầy đứng đó giữa cuộc đời góc cạnh
Mỗi mắt nhìn sách vở cũ tang thương
Thương các em chưa đầy lông, đầy cánh
Bay vào đời trong năm tháng mù sương...” PPT*

Nhiều năm trôi qua, bao kỷ niệm ngọt ngào quyện lấy tâm hồn chàng với sông nước và ruộng vườn của người dân Nại Cửu. Mọi người trong làng thương kính gọi chàng bằng Thầy. Như một kẻ đưa khách qua sông, Thầy đưa đường cho bao tuổi đời trẻ dại từ ghế nhà trường đến mọi chốn tương lai. Những buổi chiều có nắng vàng nhuộm thắm trước bãi cỏ sân trường chàng thấy rõ những bước chân thơ ngây chơi đùa rộn rã rồi từ từ khuất bóng rời xa, để lại cho chàng một chút luyến lưu khó tả. Tiếng bom đạn lại về. Đoàn người lánh nạn dập dồn vội vã trên Đại Lộ Kinh Hoàng của mùa hè đỏ lửa. Chàng rưng rưng với bao cảm xúc lo âu cho những đứa học trò nhỏ và những người dân hiền lành trong cảnh đời loạn lạc của khói lửa chiến chinh. Xa dần từ đó, chàng không một lần trở lại quê xưa để được nhìn lại mái trường thân yêu của mấy mươi năm gần bó.

Những ngày dài trên xứ người lạnh giá, chàng đã nhiều lần mơ tưởng đến những ngày tháng cũ xa xưa. Sức khoẻ yếu dần với thời gian, chàng đã già hẳn và chỉ còn lại trong ký ức một thời son trẻ. Có những đêm, trong giấc mơ, chàng thấy mình đang đứng trong lớp học chăm chú giảng

dạy, xoa dịu những mái đầu xanh đang ê a từng vằn chữ vỡ lòng. Bóng thời gian chẳng sao làm mờ hình ảnh cũ. Một hôm, chàng thì thảo với người con trai một lời mơ ước: “Khi nào con có dịp về lại quê, con nhớ chụp cho Ba một tấm hình của ngôi trường Nại Cửu năm nào con nhé. Ba mong được một lần thấy lại những hình ảnh ngày xưa.”



Xe vừa dừng bánh ở cổng làng Nại Cửu, tôi nhảy vội xuống xe ngơ ngác nhìn quanh, bối rối trước cảnh lạ quê xưa. Dưới làn mưa phùn lạnh giá, lác đác một vài nông phu đang cắm cúi gieo mạ trên những thửa ruộng bên đường. Những con trâu cũng co ro giữa mùa đông

rét ướt. Dưới chân, bùn đen trơn trượt.

- Bác ơi, bác cho cháu hỏi trường tiểu học Nại Cửu của thầy Lê Trọng Thi hồi xưa ở đâu bác?

Khuôn mặt già nua dạn dày sương gió với làn da cháy nám, một bác nông phu ngược nhìn lên theo hướng tiếng gọi của tôi:

- Anh từ đâu đến mà lại đi tìm thầy vậy? Thầy đã đi đâu mất tích cả mấy chục năm rồi anh ơi. Ngôi trường của thầy năm xưa bây giờ cũng đổ nát và không còn dùng nữa.

- Dạ, cháu là con trai của thầy đây bác.

Bác nông phu ngẩng người nhìn lên. Một ánh mắt xa xăm vẩn vờ hình ảnh cũ bỗng rưng đôi giòng lệ. “Vậy mà chúng tôi tưởng thầy đã tử nạn trong thời chiến tranh rồi. Chúng tôi đều là học trò cũ của thầy đây”. Nhìn quanh, những bác nông phu khác cũng tiến lại gần, ngạc nhiên, xúc động:

- Anh ơi, anh đợi cho chúng tôi một chút để chúng tôi về nhà viết cho thầy vài dòng thăm anh nhé. Anh thấy kìa, ngôi trường của thầy vẫn còn đó.

Ngập ngừng, tôi nhìn theo những bước chân vội vàng của các bác khuất dần sau xóm nhỏ xa xa. Thấp thoáng sau những tàng cây tôi thấy một khóm nhà đổ nát, không mái ngói, đang đứng bơ vơ trong hoang tàn của cảnh vật. Những bức tường rêu xanh loang lổ cũng lặng im như đang trách móc, hờn giận chờ đợi người xưa. Sân trường, cỏ dại mọc



đầy, đang cô đơn, co ro lạnh buốt dưới làn mưa phùn, nhớ mong những bước chân trẻ thơ rộn rã của một thời xa vắng. Thoảng vương trong gió, tôi nghe văng vẳng những tiếng cười giòn tan quện chung với

tiếng giảng bài ngọt ngào của Ba tôi và các giáo viên đồng nghiệp.

Tôi đang đắm chiêu xúc động trước cảnh cũ và kỷ niệm xưa thì các bác nông phu đã trở lại. Run run với lá thư nhàu ướt, lem mực trên tay, các bác nghẹn ngào với lời thăm lo khẩn gởi:

“Thầy kính mến,

Chúng con là học trò cũ của thầy đây. Đã bao năm xa vắng chúng con không biết thầy đã sống chết ra sao hay dòng đời đã đưa thầy trôi dạt về đâu. Hằng ngày, chúng con chỉ biết nhìn ngôi trường xưa mà nhớ thương thầy cũ. Đã bao năm rồi thầy nhỉ? Hôm nay được tin thầy, chúng con mừng lắm. Mong thầy bảo trọng và chúc thầy mọi an lành và sức khỏe. Thương nhớ người thầy khả kính của chúng con.”

Hôm nay, dưới trời đông, bên ngôi mộ ở nghĩa trang hoang vắng, tôi ngậm ngùi thì thầm kể cho Ba nghe chuyện về thăm quê hương. Một ước mơ nhỏ nhoi của Ba tôi chưa được toại nguyện thì người đã vĩnh viễn ra đi. Tôi chỉ ước rằng Ba tôi còn sống để nhìn những tấm hình của ngôi trường năm nào và được đọc lá thư thương mến từ những người học trò cũ thân yêu đang nhớ mong thầy ở chốn xa xôi.



Tôi nhẹ nhàng đặt khung hình cùng với lá thư trong một bao nylon nhỏ bên ngôi mộ của người rồi giã từ tạm biệt. Những hoa tuyết cũng đã bắt đầu phủ đầy trắng xóa trên các thảm cỏ trong nghĩa trang.

Lê Trọng Lộc - Mùa Đông 2018

Chuyện bên nhà
ÁO GẮM VỀ LÀNG
**** Ý Nguyễn ****

Chúng tôi quen biết một người Việt Nam đã định cư ở Mỹ từ năm 1975, nhưng chưa từng trở về thăm Việt Nam lần nào, cũng vì bận rộn chuyện cơm áo và chuyện gia đình, anh tâm sự như thế. Bây giờ anh đã yên bề gia thất lại mới về hưu, đời sống phong lưu, coi như có đủ điều kiện thiết yếu nên muốn một lần xum xoe “áo gắm về làng” nhân thể đưa vợ con về ra mắt họ hàng, nhưng lại e sợ về hiện tình đất nước không mấy bảo đảm nên gửi email cho chúng tôi để hỏi ý kiến.

Sau khi email của anh được chuyển đi, anh nhận được một số lời khuyên của mấy người bạn có kinh nghiệm chia sẻ như sau:

Một người bạn ở Arizona chia sẻ: “Ở Mỹ lâu năm về VN mùa hè chịu nóng hết nổi bạn ơi! Không biết bạn có thân nhân gần gũi nhiều không? Coi bộ bạn sắp tốn tiền nhiều rồi đó. Nếu bạn về miền Bắc lại càng phải thận trọng hơn. Chỉ riêng nghe bạn nói giọng Nam là đã bị “kỳ thị” rồi, nghĩa là khi đi mua bán họ bắt bớ bạn hoặc nói thách cao đến nỗi bạn không dám trả giá nữa, thực kinh khủng. Đâu có phải bạn chỉ gặp họ hàng không thôi, vì còn thêm làng xóm láng giềng xa xưa nữa chứ. Kinh nghiệm của nhiều người cho thấy họ hàng ở VN đòi hỏi hơi nhiều: nào là xây lại mồ mã, sửa sang từ đường, giỗ ông nội, giỗ bà tổ cô, tổ chức tiệc họp mặt họ hàng, cho cháu này mượn tiền mua xe Honda, cháu kia vào đại học, thằng này sắp lấy vợ, bác kia nằm nhà thương đang cần tiền v.v... Ôi thôi, chỉ có nước cuốn gói chuồn cho êm, chạy một mạch về Mỹ như năm 75 thôi bạn ạ. Nói chung, nếu bạn muốn về VN thanh thản thì cứ việc lờ hết đi là xong. Nếu cần, xách vài thùng quà, chẳng hạn như kẹo M&M, quần áo mua sale bên đây cho rẻ, chia ra làm quà cũng tiện. Tuy nhiên dầu gió thì trong Nam hay ngoài Bắc họ đều tin là hàng thiết vì đem từ Mỹ về. Và cho mỗi người họ hàng gần gũi, thân thuộc 100 hay 200 ngàn VN gì đó. Người nào không thân thì khỏi. Nghe những người bạn về VN, người nào người nấy cũng tốn trên \$10,000 US. Về một hai lần là chạy luôn, trừ khi còn bố mẹ già. Hay nhất là mượn Hotel ở, ghé thăm bà con chốc lát là xong. Sở dĩ tôi nói như vậy là vì bây giờ họ hàng của bạn không giàu tình cảm như bạn nghĩ đâu, họ vờ vịt tình nghĩa, khóc lóc ỹ ôi chứ sự thực chỉ có tiền thôi. Vấn đề nữa là ăn uống ở VN dễ sinh bệnh lắm. Hầu như không có thuốc đau bụng nào ở Mỹ có hiệu quả tốt? Riêng tôi đã dùng thuốc Berberin hay Berberal, mua tại Việt

CỎ THƠM

Nam, uống cũng đỡ đau nhiều lắm, tiệm thuốc tây nào cũng có, uống mỗi lần khoảng 15-20 viên nhỏ tí xíu. Mong các bạn, anh chị em khác có kinh nghiệm chỉ thêm cho đúng. Chúc bạn và gia đình có một chuyến du lịch về VN thích thú và lợi lạc.”

Một người bạn ở Florida chia sẻ: “Theo tôi, tiệc họp mặt họ hàng, giúp đỡ cả giòng họ, cho cháu này chiếc xe, giúp cháu kia lên đại học, thằng này sắp lấy vợ, con kia sắp lấy chồng, bác nọ nằm nhà thương! Như vậy trường tộc như bạn ở Mỹ về biết mang theo bao nhiêu ngàn đô cho đủ vì mỗi vụ chi ra tối thiểu cũng cả ngàn rồi! Một buổi tiệc liên hoan cho họ hàng từ 20 tới 30 người tốn cả mấy trăm đô, nhưng cũng vì bao nhiêu năm bạn mới về, mời đi ăn nhà hàng sang một tí cũng tốt thôi! Chuyện nhỏ! Ô, còn làng với xã làm sao lo cho xuê? Tôi biết một người bạn mở tiệm tạp hóa, buôn bán vất vả trên 20 năm nơi xứ người, một hôm vợ chồng đem con cái về quê để nhận họ nhận hàng vì xa VN lâu năm ai mà không nhớ không thương. Ở bên ấy một tháng, không biết tốn kém bao nhiêu, nhưng khi về Mỹ vợ chồng méo mặt, xanh mày, cứ như dân chơi thua cháy túi ở Las Vegas. Nếu bạn quyết định về thăm quê nhà cứ theo lời anh bạn ở Arizona chia sẻ, đừng ồn ào, vì “áo gấm về quê” thì 100 ngàn cũng không đủ cho họ hàng làng xóm đâu, nếu chẳng may cho bà con hàng Thái, hàng Trung Quốc họ quẳng đi đó, lại còn trách cứ là chở củi về rừng. Mệt thật! Giờ thì ai cũng mê đô-la. Làm ông già Noel, phát tiền là nhanh chóng và gọn ghẽ nhất. Trẻ con cho vài trăm ngàn chúng vui, nhưng người cùng vai vế hoặc diện cô dì chú bác cậu mợ cho dưới một vé (100 US) là họ trả lại đấy. (họ nghĩ...”khiếp, đừng tưởng bọn tớ nghèo cho kiểu bố thí!”. Tôi hy vọng bạn sẽ du di để hành xử theo tình huống cho ổn thỏa”.

Một gia đình ở Maryland chia sẻ: “Thực ra, nếu bạn chịu khó xem tin tức trên internet thì bạn sẽ có khái niệm về hiện tình Việt Nam. Tuy nhiên, hầu hết những điểm chính mà bạn cần biết trước khi về VN thì hai bạn ở Arizona và Florida đã thổ lộ gần hết, rất chính xác. Bạn nên nhớ, trọng lượng hành lý đem theo có giới hạn cho mỗi chiếc vali do hãng máy bay ấn định (50 pounds/1 vali) cũng như những thứ gì được phép đem theo, những thứ gì bị cấm, ngay cả tiền mặt cũng thế chỉ được quyền đem theo mức ấn định, bạn nên đọc kỹ điều lệ này trong tờ thông hành (Passport) họ chỉ dẫn rất mạch lạc, cứ theo đó mà thi hành là OK. Cần phải nói cho bạn biết thêm một điều quan trọng, không phải là quy luật mà là kinh nghiệm là khi máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất,

bạn nên sửa soạn tinh thần khi đi qua khu Hải Quan (Quan Thuế), mặc dầu mới đây có lệnh cấm không cho nhân viên Hải Quan nhận tiền để trong Passport (thủ tục đầu tiên), nhưng bạn cũng nên để sẵn ít tờ giấy lẻ \$ 5 trong túi quần để phòng hờ đôi khi bị làm khó dễ. Tuy nhiên nếu bạn không đem theo máy móc, radio, computer, DVD Thúy Nga, ASIA, CD, băng nhạc thì bạn rất an toàn. Thuốc tây đem về nếu quá nhiều cũng là một vấn đề, gặp trường hợp này, bạn chắc chắn phải áp dụng thủ tục “Đầu Tiên” là cái chắc, nếu không muốn bị họ tước đoạt hoặc liệng vào thùng rác. Nói chung, dù ở trong Nam hay ở ngoài Bắc, nơi nào bạn cũng cần phải cẩn trọng. Từ lời ăn tiếng nói, từng cử chỉ, từng cách chỉ tiêu ăn uống của mình. Lời ăn tiếng nói là sao? là mình chỉ nên nghe mà không nên phát biểu bừa bãi vì không biết người đối diện với mình là ai. Họ là công an hay mật vụ không chừng, ngay dù bà con họ hàng thân thích cũng phải đề phòng và dè dặt. Mục đích của mình về Việt Nam không phải là để tranh luận, chỉ trích hoặc phê phán hoặc đả đảo chế độ, về để thăm viếng bà con họ hàng, mò mả ông cha, nên hơi đâu chuốc lấy sự phiền phức làm gì cho nhức đầu, mệt óc. Cách giao tiếp hằng ngày của mình cũng chỉ nên bình thường đừng khoe khoang ta đây hoặc nỗ tung tóe làm chúng ghét, vì sau này ở Việt Nam cũng có nhiều người khá giả vì gặp thời vận, hồi lộ (?) nên giàu có hơn mình nhiều. Còn về vấn đề ăn uống nên hết sức cẩn thận, vì rằng chúng ta sống lâu năm ở Mỹ, cơ thể của mình tương đối rất clean, bây giờ nhét vào bao tử những món ăn kém vệ sinh như rau sống, gỏi cuốn, các loại trái cây gọt sẵn, nước đá lạnh, nước mía ép, bán bên lề đường v.v... sẽ không ổn đâu. Nghĩa là bất cứ món ăn gì bày bán ở ven đường không bảo đảm thì chớ nên đụng vào, nếu không tin bạn cứ việc thử cho biết rồi uống thuốc xanh mặt luôn cho mà coi, vì chúng tôi đã bị “Tào Tháo đuổi” suốt cả tuần lễ cũng chỉ vì ăn một cọng rau sống Đà Lạt với món nem rán cua bể ở Hà Nội. Cũng may chúng tôi đem theo thuốc trị tiêu chảy hiệu Imodium rất công hiệu. Sau này mỗi lần về lại Việt Nam tôi đều đem theo thịt chà bông từ Mỹ về để ăn với xôi trắng hoặc bánh mì cho yên tâm. Khi đi mua sắm nên hỏi người nhà giá cả những món hàng trước khi mua. Tại các siêu thị của chính phủ giá cả tương đối rẻ, không phải trả giá và đồ ăn có thể được bảo đảm chất lượng hơn. Chúng tôi đã về thăm gia đình nhiều lần, nhưng chưa từng bị móc túi, bị giật giây chuyền, hay bị giật ví bao giờ. Quả là may mắn chưa tới lượt mình, nhưng chuyện này đã xảy ra hằng ngày, nhất là ở những nơi đông người dễ bị rạch túi, rạch bóp; nơi vắng vẻ bị cướp giật, vậy cảnh báo để bạn đề phòng nhé.

Như hai bạn ở Arizona và Florida góp ý thì bạn nên ở khách sạn Mini là tiện nhất. Một ngày tiền phòng từ 20 tới 30 đô la. Phòng ngủ tương đối sạch sẽ, có đầy đủ tiện nghi, nước nóng nước lạnh, máy điều hòa đang hoạt động, cầu thang máy lên xuống thoải mái. Bạn có thể vào Internet để dạo giá và tìm hiểu thêm về những khách sạn mà bạn định ở. Về vấn đề di chuyển, nếu gia đình đông người thì nên đi taxi, Uber hoặc Grab. Nên nhờ khách sạn gọi xe cho mình mỗi khi muốn đi đâu, như vậy bảo đảm hơn là mình tự gọi lấy, vì đôi khi mấy ông taxi bắt chẹt mà mình không hay. Thường thường họ hàng muốn mình ở nhà họ, họ cũng mời chào sẵn đón lăm đó. Ở chung với bà con, không phải trả tiền phòng song phải chi tiêu những cái khác có khi còn tốn hơn nhiều. Bà con mình dù giàu có hoặc “đại gia” đến đâu đi nữa nhưng moi mình được đồng nào là họ moi kỹ lăm đó. Chúng tôi đã về lại VN nhiều lần rồi nhưng vẫn bị gạt như thường, nhất là ở miền Bắc. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, mặc dầu bạn là người gốc Bắc nhưng bạn nói giọng Nam thế nào bạn cũng bị người Bắc bịp mình dễ dàng. Điều quan trọng là bạn chớ nên gửi tiền người này cho người kia dù người đó là anh em họ thân thiết. Vì tiền bạn gửi cho ai đó sẽ không bao giờ đến tay người nhận.

Còn một điểm mà ít người để ý tới khi về VN là quên không đăng ký với Tòa Lãnh Sự Mỹ ở Saigon. Cho nên tôi đề nghị bạn cần thông báo cho Tòa Lãnh Sự Mỹ ở Việt Nam biết (qua Internet) trước khi bạn có ý định đi du lịch về Việt Nam. Khi bạn đã là công dân Mỹ, bạn đi du lịch ở bất cứ nơi nào trên thế giới, bạn cũng nên thông báo cho Tòa Đại Sứ Mỹ biết bạn đi du lịch ở quốc gia nào, đi lúc nào và đi bao lâu, địa chỉ khách sạn hoặc địa chỉ bạn bè, bà con bạn tá túc, email của bạn cũng như số điện thoại của bạn để khi hữu sự, Tòa Lãnh Sự sẽ liên lạc với bạn. Có lần chúng tôi có mặt ở Saigon đang lúc có biểu tình, chúng tôi nhận được thông báo của Tòa Lãnh Sự Saigon qua email, cảnh giác và nhắc nhở chúng tôi không nên đến gần những khu vực có biểu tình, chúng tỏ mình là công dân Mỹ đã được chính phủ Mỹ quan tâm theo dõi và bảo vệ. Như vậy mang quốc tịch Mỹ cũng có lợi phải không?

Tóm lại, bạn hỏi thì chúng tôi góp ý, tuy nhiên bạn nên liệu chừng mà đối phó, đừng quá quan tâm về những điều chúng tôi nêu ra làm ảnh hưởng đến chuyến du lịch quan trọng của gia đình bạn, mất vui. Nói là nói vậy thôi, để bạn đề phòng, chứ thiệt tình thiên hạ họ về hà rầm mà có sao đâu. Chúc bạn và gia đình lên đường bình an, enjoy hết mình những ngày ở Việt Nam.”

... Khoảng hơn hai tháng sau, chúng tôi nhận được email của người bạn này gửi tới cảm ơn. Anh chia sẻ... Cũng nhờ biết trước được mọi tình tiết của bạn bè ở Mỹ về kinh nghiệm du lịch VN nên anh đã đề phòng cẩn thận. Tuy nhiên, anh cho biết là anh đã rất may mắn không phải ở khách sạn vì họ hàng ở quê anh lúc này cũng có nhà ngói rộng rãi thênh thang, họ không để anh ở khách sạn nên cũng đỡ tốn kém. Do đó anh dùng số tiền này để lo cho đám giỗ của giòng họ cũng là biểu xén bà con thân thuộc. Cũng như thế, con cháu có xe hơi đưa đón gia đình anh đi thăm viếng được nhiều miền đất nước mà bấy lâu nay anh hằng ấp ủ, trong đó có chùa Bái Đính và Tràng An. Hầu như toàn thời gian ở ngoài Bắc cũng như ở trong Nam anh đều tạm trú với họ hàng nên anh không có cơ hội tiếp xúc bên ngoài nên không gặp trở ngại hoặc va chạm phiền toái như chúng tôi, mừng cho anh. Dù sao, điều quan trọng là anh chị cảm thấy an toàn khi đã biết trước những điều cần biết, không còn hoang mang, hay sợ bị gạt gẫm, anh chia sẻ như thế.

Cuối cùng gia đình anh bạn của chúng tôi đã về thăm lại được quê cha đất tổ, gặp lại được họ hàng thân thích qua hơn 60 chục năm xa cách. Thắp được nén hương thơm thân thiết trên phần bia mộ của ông cha. Một lần “Áo Gấm Về Làng” khiến anh chị cảm thấy hãnh diện với họ hàng làng xóm vì dù gì anh cũng là trưởng tộc đối với giòng họ Hoàng tại làng Thái Bình trong hiện tại.



Ý Nguyễn

Maryland, Vào Thu 2018



LÒNG MẸ YÊU CON

Lòng Mẹ yêu con bao la biển trời,
Tình Mẹ thương con thiết tha tuyệt vời
Mẹ đã yêu con, khi còn trứng nước
Từ xương máu Mẹ mà con thành người
Trái tim Mẹ truyền cho con sự sống.

Lòng Mẹ yêu con bao la biển trời,
Trên cánh tay Mẹ, con vui cười
Nằm trong lòng Mẹ con ngủ ngoan
Như gà mẹ, xòe rộng đôi cánh
Che chở, ấp ủ đàn gà con...

À ơi ... ơi ... à ơi,
Con măng sữa... Mẹ nâng như trứng
À ơi ... ơi ... à ơi,
Con hồng hào ... Mẹ hứng như hoa.

Lòng Mẹ yêu con bao la biển trời,
Mẹ tập con đi, từng bước vào đời
Noi gương Mẹ, nụ cười vui tươi
Mẹ dạy con, chân thật từng lời
Yêu Tổ Quốc và yêu mọi người...

Dù lớn khôn, dù lưu lạc phương trời,
Con vẫn là con Mẹ... Mẹ ơi!
Dù Mẹ bên con,
Dù Mẹ đã về Trời,
Vô cùng nhớ thương,..
Con tạ ơn Mẹ... Mẹ ơi!

Trần Quốc Bảo

Richmond, Virginia



MẸ THƯƠNG CON – Tranh: **Bé Ký**

CHUYỆN TỬ SINH

**** Nguyễn Tuấn ****

Đằng nào thì mình cũng đã hiện diện ở trên trái đất này rồi. Nếu nói như ai đó rằng mình “đầu thai nhằm thế kỷ” thì cũng chẳng thay đổi được cái đã làm ấy và cũng chẳng làm cho cuộc đời mình tốt đẹp hơn. Mình không biết mình từ đâu tới đây, chỉ có điều chắc chắn là mình sẽ chết như bao tử người khác. Cái chết chưa đến, nên mình có thể tìm hiểu về nó và xét xem sau khi chết rồi chuyện gì sẽ xảy ra để biết đâu mình sẽ đỡ hoang mang sợ sệt khi chết và sẽ không bị “đầu thai nhằm,” nghĩa là mình có thể hướng đến nơi mình muốn đến. Chuyện tử sinh được nhiều tài liệu, kinh sách nói tới. Tôi có đọc qua một số tài liệu về đạo Phật liên quan đến vấn đề này nên nay xin “tóm” lại để bạn nào ngại đọc sách có thể xem phớt qua cho biết vấn đề. Đây chỉ là một mớ hiểu biết, chẳng phải một bài biên khảo nên sẽ không có tài liệu tham chiếu chi cả, nhớ đến đâu viết đến đấy để các bạn xem chơi trong lúc rảnh rỗi mà thôi.

Cái Chết

Có lẽ ai cũng đồng ý rằng con người gồm hai phần: phần hữu hình tức là cái xác thân này và phần vô hình tức cái thần thức hay nói nôm na là cái hồn hay linh hồn. Làm người ai cũng phải chết nhưng khi nào chết thì ít ai biết trước được. Ta chưa chết nên chưa biết cái chết ra sao, nhưng căn cứ vào lời Phật dạy và lời của các vị đã đắc pháp thì ta cũng có thể hiểu được phần nào.

Thông thường chết được xem là sự chấm dứt các hoạt động của một sinh vật, là sự ngừng vĩnh viễn mọi hoạt động sống. Khi một người không còn hít thở được nữa, tim ngừng đập, mất ý thức, mắt không còn phản xạ với ánh sáng v.v. thì ta cho rằng người đó đã chết. Đó là cái chết lâm sàng tức cái chết của thân xác, phần hữu hình. Cái xác này theo thời gian sẽ bị phân hủy và các chất vô cơ, hữu cơ tạo ra nó sẽ biến hóa trong trời đất. Sự tan rã của thân xác tức tứ đại (đất, nước, gió, lửa) được mô tả một cách tỉ mỉ trong cuốn “Tử Thư Tây Tạng”, đọc khá là khó hiểu và...khó nhớ!

Có người cho rằng chết là hết nhưng cũng có người đặt câu hỏi: Thế còn phần tinh thần, cái gọi là thần thức hay thần hồn đó sẽ sao? Nó có chết không?

Về điểm này đạo Phật cho rằng chết không phải là hết mà thần thức của chúng ta sẽ tái sinh vào một trong sáu nẻo luân hồi. Chết là sự kiện

bắt đầu từ lúc con người ngưng thở cho đến khi thần thức hay thần hồn của hắn ra khỏi xác, để rồi lại tái sinh làm trời, người, thần, súc sinh, ngựa quỷ hay tội phạm trong địa ngục.

Cái thân xác vốn vô thường, vô ngã như mọi thứ trên đời này. Vô thường là biến đổi theo thời gian, nay vậy mai khác. Vô ngã là do nhân duyên hợp thành, đủ duyên thì còn, hết duyên thì chết, thì diệt. Cái hồn cũng vậy, cũng tùy duyên mà tiến hoá nhưng nó chỉ tồn tại trước khi con người đắc quả A La Hán tức quả thánh thứ tư (cao nhất) của Thanh Văn thừa. Khi đắc quả A La Hán rồi thì cái hồn đó đi về đâu? Nó sẽ tan vào Tâm tựa như sóng biển khi chạm vào bờ sẽ tan thành nước, hoà vào biển vậy.

Trước khi thần thức lìa khỏi xác, người hấp hối có cơ hội để thấy tịch quang của pháp thân và ngay khi hồn lìa khỏi xác, thần thức lại có cơ hội thấy tịch quang một lần nữa trước khi trở thành hương linh mang thân trung ấm.

Sự Tái Sinh

Sau khi lìa khỏi xác, thần thức có thể đến thẳng cõi khác hoặc mang thân trung ấm một thời gian rồi sau đó mới nhập vào các cõi khác tựa như người vượt biên tạm thời phải ở hải đảo trước khi được một nước nào đó chấp nhận cho nhập cư lâu dài.

Thân trung ấm này có thể đi xuyên qua tường vách và di chuyển đến bất cứ nơi nào nó muốn ngoại trừ tử cung của phụ nữ và đạo tràng của Thánh chúng. Hương linh trong thân trung ấm cũng bị nghiệp lực chi phối và tiến triển qua hai giai đoạn: trung ấm pháp tính và trung ấm tái sinh.

Giai đoạn trung ấm pháp tính, kéo dài khoảng 14 ngày. Trong giai đoạn này, hương linh có thể được chư Phật cùng Thánh chúng hiện đến tiếp dẫn, đồng thời cũng có thể bị các cõi khác thấp kém hơn chiêu cảm.

Tiếp đến là giai đoạn trung ấm tái sinh. Trong giai đoạn này hương linh sẽ phải theo nghiệp để trở lại luân hồi.

Hương linh sẽ tái sinh vào cõi do nghiệp của người đó đã làm trong quá khứ và đặc biệt là vào lúc lâm chung quyết định.

Nếu phạm trọng tội, như giết cha, giết mẹ, chia rẽ chư tăng...mà khi chết lại không gặp duyên may đặc biệt nào thì sẽ bị đọa ngay vào địa ngục. Nếu lúc lâm chung chúng ta có một tâm nguyện mãnh liệt nào đó thì chúng ta sẽ tái sinh vào cõi phù hợp với tâm nguyện ấy. Những người có một thói quen kiên cố hay một đam mê mãnh liệt thì sẽ tái sinh vào cõi phù hợp với thói quen hoặc đam mê ấy. Những người chẳng có

đam mê hay thói quen đặc biệt nào thì sẽ theo tích lũy nghiệp để tái sinh, đại khái là: người làm việc thiện nhiều có thể lên cõi trời; người hiền lương thường tái sinh làm người trở lại; kẻ giận dữ hay gây gỗ dễ thành a-tu-la; người si mê, trộm cắp sẽ thành súc sinh; kẻ tham lam, ích kỷ sẽ thành nga quỳ và kẻ độc ác sẽ bị đọa vào địa ngục.

Từ Chuyện Từ Sinh Rút Ra Được gì?

Nếu quan niệm rằng chết là hết thì chẳng còn gì để nói nhưng nếu cho rằng sẽ có cuộc sống mới sau khi chết thì sự hiểu biết về cái chết cùng sự tái sinh sẽ rất hữu ích và có thể giúp ta hướng đến một đời sống mới tốt đẹp hơn. Tương lai của chúng ta phần lớn do chúng ta quyết định.

Có người cho rằng cuộc sống như hiện tại là tốt rồi, kiếp sau được như hiện tại hay hơn kém một tí cũng OK. Có người cho rằng cuộc sống hiện tại vất vả quá, phải lo lắng nhiều, lo kiếm tiền, lo nhà cửa, lo cho gia đình con cái v.v., nếu được lên cõi trời chắc là khá hơn! Cũng có người cho rằng còn trong sinh tử luân hồi là còn khổ, chi bằng vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi là tốt nhất. Nếu cho rằng chết là hết rồi cứ thế làm bậy, cướp của giết người, miễn là mình sung sướng thì chắc chắn cánh cửa địa ngục sẽ mở để đón những người này ngay trong hiện tại hoặc trong tương lai.

Nói chung, chúng ta tin rằng chết không phải là hết. Đức Phật có chỉ cho chúng ta những cỗ xe để có thể lên đó đến nơi mình muốn đến sau khi chết. Đó là ngũ thừa gồm: nhân thừa (tu theo ngũ giới để được làm người), thiên thừa (tu thập thiện để được lên các cõi trời), thanh văn thừa (tu theo tứ đế để đạt quả A La Hán), duyên giác thừa (tu theo thập nhị nhân duyên để đạt quả Bích Chi Phật), và bồ tát thừa (tu theo lục độ để thoát ly sinh tử và giúp những chúng sinh khác cũng thoát ly sinh tử như mình).

Người theo đạo Phật thường hiểu sự chết theo nghĩa khá tích cực. Đó là cơ hội để giải thoát khỏi sinh tử luân hồi hoặc là cơ hội để làm lại cuộc đời nghĩa là tái sinh làm người với hoàn cảnh tốt đẹp hơn hoặc tái sinh vào cõi khác an lành, sung sướng hơn như cõi trời, cõi Cực Lạc. Làm sao để giải thoát, để đến được các cõi ấy? Phải “tu” để chuyển nghiệp thôi!

Khi chết, chúng ta có cơ hội để thoát ly sinh tử hoặc làm lại cuộc đời. Người tu thiên thì lúc lâm chung phải giữ tâm thanh tịnh để nhập Niết Bàn hoặc chứng Pháp Thân.

Những người khác phải tu tập để có được một tâm nguyện mãnh liệt rằng mình sẽ tái sinh vào một cõi nào đó. Thí dụ người theo đạo Thiên

Chúa thì phải thiết tha cầu mong sau khi chết sẽ được về với Chúa tức là lên Thiên Đàng hoặc người tu theo phép niệm Phật thì phải tin tưởng mãnh liệt là có cõi Cực Lạc và nguyện cầu được về Cực Lạc của đức Phật A Di Đà đồng thời phải niệm danh hiệu của Ngài để xin Ngài hiện đến đón mình vào lúc lâm chung.

Nghiệp là yếu tố quyết định cảnh giới chúng ta sẽ tái sinh trong đó cận tử nghiệp có vai trò ưu tiên, quan trọng. Cận tử nghiệp là những gì mình làm, nghĩ, nói và ao ước trong lúc lâm chung tức là cái tâm nguyện của người hấp hối. Do đó, một người không theo đạo Phật nhưng lúc lâm chung được thiện tri thức khuyên nên niệm danh hiệu A Di Đà Phật mà người ấy vui vẻ, tha thiết niệm Phật và cầu mong Ngài đón thì vẫn có thể được vãng sinh như thường!

Vì Phật A Di Đà có bốn nguyện là sẽ tiếp dẫn vong linh của người chết về cõi tịnh độ của Ngài, nên những người tu theo tịnh độ thường mời các thầy đến tụng kinh A Di Đà và đọc danh hiệu Phật A Di Đà cho người thân vào lúc lâm chung. Nếu vong linh của người chết phát được lòng tin muốn về Cực Lạc và vui vẻ niệm hồng danh của Phật A Di Đà liên tiếp 10 lần thì sẽ được Ngài tiếp dẫn.

Tuy nhiên, đối với người sắp chết ta nên tôn trọng ý muốn của họ. Nếu họ không tin Phật thì không nên khuyên người đó niệm Phật vì có thể họ sẽ tức giận và dễ sa vào 3 đường ác là súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Chỉ nên khuyên họ đừng tham luyến tiền tài, danh vọng, người thân... để ra đi được thanh thản và hy vọng sẽ đến cõi lành.

Tóm lại, chết là cơ hội để thoát khỏi sinh tử luân hồi hoặc được tái sinh vào các cõi khác tốt hơn. Vì thế lúc còn sống nên có tâm nguyện hướng đến một cõi lành và sống đời lương thiện để tránh nghịch duyên.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nguyễn Tuấn (Harrisburg, PA)



NIỀM ĐAU QUÊ MẸ

Không sao hết được nỗi buồn,
Phấn bay hương toả
nhớ nguồn cội xưa
Quần quanh những rối cùng mù
Nhớ từ góc núi sương lu chỗ nằm.

Đó đây tiếng ngán ngơ thảm,
Vì đời nên chịu trầm luân với đời
Trăm nghìn năm chuyện đổi dời
Kể đi người ở đứng ngời bơ vơ.

Tháng Tư song sắt ngục tù,
Rừng xanh núi thẳm
cối bờ ngổ ngang
Quê hương ôi thật bẽ bàng
Bao nhiêu năm vẫn
lòng tan nát lòng.

Còn gì mà đợi với trông,
Chao ôi từ thuở cờ hồng: đón đau
Dù cho tóc đã phai màu
Niềm Đau Quê Mẹ
bạc đầu còn mang.

Hoa Vãn

THÁNG TƯ ĐEN

Tháng Tư mất nước đau lòng quá,
Thơ viết ngàn năm
cũng chẳng cùng
Mực máu vẫn còn tuôn chảy mãi
Từ trong tủ nhục nỗi niềm chung.

Tháng Tư ngào nghẹn
tay buông súng,
Chẳng đánh mà sao chịu vỡ hàng
Trách bạn đồng minh sao phần bội
Để rồi bị nước mất nhà tan.

Tháng Tư biển đón người lìa xứ,
Như suối nghìn năm
chẳng cạn dòng
Ngoảnh lại nhìn về nơi cố quận
Thôi đành lệ chảy biệt non sông.

Tháng Tư chạy giặc cờ in máu,
Chết biển, chết sông,
chết dọc đường
Con bị mất cha chồng mất vợ
Lệ đời rơi mãi xót đau thương.

Tháng Tư tù cải tạo Nam Bắc
Trại mới mọc lên khắp núi rừng
Năm tháng bao tù nhân chết tức
Thiếu cơm thiếu thuốc
xót đau không?

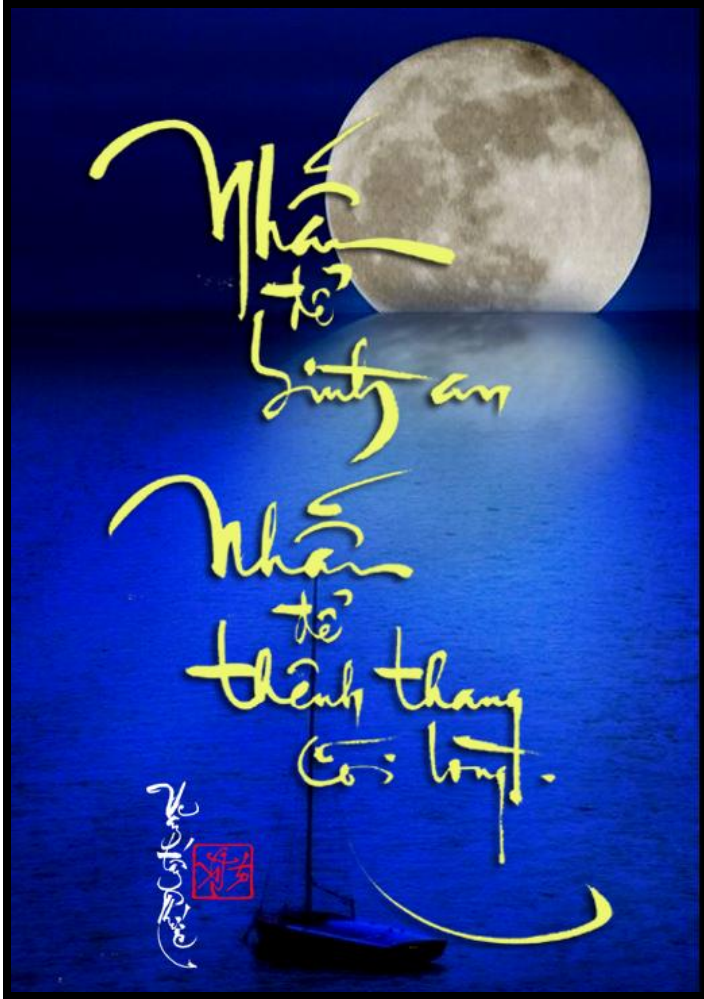
Tháng Tư gục chết tên đường mới,
Nhức nhối tâm can hận bạo tàn
Tự trách thương mình
đau mất nước
Vì đâu thua lũ cộng sài lang.

Tháng Tư Quốc Hận ai không nhớ,
Trừ bọn gian manh lũ trở cờ
Bỏ bạn để theo loài quỷ dữ
Chỉ vì cơm áo chút danh nhơ.

Tháng Tư không thể quên thù hận,
Bởi lũ Cộng Nô bán nước rồi
Đất bán biển dâng cho Tàu Cộng
Chúng lo cho Đảng chúng mà thôi.

Tháng Tư còn hát bài Vong Quốc,
Mất Nước nên ta phải lạc loài
Quốc Hận Tháng Tư
ngày Quốc Hận
Khắc ghi trong dạ chẳng mờ phai.

Hoa Vãn



Nhấn để bình an
Nhấn để thênh thang cõi lòng.

Thư họa: **VĂN TÂN PHƯỚC** (France)

BỚT MỘT MIỆNG ĂN

** TT-Thái An **

Khoảng tháng tám hay tháng chín năm 1973, Thọ đang học lớp đệ nhị - lớp 11 bây giờ. Vừa nhập học khoảng hai tháng thì bộ Quốc Phòng của miền Nam ra thông cáo tất cả thanh niên 17 tuổi đang học lớp đệ nhị phải trình diện nhập ngũ. Những thanh niên 17 tuổi đang học lớp đệ nhất, lớp 12, thì miễn trình diện. Có lẽ vì nhu cầu của chiến trường lúc đó mà bộ Quốc Phòng phải trưng dụng đến thanh niên 17 tuổi. Thọ nằm trong diện này nên phải “xếp bút nghiên theo việc đao cung.”

Thọ đến gặp người yêu để chia tay. Chàng quen với Đào từ năm đệ tam, mỗi lần Thọ đi đá banh cho đội của lớp mình Đào đều đi theo cổ vũ và đem theo bình nước đá chanh cho Thọ. Hai đứa gặp nhau thường xuyên trong tuần, nói chuyện hoài không biết chán, lại còn thề non hẹn biển nữa. Đào ghen ngạo khi hay tin Thọ phải lên đường nhập ngũ. Đào nhắc nhở mãi rằng Thọ phải năng viết thư cho Đào. Cả hai đứa cùng bịn rịn không muốn rời xa. Thọ nán nã mãi rồi cũng phải ra về để chuẩn bị cho chuyến đi Đà Nẵng sáng ngày mai.

Những ngày được huấn luyện ở Bà Nà, Đà Nẵng, Thọ mong ngóng cho đến ngày được thân nhân đến thăm. Khi được gọi ra gặp người nhà, Thọ mừng rỡ cảm động vì sắp nhận được thư của người yêu. Nhìn thấy mẹ, Thọ tuy mừng nhưng cứ thấp thỏm chờ mẹ đem thư của người yêu ra trao cho, nhưng chờ lâu chẳng thấy. Thọ rụt rè hỏi mẹ:

- Ủa! Mẹ không có thư của Đào gửi cho con à?

Bà Công áy náy trả lời:

- Mấy hôm trước mẹ có cho nó hay, nhưng nó bảo là bận làm gì đó, nó hẹn kỳ sau vậy.

Thế là Thọ hơi thất vọng, nhưng vẫn tin tưởng kỳ sau sẽ có thư của Đào. Chưa kể, Thọ có gửi thư cho Đào, cho số KBC của Thọ mà chờ mãi không thấy hồi âm. Chàng đem giấy ra biên thư cho Đào rồi nhờ mẹ cầm về đưa tay cho Đào.

Sau bốn tháng quân trường, Thọ hoàn tất khóa huấn luyện về kế toán tài chính, với cấp bậc Binh Nhì.

Về đến nhà, việc đầu tiên Thọ quăng ngay cái ba lô vào một góc rồi chạy qua nhà của Đào. Chàng nhớ nàng quá, muốn gặp Đào để nói với nàng bao lời yêu thương, nhưng nhớ và trách nàng sao không biên thư cho Thọ, để chàng phải chờ mong. Đến trước cổng nhà Đào, nhìn qua khung cửa sổ, Thọ thấy Đào thấp thoáng sau rèm. Vẫn vóc dáng mảnh

mai, khuôn mặt bầu bĩnh, mái tóc dài không lẫn vào đâu được. Thọ cảm động bấm chuông. Đào quay lại trông thấy Thọ thì vội quay đi.

Đưa em trai của Đào ra mở cửa. Thọ hỏi ngay:

- Chào em. Nói với chị Đào có anh Thọ đến thăm.

Nó trả lời ngay:

- Chị Đào không có nhà.

Vừa nói, nó vừa quay lại nhìn vào nhà.

Thọ không tin nó nói đúng, hỏi lại:

- Anh vừa thấy chị Đào trong nhà mà. Sao em nói không có nhà, bộ nói đùa sao em?

Đưa em trai trả lời thêm lần nữa:

- Chị Đào không có nhà, anh đi về đi.

Thọ không tin nổi, hỏi lại lần nữa:

- Tại sao chị Đào có nhà mà em nói không có?

Đưa em lại trả lời:

- Đã bảo là không có nhà mà anh cứ hỏi hoài.

Thọ đã lờ mờ hiểu được nên hỏi thẳng:

- Có phải chị Đào không muốn gặp anh nữa phải không?

Đưa em chần chừ một lúc, quay đầu nhìn vào nhà như xem chừng lỗ chị nó trông thấy, rồi quay ra khe khẽ gạt đầu. Nhưng Thọ cố gắng nài nỉ nó:

- Cho dù chị Đào không muốn gặp anh nữa, anh cũng xin chị Đào cho nói chuyện lần cuối. Em làm ơn vào nói với chị Đào giúp anh.

Đưa em chần chừ rồi chạy vào nhà. Một lúc sau nó lại chạy ra, nói với Thọ:

- Chị Đào bảo anh về đi, chị không ra đâu. Anh đừng chờ nữa vô ích.

Thọ đầu đổng, chết lịm một phút rồi cảm ơn thẳng em. Chàng quay lưng ra về, chẳng còn thiết nói thêm lời nào.

Về đến nhà, Thọ leo ngay lên cái gác của mấy anh em, lăn đùng ra khóc. Chàng gào khóc như một đứa bé bị lạc mẹ giữa chợ.

Khóc một lúc lâu, cơn đau vẫn còn đầy, Thọ đập chân tay vào tường kêu ùng ùng. Chàng muốn phá nhà cho đã cơn đau đớn và uất ức lúc này. Mẹ và các chị chạy lên khuyên can cũng chẳng được nên lại bỏ xuống. Có ai vào nhà lúc này nghe thấy tiếng đấm thùm thụp của Thọ vào đồ đạc, chặn gối, có thắc mắc hỏi thì các chị trả lời là Thọ đang bị đau răng nên đập phá trên gác.

Đập phá được một buổi chiều, Thọ lăn ra nằm dài trên gác, đến bữa ăn cũng chẳng màng xuống ăn.

Chàng ngấm nghĩ cũng chỉ vì mang lon Binh Nhì mà Đào bỏ chàng. Như thế Đào đâu thương yêu gì chàng, nàng chỉ vì bông bột mà cặp với

chàng học trò Thọ cho vui vậy thôi. Bây giờ chàng làm Binh Nhì, nàng cảm thấy mất vui.

Nằm vùi trên gác vài ngày. Thọ phải dậy đi nhận nhiệm sở. Thọ gia nhập binh chủng Không Quân, làm kế toán phát lương, đóng trong phi trường Tân Sơn Nhất.

Lương Binh Nhì không mua được cái xe gắn máy. Kinh tế gia đình đang lúc khó khăn. Vì lương công chức của bố không thấm vào đâu so với vật giá leo thang vùn vụt.

Việc đem hàng ra miền Trung bỏ mỗi hàng tháng của mẹ hoàn toàn chấm dứt. Vì từ khi quân đội Mỹ rút lui khỏi miền Nam đầu năm 1973, sở Mỹ đóng cửa kéo theo bar quán, tiệm ăn, tiệm quần áo đóng cửa hàng loạt. Vì thế Thọ chỉ mua được chiếc xe đạp mới để ngày ngày đạp xe đi làm.

Nhưng sức trai đang lớn như Thọ ăn rất khỏe, Thọ ăn gấp ba lần người khác nên với một tạ gạo hàng tháng của gia đình chín miệng ăn không còn đủ cung ứng cho Thọ.

Mỗi buổi cơm mẹ phải nhắc nhở mỗi người chỉ được hai bát cơm. Hai bát cơm chẳng thấm vào đâu với Thọ nên lúc nào Thọ cũng đói.

Thọ nghe vài người hàng xóm nói rằng mẹ Thọ không biết giữ tiền, có bao nhiêu ăn xài hoang phí hết chẳng lo để dành để phòng khi không buôn bán được nữa thì còn cầm cự được lâu dài. Nhưng người khác buôn bán như mẹ Thọ đã sắm thêm được một căn nhà khác để cho thuê. Thọ biết họ nói đúng, vì mẹ Thọ có tánh tiêu xài rất "sang", nhưng không ai trong nhà dám nói mẹ một câu vì mẹ là người làm ra tiền nhiều hơn bố. Mẹ có quyền nhiều hơn bố.

Một hôm Thọ bàn với mẹ khi Thọ đi làm về sẽ ghé nhà người cô họ ăn cơm rồi sẽ về nhà.

Vì nhà cô Hảo khá giả, tánh cô lại rộng rãi với họ hàng. Thọ có ghé ăn cơm mỗi ngày cô cũng vui lòng thôi. Một hai ngày đầu ăn tối xong Thọ ra về.

Nhưng dần dà Thọ ngủ lại nhà cô luôn. Vì ở nhà cô có thằng em họ nhỏ hơn Thọ ba tuổi nói chuyện rất hợp. Ngày nào ăn tối xong nó cũng lái xe Honda chở Thọ ra Sài Gòn chạy lòng vòng, rồi rủ Thọ ăn quà và nó trả tiền, hoặc có hôm cả hai lên sân thượng ngắm trăng sao. Hôm nào gặp cô hàng xóm cũng đang lên sân thượng ngắm sao thì Thọ có đối tượng để tán. Thọ cảm thấy yên ổn sống trong nhà của cô.

Mỗi sáng cô Hảo còn đưa tiền cho Thọ đi ăn sáng. Cô đưa tiền quà sáng cho Thọ y như cho các con của cô vậy. Mỗi tháng lãnh lương ra Thọ về nhà đưa hết cho mẹ vì Thọ biết số lương của mình tuy nhỏ nhoi nhưng cũng giúp thêm được tiền chợ cho mẹ nuôi cả nhà tám miệng ăn. Nhà

Thọ có bảy anh chị em. Thọ là con trai thứ tư; trên Thọ có một anh trai và hai chị gái.

Ở nhà cô hơn nửa năm thì chiều ngày 26 tháng Tư, 1975 tan sở về, Thọ báo tin cho mấy người em họ hay gia đình ông Đại Tá Nguyễn Văn, xếp của Thọ đã di tản bằng phi cơ vào sáng tờ mờ hôm đó. Thọ biết rằng những sĩ quan cấp lớn đều đưa gia đình di tản từ mấy hôm nay.

Thọ còn nói đùa: "Hôm nào không còn xếp nào ở văn phòng nữa thì tớ lên làm xếp". Mấy đứa em họ cười nắc nẻ trước câu nói đùa của Thọ. Nói xong Thọ lại xuống giọng nói tiếp: "Nói đùa thôi. Tớ thấy mấy cái văn phòng bỏ trống tớ thấy sờ sờ thế nào ấy!"

Mấy người em họ hỏi lại:

- Vậy sao anh không đi?

Thọ trả lời:

- Ai cho đi mà đi? Máy bay di tản dành cho tướng tá, tề lắm cũng phải úy. Đâu có chỗ dư dành cho Hạ Sĩ như tớ.

Mấy đứa em họ hỏi lại:

- Nhưng nếu anh cứ ở trong phi trường, thấy có cơ hội thì nên leo lên phi cơ mà đi, đừng bỏ về, uống lắm.

Thọ chần chừ trả lời:

- Nhưng cha mẹ và anh em mình ở đây, mình bỏ đi một mình sao được?

Mấy người em họ nhao lên:

- Ai đi được thì cứ đi. Đi được người nào hay người đó. Ở lại chết chùm hết cả đám sao? Nếu anh đi được, bố mẹ anh cũng mừng cho anh đó. Anh không nhớ lúc tết Mậu Thân, Việt cộng vào giết người hàng loạt đó sao?

Thọ trả lời:

- Ai không nhớ? Nhưng bỏ đi đâu bây giờ? Tiền không có, đi đâu không biết phải sống ra sao.

Tình hình miền Nam đã quá rõ ràng. Mỹ không còn tiếp tế thêm xăng dầu, đạn dược, súng ống. Quân CS Bắc Việt sắp thắng và sắp vào đến nơi. Đường phố như trong cơn hấp hối, mọi người ngơ ngác hồi hải kiếm lối thoát.

Chiều 27 tháng Tư, tan sở về đến nhà cô. Vắng tanh, chỉ còn bà người làm ra mở cửa. Thọ hỏi ngay:

- Cả nhà đâu cả rồi?

Chị Ba trả lời:

- Có xe tới rước cả nhà đi hết rồi. Tôi nấu cơm xong rồi, cậu ăn chưa tôi dọn cho cậu ăn.

Thọ thẫn thờ ngồi xuống ghế bành, nhìn lại căn phòng khách, phòng ăn và căn nhà ba tầng rộng thênh thang. Chàng ăn vội bữa tối rồi lên xe đạp về nhà bố mẹ báo tin.

Ngày tối hôm đó, mấy người chị và em gái của Thọ dọn qua nhà cô Hảo để ngủ với Thọ. Vì đây là cơ hội giữ lấy căn nhà này để ở. Nếu không vào ở ngay, lỡ có người lạ vào chiếm nhà.

Nhưng vợ chồng người anh của Thọ có linh tính không được ở lâu trong căn nhà này nên đem xe ba gác đến chở bớt bàn ghế, tủ giường, đồ điện, quần áo, giày dép và tất cả đồ dùng trong bếp về nhà. Nếu bị lấy lại căn nhà này, ít ra cũng còn ít đồ đem bán.

Ngày 30 tháng Tư, sau khi Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố hàng, Thọ hồi hả ra về trong khi người ta xô đẩy nhau để vào bên trong phi trường thật hỗn loạn.

Thọ biết nếu mình muốn ra đi thì vẫn có cơ hội leo lên một chiếc phi cơ vào giờ chót. Nhưng còn trẻ quá, chỉ mới 19 tuổi, chưa hề biết cuộc sống bên ngoài nước Việt Nam ra sao. Ra đi biết có còn cơ hội gặp lại cha mẹ và anh chị em nữa không. Và đi đâu, sống thế nào Thọ mù tịt và phát lo sợ. Vì thế Thọ đạp vội xe đi ngược chiều dân chúng để về nhà bố mẹ. Thấy Thọ về, bố mẹ và anh chị em ai cũng mừng Thọ không bị trúng đạn pháo kích vào phi trường. Nhưng cả nhà ai cũng tiếc tại sao Thọ đã không lợi dụng cơ hội để ra đi.

Sau đó mẹ bảo Thọ quay trở lại nhà cô Hảo ở với hy vọng giữ được căn nhà này. Nhưng chỉ ba ngày sau. Có bốn cái xe jeep của cán bộ cộng sản đổ đánh kệt trước cửa nhà. Họ bấm chuông, em gái Thọ ra mở cửa. Bốn người đeo băng đỏ, cầm súng xông vào nhà chia ngay vào Thọ rồi quát to:

-Cút ra ngay khỏi căn nhà này. Đi ngay không thì tao bắn.

Thọ đang mặc chiếc quần cụt và cởi trần, nói với họ:

- Cho tôi mặc vội quần áo cái đã.

Bốn tay cầm súng quát thật to:

- Đi ngay! Không tụi tao bắn.

Thế là Thọ và mấy người em vội bước ra khỏi nhà. Mấy tay cán bộ này không cho anh em Thọ có cơ hội gom túm quần áo hay thức ăn đem theo. Nghĩa là chúng tịch thu từ nhà cho đến thức ăn, quần áo, giày dép và mọi thứ còn sót lại trong nhà. Vì chúng đang đói của và thèm khát của cải của dân chúng miền Nam quá đỗi. Trong nhà cô Hảo còn đầy thùng gạo một tạ và nhiều thứ lương khô khác. Cũng may bà chị dâu của Thọ đem hơn phân nửa về nhà bố mẹ Thọ rồi.

Cũng như bao nhiêu lính tráng miền Nam tan hàng. Thọ và những quân nhân chế độ miền Nam cũ từ Thượng Sĩ trở xuống phải ra trình diện và đi học tập một tuần. Trở về nhà bố mẹ. Đời sống cực kỳ khó khăn. Bố làm công chức chế độ cũ nên bị sa thải, ở nhà. Mẹ không còn buôn bán gì được. Số bàn ghế và máy móc, đồ điện lấy được ở nhà cô Hảo phải đem ra chợ trời bán dần để đổi lấy gạo và mua chút rau mỗi ngày.

Có người họ hàng từ Bắc vào thăm, mách bảo cho biết nếu bọn cán bộ đến dụ dỗ đi kinh tế mới thì chớ đi. Vì đi là chúng xông vào tịch thu nhà. Nếu sống ở kinh tế mới không được, trở về thì không còn nhà để ở. Chuyện như thế đã xảy ra ở miền Bắc khi đảng cộng sản vừa vào tiếp thu miền Bắc. Vì thế bố mẹ cố tử thủ, ở lại căn nhà này.

Mẹ qua tiệm phở bên kia đường xin bưng bàn và rửa chén. Làm được vài tháng, mệt quá mà lương chẳng có bao nhiêu, không kiếm nổi tiền mua gạo cho cả nhà. Hơn nữa tiệm phở cũng bị cán bộ đến ngồi kiểm soát từng ngày, đếm xem bán được bao nhiêu tô để đóng thuế nên tô phở càng lúc càng thiếu phẩm chất và khách càng lúc càng vắng. Có lẽ dân lúc này quá nghèo, ít người có tiền ăn tiệm. Chỉ có cán bộ và những người của chánh phủ cộng sản mới có tiền ăn xài mà thôi. Mẹ nghĩ ra một cách sinh nhai khác: bán gỏi bắp chuối da heo. Mỗi ngày mẹ đi chợ mua bắp chuối và da heo về cho các con phụ làm. Sáng sớm tinh mơ các chị đã phải dậy bào bắp chuối và luộc da rồi thái da heo. Sau đó trộn gỏi, cho vào từng bao nylon nhỏ, bỏ vào thúng. Mẹ sẽ bê thúng gỏi này lên xe đạp, đạp ra chợ Bến Thành bán buổi sáng. Đến trưa là đã hết thúng gỏi. Mẹ lại bê thúng không về ghé chợ mua hàng cho ngày hôm sau. Da và bắp chuối là hai thứ rẻ tiền nên bán món này giá bình dân, rất chạy, vì thích hợp với thời buổi ai ai cũng nghèo khó.

Sau hết, người bác họ từ Bắc vào thăm, thấy hoàn cảnh gia đình đông con, đang chật vật mới có hai bữa ăn bằng khoai, bằng sắn mỗi ngày. Bác đề nghị Thọ đăng ký đi Thanh Niên Xung Phong. Đi theo đám này tuy không có lương, nhưng với hy vọng mỗi ngày họ phát cho ba bữa cơm, Thọ sẽ được no thân và để trong nhà bớt một miếng ăn, bớt cực nhọc cho mẹ. Thời bấy giờ, nhiều gia đình ở Sài Gòn cùng đường kinh tế, đói khổ, bị nhà nước cộng sản dụ dỗ đưa đi kinh tế mới, khai khẩn đất hoang, sẽ có thu hoạch, dư ăn, dư xài.

Vì thế nhà nước phát động phong trào Thanh Niên Xung Phong, đưa những thanh niên đang thất nghiệp như Thọ lên các vùng kinh tế mới đào mương, đào giếng, làm nhà tranh trên các vùng kinh tế mới để dân chúng lên đây có chỗ ở. Thế là một lần nữa Thọ phải ra khỏi nhà để bớt một

miệng ăn. Thọ và mấy thanh niên trong xóm cùng hoàn cảnh như gia đình Thọ rủ nhau đi Thanh Niên Xung Phong với hy vọng mỗi ngày có được ba bữa cơm.

Cả bọn được đưa lên khu Kinh tế mới để làm nhà, đào giếng, đào mương cho những gia đình bị đưa lên đây khai khẩn. Tưởng đi vào Thanh Niên Xung Phong thì sẽ có ăn. Ngờ đâu, Thọ và đám thanh niên này vẫn phải chịu đói hằng ngày. Vì lãnh đạo không có lương thực cố định hằng ngày cung cấp cho thanh niên trong đoàn. Họ bắt chọt kiếm đâu ra vài thúng khoai mì, vài thúng bắp đá, loại bắp cứng như đá, cắn đau răng mà vẫn phải cố nhai cố nuốt, hay vài thúng bo bo thì chờ đến cho thanh niên thế thôi.

Vì thế, làm thì nhiều mà ăn không bao nhiêu nên có hôm Thọ đang đào giếng thì té lăn ra bất tỉnh. Mấy người dân gần đó chạy đến xem, lay Thọ tỉnh dậy hỏi có sao không. Thọ bảo với họ rằng “Tôi không bệnh gì hết, vì đói quá nên xỉu đó thôi”. Nghe thế, họ chạy về múc ra cho Thọ một tô cháo lỏng bồng có chút ruột heo. Thọ cảm ơn họ và nhận lấy húp ngay cho qua cơn đói. Có thằng chịu đói không nổi đã bỏ về, báo cáo cho gia đình Thọ hay việc Thọ té xỉu vì quá đói.

Hôm sau người anh của Thọ lên thăm cầm theo vài củ khoai mì luộc đưa cho Thọ. Anh hỏi Thọ “Mày đói lắm hả?” Thọ không muốn mẹ buồn lo cho mình. Nhưng thằng Thông trốn về đã kể hết rồi. Ngay như anh Thìn chỉ có vài củ khoai mì lên tiếp tế cho Thọ thì đủ hiểu cả nhà phải nhịn vài củ khoai hôm nay để nhường phần cho Thọ. Ở nhà cũng đói mà đi làm cho đoàn Thanh Niên Xung Phong cũng đói. Có hôm đói quá, Thọ và mấy thanh niên khác lén vào ruộng khoai mì của dân nhỏ trộm.

Thọ và các bạn túm cả cây khoai mì nhỏ lên. Cây nào kéo lên có dính củ phía dưới thì bọn Thọ túm lấy củ bứt ra, phủi ngay cát đất, bóc vỏ cho vào mồm nhai ngấu nghiến cho qua cơn đói. Củ nào còn sót lại dưới đất thì chịu thua, không có cuốc xẻng nên không nạy lên được. Trong đoàn có thằng Bá bố về vì quá đói không còn sức để lao động. Về độ hai tháng, ở nhà cũng đói quá, nó lại phải trở lại đoàn. Đoàn lúc nào cũng chấp nhận cho trở lại, nhưng lại tính điểm đầu quân bắt đầu từ thời điểm thứ nhì, thời gian phục vụ trước đó coi như bỏ. Làm cho đoàn thêm được ba tháng, thằng Bá lại bỏ về nhà vì chịu cực và chịu đói hết nổi. Sau khi về nhà được vài tháng nó đã tự tử chết. Có lẽ nó cũng quá đói tại nhà, nó không muốn làm gánh nặng cho cha mẹ nữa, mà trở lại đoàn Thanh Niên không còn là một chọn lựa đáp ứng cho sự sống còn của nó nữa.

Đám dân thành phố bị đưa đi kinh tế mới ồ ạt. Chừng hơn nửa năm sau lại ùn ùn kéo về, vì quá đói và quá bệnh hoạn ở vùng kinh tế mới. Họ về ngồi lê ngồi lết trên các vỉa hè vì đã mất nhà.

Đến cuối năm 1978, giới lãnh đạo đưa đoàn Thanh Niên Xung Phong đi học quân sự 3 tháng ở Củ Chi rồi đưa sang Kampuchia để làm công việc phục vụ chiến đấu ở tuyến sau, chẳng khác gì công việc lao công chiến trường của miền Nam trước 1975.

Trước khi đưa đoàn Thanh Niên qua Kampuchia, họ đưa đám thanh niên này ghé qua thành phố Sài Gòn vào một buổi sáng. Có vài thanh niên bỏ về nhà trước đó một hôm vì không muốn qua Kampuchia, Thọ nhấn họ báo tin cho mẹ hay để mẹ có thể đến gặp Thọ trước khi Thọ ra đi.

Hay tin, sáng sớm hôm đó mẹ đến đường Nguyễn Tri Phương để gặp Thọ. Mẹ khóc quá là khóc, mẹ nói với Thọ mẹ chẳng muốn Thọ đi vì mẹ lo quá. Mẹ chỉ muốn Thọ ở nhà, có gì ăn nấy, đói thì cả nhà cùng đói. Thọ an ủi mẹ: “Mẹ đừng lo cho con, sống chết có số cả. Con không sao đâu, mẹ về đi. Mẹ còn phải dưỡng sức để buôn bán nuôi cả nhà.” Thế là mẹ cứ khóc âm ức cho đến khi xe chuyển bánh, mẹ đứng nhìn theo Thọ khóc ngất, cứ y như lần cuối cùng nhìn thấy con.

Thanh Niên Xung Phong đi gánh đạn cho lính. Quân chính quy đi trước đánh nhau với Khờ Me Đỏ, đám Thanh Niên Xung Phong đi phía sau để nếu bị đánh bọc hậu thì có súng bắn lại.

Sau khi tan trận thì mỗi thanh niên phải đào hố chôn hai xác địch, còn lính chính quy thì đào hố chôn lính của mình. Nếu không chôn, xác sẽ xình thối hết cả khu rừng.

Ở Kampuchia, đi đâu cũng thấy nhà bỏ hoang, dân bỏ chạy trốn Khờ Me Đỏ hay lính Việt Cộng cũng có. Thọ và đoàn thanh niên vào những nhà bỏ trống kiếm đồ ăn. Gạo thì không có, nhưng nhà nào cũng có hũ mắm bò hóc và thùng đường thốt nốt. Đói quá nên có gì ăn nấy. Thọ không chịu nổi cái mùi nặng nề của mắm bò hóc, nhưng đói quá cũng phải nín thở mà nuốt xuống. Hôm nào bắt được con gà đậu trên mái căn nhà sàn thì hôm đó có gà nướng hay gà luộc. Cả bọn xúm nhau vào ăn, mỗi thằng được vài miếng chẳng thấm vào đâu nhưng cũng đỡ thèm.

Có đêm ngồi gác trong rừng, Thọ đang nói chuyện thì thềm với thằng ngồi trước mặt, bỗng dưng nó gục ngay xuống trước mặt Thọ rồi lăn ra. Thọ lay nó mà nó chẳng trả lời. Thì ra nó vừa bị bắn sê vào đầu chết tươi. Thọ rùng mình nghĩ sao không phải là mình mà là nó?

Năm 1979 đoàn Thanh Niên của Thọ được trở về Việt Nam. Thọ về nhà thì không còn hộ khẩu, nên phải lên Thanh Niên Xung Phong trình

diện để xin chuyển hộ khẩu về phường để có thể mua 10 kg thực phẩm mỗi tháng trong đó tính luôn cả gạo. Họ bảo Thọ lên Phạm Văn Hai sẽ có tiêu chuẩn giải quyết chế độ cho anh.

Thọ lên Phạm Văn Hai, ở đó họ cho ăn ngày hai bữa. Ba tuần sau, họ cho Thọ chuyển về trường Bỏ Túc Công Nông học 7 năm, sẽ ra kỹ sư nông nghiệp. Nhưng lên đây, họ loại Thọ ra vì là lính của chế độ cũ.

Thọ lại trở về Thanh Niên Xung Phong bá cáo. Một tuần sau họ đưa Thọ đến trường Công Nhân Kỹ Thuật Máy May Sinco. Chỗ này cũng không nhận Thọ vì lý lịch xấu, lính của chế độ cũ.

Thọ về Thanh Niên Xung Phong một lần nữa. Lần này họ gửi Thọ qua Bưu Điện thành phố. Chỗ này nhận Thọ vào làm công nhân bưu điện. Năm năm đầu họ trả lương rất bèo, việc làm lại nặng nhọc, khuôn vác từng thùng hàng mỗi ngày.

Sau đó Thọ được giao cho việc nhẹ hơn, lương được vào chính ngạch nên tạm ổn định

Thọ lập gia đình rất muộn, gần bốn mươi mới cưới vợ. Vì trước đó Thọ không nuôi nổi thân mình, làm sao dám nghĩ đến việc lo cho một gia đình. Lấy vợ nhưng không dám sinh nhiều con. Chỉ dám có một đứa con mà thôi. Vì đời sống quá bấp bênh. Thọ không muốn con cái phải khổ sở như Thọ. Thọ làm ở Bưu điện đến năm 2010. Dù đủ số năm phục vụ để về hưu vì họ tính số năm phục vụ từ ngày bắt đầu đi Thanh Niên Xung Phong – nhưng Thọ chưa muốn về hưu vì lương hưu chẳng đủ để nuôi đứa con sắp lên đại học. Vì thế Thọ muốn làm thêm vài năm nữa, chờ con học xong sẽ xin về hưu. Nhưng tên thủ trưởng “mời” Thọ lên văn phòng của hắn để nói chuyện riêng. Hắn nhắc nhở Thọ đủ thâm niên để về hưu rồi, trong khi những người trẻ mới ra trường cần việc làm mà Thọ cứ ngồi ì ra đây làm cản trở tương lai của họ. Hơn nữa tuổi của Thọ cũng đã lớn, không còn linh hoạt như người trẻ, vì thế, cơ quan sẽ bố trí cho Thọ một công việc khác thích hợp với sức khỏe của Thọ nhưng tiền lương sẽ thấp hơn với công việc mới.

Thọ tính ra tiền lương chỉ hơn tiền về hưu của mình chút đỉnh mà phải làm nặng hơn nên dứt khoát trả lời: “Thôi thủ trưởng làm giấy tờ cho tôi về hưu, khỏi cần dài dòng nữa”.

Thế là tên thủ trưởng chỉ chờ có thế, hắn đưa ngay giấy tờ cho Thọ ký. Thọ biết ngay hắn đã bán công việc của Thọ cho một người nào đó giá vài chục ngàn đô la. Hắn có nhà to, xe hơi mới. Chỉ nhìn vào biết ngay là tiền của bá tánh đóng vào cho hắn mua xe, sắm nhà. Vì tiền lương tháng của hắn để dành suốt đời cũng không mua nổi nửa căn nhà ở trong thành phố Sài Gòn này.

Thọ tự an ủi mình có lẽ số mình là phải nhường phần ăn cho kẻ khác. Lúc ở nhà cha mẹ, mình là đứa con luôn nhường phần ăn cho anh em. Nhưng lúc đó mình nhường hết lòng, vui lòng mà nhường vì thương cha mẹ và anh em quá. Lúc vào việc làm, mình phải nhường phần ăn cho thằng thủ trưởng. Thằng này thì mình thương không nổi, vì nó đâu có thiếu ăn. Nó giàu quá chừng mà mình vẫn phải nhường phần ăn cho nó. Nó lái xe hơi bóng loáng, đeo đồng hồ hàng hiệu, ở nhà 5 tầng có thang máy lên xuống. Ra đường, ngồi sau tay lái, mặt nó cứ vác lên ra vẻ ta đây “đại gia” nhưng chẳng ai thấy nó sang trọng hay quý phái cả. Cái quê mùa và dốt nát, thiếu văn hóa luôn hiện trên nét mặt và phong cách của nó.

Lắm lúc nghĩ lại, Thọ tự trách mình sao không đi di tản ngày 30 tháng Tư năm 1975 trong lúc có cơ hội. Nếu Thọ khôn ngoan lúc đó, đi theo đoàn người di tản thì cuộc đời Thọ đã khác lắm nhỉ!

TT- Thái An

2/28/19



Lời Nguyện Cầu 30 Tháng 4 năm 2019

Sáng nay thấp nén hương thơm
Dâng lên Chư Phật cầu mong độ trì
Cho bao tử sĩ anh hùng
Đồng bào tử nạn điều linh năm nào.
Hồn thiêng an trú bình yên,
Cõi trời, cõi Phật an nhiên thanh bình.
Mong sao đất nước của mình
Ngày nào sáng rỡ Nhân quyền Tự do
Sài Gòn giờ đã xa rồi,
Ngàn đời nhớ mãi, nhớ hoài VIỆT NAM.



Lê Mộng Hoàng

ĐÔI CẢ THIÊN-THU

TIẾNG MẸ CƯỜI

Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
Tiếng ai như tiếng lá thu rơi
Mười năm mẹ nhỉ, mười năm lẻ
Chỉ biết âm-thầm thương nhớ thôi

Buổi ấy con đi chẳng hẹn thề
Ngựa rừng xưa lạc dấu sơn khê
Mười năm tóc mẹ màu tang trắng
Trắng cả lòng con lúc nghĩ về

Mẹ vẫn ngồi đan một nỗi buồn
Bên đời gió tạt với mưa tuôn
Con đi góp lá nghìn phương lại
Đốt lửa cho đời tan khói sương

Tiếng mẹ nghe như tiếng nghẹn-ngào
Tiếng Người hay chỉ tiếng chiêm-bào
Mẹ xa xôi quá làm sao với
Biết đến bao giờ trông thấy nhau

Đừng khóc mẹ ơi hãy ráng chờ
Ngậm ngùi con sẽ giấu trong thơ
Đau thương con viết vào trong lá
Hơi ấm con tìm trong giấc mơ

Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
Giọng buồn hơn cả tiếng mưa rơi
Ví mà tôi đổi thời-gian được
Đôi cả thiên thu tiếng mẹ cười

TRẦN TRUNG ĐẠO

MY LIFE

FOR MY MOM'S LAUGHTER

Picking up the handset I was stunned with surprise:
Whose voice as light as falling leaves in cold skies?
Isn't it ten years, ten odd years, dear mother,
Just in silence to miss and long for one another?

I left without any promises or pledges that day:
The old wild horse from its forest-land went astray.
Ten years for Mom's hair to turn mourning white,
And mourning-like my soul also in such a plight.

You've still been sitting there weaving your pain
By an existence of slapping wind and beating rain.
I've set off to set up from all directions a pyre
In order to disperse the mist for life lighting a fire.

Your voice was broken off, you choked up, I found;
Mom's endearing words or mere in-reverie sound?
You are too far, how could I reach out for you?
And when could we meeting again look forward to ?

Do not cry, my dear mother, and continue to await.
All my grief I will hide in the rhymes I create.
Of all my sorrow I will write reams and reams,
And find your warmth my warmth in my dreams.

As I picked up the handset how astounded was I
To hear my mom's voice sadder than the rainy sky!
Should I be able to give up Man's time in hereafter,
I would offer mine to recover my mom's laughter.

Translation by THANH-THANH



Ví mà tôi đổi thời gian được
Đôi cả thiên thu tiếng Mẹ cười

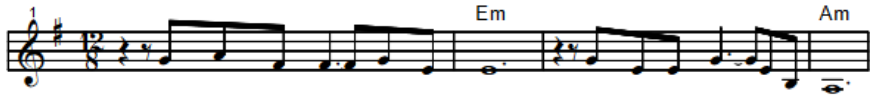
ĐÔI CẢ THIÊN THU TIẾNG MẸ CƯỜI

September 9, 1997

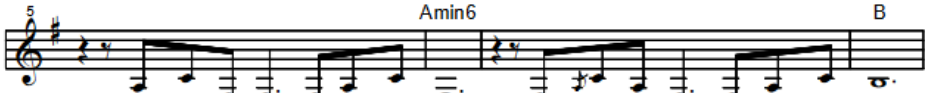
NHẠC : VÕ TÁ HÂN

THƠ : TRẦN TRUNG ĐẠO

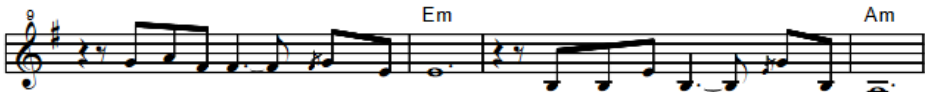
Slow Rock



Nhắc chiếc phone lên bóng lạng người Tiếng ai như tiếng lá thu rơi



Mười năm Mẹ nhỉ mười năm lẻ Chỉ biết âm thầm thương nhớ thôi

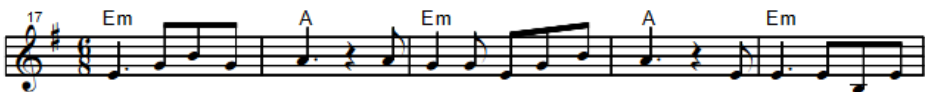


Hôm ấy con đi chẳng hẹn thề Ngựa rừng xưa lạc dấu sơn khê

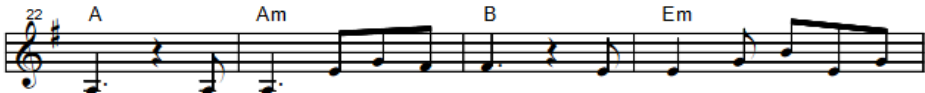


Mười năm tóc Mẹ màu tang trắng Trắng cả lòng con lúc nghỉ về Con

Dào dạt



đi góp lá ngàn phương Đốt lên cho đời tan khói sương Con đi xin Mẹ hãy



chờ Ngậm ngùi con dấu trong thơ Đau thương con viết vào trong

Ca sĩ **Thanh Thúy** hát “**Đôi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười**”

Lời: **Trần Trung Đạo**; **Võ Tá Hân** phổ nhạc:

https://www.youtube.com/watch?v=CEA2u7S_Xi0

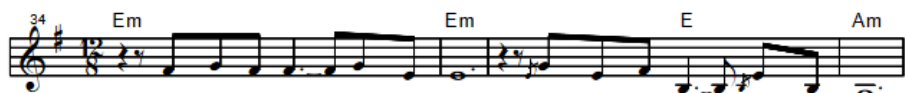


lá Hơi ấm con tìm trong giấc mơ Con đi xin Mẹ hãy

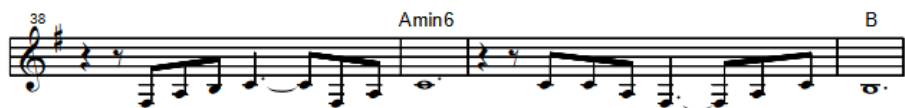


chờ Ngắm ngùi con dấu trong thơ

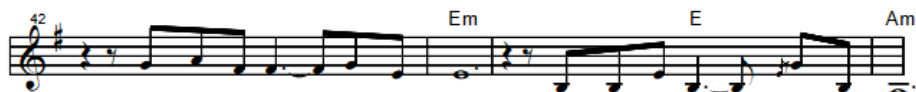
Slow Rock



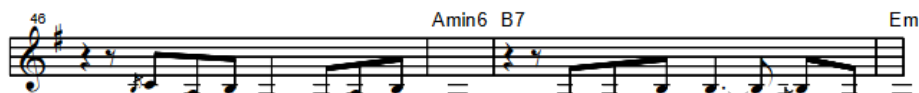
Nghe tiếng Mẹ như tiếng nghẹn ngào Tiếng Người hay chỉ tiếng chiêm bao



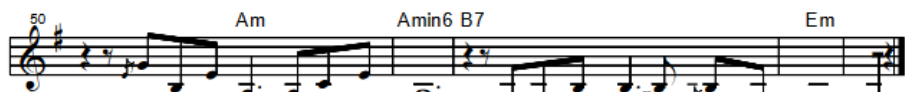
Mẹ xa xôi quá làm sao với Biết đến bao giờ trông thấy nhau



Nghe tiếng Mẹ ơi bỗng lặng người Giọng buồn hơn cả tiếng mưa rơi



Vì mà con đổi thời gian được Đổi cả thiên thu tiếng Mẹ cười



Vì mà con đổi thời gian được Đổi cả thiên thu tiếng Mẹ cười





CON BÊN MẸ NGÀY TẾT

Tranh: Nguyễn Thị Hợp

CHÂN DUNG TIẾN SĨ TRẦN BÍCH SAN NHÀ VĂN HỌC SỬ VIỆT NAM THẾ KỶ 21



Trần Bích San tên thật là **Trần Gia Thái** sinh vào giờ Thìn ngày 28 tháng 07 năm 1940 tại Mỹ Lộc, Nam Định cùng sinh quán với Tam Nguyên Vị Xuyên. Gia đình theo đạo Nho, ông thân sinh là thi sĩ Vị Giang Trần Gia Phúc, quận trưởng Bình Lý, Hà Nam (thời Bảo Đại 2 quận Bình Lục và Lý Nhân hợp lại), thân mẫu là bà Lê Thị Soan con gái út của nghị viên Lê Kính. Năm 1946 tản cư về quê ngoại làng Vụ Hạ, quận Bình Lục, tỉnh Hà Nam, thụ giáo chữ Nho cụ Tú Nguyễn Danh Đạo làng Vụ Thượng. Chính nhờ thời gian 5 năm thuở nhỏ và sau này tự trau dồi thêm đã giúp Trần Bích San rất nhiều trong lãnh vực khảo cứu về cổ học. Năm 1950 hồi cư về Nam Định theo học trường Bến

Ngự. Năm 1952 lên Hà Nội học trường Nguyễn Du (Hàng Vôi), Nguyễn Huệ.

Năm 1954 gia đình di cư vào Sài Gòn, Trần Bích San theo học các trường Trần Lục, Hàn Thuyên, Chu Văn An, đại học Luật Khoa. Năm 1965, tốt nghiệp khóa I Phóng Viên Báo Chí của Việt Tấn Xã. Năm 1968 tốt nghiệp khóa I Tùy Viên Báo Chí, được cử làm Tùy Viên Báo Chí cho Tổng Trưởng Giáo Dục Tăng Kim Đông. Năm 1969 động viên nhập ngũ khóa 4/69 sỹ quan trừ bị Thủ Đức như các thanh niên thời loạn khác. Ra trường phục vụ tại tiểu đoàn 2, trung đoàn 8, sư đoàn 5BB. Sau khi tốt nghiệp Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt được cử làm Trưởng Ban Báo Chí Sư Đoàn. Năm 1973 biệt phái ngoại ngạch về Tổng Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi giữ chức vụ Trưởng Phòng An Ninh Hành Chánh đến khi Miền Nam sụp đổ. Trong khoảng thời gian từ 1973 giữ mục Phiếm Luận cho nhật báo *Tin Sáng*, Sài Gòn.

Tháng tư 1975 di tản ra đảo Guam rồi chuyển về trại tị nạn Fort Chaffee, Arkansas. Được nhà thờ Lutheran bảo lãnh về Hoa Thịnh Đốn, theo học George Washington University, tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học (BSBE). Năm 1979, được nhận vào làm kỹ sư cho Biomedical Engineering Department của Touro Hospital, New Orleans và định cư tại đây cho đến ngày nay. Năm 1990 làm Giám Đốc ngành này. Vì nhu cầu điều hành và quản trị, thi lấy Certified Clinical Engineer (CCE) của

Association for the Advancement of Medical Instrumentation (AAMI), tiếp tục học vấn tốt nghiệp Cao Học về Quản Trị Y Tế (MHA) năm 1995, và Tiến Sĩ (Ph. D.) hạng tối ưu (Summa Cum Laude).

Năm 1987 Chủ Bút nguyệt san *Lên Đường* và bắt đầu viết nhiều. Từ 1994 đến 2016 chủ nhiệm kiêm chủ bút tuần báo *Sài Gòn Nhỏ New Orleans*. Năm 1996 cộng tác với tạp chí văn học *Cỏ Thơm* ngay từ những số đầu, đảm nhiệm chức vụ Chủ Bút tạp chí này từ năm 2008 cho tới nay. Trần Bích San còn là người đồng sáng lập diễn đàn *Việt Thức* www.vietthuc.org vào năm 2010. Năm 2000 cho ra đời tác phẩm *Văn Khảo*, cuối năm 2018 cho xuất bản pho *Văn Học Việt Nam*, lịch sử văn học Việt Nam lần đầu tiên được biên soạn theo phương pháp thể loại văn học.

Tôi quen Trần Bích San từ khi làm Chủ Nhiệm tạp chí văn học *Cỏ Thơm*, nhưng tôi biết anh từ những năm đầu thập niên 1960 ở Sài Gòn. Ngày đó tôi đã lập gia đình với nhà văn Văn Quang và sống trong cư xá Chu Mạnh Trinh, đường Chi Lăng, Phú Nhuận. Tôi có một người bạn tên Duyên ở gần nhà cùng trong cư xá. Trần Bích San bạn với em trai của Duyên là Đỗ Hùng (năm 1965 làm Bí Thư cho Đại Tá Bác Sĩ Văn Văn Của, Đô Trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn). Trần Bích San đang học Luật, thường qua chơi với Đỗ Hùng. Tôi đã gặp anh vào một buổi chiều cuối Thu khi đang có tâm sự, qua thăm Duyên cho khuây khỏa. Đó là một thanh niên đáng dấp thu sinh với mái tóc nghệ sĩ bồng bênh, ngồi chơi guitar trước hiên nhà cùng Đỗ Hùng. Anh đang đàn một bản nhạc classic, bài Serenata (Chiều Tà) của Enrico Toselli. Tôi nhận ra người thanh niên đó thỉnh thoảng có mặt trong tiệm sách *Văn Chương Thư Quán* trên đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận, nơi tôi thường tới mua sách báo. Thì ra tiệm sách đó là của thân mẫu Trần Bích San. Trước năm 1945 ông thân sinh ra anh có tiệm sách ở phố Gia Long, gần Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ôi, nói tới Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội là nói tới một thời nữ sinh 13, 14, đệ thất, đệ lục, mắt sáng với môi tươi, tóc thề vừa chấm ngang vai của Nguyễn Thị Ngọc Dung phóng xe đạp vi vút như chim bay bướm lượn cùng với các cô bạn học quanh hồ đến trường Trưng Vương. Một cuốn phim huyền thoại, thần tiên lại hiện ra trong tôi. Có thể thuở đó Trần Bích San và Ngọc Dung đã ở trong đám học sinh chen chúc nhau trong rạp chiếu bóng Lửa Hồng đồng hạng bên Hồ Gươm, chưa có duyên văn chương văn học.

Nói tới đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận, một thời thiếu nữ, thiếu phụ của Nguyễn Thị Ngọc Dung lại trở về như một cuốn phim tiểu thuyết tình cảm buồn vui nhạt nhòa. Trong đó, thấp thoáng hình ảnh người nghệ sĩ trẻ tuổi Trần Bích San say mê thả hồn vào tiếng đàn không dây, ngậm ngùi trong tiếng mưa rơi một buổi chiều tàn Thu lạnh buồn, đã để lại trong tâm hồn tôi một hình ảnh thơ mộng khó quên.

Từ khi hợp tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, Trần Bích San mỗi năm trở về vùng Hoa Thịnh Đốn ít nhất một lần. Anh thường rủ Đỗ Hùng và mời một số bạn khác tham dự ngày họp mặt kỷ niệm sinh nhật Tạp Chí Cỏ Thơm. Trước tháng 04, 1975 ngày tôi và Robert rời trụ sở ngoại giao của anh ở Âu Châu về định cư ở Hoa Thịnh Đốn, tôi gặp lại Đỗ Hùng. Tôi tặng anh chàng một chai nước mắm nhĩ lúc đó quý hơn vàng, về sau mỗi lần có dịp gặp nhau món quà quê hương này lại được nhắc đến. Đỗ Hùng thường vui vẻ kể cho tôi nghe những kỷ niệm thời trai trẻ trong cư xá Chu Mạnh Trinh. Có lần Đỗ Hùng cho tôi biết "*hỏi đó Trần Bích San nổi tiếng hào hoa. Chàng mà đổ tình với ai thì đều được người đẹp đó đáp lại. Nếu Ngọc Dung không có Văn Quang thuở ấy thì chắc đã không qua khỏi lưới tình của Trần Bích San...*" Nghe vậy, hỏi sao lòng tôi không xao xuyến? Nếu định mệnh đã an bài thì phải có duyên nợ với nhau, Trần Bích San và Ngọc Dung chỉ có duyên nên cái tình văn chương có giới hạn, nhẹ nhàng mà bền lâu.

Thật không thể ngờ người thanh niên có máu văn nghệ tôi gặp mấy chục năm về trước nay lại trở thành một nhà biên khảo nghiêm túc, một nhà nghiên cứu văn học cẩn trọng. Thực ra, nếu Trần Bích San là "một sách" cũng không có gì lạ. Trong khi còn đang học Tú Tài anh đã đọc hết tất cả những sách bán trong tiệm của thân mẫu. Anh còn vào Thư Viện Quốc Gia trên đường Gia Long Sài Gòn tiếp tục đọc những sách không có bán ở ngoài. Ra hải ngoại, anh sưu tầm được gần 1500 nhan sách về văn học, lịch sử trong số hơn 3000 quyển đủ loại.

Trần Bích San cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm với chủ trương văn học nghệ thuật từ bước đầu của tạp chí vào năm 1996. Anh viết về những đề tài văn học, tư tưởng, quan niệm, phê bình rất công phu. Viết về một địa linh nhân kiệt nào là anh biên soạn, ghi chú đầy đủ tiểu sử, giai thoại văn chương về nhân vật, địa danh đó, kèm theo hình ảnh, tài liệu giá trị chứng minh. Những bài biên khảo của Trần Bích San là những cảo thơm văn chương nghệ thuật hữu ích cho độc giả muốn tìm hiểu hay ôn lại chi tiết đã đi vào quên lãng.

Người ta thường cho rằng biên khảo khô khan khó đọc, điều đó không đúng hoàn toàn. Trần Bích San viết khác với lối văn thông thường của loại khảo cứu. Với văn phong trong sáng, gọn gàng không rườm rà lan man, anh dùng những danh từ văn học súc tích, thông thái nhưng dễ hiểu, lời cuốn người đọc. Anh sử dụng phương cách mới để bài viết không những bớt khô khan mà còn trở nên hấp dẫn và lý thú.

Hấp dẫn nhờ những hình ảnh, chứng liệu quý hiếm kèm theo bài viết. Người đọc có thể nhìn thấy các tranh dân gian Đông Hồ, hình những mảnh đá có khắc chữ Việt thời thượng cổ, Truyện Kiều bằng chữ Nôm của nhà Liễu Văn Đường, khung cảnh trường thi Nho học, lều chõng của thí sinh, Lễ Xướng Danh thi đỗ ngày xưa, v.v.

Lý thú nhờ lời giải thích các câu ca dao, câu đối nổi tiếng, giai thoại về những nhân vật lịch sử, v.v. Phần này cho ta được biết sự tích của "rét CỎ THƠM

nàng Bân”, tại sao câu “*đầu cha lấy làm chân con, mười bốn năm tròn hết số thì thôi*” lại chỉ vào việc nhà Tây Sơn ngắn ngủi có 14 năm. Hai vị Tiến Sĩ theo Tây Sơn bị Đặng Trần Thường theo lệnh Gia Long đem ra Văn Miếu nọc đánh mỗi người 100 trượng là ai, vị nào về đến quê thì mất? Sau khi nhà Tây Sơn bị diệt thân phận Ngọc Hân Công Chúa, vợ vua Quang Trung ra sao? Có phải bà bị Gia Long nạp làm phi, hay bà giả làm dân đi buôn trốn về quê ở Quảng Ngãi sau bị bắt đem về Thuận Hóa gia hình “*tam ban triều điển*”? hình ảnh cái chết lãng mạn của Nguyễn Văn Vĩnh trong khi đi tìm vàng bên Lào, Phan Khôi lúc chết bị thương ra sao? chi tiết cuộc thảm sát Phạm Quỳnh ven sông Bồ đêm trăng non 06/09/1945, ai đã ra lệnh giết Chủ Bút Nam Phong? Tự Lực Văn Đoàn có 7 người (thất tinh), 6 người có chữ “*Trong TLVĐ*” đề dưới tác phẩm là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, còn người thứ 7 là ai?, v.v.

Các bài nghiên cứu văn học của Trần Bích San đăng trên *Cỏ Thơm, Tân Văn* là những thiên khảo cứu rộng mênh mông với đầy đủ dữ kiện văn học, dẫn chứng tài liệu, tham khảo thư tịch Đông Tây kim cổ. Những đề tài phong phú văn học này cho thấy Trần Bích San đam mê đọc sách và miệt mài nghiên cứu về văn học sử. Anh phải có tình yêu văn chương chữ nghĩa, tình dân tộc mãnh liệt, viết về văn học để phục vụ và bảo tồn văn hóa Việt, bảo tồn tiếng Việt, chữ Việt. Đó là những “*cảo thơm*” để độc giả yêu văn học lần giở trước đèn.

Tôi rất thích thú và tâm đắc khi đọc ba dòng phê bình văn tùy bút rất ngắn ngủi của Trần Bích San: “*Võ Phiến tử mi, hơi khô. Vũ Bằng lãng mạn chưa đủ. Mai Thảo chải chuốt quá. Tôi thích Nguyễn Tuân và Vũ Khắc Khoan hơn*”.

Trần Bích San hiện đang thai nghén từ hơn 10 năm nay bộ “*Nhà Văn Hiện Đại Việt Nam Hải Ngoại*”, một bộ phê bình văn học được viết theo các phương pháp phân tích hiện đại Tây phương.

Trần Bích San cho biết lý do thúc đẩy anh viết biên khảo văn học trước nhất vì những sai lầm của một số tài liệu ở hải ngoại cũng như các sách ở trong nước viết theo quan điểm Marxist, sau nữa để cung cấp các tài liệu khả tín cho việc giảng huấn những ai cần đến.

Ban Quản Trị Tam Cá Nguyệt San *Cỏ Thơm* rất quý trọng Trần Bích San. Nơi anh người ta thấy những đức tính của một trượng phu, một kẻ sĩ. Anh đã giữ lời hứa đứng chung làm việc, ủng hộ chúng tôi đến cùng. Luôn luôn anh có ý kiến xác đáng, giữ lập trường và tinh thần điều hành *Cỏ Thơm* vững vàng. Anh nói “*Chừng nào còn độc giả, người cầm bút còn phải viết. Đó là kỳ vọng, không phải chỉ của riêng tôi, mà là của chung những người làm văn chúng ta*”.

Trần Bích San đã viết bài tựa thâm thúy cho tập truyện ngắn *Một Thoáng Mây Bay* và có bài phê bình sắc bén tập bút ký *Non Nước Đá Vàng* của Ngọc Dung. Từ hơn 20 năm nay, tôi rất thoải mái làm việc với Trần Bích San và học hỏi được rất nhiều nơi anh.

Với những người chưa quen biết thì Trần Bích San có vẻ thận trọng, xa cách. Khi trò chuyện thân mật cùng văn hữu anh có phong thái cởi mở, giọng cười sáng khoái. Mỗi lần nói chuyện văn chương mà anh là diễn giả trong các lần họp mặt Cỏ Thơm giọng anh rõ ràng, sang sảng. Đáng vẻ bề ngoài Trần Bích San là một nhà tân học, nhưng khi cao hứng ngâm một vài câu thơ bằng lối ả đào anh lại có dáng dấp của một nhà nho thời xưa.

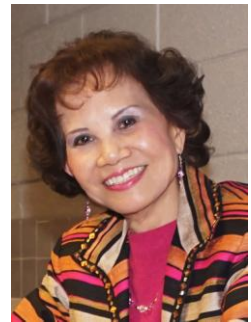
Trần Bích San hào sảng, rộng rãi với ngân quỹ Cỏ Thơm và với nhiều cơ sở văn học khác, anh bỏ tiền in thơ, văn cho một số thân hữu không được dư giả. Mỗi năm anh về Thủ Đức Hoa Thịnh Đốn tham dự sinh nhật Cỏ Thơm, không phiền ai đưa đón lo chỗ ăn ở. Không những anh ủng hộ mua một hai bàn ăn mời thân hữu, đa số là bạn học cũ và văn thi hữu đứng tuổi, lại còn mời ban quản trị Cỏ Thơm một bữa ăn trưa trước ngày họp mặt.

Là người hào phóng, nổi tiếng hào hoa thời trai trẻ, nhưng anh không muốn bạn hữu gọi anh là công tử. Anh giải thích, công tử là con nhà giàu, chỉ biết ăn chơi, hưởng thụ cho bản thân, ích kỷ, không nghĩ, không làm gì lợi ích cho nhân quần xã hội. Anh cho biết sở dĩ anh lấy bút hiệu Trần Bích San là vì ngưỡng mộ tinh thần kẻ sĩ "*không sợ, không ham, không hèn*" của Tam Nguyên Vị Xuyên Trần Bích San, thế kỷ 19.

Ban Quản Trị Cỏ Thơm và độc giả yêu văn học chịu ơn Trần Bích San, dù anh chẳng bao giờ nhận ơn của ai. Hơn thế nữa, văn học hải ngoại và quốc nội phải ghi công Trần Bích San, nhà văn học sử Việt Nam của thế kỷ 21, đã gìn giữ văn học cho quê hương dân tộc.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Chủ Nhiệm Tạp Chí và Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm (2000-2017). Tác giả hai tập hồi ký tiểu thuyết **Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội, Sài Gòn Nhớ Mưa Thương**, tập truyện ngắn **Một Thoáng Mây Bay**, tập thơ **Điểm Trang làm Dáng Cuộc Đời**, bút ký **Non Nước Đá Vàng, Bước Lạ Quê Hương**, tập thơ nhạc Online **Nỗi Nhớ Niềm Thương**, tập thơ Xương Họa Online **Tình Bút Duyên Thơ**.





VĂN HỌC VIỆT NAM

Tác phẩm mới nhất của **Trần Bích San**
nhà xuất bản Cỏ Thơm

- **Cộng Sản hủy diệt, người Việt Quốc Gia bảo tồn, gìn giữ nền văn hóa nhân bản dân tộc.**
- Tác phẩm bao gồm các yếu tố căn bản của nền Văn Học Việt Nam. Truy tìm tận gốc rễ sự thực các dữ kiện văn học tiềm ẩn chưa phát hiện. Hiệu đính sai lầm, bổ túc thiếu sót trong Văn Học Sử.
- Một quyển sách không thể thiếu trong mỗi gia đình người Việt hải ngoại.
- Công trình biên soạn công phu trong 20 năm. Sửa chữa và bổ túc trong 3 năm. Sách dày 1200 trang, khâu chỉ, bìa cứng, bọc plastic, chữ vàng, hơn 500 hình ảnh, tài liệu quý hiếm.
- **Giá bán \$50. Độc giả ở Hoa Kỳ miễn phí shipping. Tất cả tiền bán sách (vốn & lời) được dùng tặng quỹ yểm trợ Thương Phế Binh VNCH. Tổng số tiền yểm trợ và biên nhận tiền gửi sẽ được công bố trên báo chí. Check hay Money Order trả cho THÁI TRẦN.**

• *Mua sách xin liên lạc:*

Tiến Sĩ Trần Gia Thái, Ph.D.

hoặc **Trần Ngọc Châu**

P.O. Box 740248

New Orleans, LA 70174

(504) 615-5606 - (504) 263-5661

Email: chautran6@aol.com

NHỮNG SUY NGHĨ VỀ NGÀY 30/4

**** TRƯƠNG VŨ ****

Nếu chỉ đọc trên báo chí, nghe lời hô hào, hay nhìn khẩu hiệu trong các cuộc tuần hành, quả thật chúng ta thường thấy xuất hiện những tên gọi như Quốc Hận, Tháng Tư Đen, ngày Giải Phóng, hay ngày Đại Thắng Mùa Xuân,... dành cho ngày 30 tháng Tư 75. Thế nhưng, ý nghĩa thật sự của nó với mỗi người Việt phức tạp hơn nhiều. Rất khó để tìm được một tên gọi chung. Cho mỗi người, ý nghĩa hay tâm trạng cá nhân về ngày này cũng thay đổi theo thời gian. Ở trong nước, cùng là đảng viên Cộng Sản, cùng phấn đấu chung trong chiến khu, cùng có chung một tâm trạng hồ hởi vào 37 năm trước, nhưng tâm trạng ngày nay của một chị cán bộ mặc đồ đầm ngồi trong chiếc xe hơi sang trọng với tài xế riêng chắc chắn phải khác với tâm trạng một bộ đội về già, tay trắng, chiều chiều ra ngồi quán bia chửi Đảng. Ngoài nước cũng thế, tâm trạng của những người mất cả tuổi trẻ của họ trong chiến tranh, trong các trại “cải tạo”, hay mất cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh chị em trong các chuyến vượt biên thăm khốc chắc chắn phải khác với tâm trạng của một số gia đình đánh cá trước đây rất nghèo khổ. Ngày xưa, những gia đình này cả làng họ không có lấy một y tá, ngày nay họ cật lực làm ăn trên đất Mỹ, nuôi con ăn học, có gia đình có đến 3, 4 đứa con hành nghề bác sĩ. Thịnh thoảng, họ về thăm làng cũ, giúp xây nhà thương, trường học, xây lại mồ mả ông bà, xây lại nhà cửa của cha mẹ thành những biệt thự sang trọng mà nhiều người sống chỉ nhìn thấy trong mơ. Tôi không tin ngày 30 tháng Tư chiếm một vị trí đáng kể nào trong tâm tư, tình cảm của họ. Nếu có, khó bảo nó mang ý nghĩa của một thảm kịch. Với những trẻ em dưới 13 tuổi khi chiến tranh chấm dứt, có thể có ít nhiều dao động vào lúc đó, nhưng sau 37 năm vật lộn với cuộc sống, bây giờ đang chuẩn bị cho những ngày hưu trí không còn xa, 30 tháng 4 chắc chỉ còn là một dấu ấn mờ nhạt. Thành phần này chiếm đa số của dân tộc.

Tâm trạng của tôi vào những ngày đó của 37 năm xưa đơn giản chỉ là tâm trạng của một anh nhà giáo thuộc diện quân nhân biệt phái, mang nhiều mơ ước cho tương lai như bao con người bình thường khác. Bỗng dưng, thấy mình thuộc phe bại trận, và bao ước mơ tan thành mây khói.

Tệ hơn, khi nhìn quanh không thấy một cấp lớn nào, quân sự hay dân sự. Cũng không thấy có bao nhiêu bạn bè còn lại. Những ngày tiếp theo đó được nghe kể về cái chết của Tướng Nguyễn Khoa Nam. Thêm cảm giác hụt hẫng. Cho đến lúc đó, Vùng 4 vẫn là niềm hy vọng sau cùng, dù mỏng manh, cho cả nước. Miền Nam có một triệu quân. Cho đến ngày 30 tháng Tư, 1975, Vùng 4 gần như không có thiệt hại quân sự gì đáng kể. Dưới quyền tướng Nguyễn Khoa Nam, chắc chắn phải có ít nhất một trăm ngàn quân. Ông không cho phép quân nhân dưới quyền rời bỏ nhiệm sở. Thực tế như thế nào, chúng ta đã biết. Tôi cố hình dung tâm trạng ông vào những ngày đó, và cái vắng lặng kinh hoàng ông cảm nhận được. Tâm trạng của ông phải khác tôi nhiều lắm. Nỗi đau lớn gấp trăm ngàn lần. Ý nghĩa của ngày đó đối với ông thật sự như thế nào khó ai biết, nhưng chắc chắn nó không giống với bất cứ ai trong chúng ta.

Thời gian qua, bao nhiêu đổi thay, bao nhiêu biến cố dồn dập đến trên thế giới, và bao nhiêu sự thật phơi bày trên đất nước, tôi không còn nhìn về ngày 30 tháng 4 như xưa nữa. Bây giờ, với tôi, “30 tháng Tư, 1975” là ngày khởi đầu cho một sự sụp đổ thê thảm, một hình thức khác của bại trận, của chủ nghĩa Cộng Sản tại Việt Nam, tại Đông Âu, tại các nước Liên Xô cũ, và tại nhiều nơi khác trên thế giới.

Tôi tin rằng nhiều người Việt khác cũng giống tôi, nhìn ý nghĩa của ngày 30 tháng Tư 75 không còn giống xưa. Tâm trạng của họ vào những ngày này mỗi năm cũng dần dần đổi khác. Ngày nay, những khẩu hiệu, những cờ quạt, những lời hô hào trên máy vi âm, cùng với những suy nghĩ phát đi từ vị trí những người trong một cuộc chiến đã chấm dứt lâu rồi, được nói ra cũng đã lâu rồi, có thể hay, có thể dở, có thể đúng, có thể sai. Tuy nhiên, tất cả những cái đó khó thể phản ảnh những suy nghĩ, những vui buồn, những lo âu, những phấn đấu thật sự của đại đa số dân tộc ngày hôm nay. Tôi muốn nghĩ nhiều hơn đến những vấn nạn, những cuộc chiến mới, không súng đạn nhưng đầy cam go đang xảy ra và những gì sẽ xảy tới cho dân tộc.

Ngày nay, chủ nghĩa Cộng Sản đã đại bại, đã tiêu ma ngay cả trong lòng những cán bộ mà cả tuổi trẻ họ đã sống chết cho lý tưởng Cộng Sản. Nhưng cái biến chứng phát sinh từ sự đại bại đó rất nhiều và khó

lường. Vấn nạn lớn nhất là lối cai trị đi ngược hoàn toàn với sự tiến bộ và những xu hướng nhân bản của thời đại, vẫn tiếp tục tồn tại. Một vấn nạn khác của dân tộc là chữ “Cộng Sản” vẫn tiếp tục được dùng để sống đối trá với nhau. Trong nước, để vinh danh, xưng tụng, dạy dỗ, hô hào. Ngoài nước, để chụp mũ, đập phá. Rất khó để bảo rằng dân tộc Việt Nam, và đặc biệt giới trẻ Việt Nam, không có những khát vọng về dân chủ, tự do và khát vọng được sống một đời có phẩm cách, như rất nhiều dân tộc khác trên hoàn cầu. Giới trẻ Việt Nam ngày nay thực sự rất thông minh, có sức sống mãnh liệt, và biết khá rõ đời sống những người trẻ như họ ở ngoài nước. Thế nhưng, những bài học lạnh người về khả năng đàn áp của chính quyền, những kinh nghiệm sờ sờ về hậu quả bi thảm của nói thật, sống thật, cũng như kinh nghiệm để cá nhân tồn tại đã có từ thời thực dân và trải dài cho đến nay, đã khiến cả nước phát triển rất cao một khả năng ít thấy ở những nơi nào khác trên thế giới. Đó là loại khả năng chúng ta thấy hằng ngày trên các đường phố ở Sài Gòn hay Hà Nội, qua cách chạy xe của mọi người. Khả năng “Lách”! Người có quyền hành, lách theo cách của kẻ có quyền, kẻ cả nhân danh vô sản để sống như tư bản, để vẫn có thể vơ vét, hưởng thụ tận cùng, và vẫn tiếp tục có quyền. Người dân thường, lách để tồn tại, để có thu nhập cao hơn, để có cuộc sống tốt hơn mà không đụng chạm ai. Thế nhưng, vẫn không nên xem thường những khát vọng của từng con người nhỏ bé cùng với những nỗ lực dù rất khác nhau để làm đẹp đời sống. Cũng không nên coi nhẹ những bất mãn rất bình thường của họ mà nếu nhìn ở từng người trông chẳng có nghĩa lý gì. Khó ai dám nói là tất cả, vào một ngày nào đó, sẽ không cộng hưởng với nhau để tạo nên một đổi thay vô cùng lớn. Dĩ nhiên, đừng hy vọng đi tìm một đổi thay như ta muốn thấy ngay sau thời điểm 75. Con người ngày hôm nay, kể cả con người Việt Nam, về hiểu biết, về khát vọng, khác xưa nhiều lắm. Thế giới cũng đã hoàn toàn đổi thay và nhỏ đi.

Về mấy câu nói của các ông lãnh tụ như Lê Duẩn, Võ Văn Kiệt, tôi đề nghị chúng ta không nên phí thì giờ bàn cãi. Mấy ông lãnh tụ của đảng Cộng Sản, hay xuất thân từ đảng Cộng Sản, phần đông có khả năng lớn về hài kịch. Ở Nga, ông Putin trở tài ở trần, cỡi ngựa, đấu kiếm, vật lộn,... Ở Việt Nam, ông chủ tịch nước đi qua Cuba nói cho dân Cuba biết “Việt Nam và Cuba thay phiên nhau canh giữ hòa bình thế giới, Việt Nam ngủ, CỎ THƠM

Cuba thức...”. Tài hài kịch của họ biểu lộ rõ ngay cả khi họ cố đóng vai “đào thương” trong bi kịch, như cảnh đắm ngực nhận lỗi của ông “Trần Dân Tiên” sau Cải Cách Ruộng Đất chẳng hạn.

Về câu hỏi “**người cầm bút phải làm thế nào để có thể băng bó vết thương chung của dân tộc?**” tôi xin mượn chuyện Nhật Bản để góp ý. Cuộc bại trận ê chề nhất trong lịch sử của Nhật Bản xảy ra vào 1945. Sau đó, nước Nhật có nhiều nhà văn được thế giới biết tiếng và nể trọng, đáng kể nhất là Yasunari Kawabata (giải Nobel văn chương 1968), Yukio Mishima (tác giả tiểu thuyết Kim Cúc Tụ), và Kenzaburo Oe (giải Nobel văn chương 1994). Cả ba có quan niệm xây dựng tác phẩm khác nhau. Ở ngoài đời, họ biểu lộ nhận thức về chính trị, xã hội cũng hoàn toàn khác nhau. Mishima và Oe khác nhau như nước với lửa. Thế nhưng, tác phẩm của họ đều lớn, làm lớn sự nghiệp riêng của họ, làm văn học Nhật Bản lớn hơn, và làm dân tộc Nhật lớn hơn. Nhưng, không thấy ai đề ra hay hô hào trách nhiệm băng bó vết thương chung của dân tộc. Kenzaburo Oe còn ngược lại, đắm xoáy vào những vết thương kinh hoàng mà người Nhật muốn quên, những vết thương mà nước Nhật gây ra cho thế giới, mà quân đội Nhật đã gây ra cho chính dân họ. Tôi nghĩ, khi xây dựng tác phẩm, nhà văn cứ sống hết lòng, sống thật với mình, nghĩ sao cũng được. Không có gì sai khi người đọc cảm được chất thép trong một bài thơ hay. Nhưng, hô hào hay chủ trương “trong thơ phải có thép”, hay trao truyền một trách nhiệm lịch sử cho nhà văn lại là chuyện rất khác. Chuyện này, các ông Hồ Chí Minh và Tố Hữu giỏi lắm. Và, đại họa cho văn học và cho cả dân tộc cũng phát sinh từ đó.



Trương Vũ

Maryland, tháng 5, 2012





NGHĨ VỀ MỘT LINH HỒN TRÊN BIỂN

Tranh: **Trương Vũ**

Acrylic trên bố, 20" x 24" - Thực hiện năm 2010



*Thơ Cười, Soi Bóng Chân Như
Thơ cho Mẹ, ngày Happy Mother's Day*

*Dòng Sông Trăng,
Ánh Đạo Vàng
Bạch Liên, thanh khiết
giáo ngàn ý thơ...*

*Sao đêm sáng từ
bao giờ
Dòng đời xuôi ngược
bên bờ ảo lục...*

*Thơ Cười,
Soi bóng Chân Như
Hương, Hoa Hiến Lễ
Đại Tỳ Như Lái*

*Trăng Thuyền
Đội sáng lòng ai
Thú Hương với vợ
Biển Trời Yêu Thương...*

*vương-thanh
12/05/2019, ngày của Mẹ*

THƠ CƯỜI, SOI BÓNG CHÂN NHƯ ...

Vương Thanh kính tặng Mẹ

TÌNH NHẢM!

** Trịnh Bình An **

Thuở nào giờ, chỉ nghe nói "tình buồn", "tình học trò", "tình xưa", "tình già", thậm chí "tình vờ" nhưng "tình nhảm" thì ít nghe, bởi có tình là mừng, là vui rồi, cần phải nâng niu trân quý, sao gọi là nhảm? Vớ lại khi yêu người nào cũng tràn lòng tha tha thiết thiết, sao coi đó là nhảm nhí chớ?

Tôi còn nhớ hồi nhỏ, mượn được tờ tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong (Sài Gòn trước 1975) ở nhà nhỏ bạn - vì ba má tôi không chịu mua báo này, cho là báo... nhảm. Thấy một bức hí họa, vẽ một cô tiểu thư nằm trên giường, ôm gối, khóc nức nở; còn cô sen ngồi bên cạnh, nói: "Cô ơi cô, cô còn có tình để khóc, chớ em đây muốn kiếm một mảnh tình vắt vai cũng hỏng được nè".

Lối khóc của cô tiểu thư (Mari Sén) trong tranh chắc là loại tình nhảm nên mới bị đưa ra giễu, bởi người coi ai cũng hiểu, chỉ vài bữa nửa tháng là tiểu thư nhà mình lại tưng tưng vui vẻ ngay đó mà.

Tới về sau, mỗi lần tôi rầu rĩ về đường tình duyên trắc trở thì lại nhớ tới bức vẽ vui nọ để tự an ủi mình, rằng dù gì mình còn có tình để rầu, chớ mấy người coi nhỡ như vậy chớ chưa chắc họ đã có tình (vắt vai) để nức nở đâu nha! Và tôi cũng nghĩ chuyện tình mình là nhảm, rồi vài bữa nửa tháng mình lại tơn tơn. "Buồn ơi ta xin chào mi..." nhưng rồi "Buồn ơi, bỏ đi Tám".

Người con trai, con gái mới lớn nào cũng cho chuyện tình của mình là lâm ly nhứt xứ. Chỉ có cha mẹ xấp nhỏ thì sẵn sàng bảo đó là tình nhảm. Tiếng Anh thì gọi "puppy love". Chu choa, người ta cũng tha thiết chứ bộ, sao kêu giống như mấy chú cún con xun xoe, quẩn quýt đó, rồi xa nhau liền đó. Nói cho ngay, cha mẹ nào cũng muốn đám con lo học hành, đừng có bày đặt "chiện iu đương" chi cho rắc rối mớ đời.

Tôi có anh bạn, vào cái tuổi trở giò, kiếm đâu được mấy cuốn truyện của nhà văn Duyên Anh, mừng hóm, các ca các cảm giấu ở đầu giường, tối tối chun vô mừng thấp đèn dầu đọc. Nhè đâu, ông già có lần xét được, oánh thẳng con tưng bưng. Vừa đánh vừa mắng: "Tí tuổi đầu đã học thói "duyên anh, duyên em!". Tội nghiệp thằng nhỏ, nếu tình yêu là bông hồng, thì nụ hồng chưa ló ra đã bị phán ngay là "nhảm"!

Cũng không trách cha người bạn cấm cửa Duyên Anh, gia đình tôi cũng cấm cửa Quỳnh Dao. Má tôi giễu: "Truyện Quỳnh Dao lúc nào cũng phải giàu thật giàu hay nghèo thiệt nghèo, mà rồi lại phải bịnh thiệt bịnh".

Truyện tình lũng bông nước mắt “à la Quỳnh Dao” đối với ba má tôi thuộc loại truyện tình nhảm; không những nhảm mà còn nguy hiểm cho đứa con gái mới lớn.

Nói đã một hồi rồi tới lúc phải đưa ra định nghĩa *“Thế nào là tình nhảm?”*

Tình yêu thì không bao giờ là nhảm. Ví như cái bông kia, đủ cành đủ lá, đủ nắng đủ mưa thì sẽ đâm bông, có ai dám gọi cây ra bông là nhảm, dù đó là bông hồng trong chậu hay bông mắc cỡ ngoài bụi. Tình cảm của con người nói chung, nam nữ nói riêng, là thứ đẹp đẽ nhất trong đời người, không thể là thứ nhảm nhí như đồ vật thừa thãi cần dẹp bỏ.

Nhưng, khi tình yêu không đúng lúc, đúng nơi, đúng người thì có khi bị coi là thứ cần dẹp bỏ.

Con nít mới nứt mắt cần chuẩn bị cho tương lai, yêu yêu đương đương làm xao lãng chuyện học hành. Vậy, yêu đương là nhảm.

Người lớn đã nên vợ nên chồng, còn liếc dọc liếc ngang, khi *“com”* khi *“phở”*. Thì, tình yêu chắc chắn là nhảm.

Các vị lão niên con cái đầy đàn, không lo sớm chiều kinh kệ mà còn *“trâu già tìm cỏ non”*. Khởi nói, nhảm, nhảm, nhảm, nhảm trăm phần trăm.

Ấy mà, nhảm sao nhảm, những mối tình nhảm đó vẫn như cây đại lộ mầm loi chồi cùng khắp, làm chóng mặt (và méo mặt) thân nhân, những kẻ chỉ mong tìm hai chữ *“bình an”* trong... *“trật tự”*.

Ba đồng một mớ trâu cày

Sao anh không hỏi những ngày em còn không.

Câu ca dao đọc từ nhỏ mà tới giờ này tôi mới chú ý. Chú ý tới hai chữ *“còn không?”*

“Còn không” là sao? Là *“còn chưa có chồng”*?

Hiểu như vậy cũng không sai, nhưng cái hay ở đây là chữ *“còn”* bên cạnh chữ *“không”*, hàm ý *“có cái không có”*.

Chữ *“không”* tiếng Hán (bộ huyệt 空) nghĩa là sự trống rỗng, như trong các từ *“không gian”*, *“hư không”*, nên có câu *“phòng không, chiếc bóng”* hàm ý *“trong căn phòng trống vắng, một mình cô đơn”*. Nên khi thiếu nữ *“còn không”* tức hàm ý *“còn trống không”*, phòng em trống trơn mà tim em cũng trống rỗng. Và điều đó tuyệt vời vì anh có thể... điền vào chỗ trống.

Thời con gái, phòng không chiếc bóng, ngắm trăng ngắm sao, vẫn vợ *“tôi buồn chẳng hiểu vì sao tôi buồn”* đúng là một giai đoạn tuyệt vời. Như một căn phòng trống lóc trong một căn nhà mới mua, gia chủ sắm soi chưa biết mua đồ gì đây cho vừa ý và xứng đáng. Chẳng trách cha mẹ cẩn thận, không muốn đem về những thứ đồ *“se-cân-hen”* (second hand)

cũ mèm đầy rệp, hay thứ "*mét-in-chai-na*" (made in China) xài vài lần là banh ta lông. Thành ra, nếu là đồ nhảm thì không nên chứa trong phòng, cũng thế, nếu là tình nhảm thì không nên bỏ vào tim.

Một anh bạn tôi, giữ kỹ (và kín) những mẩu thơ tình của một cô bạn nhỏ thòi "*bang bang, khi xưa ta bé ta... ngu*". Tới chừng sau hàng chục năm gặp lại, ai cũng có vợ có chồng, con cái đầy đàn. Anh chàng mới lòi cô bạn ra thủ thỉ. Cũng hai chữ... "*còn không?*" - dĩ nhiên, không phải hỏi "*không chồng*", mà hỏi kiểu "*người đi qua đời tui, còn nhớ gì không người?*"

Cô bạn cười toe: Không! (Ừa, vậy hả? Thiệt có chuyện vậy hả? Sao tui không nhớ gì hết ta? v.v.)

Tội nghiệp anh bạn tôi, bông hoa héo khô bao lâu nâng niu ép trong lưu bút, bỗng dựng thành thứ buồn cười, nhảm nhí.



Vậy, nên nghĩ sao về tình nhảm?

Hãy thử tưởng tượng trái tim bạn là một căn phòng. Một căn phòng bạn tìm về để yên nghỉ sau những lúc lao đao, xáo trộn. Thế, bạn muốn có những thứ gì trong căn phòng này?

Chắc chắn phải làm cho bạn cảm thấy bình an?

Và không có gì giúp lòng ta bình an bằng nghĩ tới những tình cảm dịu dàng, trong sáng, ấm áp.

Ái có thể đánh giá thế nào là chân, thế nào là giả, thế nào là tình thật, thế nào là tình nhảm, ngoài chính bạn?

Nếu bạn thấy mỗi tình nào giúp bạn vui nhất, thanh thỏa nhất, mơ mộng nhất, xin hãy trân quý, hãy cất giữ cẩn thận trong trái tim. Còn nếu tình cảm nào dù được cả thế giới này khen tặng nhưng làm bạn cảm thấy chua chát, cay đắng thì hãy thẳng tay vứt nó ra khỏi "*căn phòng*" tuyệt đẹp của bạn.

Điều ngược lại cũng công bằng, đó là tình cảm của mình trao tặng người cũng không nên là tình nhảm. Mà nếu lỡ là nhảm, thì nên cười khi, tự mắng mình: "*Có thể mà cũng bày đặt... duyên anh, duyên em!*"

Trịnh Bình An - 18 tháng 11, 2018

Bài thơ của nữ sĩ Song Thy (Texas) làm tặng:

Tình Nhảm

*Ngày xưa mẹ cảm Duyên Anh
Ngày nay chồng cảm
cửa nàng Quỳnh Dao
Chuyện tình lông bông nghèo giàu
Còn không hỏi thật ngày sau có còn*

*Duyên em ngày tháng mỗi mòn
Nên đàn dây đứt thuở còn gót son
Trao nhận tình dâu cón con
Không là "Tình Nhảm"... bon bon an bình*

CHIỀU MƯA ĐÔNG, NHÌN ĐÀN QUẠ NHỚ TRANH VAN GOGH

cứ như thế mưa đông chiều phủ tới
người một mình đi giữa
cánh rừng xanh
cứ như thế tiếng còi tàu lại hú
ôi rừng xanh mưa và mưa mưa mưa

cứ như thế con sóc chuyền nhanh lắm
đàn quạ đen tới tấp bay về
làm nhớ cánh đồng lúa vàng xưa

Van Gogh vẽ [*]
rồi gục mình với viên đạn tự chia tay

cứ như thế đồng lúa vàng bất diệt
người đi đâu mà mãi miết không về

cứ như thế đàn quạ chiều đáp xuống
ôi hồn người lặng đứng bờ mê
cứ như thế mưa rừng xanh buồn lắm
sáng chớp cơn dông,
đàn quạ vụt bay đi ...

Virginia, 23 tháng 5, 2013

Đinh Cường (1939-2016)

[*] Vincent Van Gogh (1853- 1890)
họa sĩ gốc Hòa Lan, mất lúc 37 tuổi ,
với viên đạn tự bắn vào ngực mình tại
Auvers-Sur-Oise, gần Paris.



“Wheatfield with crows” - Cánh đồng lúa mì với đàn quạ -
Tranh: **Van Gogh**, Oil on canvas, 50.5 cm x 100.5 cm, 1890
Viện Bảo Tàng Vincent Van Gogh – Amsterdam

Từ Đại Học Tới Tàu Bệnh Viện: Đức Quốc Giúp Người Dân Việt

**** Nguyễn Việt Kim ****

Trong khoảng hơn một thập niên, khởi đầu từ 1960, quốc gia trợ giúp Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) nhiều nhất trong tinh thần nhân đạo, vô vị lợi là Cộng Hòa Liên Bang Đức Quốc (Bundesrepublik Deutschland). Các viện trợ chú trọng nhiều vào giáo dục và y tế, âm thầm không nổi bật như nhân viên giảng huấn và học cụ cho các trung học kỹ thuật; có ảnh hưởng rộng lớn với kết quả mỹ mãn song có nhiều nét bi thảm là trợ giúp Đại học Y Khoa thuộc Viện đại học Huế; giúp đỡ trầm lặng như tổ chức Làng Hòa Bình; và được biết đến rất nhiều với tàu bệnh viện Helgoland.

Đại Học Y Khoa Huế thuộc Viện Đại Học Huế khai giảng khoá đầu tiên năm 1961; vào năm 1960 Đại học Freiburg, một đại học có tiếng tại miền Tây Nam Đức Quốc nhận trợ giúp với nhân viên giảng huấn, tài liệu, dụng cụ, ngân khoản, trong chương trình viện trợ văn hóa giáo dục của chính phủ Đức Quốc. Freiburg (im Breisgau) là một thành phố thuộc tiểu bang Baden-Wrttemberg, với dân số 230,000, bên sông Dreisam, cạnh Hắc Lâm (Schwarzwald), thành phố có nhiều di tích lịch sử, truyền thống văn học nghệ thuật, êm dịu, hiền lành và trí thức trong một vị trí rất đẹp với núi, rừng hòa nhịp trong thiên nhiên.

Giáo sư Horst-Guenter Krainick và phu nhân, bà Elizabetha Krainick một nhân viên điều dưỡng cao cấp, lãnh đạo phái đoàn giảng huấn, với sự phụ tá của giáo sư Raymund Disher; được biết đến rất nhiều với tài năng và đức độ nên đã thu hút thêm rất nhiều giảng sư như Bác sĩ Alois Altekoester, giảng viên, các bác sĩ đến phụ giúp Đại học Y khoa Huế. Bốn vị này đã bị thảm sát trong biến cố Tết Mậu Thân tại Huế vào đầu năm 1968. Năm 1991, các cựu nhân viên, các giáo sư, sinh viên của Đại học Y khoa Huế đến thành phố Freiburg để dựng bia, đặt vòng hoa và làm lễ tưởng niệm các vị bác sĩ nhân từ đã quá cố này. Tưởng cũng nên ghi nhận là trong khoảng thời gian từ 1968 đến sau đó, bác sĩ Daniel Trương Dũng đã du học tại đại học Freiburg, hiện ông là một chuyên gia nổi tiếng quốc tế về bệnh Parkinson's disease và cư ngụ tại Orange County, California, Hoa Kỳ.

Helgoland được hạ thủy năm 1963, chuyên chở du khách từ thành phố Cuxhaven (Hamburg) ra hòn đảo Helgoland ở Bắc Hải. Du khách ra đảo này để tránh sự ồn ào của đô thị và có thể nghỉ ngơi trong sự yên tĩnh với cảnh đẹp thiên nhiên của biển cả và núi rừng. Đây là một con tàu hạng trung sức tải là 3,000 tấn, với chiều dài 100 thước và chiều ngang 14 thước (nơi chỗ rộng nhất); vào năm 1966, sau khi được trang bị thành

một tàu bệnh viện, với thủy thủ đoàn 30 người, tàu đã trải qua một hành trình dài 12,000 dặm (7,500 cây số), và cảng tới đầu tiên ở Việt Nam là Saigon. Helgoland có 150 giường cho bệnh nhân, 3 phòng mổ, có phòng hồi sinh sau giải phẫu (critical care unit), phòng cách ly (observation care unit), phòng chiếu điện (radiology), phòng khám răng (dental care), văn phòng cho dược sĩ và dược phẩm (pharmacy).



Tàu Bệnh Viện Helgoland (German hospital ship Helgoland)

Luôn có khoảng 7-10 bác sĩ, 29-30 nhân viên y tá cùng điều dưỡng, 4 nhân viên phụ trách phòng thí nghiệm, 4 nhân viên hành chính; dược phẩm, dược liệu, y cụ và máu được chuyển đều đặn bằng đường hàng không từ Đức Quốc sang. Tiêu chuẩn bệnh viện như được quy định cho một bệnh viện tân tiến tại Âu Châu.

Lúc đó, trung bình là cứ 17,000 dân thì có một bác sĩ (dân số VNCH gần 17 triệu với khoảng 1100 bác sĩ, có 1,000 bác sĩ hành nghề, có một số không hành nghề đi vào chính trị hay làm việc khác hoặc hồi hưu).

Đến hải cảng Saigon vào tháng 9 năm 1966 và phục vụ tại đó hơn 10 tháng; sau đó tàu ra Đà Nẵng vào năm 1967 vì tình trạng tại miền địa đầu giới tuyến có nhu cầu y tế cao hơn (và tại miền Nam lúc đó chỉ có 2 hải cảng có thể tàu này cập bến được là Saigon và Đà Nẵng), theo sự thoả thuận với chính phủ VNCH (và ngầm với phía cộng sản) tàu bệnh viện Helgoland chữa trị cho tất cả dân chúng (thường dân chứ không phải quân nhân), không hỏi lý lịch bệnh nhân và được coi như trung lập theo thoả ước Geneve về nhân đạo (Geneva International Convention).

Trong một cuộc pháo kích vào thành phố (tháng 10, 1970), một miếng đạn rơi vào cửa kính của thư viện trên tàu. Sau đó để phòng ngừa: vào nhiều buổi chiều tàu rời hải cảng ra vịnh để tránh pháo kích, buổi sáng lại cập bến. Dân chúng gọi tàu Helgoland là "con tàu hy vọng" ("Helgoland" the "(white) ship of hope.").

Được coi là một trong những bệnh viện tân tiến nhất tại miền Nam, tàu là nơi có thể chữa trị tất cả bệnh - chỉ trừ giải phẫu tim và giải phẫu óc. Các điều trị đều miễn phí. Tàu được trang bị để có thể tự túc được trong 4 tuần khi gặp trường hợp nguy cấp phải chạy ra khơi. Điều này được bàn thảo khi xảy ra biến cố Mậu Thân (tháng 1, 1968) với sự chiếm đóng Huế của phía cộng sản trên một tháng và sát hại các giáo sư Y Khoa của Đại học Freiburg đã ở lại Đại học Y Khoa Huế và không di tản; và sau NSCTOL-SỐ 15

cùng chính phủ Đức Quốc quyết định cho tàu bệnh viện Helgoland ở lại như đã dự định từ lúc đầu (cho đến tháng 12, 1971). Khi chấm dứt nhiệm vụ khoảng cuối năm 1971, tàu Helgoland quay trở về Đức Quốc, đã chữa trị cho trên 11,000 bệnh nhân trên tàu.

Vi nhu cầu chẩn bệnh và chữa trị rất cao nên tàu có thiết lập Chẩn y viện trên bờ tại nơi tàu đỗ để có thể khám bệnh, phát thuốc, chữa trị các trường hợp nhẹ (out patient). Với các trường hợp nặng phải chữa trị hay giải phẫu trên tàu thì con tàu hoạt động ngày đêm, khi ở bến hay lúc chạy ra vịnh vào ban đêm để tránh pháo kích. Các nhân viên bao gồm thủy thủ đoàn, y tá, điều dưỡng, các bác sĩ sau đó đã lập một hội từ thiện để tiếp tục trợ giúp y tế cho các trẻ em tại Việt Nam. Khi rời Việt Nam vào tháng 1 năm 1972, Đại tá Thị trưởng Đà Nẵng Nguyễn Ngọc Khôi đã bày tỏ lòng tri ân của người dân Việt gửi đến dân tộc Đức điển hình qua việc gửi con tàu và trực tiếp qua việc điều trị cứu thương dân chúng tại Đà Nẵng và tất cả mọi người đến tàu xin trợ giúp về y tế.

Theo tin tức từ nhật báo Sarasota Herald Tribune số ngày Jan 17, 1972:

- 11,100 cuộc giải phẫu, mỗi tháng trung bình 300 bệnh nhân.
- 157,500 bệnh nhân được điều trị tại Chẩn y viện dưới bến, khám bệnh, phát thuốc, về nhà, tái khám (outpatient)
- Có nhiều bệnh nhân đến tàu bệnh viện Helgoland thì bệnh tình quá trầm trọng, mọi cứu chữa đều vô hiệu, con số thương vong cao nhất là 15 người (mỗi tháng)
- Theo thoả thuận dựa theo quy ước Geneve về cứu trợ y tế (Geneva Convention) tàu chữa trị cho thường dân, song có vài trường hợp khẩn cấp khi quá nặng, tàu cũng cứu chữa cho một vài quân nhân
- Tổng cộng có 266 nhân viên y tế phục vụ trên tàu từ khi cập bến Saigon (Sept 66), sau đó ra Đà Nẵng (Oct 67 – Dec 71), mọi nhân viên tình nguyện phục vụ 6 tháng và có thể gia hạn một lần, tổng cộng là 1 năm, một số nhỏ xin về lại Đức Quốc khi chưa hết giao kèo
- Tàu bị trúng một miếng đạn vào cửa kính thư viện vào Oct 1970
- Một bệnh viện của Đức Quốc được thiết lập sau đó trên bờ (Knights of Malta) và tuyển dụng hầu hết các nhân viên y tế đã được huấn luyện và phục vụ trên tàu Helgoland (65)
- Đại tá Thị trưởng Nguyễn Ngọc Khôi (1968-1972) đã tỏ lòng tri ân dân tộc Đức đã trợ giúp nhân đạo dân Việt qua việc gửi tàu Helgoland, ông nhấn mạnh “dân Việt sẽ mãi mãi ghi nhớ nghĩa cử này” (The mayor of Da Nang, Colonel Nguyen Ngoc Khoi says: “*we will never forget the Helgoland, we will never forget what the German people have done for us*”).

Trải qua 2 Thế Chiến, chịu những hệ lụy của chiến tranh với tan nát, khổ đau, chia lìa, mất mát, cộng thêm sự nhục nhằn của một dân tộc bại trận, người dân Đức Quốc đã cần cù chăm chỉ vươn lên. Sau 15 năm khi

CỎ THƠM

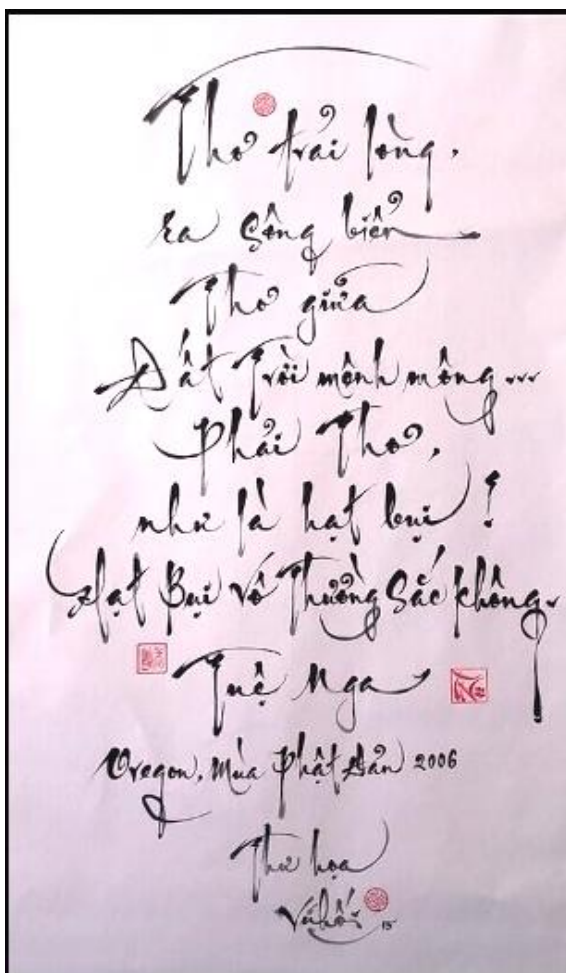
trở thành cường quốc kinh tế trong một quốc gia dân chủ tự do, đã thông cảm và hiểu rõ hoàn cảnh chúng ta đang trong chiến tranh. Đức Quốc đã rộng lượng và quảng đại giúp đỡ quê hương Việt Nam: nhân đạo (tàu bệnh viện Helgoland) và giáo dục (với những hậu quả bi thương tại Huế) – những trợ giúp cho sinh viên du học tại Đại học Freiburg (cho giảng viên, giáo sư từ Đại học Y khoa Huế) và dành một số chỗ tại các đại học cho sinh viên du học đi từ VNCH. Đó là những nghĩa cử mà dân tộc Việt sẽ ghi nhớ mãi mãi và tri ân dân tộc Đức.



Không ai có thể ngờ và đoán trước được là chưa tới 10 năm sau ngày tàu bệnh viện Helgoland (1972) về nước thì một đoàn tàu khác Cap Anamur (1979) lại ra khơi lần này không cập bến song ở ngoài khơi của Việt Nam để vượt đồng bào vượt biên sau biển cố 30 tháng tự năm 1975. Hai con tàu định mệnh đều xuất phát từ Bắc Hải (Hamburg) và người dân Đức Quốc lại thêm một lần mở rộng vòng tay cứu giúp người dân tỵ nạn đến từ Việt Nam; cứu giúp khoảng trên 10,000 người đang lênh đênh trên biển Đông, giúp họ được định cư trên lãnh thổ của Đức Quốc, sau đó được xum họp với các thân nhân trong chương trình đoàn tụ gia đình.

Vào tháng 8 năm 2014 tại thành phố Hamburg đã có buổi lễ kỷ niệm 35 năm con tàu Cap Anamur đầu tiên ra khơi, tại thành phố này cũng có bia tưởng niệm thuyền nhân. Trong buổi lễ này có sự hiện diện của Tiến sĩ Neudecker và Bác sĩ Roesler. Sau Thế chiến thứ hai ông Neudecker là người tỵ nạn phải rời bỏ thành phố nơi ông sinh ra và lớn lên – Gdansk bây giờ thuộc Ba Lan – để di cư qua Tây Đức. Ông cũng là người sáng lập ra phong trào “một con thuyền cho Việt Nam” (ein Ship fuer Vietnam) – chỉ trong một thời gian ngắn vài tuần là quyên được hàng triệu Đức Mã (đơn vị tiền tệ của Đức Quốc là Deutsche Mark, hồi đó chưa có đơn vị tiền tệ Euro). Nhờ lòng hảo tâm của dân tộc Đức và thuê được con tàu Cap Anamur đầu tiên để ra khơi cứu giúp các người đang từ Việt Nam vượt biển tìm tự do: Bác sĩ Roesler một người gốc Việt, được nhận từ một viện mồ côi ở Việt Nam khi mới có vài tháng (1973), sau trở thành Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Kinh tế cùng Thuật lý của Đức Quốc (2011-2013). Vị này sau đó làm cho Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới (Davos World Economic Forum) và bây giờ hoạt động kinh doanh quốc tế, cư ngụ tại Zuerich, Thụy Sĩ.

Nguyễn Viết Kim



BÚT ĐIỀU QUANG

Thân kính tặng Nhà Thư Pháp VŨ HỒI

TÀI HOA, THƯ HỌA ĐẸP NHÂN GIAN
TẢI ĐẠO VÀO ĐỜI, BÚT ĐIỀU QUANG
HỒN CHỮ, NGỜI NGỜI ... THƠM SỬ VIỆT
Ý THƠ, BÁT NGÁT ... RẠNG TRỜI NAM.

Tuệ Nga

Thành Phố Hoa Hồng
Mùa PHẬT ĐẢN 2019

KIỆP TRẦM LUÂN

**** Nguyễn Lân ****

Năm 1970, lần đầu tiên bước vào nhà tù, Côn vừa tròn mười ba tuổi. Ở tuổi này, các thiếu niên khác còn sống trong khuôn khổ gia đình, trong vòng tay cha mẹ, còn được săn sóc trông nom, còn được hướng dẫn chỉ bảo. Côn không có ai lo cho hết. Côn ra đời được sáu tháng sau thì mẹ mất, để lại hai đứa con, Uyên và Côn. Côn không biết ngày mẹ mất ra sao. Sau này, khi nghe chị Uyên kể lại mới biết mẹ mình uống thuốc độc tự vẫn vì chồng rượu chè, trai gái không ngó ngang gì đến vợ con. Mẹ Côn cạn chén độc được ngay trước mắt chồng mà ông cũng không hay biết, ông còn chuẩn choáng hơi men đến khi vợ gục ngã, ông mới tỉnh rượu, mang vợ vào nhà thương rửa ruột thì đã quá muộn... Ông thương tiếc vợ, nhưng bản chất ham vui, ông vẫn chứng nào tật nấy; hai đứa con gửi đi hai nơi, Uyên sang bên ngoại còn Côn ở với bà nội. Bà nội đã già, nhà lại nghèo, bố Côn năm thì mười họa mới về nhà thăm mẹ già con dại nên cuộc sống của Côn thiếu thốn ngay từ nhỏ, thiếu cả vật chất lẫn tinh thần.

Uyên may mắn hơn em, được đưa về bên ngoại, gia đình giàu sang sung túc, nhưng có cái khổ khác vì mẹ theo cha ngoài ý muốn của gia đình nên Uyên cũng không được các dì, các bác thương yêu trừ ông bà ngoại.

Hồi xưa, Yên, mẹ của hai chị em Uyên nổi tiếng hoa khôi Sài Gòn, biết bao gia đình khá giả ngấm ghé cho đến ngày Yên gặp Quyền, một thanh niên đẹp trai tán giỏi, hai người say mê nhau, lúc ấy Yên mới mười lăm, còn Quyền mới mười tám tuổi, cả hai cùng học tại một trường Trung Học tư thực Đô Thành. Cha mẹ Yên không chấp nhận tình yêu bông bột của con gái, ông bà đã nhận trầu cau của một gia đình tăm tiếng, môn đăng hộ đối. Một sáng, Yên bỏ nhà ra đi theo tiếng gọi của ái tình; kết quả là hai đứa con kháu khỉnh bị bầm ra đời. Yên mang con về tạ tội cha mẹ, nàng được cha mẹ chấp nhận trở lại nhưng người rể vẫn không được quyền bén mảng đến nhà cho mãi đến ngày Yên mất.

Thời gian đầu, khi mới có bé Uyên là lúc gia đình hạnh phúc. Yên được cha mẹ cấp dưỡng một số tiền đủ để mở cửa hàng vải buôn bán ngoài chợ Bến Thành, Quyền đi học ngành hàng hải, ra trường trở thành thuyền trưởng cho một tàu tư nhân lương cao. Cuộc sống no ấm đầy đủ cho đến ngày bé Côn ra đời... Quyền bắt đầu say sưa chè chén. Có tiền trong tay, đàn bà con gái bám đầy. Những ngày tàu cập bến, biết tin chồng đã về, nhưng Yên chẳng nhìn thấy mặt chồng cho đến ngày cuối

tàu được lệnh chờ hàng đi nàng mới thấy Quyền về nhà trong men say nồng nặc, về để thay đổi quần áo, chẳng kịp hàn huyên tâm sự, chàng lại vội vã rời nhà, cũng không kịp nựng con. Cứ như thế, Yến sống thui thủi với hai đứa nhỏ, nàng khóc thầm vì chẳng còn ai than thở, chẳng thể tâm sự với cha mẹ, chị anh. Cứ như thế, Yến héo mòn dần, nàng mong ngóng chồng trong u sầu, hờn tủi. Quyền họa hoàn tạt qua nhà lấy vật dụng, đôi khi cũng mua quà tặng vợ con, nhưng chàng hoàn toàn quên hẳn bổn phận của một người chủ gia đình, quên hẳn mình có một cô vợ trẻ và hai đứa con thơ...

Côn khôn lớn trong vòng tay bà nội già nua lẫn thẩn, bà vừa điếc vừa lãng trí. Cứ đến cuối tuần ông ngoại chở chị Uyên về thăm, Côn vui mừng vô cùng, được nô đùa thả cửa với chị, được ông ngoại chở lên Chợ Lớn ăn mì vịt tiềm, được bà ngoại đưa đi mua đồ chơi. Đã nhiều lần ngoại nhắc con về xin cho Côn về đặng ngoại, nhưng nội thương Côn quá, nói chỉ có hai bà cháu hủ hỉ với nhau trong cảnh già, nội nhất định giữ Côn. Và lại, chính cậu bé cũng không muốn xa bà nội về đặng ngoại, cậu bé cảm thấy nhà ông bà ngoại to lớn sang trọng quá, các dì các cậu đáng sợ quá, các anh em họ chỉ thích chòng ghẹo nạt nộ chị em Côn. Nói gì thì nói, Côn nhất định bám chặt bà nội, càng lớn cậu càng tìm cách tránh gia đình bên ngoại. Ông bà ngoại buồn lắm, đành chịu vậy cho đến ngày bà ngoại qua đời thì coi như chuyện xin Côn về phải bỏ qua. Co[^]n tự quyết định đời mình

Nội khéo tay lắm, bà kết cho Côn và Uyên mỗi đứa một cái nón rơm, vừa rẻ lại vừa che nắng che gió mỗi khi ra đường. Nội không có dư dả tiền nhưng không bao giờ nội hỏi tiền con trai để may sắm cho cháu; con trai bà mỗi tháng có đưa tiền cho bà chi tiêu nhưng cũng chỉ vừa vặn trả tiền nhà, tiền ăn. Nội cứ sợ Quyền túng thiếu mà bà là mẹ đã không giúp đỡ được con, sao đành tâm xin xỏ. Nội chiều con trai từ tấm bé, từ ngày cha nó mất cũng như bây giờ nội chiều thẳng Côn vì nó không còn mẹ. Bà nghèo, suốt đời chỉ có hai bộ bà ba đen thay đổi, suốt đời bà chưa biết đến thỏi son, hộp phấn, bà khù khờ chẳng biết con mình sinh sống ra sao, bà chỉ biết con bà bận lắm, có khi cả tháng mới được gặp mặt, chắc vì vậy mà con vợ nó tự tử, con nhỏ ngu quá, đã hai mặt con mà chưa hiểu lòng chồng, chưa biết nghĩ tới con. Bà có thẳng Côn rồi bà đâu có cần ai tuy bà cũng nhớ bé Uyên, đứa cháu gái xinh đẹp mũm mĩm, nhưng bà không thể giữ hai cháu được; vả lại bên họ ngoại nó giàu có, lo cho nó đầy đủ là bà mãn nguyện rồi.

Khi nội đưa nón rơm cho hai cháu, bé Uyên cầm lấy nhưng có vẻ không thích, cô bé đã quen dùng đồ xa xỉ, cô thấy cái mũ rơm này chẳng giống ai nhưng thương nội cô không nỡ vứt. Riêng Côn, cu cậu mừng lắm, Côn đội ngay lên đầu, chạy ra đường khoe mấy đứa cùng xóm... thằng Thực, thằng Thủ là hai đứa con nhà nghèo xát vách nhìn Côn thần phục, dơ tay mân mê cái nón rơm trông cứ như mũ của Robin Hood, thằng Sang con nhà giàu, nhà ba tầng ở cuối đường mặt ngét ra nhìn cái nón rơm, rồi ôm bụng cười lăn lộn. Côn cúi tiết, đâm một cú thật mạnh vào cái miệng đương toe toét, máu vọt vào mặt Côn, hai cái răng cửa lay lút như muốn rụng! Sang rú lên đau đớn. Nội chạy ra bế Sang vào nhà lấy nước muối đắp rồi hối hả ấm thằng Sang về nhà nó... từ đấy, không bao giờ Côn được chơi với thằng Sang nữa, và cũng từ đấy, Côn biết thế nào là giàu nghèo sang hèn, biết thế nào là ganh ghét hận thù. Lúc ấy Côn mới tám tuổi. Côn đi đến đâu, những cô cậu trắng trẻo, mũm mĩm, ăn mặc tươm tất đều trốn tránh. Có lần Côn hỏi chị Uyên: "Tại sao cái tụi con nhà giàu cứ thấy em ở trường cũng như bất cứ chỗ nào đều lẩn cả?" Uyên nhìn em thương hại dù lúc đó cô bé mới mười hai: "Tại em anh hùng quá nên chúng nó sợ". À, thì ra vậy, từ nay trở đi, Côn cứ thế mà anh hùng, cứ thế mà uy hiếp chúng nó bằng võ lực; đứa nào mạnh hơn có gan gây sự với Côn, cậu bé sẽ chống trả đến cùng, có thể mới anh hùng!

Năm Côn mười tuổi, nội mất. Tuy chưa hiểu thế nào là "sinh ly, tử biệt", Côn cũng cảm thấy mất mát quá nhiều, còn đâu những lúc bà cháu kề cận bên nhau, còn ai nâng niu săn sóc, còn ai ôm ấp che chở. Côn ôm chặt xác bà nằm cứng đờ trên giường, lay giựt, cậu không khóc, nhưng cậu vẫn mong bà nghe tiếng gọi thương yêu mà tỉnh dậy. Ông Quyền, cha cậu phải bế xốc con sang phòng bên, khóa trái cửa, nhốt Côn lại để nhà quàn tẩm liệm bà cụ. "Sinh ký, tử qui" là lẽ thường tình mà sao thằng bé nó sâu thẳm, dính bà đến thế? Thằng bé này phải cho ra đời sớm, phải dạn dày hơn nữa mới được. Ông Quyền không mấy thích Côn vì mất nó vừa ti hí, vừa gườm gườm, người thì choắt lại, trông toàn vẻ nó du đãng còn đồ làm sao ấy! Ông yêu bé Uyên hơn, càng lớn nó càng xinh đẹp duyên dáng, nó giống ông nhiều, nhưng sao nó cũng có vẻ lẩn tránh ông? Cả hai đứa con thấy mà chán, chẳng đứa nào quán quít cha! Nhưng nghĩ cho cùng, ông có thì giờ gần gũi con cái đâu mà đòi nó quán quít?!... mà nếu nó cứ bám ông suốt ngày thì làm sao chịu nổi?... Thôi thì, mặc ai nấy sống, ông cung cấp tiền bạc cho chúng nó là đủ rồi, ông còn trẻ, ông phải sống cho ông trước đã... bài bạc, rượu chè, gái đẹp là những món cần thiết đối với ông; rồi các con ông lớn lên chúng sẽ hiểu

và chúng sẽ đồng ý với ông về cuộc sống ngắn ngủi cần phải tận hưởng được phút nào hay phút nấy. Ngắm các con, nghĩ tới người vợ quá cố, ông Quyền thờ dài. Ông vẫn xót thương vợ nhưng ông thấy vợ ông quá đại đột sai lầm. Ông phải quên đi dĩ vãng buồn thảm. Nghĩ tới mẹ già qua đời ông đâm lo, Uyên đã có bên ngoài coi sóc, nhưng ai nhận thằng Côn đây? Thằng bé này cứng đầu lắm, nó không chịu về sống với gia đình bên ngoài, ông không thể nào cáng đáng đưa con này. Ông Quyền chợt thấy một tia sáng lóe ra trước mắt khi người anh lớn, ông Quan đang quì trước bàn thờ mẹ. Ông Quan gần mẹ và thương em trai lắm, ông sẽ nhận lãnh thằng Côn.

Sau cái tang bà nội, bác Quan mang Côn về chung sống với gia đình ông, một bà vợ khó tính lắm điều, hay nói tục và một cậu con trai hiền lành nhút nhát hơn Côn hai tuổi, cậu Hãn cho có anh có em. Côn thương anh Hãn, luôn luôn che chở Hãn nhưng khi bị bọn con nít lỏi xóm chế giễu vì tính rụt rè e lệ; nhiều lúc Côn phải đập lộn với những đứa to con hơn nhưng không vì thế mà cậu lui bước. Hãn đứng ngoài máu nóng bốc lên, không nhịn nổi, cũng lao vào vòng chiến, dần dần Hãn chinh phục được bản tính yếu đuối, hai anh em xát cánh nhau khiến bọn con nít chòm xóm phải gờm. Nhưng, mỗi lần ẩu đả, mỗi lần mặt mũi sưng vù, quần áo tả tơi là mỗi lần bác Quan gái cho cả hai một trận đòn. Riêng Côn, bác còn nhiếc móc, dùng những lời thật hạ cấp, những lời hàng tôm hàng cá để nạt nộ thằng bé mất dạy, du đặng làm gương xấu cho con bác. Côn lớn lên trong khung cảnh đó, Côn học những lời nói bậy từ bác Quan gái bệnh hoạn, Côn học thói anh chị từ những bạn bè xấu, Côn cảm thấy thù đời, Côn cảm thấy ghét cay ghét đắng những đứa bé có gia đình đầy đủ, Côn cảm thấy hận người lớn, Côn bắt đầu nói dối để khỏi bị những lần roi quất đít của bác Quan trai, khỏi bị nghe những lời nhục mạ nặng nề của bác Quan gái; Côn bắt đầu thuồng những món đồ khi được đi đến nhà bạn bè của hai bác để thỏa mãn những ao ước của cậu. Mỗi lần cùng Hãn cắp sách đến trường, Côn bỏ đi lang thang sau khi năn nỉ anh về nhà đừng cho hai bác biết. Cứ thế Côn xuống dốc dần dần...

Bọn Côn ba đứa, thằng Hùng Điền lớn nhất mười bảy, thằng Cương Cứng mười sáu và Côn nhỏ nhất nhưng lại là đầu xỏ... đều là những đứa không cha hoặc không mẹ, đều là những đứa trẻ bị xã hội lãng quên nhóm lại thành một băng chuyên tẩu đồ ăn cắp ra bán trong chợ, ngoài đường phố... Hãn biết những hành động của Côn, nhưng sợ em, cậu không dám nói lại những gì Côn làm cho cha mẹ hay. Ông bà Quan

lúc đầu còn cật vấn Côn những đêm vắng mặt, rồi cũng chẳng thèm để ý đến cháu nữa, mặc nó muốn ra sao thì ra. Thành thạo ông Quyền, cha Côn đến thăm con cũng không được gặp mặt, ông cũng chẳng màng, gửi tiền cho anh chị nuôi con xong ông rũ áo ra đi không hẹn ngày trở lại. Côn có muốn gặp cha cũng khó, mà gặp để làm gì? Lâu dần, Côn cũng chẳng thấy nhớ cha. Ngày qua ngày, thấm thoát đã ba năm kể từ lần đầu Côn bị cảnh sát bắt tại trận khi cậu đương rạch túi áo một bạn hàng ngoài chợ Tân Định. Lần ấy người lính Côn ra là ông thầy dạy tư của Hãn. Hãn van xin thầy đón Côn tại ty cảnh sát và giữ kín chuyện không cho ông bà Quan hay. Ông thầy biết Hãn ngoan ngoãn hiền lành, và thương Côn không cha không mẹ nên bảo lãnh Côn. Lần ấy Côn bị ăn mấy cái tát méo mặt của mấy thầy cảnh sát. Người lớn không ai biết, Côn mang nặng mặc cảm hư đốn, sợ không dám tìm gặp bố nữa nhưng Côn vẫn mong gặp chị Uyên. Có lần, Côn đến đón chị trước cổng trường Gia Long, nơi chị Uyên học. Cậu đứng lẩn sau một gốc cây lớn khi thấy chị từ trong trường bước ra, vui tươi, xinh đẹp, nhí nhảnh, duyên dáng... mấy cậu trai bu quanh xin xô tranh nhau đưa chị Uyên về. Côn bực lắm, nhẩy xổ ra sừng sộ, dậm dọ. Chị Uyên then thùng la mắng Côn và cấm không cho Côn đến trường đón nữa. Côn buồn lắm, từ ngày ấy, cậu chỉ còn dám lén theo hộ tống chị xa xa. Một bữa, Uyên về thăm em tại nhà bác Quan, hai chị em đang chuyện trò vui vẻ, bỗng nghe thấy tiếng còi xe Honda Scooter vang rinh ngoài đường; Uyên vội vã đứng lên, nói với em: “Mày chạy ra đường nói anh Hoàn chờ chị một chút, chị ra ngay”. Côn đứng phất dậy, tông cửa ra ngoài.

Khi Uyên yếu điệu ra với bồ thì nàng khựng lại vì Hoàn đang nằm sượng sượng dưới đất, Côn một chân trên mặt đường, một chân dậm lên ngực Hoàn, tay chống nạnh dáng anh chị đang cười sằng sặc. Uyên giận quá, cô đưa tay tát mạnh vào mặt em, xô Côn ra, Côn không phản ứng. Hoàn lồm cồm đứng dậy, ngượng nghịu. Uyên nhìn bồ ngao ngán, ra lệnh: “Dừng xe lên, đi!”. Xe rồ máy, Uyên đưa mắt nhìn em, cô thấy chạnh lòng... Côn ngồi sệp trên vỉa hè, hai tay ôm mặt... hình như nó khóc...

Từ ngày ấy, Côn không bao giờ dám làm chị phiền lòng, Côn không bao giờ dám dính mũi vào những chuyện tình cảm của chị nữa. Côn còn có mỗi mình Uyên là gần gũi, thương Côn chân thành thôi, dù hồn láo ở đâu, du đấng với ai nhưng đối với chị Uyên cậu là một đứa em ngoan ngoãn lễ độ, dù cậu không thích chị đi chơi, đàn đúm với những chàng trai trẻ. Cũng từ ngày ấy, Uyên không bao giờ to tiếng la mắng em nữa, cô thương em, cô thấy xót xa trong dạ mỗi lần gặp em ngày một ốm o bần thỉu; hai chị em ở hai nơi, Uyên không lo cho em được chút gì... tình

mẫu tử cả hai đứa cùng không có, cô đã biết, tình phụ tử cả hai đứa cùng thiếu thốn, cô đã biết. Nhưng Uyên may mắn được sống với ông ngoại giàu có, được ông ngoại thương yêu bên vực những khi các bác, các dì, các cậu xỉ vả vì nhiều người đưa rước, vì ham chơi. Uyên may mắn hơn em vì cô xinh đẹp, duyên dáng nên ai nói gì thì nói cô vẫn được bao chàng trai săn sóc chiều chuộng. Về đảng bác Quan thăm em, Uyên lại muốn khóc vì thằng bé trông tiều tụy quá; mà sao ánh mắt nó đầy vẻ căm thù, đầy vẻ sắt thép mỗi lần Uyên thoáng bắt gặp; ánh mắt Côn chỉ dịu đi, tươi vui ngay thơ trở lại khi hai chị em trò chuyện với nhau. Mới mười lăm tuổi mà trông thằng bé như hơn hai mươi tuổi... nó có vẻ trầm lặng ít nói, nó có vẻ nghiêm nghị lạnh lùng, nó có vẻ khôn ngoan tính toán, nhưng ánh mắt nó mới buồn làm sao! Côn không bao giờ hỏi chị về người mẹ đã mất, người mẹ mà Côn chưa hề biết mặt. Hai chị em chỉ nhắc nhở đến người cha mà cả hai đều thương yêu nhưng ít có cơ hội gặp gỡ, hai chị em tưởng tượng ra cảnh bề mênh mông mà cha chúng đương thi hành nhiệm vụ hải thuyền. Hai chị em tưởng tượng ra cảnh bão tố điên cuồng ngoài biển khơi mà cha chúng đang lèo lái con tàu, đưa hải hành đoàn về đến bến bình an. Cha chúng phải là một anh hùng. Lớn hơn em, Uyên không nhìn cha một cách tôn sùng như thế, cô biết cha nhiều bề bích, cô biết cha không có trách nhiệm với gia đình, cô biết vì cha mà mẹ tự tử, nhưng cô không nói cho Côn hay để ít ra thằng bé còn nuôi ảo mộng, còn có chỗ nương tựa tinh thần. Hai chị em trò chuyện với nhau thật tương đắc, hai bác Quan cứ bảo thằng bé ngang tàng lì lợm, nhưng Uyên thấy nó hiền quá đi, nàng bảo gì nó cũng vâng dạ, các anh chàng bồ của Uyên có thể đến đón nàng mà không còn e ngại Côn hành hung nữa... nhưng sao các cậu vẫn ngán bản mặt Côn ngay từ phút đầu gặp gỡ, các cậu thú thật với Uyên là trông nó cô hồn lắm, nó có thể giết người, ánh mắt nó thấy mà phát rùng mình, ánh mắt đó là ánh mắt báo tử! Uyên thờ dài chẳng biết trả lời ra sao về những nhận xét của các bạn trai; có lần nàng nói thẳng với Côn về ý nghĩ của mọi người, Côn chỉ cười, nụ cười trong sáng: “Mấy người ấy nói đúng nếu như mấy người ấy làm hại chị, mấy người ấy sẽ được hưởng cảm giác mà mấy người ấy thấy nơi em”.

Một chiều ba mươi Tết, Côn xin phép hai bác Quan ra riêng, sống với các bạn. Bác trai tỏ vẻ quan ngại, bác nói: “Con mới mười lăm tuổi, ba con gửi con ở đây; con đi rồi, bác biết nói sao với ba con? Hơn thế nữa, lòng bác lo lắng lắm dù bấy lâu nay bác không có thì giờ trò chuyện với con nhưng ít ra còn nhìn thấy con ra vào. Không có bác, con sẽ sống ra

sao?” Bác gái không nói năng gì nhưng vẻ vui mừng hiện rõ trên nét mặt, bác chỉ muốn tổng khứ Côn đi, bác sợ con trai bác lêu lổng như Côn “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, thằng này bất trị, chẳng thà để nó đi khuất mắt cho rồi. Bác gái quay sang chongo: “Để tôi đi lấy cho nó tám bánh chưng với ít dưa góp”.

Côn mang bánh về túp lều ván gỗ của ba đũa thuê chung, cùng hưởng đêm trừ tịch. Thằng Hùng Điền lúi húi dọn bàn thờ, chưng hai cây nến đỏ trên chiếc đĩa nhựa, đốt ba nén nhang trong một cái bát sành sứ đựng gạo, thằng Cương Cứng đi mua chai rượu chất và gói thịt quay, Côn ôm về ít mứt bí và bánh chưng, dưa món. Thế là đầy đủ cả. Thế là chúng có một cái Tết xum vầy.

Mười hai giờ đêm, tổng cựu nghinh tân, cả ba đũa luân phiên nhau vái trước bàn thờ. Cương lên tiếng: “Tao và hai đũa mày chẳng bà con thân thuộc, cúng tổ tiên ai đây?” Côn điềm đạm: “Thì mình chung sống thế này là anh em rồi còn gì nữa. Mình cúng chung tổ tiên của cả ba. Mày nhìn lên bàn thờ có thấy di ảnh người nào đâu? Mẹ tao trong hồn tao, mẹ mày trong tim mày, bố mẹ thằng Hùng trong óc nó. Hình ảnh đấy! Đầy đủ quá!” Cả ba đũa cười nghiêng ngả, cười vang nhà mà nước mắt chúng ướt đẫm hai gò má. Không có pháo đầu xuân nhưng cả ba đũa cùng nghe như tiếng pháo nổ đi đùng trước ngõ, chúng đang nhớ lại thời gian còn sống với gia đình. Hai đũa kia còn có mẹ khi chúng năm sáu tuổi, chúng còn nhớ nhiều về mẹ chúng, còn Côn có thấy mẹ bao giờ. Hình ảnh mẹ trên tấm hình 4x6 trong túi áo mà chẳng bao giờ nó rời. “Mẹ ơi!”

Hùng điền rút ngăn kéo, bưng một cái khay bạc cũ bản trên để một ống chích và ba ống thủy tinh nhỏ xíu, mỗi ống đựng chừng 1cc chất nước trắng trong đặt trên bàn. Đương mơ màng mà cả Côn lẫn Cương Cứng đều bật dậy, reo vui: “Ồ! Thần dược đây rồi!”

Ba đũa luân phiên hút thuốc ra ống, chích lẫn cho nhau. Chúng đã nghiện chất bạch phiến pha loãng này! Mà mua cũng đắt ra phết, giá mỗi ống bằng hai Đức Trần Hưng Đạo (tờ giấy năm trăm bạc Việt Nam hồi đó lộng hình Đức Thánh Trần). Cả ba đều cảm thấy lâng lâng, sáng khoái sau khi mũi kim rút ra khỏi thịt da. Phải chích cho yêu đời để đón mừng năm mới! Nhớ có hồi thuốc đắt quá, không có ống chích chúng chôm được chút bột bạch phiến, chúng cắt tay ra, máu chảy ròng ròng được rịt lại bằng chất bột trắng thần dược!

Tiếng đập cửa thỉnh thỉnh làm cả ba đũa bưng tỉnh, cùng đứng bật dậy. Côn điềm tĩnh ra dấu cho hai bạn ngồi xuống, nhắc then cửa. Một bóng đen ào vào, Thịnh Sứt hỏn hển: “Tụi bay có gan đi ăn hàng ở ngã

Sáu Chợ Lớn đêm nay không? Tiệm Hợp Tân vào tối nay không còn ai, cả nhà đi vắng, họ ăn Tết trên Đà Lạt”.

Cương Cứng lên tiếng: “Cái tiệm mới mở hơn một năm nay chuyên bán xe đạp nhập cảng, phải không?”

- Đúng đó! Bọn chúng làm ăn phát đạt nhất vùng ngã Sáu Chợ Lớn. Tao nghe lời thằng Côn rình tiệm này từ lâu rồi.

- À, thì ra thằng đầu sỏ tinh quá há, muốn ăn mảnh sao mà không bàn với anh em? Hùng Điền có vẻ bực.

- Tính mày nóng hay làm bể chuyện, thằng Cương thì thiếu sự mềm mỏng; vậy tao bàn với tụi bay làm chi? Bao giờ ra tay, tao bật đèn xanh là cùng làm vì thế tao mới để thằng Thịnh Sứt canh chừng tiệm đó trước.

Côn lạnh lùng nhìn thẳng vào mặt đồng bọn, rồi quắc mắt quay sang phía Thịnh: “Thằng này vẫn láu táu, nói năng vung vít. Đáng nhẽ mày phải nói với riêng tao. Tao mới là người cho chúng nó hay. Nhớ lấy, nghe chưa!”

Dưới ánh đèn vàng vọt, Thịnh Sứt mặt nhăn nhó, cười cười: “Biết rồi!” Cũng trạc tuổi Côn, nhưng Thịnh Sứt còn choắt người hơn, vóc chỉ bằng đứa trẻ mười hai, nhưng mặt nhăn nheo như một ông già. Trong bọn, thằng Cương to con nhất, vượt đồng bọn cả cái đầu, thằng Hùng xương xẩu vẻ liêu lĩnh, bất cần đời, nhưng Côn mới là linh hồn của tụi nó, Côn nhanh như sóc mà điềm đạm, tính toán đâu ra đấy.

Côn giữ nhiệm vụ mở khóa cửa phía trước, Hùng bẻ khóa cổng sau để phòng có người ập đến còn có lối thoát, Cương sẽ tải đồ trên chiếc lambretta cỡi chuồng cửa hẻm, Thịnh có phận sự canh chừng cảnh sát để báo cho đồng bọn. Phân công xong cả đám hí hửng rời nhà.

Đã khuya, đêm Trừ Tịch yên vắng, nhà nhà đóng cửa đón Giao Thừa. Bốn đứa đèo nhau trên hai chiếc xe gắn máy cũ kỹ chực chỉ ngã sáu. Thằng Thịnh Sứt ôm chặt bụng Côn vì nó biết Côn là một loại anh hùng xa lộ, phóng xe bất kể trời đất, cứ như bay trên mây, xe gắn máy nào Côn cũng vượt qua mặt dù chiếc scooter tồi tệ của Côn muốn long ra từng mảnh. Thằng Cương Cứng gồng mình trên chiếc lambretta cố bám sát bạn. Hùng Điền chửi thề: “Đ.M... thằng Côn ngu như chó. Đi ăn hàng mà phóng xe thế này thì còn điên hơn tao, cảnh sát nó chặn bắt trước khi tới tụ điểm mất!”. Cương hét: “Để tao bảo nó bớt tốc độ”. Nhưng cu cậu không sao vượt nổi Côn, chỉ còn nước bám theo.

Côn hăm bắt thỉnh linh, Thịnh Sứt bay ra đằng trước, đầu đập vào góc cột đèn, đau đớn xuyết xoa vừa vắng tục, vừa đứng dậy. Côn ngửa mặt cười một tràng dài... Xe Cương tới sau, Hùng phóng xuống điểm mặt

Côn: “Tiên sư nhà mày... Đi cái điệu này có ngày cảnh sát hốt vào bóat cả đám. Làm gì mà vội vậy?”

- Phóng như thế mới sướng, làm gì mà thỏ đế thế? Nhờ ăn hàng không lọt ngòai bóat nghĩ đến những lúc vừa rồi thấy cũng khoái.

- Mày... ngu và điên hơn tao!

Côn im lặng không nói gì, mắt nó gườm gườm. Lúc này không phải là lúc cãi vã tranh thắng. Nhìn bảng hiệu Hợp Tân rạng rỡ dưới ánh đèn néon Côn đương nghĩ làm sao mở khoá vào mà không ai hay. Bây giờ gần Giao Thừa, nhà nào cũng tụ họp chờ đón giờ trọng đại, nhà nào cũng đóng kín cửa vui xuân.

Cả bọn bắt tay vào việc. Thịnh Sút đi vòng vòng nghe động tĩnh, Hùng Điền lên vào ngõ sau cạy cổng hậu, Cương ngòai thoải mái trên xe phi phèo điếu thuốc lá canh chừng, Côn hí hoáy mở khoá cửa chính. Đồ nghề của nó chỉ vòn vẹn một cái móc thép mà dù cánh cửa khoá có cầu kỳ thế mấy, có khoá số hẳn hoi, dù mấy vòng khoá chữ nó cũng mở ra, nghề của nó mà; và nhờ thế mà tụi ăn cắp chuyên nghiệp phục nó xát đất. Đã nhiều băng đảng mời nó ra nhập, nhưng Côn từ chối. Côn không muốn dưới quyền ai, tiếng nó đã vang rền khu Sài Gòn-Chợ Lớn vì tài mở khoá, vì vẻ lì lợm và vì lòng gan dạ. Cũng nhờ vậy mà chưa một đứa nào dám động đến nó, họ muốn thu phục bọn Côn hơn muốn là muốn tranh tài. Tuy nhiên, Côn rất biết điều, nó đã gặp nhiều tay anh chị đầu sỏ bàn nhau chia vùng làm ăn, khỏi đụng chạm. Vùng ngã Sáu này thuộc về bọn Côn vì thế Côn mới khiến Thịnh Sút đi chọn địa điểm. Côn vẫn thích khu chợ Sài Gòn, chỗ đó sô bồ mà béo bở, dễ động thủ nhưng đã có bọn du đảng khác đông hơn, mạnh cánh hơn tụi nó thâu rồi. Vùng ngã Sáu này cũng có nhiều tay máu mặt nhưng khó động thủ vì các chủ tiệm thường cho tiền tụi cảnh sát và thuê cóm ngầm nên khó ra tay.

Mười phút trôi qua... cánh cửa chính bật mở, khoá chữ lớn bé tung ra hết dưới bàn tay phù thủy của Côn. Ba đứa ừa vào chỉ thiếu có Hùng Điền vẫn còn hí hoáy chưa nậy được cổng sau. Ánh đèn bật lên sáng chói, cả ba cùng lóa mắt vì những chiếc xe đạp mới toanh, sơn đủ màu nằm song song trên giá, dựa vào tường, treo lủng lẳng trên trần trông thật đẹp mắt, thật khêu gợi lòng ham muốn của chúng. Côn ra lệnh:

- Lấy đồ phụ tùng thôi nhé, tụi bay. Đừng động đến những xe đã ráp.

- Đợi ca ơi! Tiếng Thịnh Sút van vãn. Em mê chiếc xe sơn màu vàng cứt này quá. Đợi ca cho em nắnng chiếc xe này đi!

- Tao thích chiếc xe đua kia, xe cuộc đẹp thiệt, màu máu đỏ bầm, guidon cong veo, gò người xuống đạp vừa nhanh vừa êm! Tao cột nó lên xe tao trước đã rồi vào khiêng hàng sau. Cương Cứng phụ họa.

Biết có nạt nộ cũng bằng thừa, Côn chỉ gật đầu rồi bắt tay vào việc. Nếu như Thịnh Sút nói sớm độ nửa buổi thì chắc Côn đã mượn được xe hơi tải hàng cho đầy đủ. Thế này là phải đi mấy chuyến mới xong. Mong cho trót lọt!

Cả ba đứa đang hăng say lục lạo quên hẳn Hùng Điền nãy giờ chưa thấy mặt mũi đâu. Những chiếc xe đạp mới toanh đẹp quá, quyến rũ quá, những đồ phụ tùng nhiều loại mang đi bán được khối tiền, tha hồ mà xài! Chúng mê man lục lọi, chúng chẳng còn biết gì nữa. Đêm Trừ Tịch thế này thì nhất rồi!

Bỗng ánh đèn pha chói loà, tiếng lên đạn sành sạch ngay bên tai, tiếng ai quát vang rền: “Giờ tay lên! Đứng tại chỗ!”

Cả ba đứa giật mình, đồng loạt ngừng lên. Côn liều lĩnh nhảy xổ vào người cảnh sát đang chĩa súng vào nó, cùng một lúc nó xoay người lăn tròn dưới đất đá vào tay súng, tiếng súng nổ vang. Thừa lúc mấy người cảnh sát chú ý tới Côn, Cương Cứng chạy nhanh vào bên trong, tính thoát qua lối sau, nhưng cổng sau vẫn khóa kín; cái thằng Hùng Điền đâu, nó không còn thì giờ suy nghĩ nữa vì một họng súng lục đã sát bên sườn. Hai người cảnh sát dùng võ lực quật Cương xuống đất. Côn định phi thân ra ngoài thì phát súng thứ hai nổ sượt trên đầu nó, nó không còn cách nào nữa, đành đứng chết trân. Người cảnh sát dí súng vào thái dương nó, ra lệnh: “Úp mặt xuống đất!”

Cương đã bị còng, bị dẫn ra xe bút bùng trước, Côn bị khóa chéo tay vì nó đã phản ứng chống đối từ đầu. Chiếc còng sắt nghiền vào hai cổ tay xương xẩu đau thốn, nó vẫn bình thản. Chúng nó mãi mê đồ vật quá, quên hẳn cửa sau, quên hẳn thằng Hùng Điền. Thằng này chắc bị bắt trong khi mở cổng hậu! Một vụ làm ăn lớn đầu tiên không thành công, cả tụi còn non quá! Chắc có đứa nào tố rồi! Thằng Thịnh Sút tại đào, thế nào cũng ra manh mối.

Cả ba đứa ngồi trong xe bút bùng nhìn nhau ngao ngán. Giao thừa đã qua, một năm mới sui sẻo!

(còn tiếp 1 kỳ)



NGUYỄN LÂN

KHÓI BAY VÔ MẮT!

**** đoàn xuân thu melbourne ****

Con của má viết xong một bài văn, đôi khi đọc lại thấy cũng có cái trúng mà cũng có cái trật; nhưng điều mà con sắp nói ra lần này chắc chắn là trúng. Trúng trăm phần trăm! Cái đó là: Ai cũng có Mẹ, ai cũng có Má hết! Và ai cũng thương Mẹ, ai cũng thương Má mình sâu thẳm tận đáy lòng. Con cũng không là ngoại lệ!

Chiều cuối năm, quê người, năm hết, Tết đến chợt nhớ Má, nhớ Ba biết bao nhiêu mà nói! Nhớ năm 1964, ông Trưởng Ty Bưu Điện Ban Mê Thuột đương nhiệm, bất ngờ ôm hết tiền trong két sắt, dắt vợ con mà dông tuốt qua Lào. Số tiền nghe đâu cũng khẳm, lên tới vài ba triệu, (lúc đó là rất lớn, vì vàng chỉ khoảng hai ngàn đồng một lượng). Đó là tiền của mấy ông chủ đồn điền cà phê trên cái xứ Ban Mê Thuột này gởi.

Ban Mê Thuột là đi 7 phút đã về chốn cũ, đi lâu hơn Pleiku được 2 phút, vì lớn hơn một chút. Mấy ông nhà văn, gốc lính, đến đây viết bài gọi tưng nó lên, là thủ phủ cao nguyên, nơi đóng bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Ban Mê Thuột viết tắt là B.M.T nên thiên hạ chơi chữ, đặt cho vài cái mỹ danh là 'Bụi Mù Trời!'; vì tình lý vốn nằm trên vùng đất bazan, đồ quạch, sinh tới ống chân, nhão hoét khi mùa mưa tới, rất tốt cho mấy đồn điền trồng cà phê. Mùa nắng, xe qua, cuốn theo từng lốc bụi mù. Xứ rừng, chim kêu, vượn hú, vui sao được? Nên còn gọi là cái xứ 'Buồn Muôn Thuở!'

Sau cái vụ thụt kết rồi chạy của ông 'thần' này, mấy xếp lớn trên Tổng Nha Bưu Điện lo sốt vó, bèn điều một ông khác từ Sài Gòn lên trên ấy để sắp xếp, kiểm tra lại sổ sách coi ông Trưởng Ty cũ chính xác ôm theo hết bao nhiêu tiền, để biết mà bồi thường cho khách hàng ký gởi. Ông này không muốn đi, bèn xách giầy vô nằm nhà thương, né, vì sợ chết... do tình hình chiến sự ở vùng cao nguyên lúc đó đã bắt đầu ác liệt. Quốc lộ 14 từ Ban Mê Thuột đi Buôn Hồ, ngược về hướng Bắc lên tới phố núi cao, phố núi đầy sương, Pleiku, hay chạy về hướng đông, hướng biển, để tới Tuy Hòa bị VC cắt hoại bằng cách đắp mô, giựt mìn, phục kích công voa. Từ Sài Gòn ra Ban Mê Thuột phải bay bằng máy bay cánh quạt DC-3 của hãng Hàng Không Việt Nam.

Ba bị điều đi, mấy ông hứa: "Đi đi! Hai tháng rồi về!", nên không thoái thác được, dù Ba Má rất đông con. Cả 7 đứa leo neho lóc nhóc ở Cư Xá Bưu Điện Hai Bà Trưng. Ba đi, phải làm giầy ủy quyền cho Má tới cuối

tháng là ra phòng lương bổng của Tổng Nha Bưu Điện lãnh một phần lương về để nuôi mấy đứa con. Nhà nghèo, chỉ có một đầu lương của Ba. Giờ còn phải chia hai. Nhà vắng Ba như thiếu cái cột cái, thiếu cái mái. Gió! Trống hươ, trống hoác!

Tối bữa, cơm không thiếu nhưng đồ ăn thì dè xén lắm! Có bữa không có đồ ăn luôn! Má phải nấu cơm hơi nhão rồi nén lại, cuốn vô mo cau, xong dùng chỉ tết thành từng khoanh như bánh tét cho tụi con chấm với nước mắm kho quẹt ăn mà trừ bữa. Hồi còn Ba ở nhà, Ba đi đánh máy mướn thêm, nên cũng có đồng vô đồng ra mà đắp đổi. Ba đi, nhà vắng, tiền cũng 'hèo' theo luôn. Và Má dàu dàu buồn vì vắng chồng vốn đã quen hơi hướm! Sớm tối có nhau!

Mấy ông quan lớn, ăn trên ngồi trốc, thiệt không có chút từ tâm nào mà hiểu, mà cảm thông cho hoàn cảnh gia đình của cấp dưới! Má chỉ lo cho thân mấy ông mà thôi! Hứa hão là Ba đi chỉ hai tháng; mà rốt cuộc Ba phải xa nhà, xa vợ, xa con hơn cả năm trời. Ở nhà chỉ Má, một mình, chèo chống!

Má thương con ăn đói, nên cuối tháng ra sờ lãnh lương của Ba về, Má xuống cái tiệm bán bê thui nằm gần cầu Kiệu và chợ Tân Định mua đầu khoảng 300 gram thịt bê thui. Về, má bắt chảo lên cho mỡ vào, xào với đậu phộng, bún tàu, củ hành. Dọn ra một đĩa, nhỏ xíu, lớn hơn bàn tay một chút. Vậy mà khói bay lên, thơm phức. Con chạy u ra chợ, mua về thêm bốn ổ bánh mì thiệt bự! Rồi Má kêu mấy anh em con xúm lại mà ăn! Mà ngộ! Má không ăn gì hết! Hỏi: "Sao Má hõng ăn gì hết vậy Má?" "Ờ! Má xào, cái hơi nó lên no rồi, tụi con ăn đi!"

Nhỏ khờ đầu biết Má nói vậy là để nhường mấy miếng thịt bê ít ỏi, bé tí teo đó cho đám con mình. Nên tụi nhỏ thiệt tình tranh nhau đớp lảng! Đĩa thịt bò hết sạch, vẫn còn thòm thềm, ngẩng nhìn lên, thấy mắt má chớp chớp. Má nói bâng quơ: "Cùi ướt quá, khói bay vô mắt Má!"

Sau này lớn lên, xa Má, xa Ba, con lập gia đình, rồi bận bịu lo cho vợ cho con. Nước mắt cứ chảy xuôi hoài vậy sao cà? Rồi vợ chồng con cái bỏ nước ra đi. Và Má với Ba đều mất. Ngấm lại! Có trả hiếu được đồng xu các bạc nào đâu để bù lại những ngày Má nhịn; cho đám con mình đỡ thềm 'cao lương mỹ vị'. Mà thiệt thịt bê thui xào đậu phộng đâu có phải là 'cao lương mỹ vị' gì cho cam ở cái đất nước Úc Châu này!

Cuối năm, quê người, vậy là con xa Má gần hai mươi năm rồi đó mà không về tảo mộ. Xin má đừng buồn! Con nhớ khói bếp quê nhà dữ lắm! Con cũng muốn về quê cũ, thăm mộ Má, thắp một nén nhang để thưa với Má rằng: Thành con của Má ngày xưa giờ đây không còn đói nữa; mà

phải nói còn hơn là no đủ. Là phủ phê, là thừa mứa! Hồng phải chỉ có tụi con không đâu mà bất cứ người nào, rất bình thường như làm hăng ở đất nước Úc này cũng y như vậy! Nếu con về tảo mộ Má chắc là được rồi, chắc cũng có đủ tiền để mua vé máy bay, bay về với Má; nhưng về khi quê nhà mình vẫn còn tan hoang, con no đủ trong khi bà con mình vẫn chìm trong thiếu đói, thì trong tận đáy lòng con, con thấy mình hình như có lỗi với quê hương mình nhiều lắm đó, Má ơi!

“Chiều em đi chợ Footscray, mua dùm anh ba ký bê thui!” Vợ con, hơi ngạc nhiên, hỏi lại: “Mua chi nhiều dữ vậy? Ăn hõng hết, bỏ tủ lạnh, thịt cũ lần sau ăn, hõng có ngon! Mà anh muốn ăn món gì?”. “Đừng có cãi, mua cho anh ba ký. Tiền nè!”. Vợ con nghe lời chồng sai, bèn cầm tiền te te, rẹt rẹt đi ra chợ. Về nhà, nó hỏi: “Anh muốn ăn món gì? Để em làm!”. “Thì bê thui xào củ hành, đậu phộng với bún tàu!”. “À! Bê thui xào lăn!” Rồi nó bày ra thớt, thịt bê thui xắt nhỏ, vừa gắp, trộn với tương hột, nước cốt dừa, đậu phộng rang. Ướp thêm gia vị: hạt nêm, tiêu, đường, hành tỏi băm, bột cà ri, bún tàu, nắm mè, ớt tươi rồi thêm hành tây, hành lá, mò om! Đủ hết trộn hõng thiếu một món gì! Rồi nó xẹt xẹt, bật lò ga nghe cóc cóc, đặt chảo lên cho nóng, đổ dầu ô liu, hành, tỏi vào phi vàng, xào với bột cà ri. Thơm phức! Xong trút thịt vào chảo chung với nắm mè, hành tây, nước cốt dừa. Lấy cái xạng mà xào tới xào lui! Nước từ cả ba ký thịt bê thui tươm ra, hơi sặc lại, là nó bắc xuống bếp. Đổ thịt bê thui lên từng cái một, trên một chồng đĩa chừng chục cái, rắc đậu phộng dậm dập dập; rồi ngắt mấy cọng mò om rắc lên mặt đĩa.

Con nhỏ này cũng biết nấu ăn quá chớ nhưng chắc ‘tài’ không bằng Má đâu! Con nghĩ vậy nhưng để trong bụng chớ nói ra làm chi cho nó tự ái! Phần hồi xưa, đói, má nấu đã ngon, con ăn cái gì thấy cũng ngon hơn bây giờ nhiều!

Móc ‘mobile phone’, gọi hai thằng con. “Hai đứa chờ mấy đứa cháu về thăm ông bà nội chiều cuối năm nhá!” Nửa tiếng sau, hai chiếc xe lần lượt ngừng cái kịt trước cổng; mấy đứa nhỏ chạy ào vào nhà: “Hello Ông Nội! Hello Bà Nội! Cha! Thơm quá!” Thằng con lớn, nịnh, đến bên, chép chép cái mỏ, nheo mắt hỏi: “Má cho tụi con ăn cái gì mà thơm quá tay vậy?” Thằng kế nói: “Bữa nay anh em mình trúng mánh ‘ăn’ rồi!”. Vợ con trả lời tụi nhỏ: “Ờ! Ba tụi con muốn ăn bê thui xào đậu phộng, củ hành với bún tàu đó mà! Người ta gọi là bê thui xào lăn! Vậy mà ông hõng có biết gọi tên nó là gì!”

Vợ con dọn lên bàn, ê hề, cho mỗi người một đĩa. Con nói: “Dọn cho anh thêm hai đĩa nữa để anh mời Ba Má về ăn!”. Sau đó với hai đứa con trai, hai đứa con dâu và bốn đứa cháu: “Thôi, mấy đứa ăn đi!” Rồi con khóc! Đứa cháu gái nhìn con trân trân, ngạc nhiên hỏi: “What’s wrong? Ông Nội?” Giật mình, con trả lời: “Ờ, khói bay vô mắt Nội đó mà!” Nhưng ở đây xài bếp ga mà! Làm gì có khói! Phải rồi khói bếp của quê nhà! Quê người, gia đình đông đủ chiều cuối năm, thức ăn ê hề, dư dả đến mức thừa mứa trên bàn; mà Ba Má đã mất hết còn đâu!

đoàn xuân thu melbourne



CHIỀU 30/4/2019

"Một mình chiều ngậm tiêu pha
Rượu buồn ngấm với trăng tà chênh ngang!" - ht.

Lại ba mươi tháng Tư
bốn bốn năm rồi nhĩ
đã gần non thế kỷ
hồ như thoáng hôm qua!

Núi còn vang tiếng dội
mây che nắng khuất đời
chuỗi ngày dài "lao cải"
thời gian lững lờ trôi!

Những nỗi buồn cay đắng
chưa một chút phai pha
thời gian vẫn âm ỉ
gậm nát trái tim ta!

Những ngày xưa thân ái
nhìn mặt nhau ngậm ngùi
nhìn nhau ôn dĩ vãng
nhớ và chỉ nhớ thôi!

Thôi một đời cung kiếm
thôi ngựa hí rừng khuya
thôi mài gương bóng nguyệt
lời thệ nguyện cũng thừa!

Những chiều buồn đất trịch
ngày về cũng tái tê
đời lưu vong mang hận
trên vai nghẹn câu thơ.

Vách đá lạnh "diện bích"
bến khách chẳng đò đưa
rừng hoang không vó ngựa
đồi sim tím trắng mờ

Hạ Thái
30/4/2019

ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA PHÁP QUỐC

** TP. NGUYỄN VĂN THÀNH 23 **

NGÀY CÀNG TIẾN GẦN ĐẾN MÁC CHÉM GUILLOTINE

Kết quả của sự bỏ trốn bất thành của Vua Louis 16 đã khiến cho mưu sự về một chế độ quân chủ lập hiến trở nên yếu kém hẳn đi. Chế độ này chỉ tồn tại được một năm, và sau đó, nước Pháp trở nên một nước Cộng Hòa.

Theo Hiến Pháp năm 1791, quyền hành quốc gia thuộc về “Quốc Hội Một Viện” được gọi là Quốc Hội Lập Pháp (the Legislative Assembly), nhà vua chỉ được quyền phủ quyết tạm thời, ngành hành pháp gồm có vua và các bộ trưởng có quyền hạn rất yếu kém vì các nhà cách mạng lúc đó không còn tin tưởng vua Louis 16 nữa.

Tuy nhiên, do sự thúc ép của Hoàng hậu Antoinette, nhà vua thường dùng quyền phủ quyết để kiềm hãm cuộc Cách Mạng với hy vọng Bá Tước Artois, một người em trai của Louis 16, cầm đầu những nhà quý tộc bỏ chạy ra khỏi xứ, đe dọa sẽ dùng quân đội nước ngoài trở về đất Pháp để trừng trị các kẻ có tội. Các lời cầu cứu của Vua Pháp và Hoàng Hậu Marie Antoinette đã làm xao động các nhà quý tộc tị nạn khắp châu Âu. Trong khi đó, các sách pamphlets và báo chí bồi nhọ lại có dịp gán cho Hoàng Hậu Antoinette danh xưng “Nữ Hoàng Phủ Quyết” để đem ra bêu riếu.

TUYÊN CHIẾN VỚI ÁO

Do sức ép của Quốc Hội Lập Pháp và các nhà lãnh đạo cuộc Cách Mạng, Vua Louis 16 tuyên chiến ngày 20 tháng 4 năm 1792 với Đế Quốc Habsburg nước Áo viện dẫn lý do Áo đang chuẩn bị quân đội tràn vào nước Pháp để lấy lại miền Alsace (Pháp đã sát nhập miền này dưới thời Vua Louis 15). Để bù lại, nhà vua được hoàn toàn tự do đối với hoàng triều. Lúc đó, Quốc Hội Lập Pháp đã di chuyển về cạnh Điện Tuileries, và 800 quân lính phòng vệ người Thụy Sĩ cũng đóng doanh trại trong khuôn viên Điện Tuileries để bảo vệ hoàng gia. Vua Louis tuyên chiến với người cháu trai tức Vua Francis II nối ngôi vua cha, Hoàng Đế Leopold II (anh của Marie Antoinette) qua đời khi vừa ký xong được ít lâu Bản Tuyên Bố Pillnitz (the Declaration Pillnitz) với Vua nước Phổ Frédéric Guillaume II, theo đó Vua Leopold sẽ dùng võ lực để văn hồi trật tự tại nước Pháp nếu các xứ khác tham dự.

Thực ra, Vua Francis II cũng dự tính một kế hoạch hành quân đẫm máu tiến vào đất Pháp để cứu Louis và Antoinette chứ không phải nhằm

lấy miền Alsace. Là người rất nhiệt thành muốn duy trì chế độ quân chủ và phục hồi giới quý tộc, Francis II đã nối tiếp các cuộc thảo luận với Vua nước Phổ và kết quả là Bản Tuyên Ngôn Brunswick (the Brunswick Manifesto) ra đời vào mùa Hè năm 1792.

Lực lượng quân sự Áo và Phổ đang ở ngưỡng cửa của nước Pháp. Họ cho dân chúng biết qua bản “Tuyên Ngôn Brunswick” ngày 27.07 rằng các xâm phạm tới tính mệnh Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Marie Antoinette sẽ mang lại hậu quả tai hại cho cư dân Pháp một khi họ tiến vào thành phố Paris. Việc công bố này không làm các nhà Cách Mạng Pháp lo sợ mà trái lại càng làm sôi sục các người chủ trương bạo động. Tinh thần ái quốc cuồng tín đã được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các nhà lãnh đạo tư sản Jacobin như Danton, Marat, Robespierre, Saint Just, Couthon...

Giai đoạn chuẩn bị chiến tranh càng làm cho các giai cấp không có tài sản bất mãn và náo loạn. Giới nông dân thời đó cho rằng Quốc Hội không xúc tiến việc cải cách ruộng đất, giới công nhân thành thị ngao ngán trước cảnh vật giá gia tăng. Vàng đã từ từ ra khỏi xứ do các nhà quý tộc di tản mang theo, loại tiền giấy dùng trong nước (assignats) mất dần giá trị vì tương lai bất chắc. Nông dân đã giấu đi các nông phẩm, không chịu bán ra để lấy loại tiền mất giá. Vật giá càng lên cao, chiến tranh cùng với sự đe dọa trở về trả thù của các nhà quý tộc lưu vong càng làm cho giới tư sản, nông dân và công nhân lo sợ, họ đã sát cánh với phe nhóm cách mạng.

CUỘC TÀN SÁT LÍNH CANH PHÒNG THỤY SĨ

Mùa hè năm 1792, nhiều người dân đầu quân đổ dồn về thành phố Paris rồi các toán lính hăng hái lên đường ra biên giới. Một sĩ quan Công Binh đồn trú tại Strasbourg, Claude Joseph Rouget de Lisle, đã sáng tác ra bản nhạc “La Marseillaise” với lời ca yêu nước giục giã toàn dân đứng lên chống bạo quyền và diệt giặc ngoại xâm. Bản nhạc nổi tiếng này đã trở nên từ năm 1795 Quốc Ca của Pháp mà người Việt chúng ta, dưới thời Pháp thuộc, ai cũng biết.

Tiếp đến vào ngày 10 tháng 8 năm 1792, nhiều nhóm rất đông dân lao động của thành phố Paris, được sự trợ giúp của các binh lính mới tuyển từ vùng Marseille và các vùng khác, đã tiến tới Điện Tuileries. Bạo động đã xảy ra trong 3 ngày tại Điện Tuileries. Lúc đó, Thống Chế Mailly giữ nhiệm vụ bảo vệ lâu đài. Theo tường trình của Đại Tá Pfyffer d’Altishoffer đã chứng kiến vụ tàn sát lính canh phòng Thụy Sĩ và khoảng 200 nhân viên cùng các quan trong Triều diễn tiến như sau:

Lực lượng canh phòng Thụy Sĩ được bố trí gồm 400 có nhiệm vụ bảo vệ trong lâu đài và 400 ở sân và Vườn Điện Tuileries. Họ được trang bị súng trường, súng lục, gươm và có cả đại bác đặt trong hoa viên lâu đài.

Những người bạo loạn kéo tới bao vây Điện Tuileries mỗi lúc một đông, gào thét: “Đả đảo lính Thụy Sĩ! Đả đảo! Đả đảo!” Trong khi đó, quân lính Thụy Sĩ với quân phục áo màu đỏ canh gác cửa ra vào, cửa sổ, cầu thang, từ tầng dưới tới tầng trên và ngay cả trên nóc nhà. Họ sẵn sàng nổ súng nếu những người bạo động tiến vào sân để xâm nhập lâu đài. Một số người bạo loạn được gọi là người ái quốc phá cổng để đám đông tràn vào Điện Tuileries nhắm tới phòng ngủ của Vua Louis và Hoàng Hậu Antoinette.

Một nhóm nhỏ đã lọt được vào sân. Ở vào thế thượng phong, lính Thụy Sĩ canh phòng lâu đài và sân vườn Điện Tuileries nổ súng hạ sát hết, rồi bắn thị uy khiến đám đông nổi loạn lui xa tầm súng nhưng vẫn siết chặt hàng ngũ bao vây lâu đài. Trong khi đó, bộ Tham Mưu của Thống Chế Mally bí mật đưa Vua Louis và gia đình chạy bộ qua sân sang Quốc Hội xin được bảo vệ. Theo Madame Campan lúc đó ở trong lâu đài, những người tấn công không biết Vua và gia đình đã chạy sang Quốc Hội, và ngay cả những người bảo vệ lâu đài cũng không hề hay biết gì cả. Nếu hai phía được thông báo cho biết sự việc ở trên, Bà Campan nghĩ, có lẽ cuộc bao vây Điện Tuileries đã không xảy ra.

Trước khi rời Điện Tuileries, Vua Louis đã ra lệnh những lính canh phòng không được chống lại nhân dân, nhưng khi tới Quốc Hội, nhà Vua nghe thấy những tiếng súng đại bác và súng trường rền vang ở Điện Tuileries, nghĩ rằng họ đã bất tuân thượng lệnh. Quan đại thần uy tín nhất Hervilly đề nghị nhà Vua cho phép lính canh phòng bảo vệ lâu đài, Vua Louis từ chối và nói cho Hervilly rõ “Tất cả phải buông súng, đặt những người lính đó dưới quyền Quân Đội Cảnh Vệ Quốc Gia. Ta không muốn những người can đảm đó bị giết hại”, và lấy tờ giấy viết: “Pháp Hoàng truyền lệnh lính Thụy Sĩ phải buông súng ngay và rút về doanh trại.” Hervilly mang lệnh viết tay của Vua Louis, dưới làn đạn giao tranh của hai bên, nên chỉ đưa được cho Đại Úy Durler và Castleborg đang chỉ huy 400 lính Thụy Sĩ bảo vệ ở sân và vườn Điện Tuileries mà thôi. Còn ở lâu đài không thể truyền lệnh của nhà Vua được vì lính phòng thủ đang bố trí ngăn cản đám đông đổ dồn vào các cổng với ý định tràn vào sân xâm phạm lâu đài.

Trước tình thế nguy ngập đó, tiếng trống đánh thu quân vang dội Điện Tuileries. Tất cả 400 quân lính Thụy Sĩ rời vị trí chiến đấu ở sân và vườn, buông súng, xếp hàng hai để trở về doanh trại. Theo Trung Úy pháo binh

Napoléon Bonaparte, quan sát ở xa sự việc xảy ra, nhấn mạnh: “lính Thụy Sĩ sử dụng pháo binh rất mãnh liệt và hữu hiệu khiến những người tấn công phải chạy xa và chỉ quay trở lại tràn vào lâu đài khi lính Thụy Sĩ rút quân trở về trại.” Quả sự nhận xét trên đúng như sự việc xảy ra. Binh lính mới tuyển từ các nơi đổ về và quân cảnh vệ cùng đám đông ủa vào Điện Tuileries cuồng nộ băm vằm, phanh thây tất cả 400 lính canh phòng trong lâu đài cùng những nhà quý tộc trung thành với phe bảo hoàng ở trong đó.

Ở ngoài sân và vườn lâu đài, những người bạo loạn say mê với chiến thắng cuồng nhiệt đâm chém và bắn trực xạ vào 400 lính canh phòng xếp hàng hai trở về doanh trại. Mặc dầu bị chém giết như vậy, ở dọc đường, những người lính Thụy Sĩ tiếp tục giữ hàng ngũ y như thể đi diễn hành trở về căn cứ quân sự đồn trú ngoài Quốc Hội và khuôn viên Điện Tuileries. Hai trăm lính Thụy Sĩ sống sót về tới doanh trại, và ít ngày sau, họ đều bị đưa lên máy chém. Tất cả 800 lính Thụy Sĩ bị tàn sát cùng với 200 người thuộc phe bảo hoàng ở Điện Tuileries. Về phía bạo loạn, ít nhất 2.000 người đã chết trong biến cố đó.



Robespierre, Dalton, Marat, Louis 16, Marie Antoinette

Theo sử gia Rupert Furneaux, ba nhà lãnh đạo tư sản Jacobin như Robespierre, Marat và Danton với tinh thần ái quốc cuồng tín chủ trương bạo động đã thực hiện kế hoạch tấn công Điện Tuileries thành công đòi đưa Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Antoinette ra Tòa xét xử. Stefan Zweig, nhà viết tiểu sử nhận định người giữ vai trò chính yếu đã đích thân chỉ huy cuộc tấn công Điện Tuileries vào ngày 10 tháng 8 năm 1792, là Danton. Nhân vật quá khích này đã xuất đầu lộ diện vào tiếng súng cuối cùng ở lâu đài Tuileries, còn Robespierre và Marat ở trong bóng tối. Nhân dân Thụy Sĩ không oán trách Vua Louis 16 về sự tàn sát con dân của họ. Sau nhiều năm, họ dựng một tượng đài tại Lucerne, một con sư tử bằng đá rất lớn, để tưởng nhớ tới 800 lính Thụy Sĩ đã hy sinh tại Điện Tuileries. Con sư tử bị ngọn giáo đâm và nằm xuống nhưng vẫn bíu chặt,

trong những vuốt sắc nhọn, quốc huy hoàng triều được chạm trở một bông hoa huệ biểu hiệu quân quyền ở Pháp. Dưới nghệ thuật điêu khắc đó, tên của 800 quân lính canh phòng Thụy Sĩ được khắc ghi đã bỏ mình bảo vệ nền quân chủ với lòng trung thành ngoài sự tưởng tượng trong việc chu toàn nhiệm vụ được giao phó.

ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA PHÁP QUỐC (22.09.1792 – 15.05.1804)

Sau vụ tàn sát xảy ra ngày 10 tháng 8 năm 1792 tại Điện Tuileries cho đến ngày 22 tháng 9 năm 1792 là ngày tuyên bố mở đầu nước Cộng Hòa Pháp, có mấy sự kiện đáng lưu ý được tóm tắt dưới đây:

Vua Louis và gia đình bỏ trốn ngày 10.08.1792 chạy sang khu nhà Quốc Hội để xin được bảo vệ. Quốc Hội Lập Pháp họp khẩn cấp biểu quyết truất phế Vua Louis 16 và giam nhà Vua cùng gia đình tại ngục Temple do Công xã Paris (Commune) cai quản, chính quyền mới của thành phố Paris vừa được thành lập xong. Vào thời gian trên, thành phố Paris tràn ngập cảnh cuồng loạn, vô chính phủ và khủng bố. Một số người nổi loạn tuyên bố rằng họ sẽ chiến đấu chống ngoại xâm ở biên thùy sau khi đã thanh toán các kẻ thù ngay tại thành phố Paris. Các tu sĩ Catholic bất hợp tác và các kẻ chống lại cách mạng, tất cả vào khoảng 1.100 người, đã bị lôi từ các nhà giam, bị xét xử sơ qua và bị tàn sát. Biến cố này được gọi là “cuộc tàn sát tháng 9” (the September massacres).

Trong thời kỳ khủng bố tại nước Pháp từ năm 1793 tới năm 1794, vào khoảng 40.000 người đã bị giết, một số lớn khác bị cầm tù. Riêng tại thành phố Paris kể từ tháng 9-1793 tới tháng 6-1794, vào khoảng 2.500 người đã bị đưa lên máy chém Guillotine. Ngày này qua ngày khác, lưỡi máy chém này không lúc nào ngừng rơi! Trong số các nạn nhân của cuộc thanh toán, 8% thuộc giai cấp quý tộc, 14% là giới tư sản, nhất là những kẻ nổi loạn miền Nam của nước Pháp, giới tu sĩ có 6% nạn nhân, trong khi hơn 70% người bị giết là các nông dân và công nhân. Nước Cộng Hòa Pháp được đặt căn bản trên tinh thần của “Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền” (the Declaration of the Rights of Man and Citizen) nhưng các cuộc tàn sát trong thời kỳ khủng bố này lại rất vô nhân đạo và tại một vài nơi, thật cực kỳ tàn ác chẳng hạn tại Miền Nantes, 2.000 người chống đối cách mạng đã bị đưa lên các con phà và nhận chìm ngoài khơi!

Kể từ thời Cộng Hòa có nhiều sự thay đổi. Hội Nghị Quốc Ước (La Convention Nationale) thay thế Quốc Hội Lập Hiến (1792) truất phế Vua Louis 16 và tuyên bố Pháp Quốc Cộng Hòa lần thứ nhất, chấm dứt chế

độ vương quyền, chiến thắng Valmy và Jemmapes chặn đứng xâm lăng của các quốc gia thù nghịch, sát nhập nhiều lãnh thổ vào nước Pháp và thi hành khẩu hiệu “Tự Do, Bình Đẳng và Huynh Đệ” (Liberty, Equality and Fraternity).

Lúc đầu, việc chống các lực lượng ngoại xâm của dân Paris đã có kết quả. Tướng Dumouriez đã chỉ huy binh lính cách mạng, đánh thắng quân đội Phổ tại Valmy vào tháng 9, đè bẹp quân đội Áo tại Jemmapes ở Bỉ vào tháng 11. Binh lính Pháp cũng chiếm đóng miền Savoie thuộc quyền của Vua xứ Sardina, lúc bấy giờ tham gia với Vua nước Áo, họ cũng kiểm soát miền Mainz và các thành phố bên bờ phía trái của giòng sông Rhine, thuộc nước Đức.

Nước Anh và Hòa Lan bắt đầu phản ứng bằng cách liên lạc với hai nước Phổ và Áo. Thủ Tướng Anh William Pitt tuyên bố rằng nước Anh không thể làm ngơ trước việc quân đội Pháp chiếm đóng và sát nhập nước Bỉ và miền Savoie vào nước Pháp. Nước Pháp liền tuyên chiến với các nước của Châu Âu vào ngày 01.02.1793 vì vào thời đó, hai nước Anh và Hòa Lan không có các lực lượng quân sự trên bộ còn hai nước Phổ - Áo lại đổ kỵ nhau đang bận tâm chia cắt đất của xứ Ba Lan, do đó, không có nước nào muốn đưa ra khối quân lực để đối đầu với nước Pháp cả.

Về xã hội, cũng có sự thay đổi như cách xưng hô. Tới thời kỳ Cách Mạng, người ta thường đề cập tới khẩu hiệu “Tự Do, Bình Đẳng và Huynh Đệ”. Bình Đẳng có nghĩa là dẹp bỏ sự cách biệt giữa các giai cấp trong xã hội, mọi người được coi như ngang hàng với nhau. Tại các thành phố và thị xã, đường xá và đại lộ với tên các vua chúa được thay bằng tên các vị anh hùng, của các lý tưởng như Tự Do, Độc Lập. Nhiều người có tên Louis đã đổi sang dùng các tên khác.

HẦU TƯỚNG DE LAFAYETTE BỊ QUÂN ĐỘI ÁO BẮT CẦM TÙ

Sau khi chiến đấu trong cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ cho đến ngày toàn thắng, Hầu Tướng De Lafayette trở về Pháp năm 1783 được nhân dân Pháp nhiệt liệt hoan nghênh đón tiếp như một vị anh hùng trong cuộc chiến đó và được Vua Louis 16 vinh danh tại Điện Versailles. Hầu Tướng chủ trương thiết lập một nền quân chủ lập hiến giới hạn nên đã tham gia cuộc Cách Mạng Dân Quyền Pháp năm 1789. Ông được chính quyền mới cử giữ chức Tổng Tư Lệnh Lực Lượng Cảnh Vệ có nhiệm vụ bảo vệ Cách Mạng. Chính ông đã cứu Marie Antoinette thoát chết tại Điện Versailles khi bị đám đông nổi loạn tràn vào lâu đài tiến tới phòng ngủ của Hoàng Hậu, và cũng chính ông đã bắt Vua Louis 16 và gia đình chạy trốn tại Varennes phải quay trở về Paris.

Với hoài bão thiết lập một nền quân chủ lập hiến, De Lafayette đứng đầu Câu lạc bộ Feuillant (the Feuillant Club - Club révolutionnaire; 1791-1792) quy tụ những người đồng chí hướng nổi tiếng như Barnave, Du Port... Chấn nản trước hành động thái quá của Cách Mạng, De Lafayette dự mưu lật đổ nhóm Jacobin, trong đó có một số nhân vật quá khích do Robespierre làm thủ lĩnh. Nhóm này vốn là Câu Lạc Bộ Breton, được thành lập vào năm 1789 với các hội viên là đại biểu miền Brittany tại Quốc Hội. Câu Lạc Bộ trên được đặt tại một tu viện trên đường St. Jacques, trước kia của các tu sĩ dòng Dominican và các tu sĩ này có tên Jacobin. Vì thế, Câu Lạc Bộ đã có tên này.



De Lafayette 1791

Khi được cử giữ chức Chỉ Huy Trường các Lực Lượng Quân Sự Pháp chống lại quân đội Áo, De Lafayette dự tính kế hoạch lật đổ chớp nhoáng nhóm Jacobin nhưng chưa kịp ra tay thì chế độ quân chủ đã bị tuyên bố chấm dứt vào ngày 22 tháng 9 và kết quả là Hầu Tước De Lafayette bị coi như một kẻ phản bội. Ông đã trốn khỏi bị bắt và không bị đưa lên máy chém, qua đất Bỉ rồi bị quân đội Áo tại đó cầm tù 5 năm từ 1792 tới 1797, sau được thả ra nhờ Hoàng Đế Napoléon can thiệp.

Hầu Tước De Lafayette đã không cộng tác với chính quyền Napoléon cho tới khi đế chế này bị lật đổ, thay thế bằng nền quân chủ Bourbon. Năm 1830, Hầu Tước De Lafayette đã tham gia vào cuộc Cách Mạng thứ ba, lãnh đạo Quân Đội Cảnh Vệ Quốc Gia (the Army of National Guards) để đưa lên ngai vàng vua Louis Philippe (1830-1848). Hầu Tước De Lafayette qua đời năm 1834, để lại danh tiếng vừa là chính khách lỗi lạc, vừa là một vị tướng có tài, suốt đời yêu chuộng Tự Do và đã đóng góp vào 3 cuộc Cách Mạng quan trọng của Nhân Loại.

Tham khảo và trích các tài liệu sau:

- Antoinette by Richard Covington-November 2006 Smithsonian
- The Massacre of the Swiss
- The Life and Death of Louis XVI by Padover
- The Last Days of Marie Antoinette by Rupert Furneaux
- Maximilien Robespierre và Cuộc Cách Mạng Pháp 1789
- Danh Nhân và Sự Nghiệp, Tập III của nhà văn Phạm Văn Tuấn.

TP. NGUYỄN VĂN THÀNH 23



A Father's love...

Fathers seldom say "I love you"
Though the feeling's always there,
But somehow those three little words
Are the hardest ones to share.

And fathers say "I love you"
In ways that words can't match -
With tender bedtime stories -
Or a friendly game of catch!

You can see the words "I love you"
In a father's boyish eyes
When he runs home, all excited,
With a poorly wrapped surprise.

A father says "I love you"
With his strong helping hands -
With a smile when you're in trouble
With the way he understands.
He says "I love you" haltingly,
With awkward tenderness -
(It's hard to help a four-year-old
into a party dress!)

He speaks his love unselfishly
By giving all he can
To make some secret dream come true,
Or follow through a plan.

A father's seldom-spoken love
Sounds clearly through the years -
Sometimes in peals of laughter,
Sometimes through happy tears.

Perhaps they have to speak their love
In a fashion all their own.
Because the love that fathers feel
Is too big for words alone!

Anonymous



Tình của BỐ...

Bố thường ít nói: "Yêu con!"
Mặc dù tình cảm sẵn luôn tràn đầy
Tuy nhiên đôi chữ nhỏ này
Rất là khó nói để thay tiếng lòng.

Tâm tình BỐ nói "Yêu con!"
Thường không biểu lộ ra luôn bằng lời
Mà bằng hành động của người -
Truyện ru ngủ lúc tối trời kể ra -
Hay là thân mật tham gia
Trò chơi con trẻ thăng hoa tâm hồn!

Ta nhìn mắt BỐ thấy luôn
Những lời BỐ nói "Yêu con!" trong này
Mắt hồn nhiên, trẻ trung thay
Nhất là khi BỐ chạy bay về nhà
Trong tay cầm một món quà
Vụng về gói ghém, bất ngờ tặng con.

Ta nhìn tay BỐ thấy luôn
Những lời BỐ nói "Yêu con!" nồng nàn
Khi ta gặp lúc khó khăn
Bàn tay BỐ khoẻ ân cần giúp ngay -
Nụ cười tươi trẻ kèm đầy
Thật là thông cảm, vui vậy, thiết tha.

"Yêu con!" BỐ chẳng nói ra
Thay bằng âu yếm thấy mà vụng sao
Giúp con mới bốn tuổi đầu
Mặc quần áo đẹp có đâu dễ dàng.

Tình yêu của BỐ rõ ràng
Không hề ích kỷ, không màng bản thân
Bố cho hết chẳng ngại ngần
Giúp con thực hiện ước thâm bấy lâu
Giúp con mau đạt yêu cầu
Chương trình, kế hoạch trước sau hoàn thành.

Ít khi nói, thường lặng thinh
Nhưng bao năm BỐ thấm tình cùng con -
Đôi khi là chuỗi cười rộn
Đôi khi là giọt lệ tuôn vui mừng.

Bố không theo cách thông thường
Vì tình BỐ tỏ theo đường lối riêng
Vừa vĩ đại lại linh thiêng
Lời nào mà nói hết liền được đây!

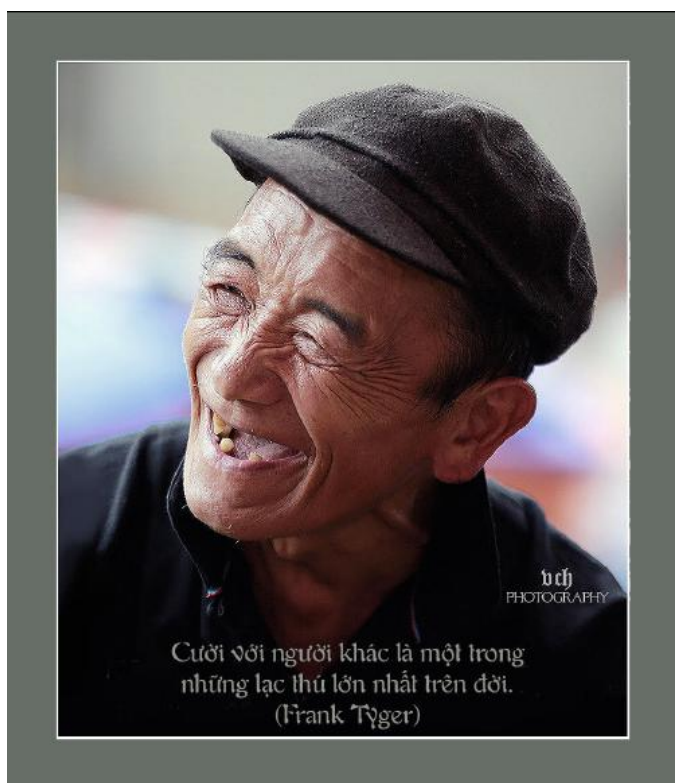
Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(chuyển ngữ)

NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH CỦA VŨ CÔNG HIỀN

1. Tiếng Cười

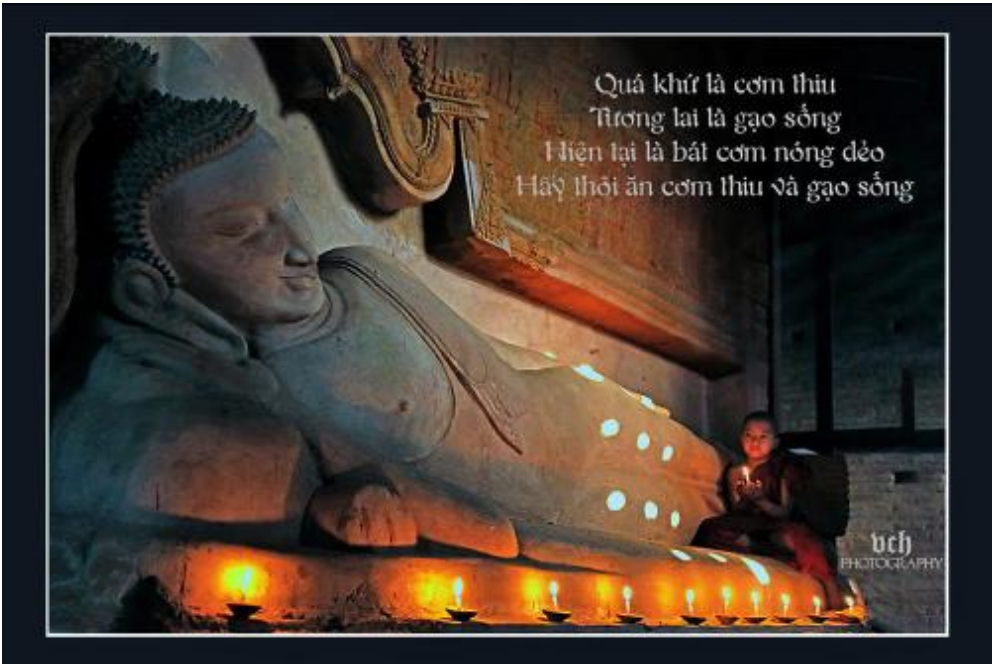
Mỗi lần về Việt Nam dịp xuân tôi đều lên vùng Hà Giang ăn Tết với người H'Mông, Dao, Lô Lô..., mang theo mấy bịch kẹo lớn để lì xì cho bọn trẻ con sặc sỡ trong quần áo mới. Người lớn cũng gác công việc hàng ngày để vui xuân.

Tại chợ Bắc Hà, tôi thấy một nhóm đàn ông đang ngồi quanh một bàn nhỏ uống rượu ngô, cười nói vang một góc chợ. Thú thực đã lâu lắm rồi tôi không được nghe giọng cười lớn và sảng khoái như vậy. Người đàn ông người H'Mông này đã mất hai răng cửa hàm trên và cả mấy cái răng hàm dưới, nhưng vẫn cười ha hả thật tự nhiên, chẳng cần che miệng như dân trưỡng giả miền xuôi. Với giọng cười này tôi hiểu là họ đang hạnh phúc cho dù đời sống vật chất hàng ngày có ra sao. Không thể không bấm mấy pô trước khi đi săn hình bọn nhỏ đang tùm năm tùm ba ăn mía và các bà mẹ trẻ đang địu con đi sắm Tết.



2. Dưới Chân Phật

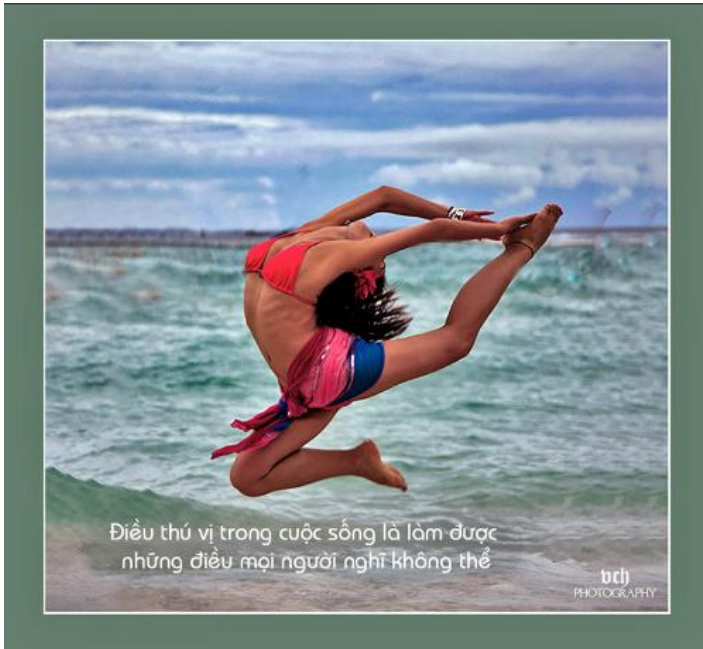
Myanmar là tên chính thức của nước Miến Điện mà người Anh, Mỹ bây giờ vẫn còn quen gọi là Burma. Myanmar có diện tích gấp đôi Việt Nam nhưng dân số chỉ bằng một nửa. Xứ này chuộng đạo Phật và đền chùa xây khắp nơi. Riêng tại cố đô Bagan vào thời đỉnh cao của đế quốc Pagan có tới 10 ngàn đền chùa. Đền chùa ở đây nhiều và đẹp hơn ở Thái Lan. Tấm ảnh này tôi chụp tại một ngôi đền với tượng Phật nằm. Có một chú tiểu mặt bầu bĩnh, dễ thương đang thắp nến nên tôi đặt tên cho tấm ảnh là Dưới Chân Phật. Xứ này quả là nơi lý tưởng cho dân nhiếp ảnh. À quên, tôi cũng cần kể cho các bạn biết thêm một chi tiết lạ về nước Myanmar: Tôi đã sang xứ này hai lần, mỗi lần 6 ngày mà chưa hề nghe thấy tiếng chó sủa bao giờ, mặc dù chó gặp ở khắp nơi, lang thang và ngủ ngoài đường phố. Các bạn có đoán ra lý do tại sao chó ở Myanmar không sủa mà chó ở Việt Nam lại sủa quá nhiều không?



3. Cô Gái Trên Bãi Biển Pattaya

Vào một dịp hè, thấy lịch trình của các chuyến đi chụp ảnh còn một lỗ trống bèn bay sang Thái Lan xem có gì lạ không. Bangkok quá đông đúc, xô bồ nên chả bấm được tấm ảnh nghệ thuật nào. Chùa chiền thì lờ lợt không có hứng để lấy máy ra khỏi bao. Còn bãi biển Pattaya nổi tiếng thế giới về kỹ nghệ du lịch cũng không đẹp gì hơn các bãi biển của Việt Nam.

Chỉ là nơi với những màn giải trí khá lạ đối với du khách Tây phương. Tự hứa sẽ không bao giờ quay trở lại nơi này nữa. Đang ngồi trên ghế vải nhìn mấy ngọn sóng ngoài khơi bỗng thấy một cô gái nghịch ngợm, nhào lộn trên bãi biển trông rất chuyên nghiệp và đẹp mắt. Không bỏ lỡ cơ hội, bấm vội mấy động tác bay nhảy, uốn lượn của cô ta để “gỡ vốn” cho chuyến đi. Đó là mấy tấm ảnh duy nhất mà tôi chụp được trong suốt 6 ngày ở Thái Lan, so với 2500 tấm ở Myanmar cũng cùng cùng số ngày.



4. Mù Căng Chải

Mù Căng Chải là một huyện thuộc tỉnh Yên Bái. Dân số chưa đầy 50 ngàn người, 90% là người H'Mông (người Mèo), còn lại là người Thái và người Kinh. Người Kinh ở đây là nhân viên hành chính hoặc dân buôn bán ở huyện lỵ. Người Thái lập bản và làm lúa nước ở dưới thung lũng. Còn lại mệnh mông núi rừng là giang sơn của người H'Mông. Họ rất thật thà, giỏi vượt đèo treo núi, đã biến vùng núi đồi này trở thành ruộng bậc thang ngút ngàn. Ruộng bậc thang là một phương thức canh tác độc đáo của người H'Mông, đã biến tên Mù Căng Chải (tức làng cây khô) thành đồi ruộng mùa màng tươi xanh sức sống, cứ từng bậc, từng bậc vươn cao lên tận mây trời.

Đứng giữa cảnh đồi núi trùng điệp này, mọi phiền lụy của cuộc sống sẽ tan theo sương khói.



Bông lúa càng nhiều hạt, đầu nó càng rúi xuống.
Người giỏi lưường hay khiêm lỏn.
(Ngạn ngữ Do Thái)

5. Bãi Biển Quảng Xương

Bãi biển Quảng Xương (Thanh Hóa) tuy hơi hoang vắng nhưng cũng thu hút được một số du khách nhờ chưa bị ảnh hưởng bởi văn hóa chụp giật như tại các bãi biển nổi tiếng Đồ Sơn, Sầm Sơn. Tại đây du khách có thể cùng với ngư dân kéo lưới lên cua, tôm, cá... Du khách được chọn hải sản để cùng nhấm rượu với ngư dân. Sau đó có thể say giấc nồng trên những chiếc võng cói dưới hàng phi lao trong gió mát của biển mà quên đi những ngày hè oi bức.

Thỉnh thoảng dân nhiếp ảnh kéo tới Quảng Xương từ ngày hôm trước, ngủ tạm trong những nhà ngủ rẻ tiền quanh đó để sáng sớm hôm sau chụp cảnh sinh hoạt nhộn nhịp tại bãi biển trong ánh bình minh. Thuyền ra, thuyền vào. May thì nắng đẹp nhưng cũng có những ngày mưa to sóng lớn. Dù thời tiết ra sao cũng chẳng thể cản ngư dân ra khơi kiếm sống trên những chiếc bè ghép bằng những thân tre được uốn cong để có thể cưỡi sóng. Loại bè tre mũi cong này chỉ thấy ở biển Thanh Hóa, Nghệ An.



Biển lặng chẳng tạo nên thủy thủ tài ba.
(Ngạn ngữ Châu Phi)

6. Tàn Binh Lửa

Trước 75 tôi chỉ quanh quẩn ở miền Nam, chứ chưa có cơ hội ra miền Trung. Do đó cuối năm 2005 khi mấy người bạn rủ ra Quảng Bình chụp ảnh động Phong Nha thì tôi xách ba-lô đi ngay. Sau vài ngày ở Đà Nẵng và Huế, chúng tôi đi ra Quảng Trị bằng một xe khách nhỏ. Anh tài xế nói huyền thuyên đủ thứ chuyện, kể cả chuyện gặp ma trên Đại Lộ Kinh Hoàng khi phải lái xe đêm. Anh ta mặc cái áo rằn ri nhưng không biết có phải gốc Cọp Biển hay không. Những câu chuyện anh kể đôi khi dí dỏm, lắm lúc mỉa mai bằng giọng Nam khề khà tôi thường nghe tại mấy bàn nhậu trong thời gian dạy học dưới miền Tây.

Thay vì từ Huế ghé nhà thờ La Vang chụp mấy tấm hình cảnh nhà thờ loang lổ vết đạn rồi lái thẳng ra Quảng Bình, anh tài xế lại đưa chúng tôi đến cổ thành Quảng Trị để “xem cho biết”. Sau khi nghe thuyết trình về “quân giải phóng” đã anh dũng chiếm thành cổ Quảng Trị ra sao, anh tài xế hỏi: “*Thế chiếm xong thành cổ thì quân ta giữ được mấy ngày?*” khiến cô thuyết trình viên lúng túng. Rồi anh đưa chúng tôi đi một vòng thị xã để nhìn dấu vết còn sót lại của trận đánh năm 1972. Trận chiến mà dân miền Nam gọi là Mùa Hè Đỏ Lửa dựa theo tựa đề cuốn sách của nhà văn Phan Nhật Nam. Còn dân miền Bắc gọi là Cối Xay Thịt do số quân bị nướng quá nhiều. Trận đánh kéo dài 81 ngày đêm này được xem là trận ác liệt và thương vong nhiều nhất cho hai phía trong toàn bộ cuộc chiến tranh Việt Nam. Cả hai bên đều cố chiếm và cố giữ Quảng Trị để tạo thế

mạnh tại bàn Hội nghị Paris đã kéo dài từ tháng 5-1968. Trận chiến đã phải trả một giá quá đắt và có thực sự cần thiết không?



7. Cò Mớm Con

Tôi có anh bạn nhiếp ảnh ở San Jose thường cùng nhau đi chụp khắp Bắc Cali đủ bốn mùa xuân hạ thu đông. Nhưng vì đổi việc làm nên anh phải dọn sang Florida. Thế là cái thú chụp thác nước ở Yosemite phải đổi sang chụp chim. Anh rủ tôi bay sang Florida đi săn ảnh chim 6 ngày. Có lần chúng tôi tới một đầm lầy, trên trời thì cò trắng giương cánh, dưới nước thì cá sấu lừ đừ bơi qua lại. Chưa bao giờ tôi thấy cò gần như vậy. Ở VN thì cò thường ở cách xa cả một cánh đồng rộng. Tới được gần cò nhất có lẽ là tại vườn cò Bằng Lăng ở Thốt Nốt nhưng cũng cần ống kính dài và không thấy rõ chi tiết. Đang mãi ngắm mấy chàng cò bay lượn ngay trên đầu thì nghe tiếng cò con kêu vang trời đất. Có lẽ cả cây số cũng nghe tiếng. Chắc hẳn nó đói lắm rồi. Thế là cò mẹ vội bay đi. “*Con không khóc thì mẹ không cho bú*” mà. Một lúc sau thì cò mẹ mang mồi về. Tiếng cò con kêu nhỏ dần... Cách mớm con cũng lạ. Cò con há rộng miệng để cò mẹ có thể chui hẳn cái đầu vào mớm mồi. Lúc này thì tha hồ bám máy với khoảng cách chỉ chừng ba thước. Tình mẫu tử hiện rõ khi cò mớm con, không khác cảnh mẹ cho con bú. Đầy tình cảm.

Chỉ trong khi nuôi dưỡng, người mẹ mới nhận ra bổn phận của mình thật rõ ràng; nó là niềm vui trong mọi khoảnh khắc.
(Balzac)



8. Vịnh Hạ Long

Nằm ở phía Đông Bắc Việt Nam, vịnh Hạ Long bao gồm 1969 hòn đảo lớn nhỏ với hình dáng thật kỳ lạ: hòn Đầu Người, hòn Rồng, hòn Ông Lã Vọng, hòn Cánh Buồm, hòn Gà Chọi, hòn Chó Đá... Hình dáng những đảo đá diệu kỳ ấy biến hoá theo góc độ ánh sáng trong ngày và theo góc nhìn. Trong lòng các đảo đá ấy là những hang động tuyệt đẹp như động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, hang Sừng Sốt... Với cảnh trí như vậy, Hạ Long là nơi thu hút du khách nhiều nhất Việt Nam.

Nhưng Vịnh Hạ Long không chỉ là thắng cảnh mà còn gắn liền với những địa danh nổi tiếng như Vân Đồn, Bạch Đằng, nơi đã từng chứng kiến những trận thủy chiến lẫy lừng của cha ông ta chống giặc ngoại xâm phương Bắc. Năm 938, Ngô Quyền đã đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, chấm dứt 1000 năm Bắc thuộc, mở ra một thời kỳ độc lập tự chủ cho Việt Nam. Ba thế kỷ sau, Hưng Đạo Vương cùng các danh tướng nhà Trần đã đánh tan tác đạo quân bách chiến bách thắng Mông Cổ cũng trên con sông lịch sử này bằng cùng chiến thuật của Ngô Quyền: dùng thủy triều và đóng cọc nhọn dưới lòng sông. Thay vì đi xe từ Hà Nội, chúng tôi từ Uông Bí dùng thuyền nhỏ xuôi dòng sông Bạch Đằng ra vịnh Hạ Long để săn ảnh hai ngày. Thấp thoáng bên trái dòng sông là Quảng Yên, quê ngoại tôi, nơi đây hồi nhỏ tôi chập chững nắm tay mẹ về tiễn đưa bà ngoại... lần cuối! Những kỷ niệm thời thơ ấu bỗng hiện ra. Giọng giảng bài say sưa của ông thầy dạy Sử về những trận đánh Nguyên Mông còn văng vẳng đâu đây. Lòng bỗng nao nao.



9. Con Bé Người H'Mong

Nếu có mặt ở VN dịp Xuân thì chúng tôi thích tới vùng Hà Giang ăn Tết với bọn trẻ con người H'Mông. Cũng như trẻ con vùng xuôi, bọn nhỏ ở đây cũng được mặc quần áo mới. Con gái thì quần áo may bằng loại thổ cẩm với đầy họa tiết màu sắc, chân có mang giày chứ không phải đôi dép cao su đúc như ngày thường. Con trai thì đơn giản hơn, quần áo chỉ một màu đen giống như bộ bà ba của người kinh, nhưng thêm một cái khăn quàng cổ bằng len đan màu sặc sỡ chỉ dùng vào dịp Tết. Mặt mày hồng hào, sạch sẽ chứ không lem luốc như ngày thường. Lúc này người ta sẽ thấy mía bán khắp nơi, món quà mà chỉ Tết bọn trẻ mới được thưởng thức. Kẹo là món quà ngoài sự mơ ước của trẻ con vùng cao.

Đó là hình ảnh ngày Tết. Còn ngay trước Tết bọn nhỏ vẫn phải giúp gia đình làm việc. Tấm ảnh này tôi chụp ở vùng cách Sapa khoảng mười cây số. Con bé chỉ chưa đầy 10 tuổi đi bộ từ dốc núi xuống với cái gùi đựng bó củi cao bằng thân người. Củi tươi nên khá nặng. Hôm nay là 29 Tết rồi mà nó vẫn còn phải lên rừng kiếm củi cho mẹ. Con bé mặt ửng đỏ, tóc bết mồ hôi, ngồi duỗi chân cạnh bờ vực nghỉ mệt. Dù sao nó cũng còn có cái áo len sờn cũ và đôi giày ống để lội rừng. Nhìn con bé khó mà biết được nó đang vui hay buồn. Gương mặt đầy nét chịu đựng như một thói quen. Tôi ngắm tấm ảnh này không biết bao nhiêu lần, nhưng chính con bé lại chưa bao giờ nhìn thấy tấm ảnh chụp của mình. Lại càng không biết tấm ảnh đã được đem dự thi ảnh quốc tế bao nhiêu lần.



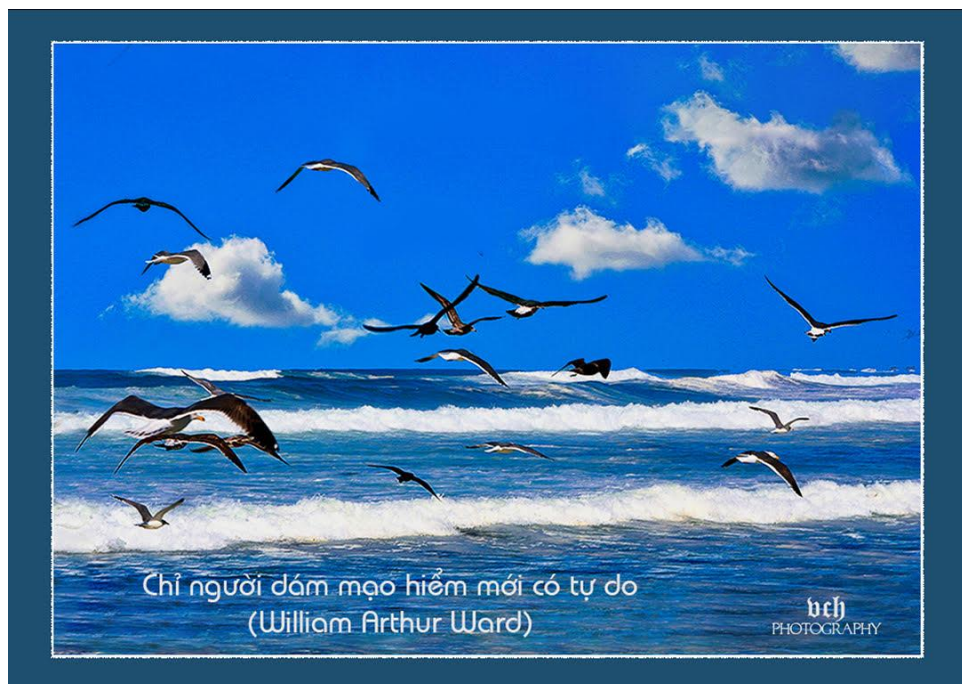
Người nào từ thuở thơ ấu biết lao động là quy luật của cuộc sống, người đó sẽ dễ thành công khi trưởng thành. (Khuyết danh)

10. Bay Đi Cánh Chim Biển

Có nhiều người vào một thời điểm nào đó, và ở một hoàn cảnh nào đó đã ao ước có đôi cánh của loài chim biển, thoát ra khỏi cảnh tù túng để sống với trời cao biển rộng. Tôi cũng đã có mơ ước như vậy từ những ngày còn đang sống trên mảnh đất quê hương của mình. Thế rồi ước mơ đã trở thành sự thật. Tôi đã vượt qua nửa vòng trái đất, sang bên kia bờ đại dương sống tại thành phố San Francisco, một thành phố thơ mộng xây cất trên 32 ngọn đồi. Nơi đây quanh năm tôi có thể ngắm bầy hải âu bay lượn qua cây cầu Golden Gate, giỡn với sóng biển lúc nào cũng rì rào.

Tuy không còn mong ước có đôi cánh dài để bay đi đâu nữa, nhưng ước mơ một đời sống tự do như loài chim biển lúc nào cũng tiềm ẩn trong tôi. Nghe sóng vỗ và ngắm bầy hải âu bay lượn trong cảnh hoàng hôn vẫn còn là cái thú mỗi buổi chiều nắng đẹp. Và khi dạo bờ biển với cái máy ảnh trên tay thì hải âu vẫn luôn là đề tài mà tôi yêu thích. Tám ảnh dưới đây là tám đầu tiên tôi chụp chim hải âu tại bờ biển Monterey (California) khi máy ảnh digital mới ra đời. Một bầy hải âu đang đứng tìm ăn trên bãi biển. Chim hải âu mà đứng thì chẳng khác con vịt, phải bay và xòe đôi cánh rộng mới thấy hết vẻ đẹp của nó. Tôi cầm mấy viên đá ném vào bầy chim cho chúng bay lên nhưng vô ích, chúng chỉ né nhưng vẫn đứng yên. Chờ lâu lắm muốn bỏ đi thì bất ngờ có con sóng lớn đánh tới, bầy chim hốt hoảng bay lên, thế là tôi tám liên tục dăm bảy

phát cho tới khi bầy chim bay xa. Còn tôi, ướt quần và giày, máy ảnh còn khô. Sau này tôi còn chụp hàng trăm tấm ảnh hải âu dọc bờ biển từ Cali tới Florida. Cho đến nay chụp chim hải âu vẫn còn là cái thú chưa chán.



Mời các bạn ngắm một số hình ảnh hải âu bay lượn trên sóng và nghe Bằng Kiều hát Bay Đi Cánh Chim Biển của Đức Huy, một nhạc sĩ yêu thiên nhiên, đã từng sống và có khá nhiều kỷ niệm với San Francisco.

<https://www.youtube.com/watch?v=z6-HDPRzUo0>



VŨ CÔNG HIẾN

ĐỌC SÁCH VĂN HỌC VIỆT NAM CỦA TIẾN SĨ TRẦN BÍCH SAN

Cầm một cuốn sách biên khảo về bất cứ bộ môn nào trên tay, tôi cũng có thói quen lập tức lật giở Mục Lục ra xem để tìm mục nào có vẻ hấp dẫn nhất, và nhất là mục nào viết về đề tài tôi đang muốn tìm hiểu, học hỏi...với hy vọng tìm được những câu trả lời cho những điều còn chưa thông suốt.

Cuốn biên khảo *Văn Học Việt Nam* (VHVN) dày 1200 trang của Tiến sĩ Trần Bích San đang trong tay tôi cũng không ngoại lệ. Tôi vừa mở Mục Lục ra xem đã bị choáng ngợp với một danh sách gồm 31 chương, không kể bài Tựa dài 15 trang ở đầu sách và hai Phụ Lục chiếm 138 trang ở cuối sách: 01. Nguồn Gốc Văn Học Việt Nam/ 02. Chữ Việt Thượng Cổ/ 03. Chữ Hán - Chữ Nho/ 04. Chữ Nôm/ 05. Chữ Quốc Ngữ/ 06. Giáo Dục Nho Học/ 07. Giáo Dục Pháp Thuộc/ 08. Giáo Dục Quốc Gia/ 09. Giáo Dục Cộng Sản/ 10. Nho Giáo/ 11. Quan Niệm Quân Tử - Đại Trượng Phu/ 12. Mẫu Người Kề Sĩ/ 13. Danh Vị Tam Nguyên/ 14. Học Vị Phó Bảng/ 15. Văn Khảo Khái Luận/ 16. Phương Pháp Biên Soạn Văn Học Sử/ 17. Sai Lầm, Nghi Vấn Trong Văn Học Sử/ 18. Trở Ngại Biên Khảo Nho-Nôm/ 19. TVK Mở Đường Văn Học Chữ Quốc Ngữ/ 20. Đông Dương - Nam Phong Vai Trò Lịch Sử/ 21. TLVĐ Tập Đại Thành Chữ Văn Quốc Ngữ/ 22. Các Nhà Văn Nữ Chữ Việt/ 23. Trào Lưu Văn Chương Lãng Mạn/ 24. Khuynh Hướng Trào Phúng/ 25. Thơ Văn Yêu Nước/ 26. Thi Ca Dục Ái/ 27. Câu Đối/ 28. Phê Bình Văn Học/ 29. Truyện Ngắn/ 30. Phóng Sự - Tù Bút/ 31. Ca Dao.
Phụ Lục: - Các Nhà Văn Nữ Chữ Quốc Ngữ/- Mục Lục Tác Giả, Nhân Vật/- Tiểu Sử Tác Giả.

Nhìn qua Mục Lục, độc giả sẽ thấy có nhiều đề tài xem ra rất quen thuộc như đã từng được biên khảo trong nhiều cuốn sách trong tủ sách gia đình nhà mình. Thật vậy, gia đình Việt Nam nào mà không có sách biên khảo văn học của các vị học giả tiền bối như Dương Quảng Hàm với *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Nghiêm Toản với *Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu*, Phạm Thế Ngũ với *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, Lê Văn Siêu với *Văn Học Sử Việt Nam*, ...vv...

Học giả Dương Quảng Hàm, trong tập *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, (khoảng đầu thập kỷ 40 của thế kỷ trước) ở mục *Biên Tập Đại Ý*, có đoạn viết: “*Nay chúng tôi lấy tài sơ học thiển soạn ra quyển ‘Việt-nam văn học* NSCTOL-SỐ 15

sử-yếu' này, cũng tự biết là làm một việc quá bạo và chắc rằng tác phẩm của chúng tôi còn nhiều điều thiếu-thốn, phải đợi công cuộc khảo-cứu tra-tầm của các học giả sau này mà bổ-khuyết dần..."

Học giả Nghiêm Toàn khi viết Việt Nam Văn-Học Sử Trích Yếu, ông "ngần ngừ băn khoăn" trước khi quyết định xuất bản, sau nghe lời khuyên khích của một người bạn, ông viết trong Tựa của mình: "*Viết theo lối phổ thông sơ học mà lại không có tham vọng làm nhà khảo-cứu, giúp đỡ một chút các bạn thất-học có thể vào chơi vườn hoa 'thơ văn Việt-nam' tự ngàn xưa để lại... A! Nếu thế đối với chúng tôi không phải là một việc quá sức và táo bạo, nên chúng tôi mới dám soạn quyển sách này."*

Đương nhiên các bậc tiền bối của chúng ta khiêm tốn, nhưng sự khiêm tốn đó không phải không có lý do dựa trên hoàn cảnh thực tế thời bấy giờ: không có đủ tài liệu tham khảo, không có phương tiện khai quật tìm chứng tích, không có phương tiện khoa học để đánh giá mức độ trung thực... Câu "hậu sinh khả úy" hoàn toàn đúng ở thời đại "hi-tech" (kỹ thuật cao) và xa lộ thông tin chạy như mắc cửi hiện nay. Một học giả hậu sinh như Trần Bích San, nếu làm được một việc hơn tiền bối thì có chi là lạ!

Cùng các đề tài đã được bàn đến ở các sách khác, tác giả Trần Bích San (TBS) còn đi sâu hơn từng mục trong sách VHVN của mình với những phương tiện phong phú hiện đại mà ông biết khai thác. Nói chung, tài liệu phong phú, phương tiện dồi dào cũng lại là con dao hai lưỡi, là cái bẫy sập để một nhà nghiên cứu hăm hở ôm lấy đưa vào tài liệu của mình. Các nhà nghiên cứu do đó phải biết chất lọc xem cái gì đúng, cái gì sai để thu lượm hay gạt bỏ ngay. Công việc nghiên cứu đòi hỏi đức tính kiên nhẫn, bộ óc "logic" (lý luận hợp lý sâu sắc), không định kiến và, trước tất cả, phải đã có sẵn kiến thức căn bản về bộ môn mình muốn nghiên cứu. Nhìn qua "Tài Liệu Tham Khảo" sau mỗi Chương, chúng ta không khỏi có ấn tượng rằng ông đã đọc từng chông sách có giá trị, với một rùng thông tin hiện đại về đủ các khoa lịch sử học, văn học, khảo cổ học, ngữ học, di truyền học... để rút ra những điều mà ông cho là khả tín, có độ thuyết phục cao rồi đưa vào những trang sách của mình.

Trong phạm vi bài này chúng tôi chỉ xin đóng vai trò của một độc giả yêu sách, yêu chữ nghĩa, được cầm cuốn sách trên tay không thể bỏ qua những trang, những chương sách với những tựa đề gợi trí tò mò, rồi đưa ra vài nhận định thô sơ, rất chủ quan...Phần nhận định sâu sắc, với những lời bình có tính cách hàn lâm, xin để nhường các biên khảo gia, học giả, thức giả có thẩm quyền hơn tôi...

Đọc sách là một cái thú rất riêng tư... Đọc chương nào trước, chương nào sau, bỏ chương nào không đọc...hoàn toàn dựa vào nhu cầu cấp thiết muốn hiểu biết của từng người, vì thế tôi xin bắt đầu bằng đọc chương thứ hai, Chữ Việt Thời Thượng Cổ.

Chương 2 - Chữ Việt Thời Thượng Cổ:

Với chương này tác giả vào đầu bằng mấy câu hâm nóng cái thời chúng ta bắt đầu có chữ viết ngày nay mà ta gọi là chữ quốc ngữ. Ông viết: *“Chữ Việt chúng ta sử dụng ngày nay xuất phát từ nhu cầu của các giáo sĩ người Âu Châu sang Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ 16 truyền đạo Thiên Chúa. Chữ Quốc Ngữ do các mẫu tự La Mã ghép thành (**không phải mẫu tự La Tinh như nhiều người lầm tưởng.**)* (Nhấn mạnh của người viết để sẽ nhắc đến sau). *Các giáo sĩ có công lớn nhất trong việc sáng chế ra Chữ Quốc Ngữ là các cố Gaspard de Amaral, Antonio de Barbosa người Bồ Đào Nha, linh mục dòng Tên Alexandre de Rhodes người Pháp.*

Ông viết tiếp: *“Trước khi có Chữ Quốc Ngữ ta có Chữ Nôm. Muốn viết và đọc chữ Nôm phải tinh thông chữ Nho. Chữ Nôm chỉ xuất hiện một thời gian sau khi chữ Hán theo chân quân xâm lược của người Tàu du nhập vào nước ta. Chữ Nôm có phải là văn tự đầu tiên của Việt Nam hay trước đó, **từ thời thượng cổ chúng ta đã có một thứ chữ khác dùng để ghi lại tiếng nói của mình?*** (Nhấn mạnh của người viết.) *Đề tài cổ văn tự được các nhà ngữ học, khảo cổ, học giả bàn thảo từ nhiều năm qua.”* (Tr. 80)

Bắt đầu ông trích dẫn những ý kiến của hai học giả tiền bối, Dương Quảng Hàm và Nghiêm Toản, cho thấy hai vị không đưa ra một kết luận nào về sự có thứ chữ viết riêng cho tiếng Việt hay không, nhưng càng về sau các học giả càng tiếp tục tìm hiểu để đưa ra những chứng tích làm hậu thuẫn cho lập luận của mình. Tác giả Trần Bích San chia các quan niệm đó ra làm 2 phe đối nghịch:

KHÔNG CÓ CHỮ VIẾT THỜI THƯỢNG CỔ:

Phe này có học giả Lê Văn Siêu khẳng định rằng chữ Hán là chữ viết đầu tiên du nhập vào Việt Nam. Đời vua Hùng Vương người Hán chưa xâm chiếm Giao Chỉ mà sử lại ghi vua Hùng phong tặng tước hiệu “Áp Lăng Chân Nhân” cho một đạo sĩ tên là La Viện có công với vua trong một trận thủy chiến, và lần khác vua sắc phong cho thần núi xã Đam Mê

là Đồng Cổ Đại Vương khi Thần đã giúp vua thắng giặc... thì đều chỉ là truyền thuyết.

Giáo sư Vũ Thế Ngọc thì cho rằng sự thật là cho đến nay (1987), chưa có một chứng kiện nào cho thấy ta có văn tự trước thời Bắc thuộc. Rồi ông đưa ra một kết luận bỏ ngỏ:

“Có lẽ chứng kiện còn đang chôn sâu dưới lòng đất hoặc ở ngay trên hàng ngàn trống đồng nhưng vì ta chưa tìm được cách đọc chăng?” (Nghiên Cứu Chữ Hán và Tiếng Hán Việt, trang 27). VHVN tr. 81.

CÓ CHỮ VIẾT THỜI THƯỢNG CỔ:

Tác giả trích trong *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, nơi trang 31: *“Đa số các nhà biên khảo, học giả, sử gia đều cho rằng trước thời Bắc thuộc, khi chưa tiếp xúc với người Tàu và biết chữ Hán, dân tộc ta đã có một thứ chữ riêng để ghi tả tiếng nói của mình.”* Ông tiếp: *“Dựa theo sách Thông Chí của Trịnh Tiểu và sách Cương Mục Tiền Biên của Lý Kim Tường thì đời Đào Đường (2357-2258 TTL) ở phương Nam có họ Việt Thường qua 2 lần sứ dịch sang châu dưng rùa thần. Rùa này có lẽ đã sống đến ngàn năm, mình nó đến hơn 3 thước (96 cm), trên lưng có chữ Khoa Đầu ghi chép việc từ khi mới mở mang về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy gọi là Quy Lịch.* (VHVN tr. 83)

Ông viết tiếp (tôi xin tóm tắt): Các học giả như Hoàng Đạo Thành (tác giả *Việt Sử Tân Ước Toàn Biên*”, Lương Đức Thiệp, Nguyễn Đồng Chi... cho rằng một dân tộc đông đảo và tiến hóa như nước Việt ta không thể không có chữ viết để ghi chép những chuyện hàng ngày trong khi các nước láng giềng như Tàu, Lào, Chăm đều có chữ viết cả. Khi nước Văn Lang (tên nước Việt xưa) bị Tàu xâm lăng rồi đô hộ, họ chủ trương đồng hóa nên cấm không cho phát triển thêm chữ viết của mình và phải học viết chữ Hán thay vào. Chữ viết của ta bị mai một đi, không ai còn dùng đến nó nữa. Tuy nhiên **“người Mường hầu như không bị Hán hoá nên họ còn giữ được chữ viết riêng. Người Mường, người Thổ là di chủng của người Việt thì cũng coi như người Việt có chữ viết từ trước khi bị Tàu chiếm đóng.”** (tr. 82-84). Đây là một câu then chốt để các nhà khảo cổ, nhà biên khảo sau này dựa vào các chữ viết của các dân tộc như dân tộc Tráng (người Nùng, người Tày), và bộ lạc Thủy, di duệ của người Lạc Việt mà suy luận ra chữ viết của người Việt cổ.

Trong nhóm này có linh mục triết gia Lương Kim Định, một người không xa lạ gì với thể hệ chúng ta trong cũng như ngoài nước (1914-1997) bởi lẽ những tư tưởng ông đưa ra đã gây tranh cãi tưởng như

không bao giờ chấm dứt trong giới trí thức và những người quan tâm. Người đả kích cho là ông theo chủ nghĩa “dân tộc quá khích,” là hoang đường, là thiếu cơ sở khoa học, dễ dãi, lãng mạn... thậm chí có người còn nói ông có mưu đồ chính trị. Người bênh vực thì cho rằng ông là người có công thu thập tinh hoa của Đông-Tây đem về làm giàu thêm cho kho tàng triết học Việt, và ngược lại, cũng làm cho thế giới biết đến nếp sống văn minh, tư duy cao đẹp của dân tộc Việt, v.v.

Tại sao tôi phải hơi dài dòng về triết gia Kim Định vì tất cả những lập luận cho rằng Việt Nam có văn tự trước cả Tàu, và rằng Tàu lấy chữ Việt cổ làm chữ viết của mình đã được ông nêu ra từ rất sớm. Tác giả TBS (ở trang 90) đã trích lời ông như sau:

“... lưu truyền xưa nói rằng chữ ban đầu viết theo lối chân chim hay con quăng. Đó là hình dáng rất hợp cho chữ VẤN ban đầu chỉ nét rần rì trên gỗ, đá, ngọc... Vì thế tôi cho rằng Lạc Việt đã có công đầu trong việc đặt nền tảng cho chữ viết, và để ghi công đầu đó, tổ tiên đã đặt danh hiệu nước là Văn Lang. Đặt danh hiệu đó để nhớ bước đầu nhưng vẫn tiến và đã tới đợt TỰ (thanh), nhưng chưa kịp tiến sang đợt THỤ thì bị nạn xâm lăng, đành bỏ dở việc kiến tạo lại cho người xâm lăng tiếp nối.” (Nguồn Gốc Văn Hóa Việt Nam, trang 122, 123).

Tóm lại, theo tác giả TBS, những năm gần đây các nhà khảo cổ đã khai quật được các dấu tích của chữ Việt cổ trên các đồ đồng Đông Sơn, các lưỡi cây, khí giới, vách đá, xương thú vật, ...v.v... Cụ thể mới đây, năm 2011, Hội Nghiên Cứu Văn Hóa Lạc Việt tỉnh Quảng Tây đã phát hiện nhiều di tích của người Lạc Việt, các ký hiệu trên các mảnh vỡ xẻng đá lớn, trên các khối đá có các bản vẽ, chữ cúng tế, các phù hiệu (câu bùa) còn rải rác trên một địa bàn mà ở thời thượng cổ chỉ có người Bách Việt sinh sống, khi chưa có người Hoa Hạ thiên di đến.

Năm 2000, tác giả Trần Bích San cho ra cuốn Văn Khảo do nhà xuất bản Cổ Thơm ấn hành, trong đó cũng có chương bàn về *Chữ Việt Cổ*. Ông nói, Hoàng Đạo Thành, tác giả Việt Sử Tân Ước Toàn Biên là người đầu tiên đưa ra giả thuyết nước ta đã có chữ viết từ trước khi người Tàu đem chữ Hán vào nước ta, và các ông Nguyễn Đồng Chi, Lương Đức Thiệp, Phạm Thế Ngũ, Lương Kim Định cùng đồng ý và bổ túc cho nhau về lý thuyết này... vậy mà tác giả TBS vẫn chỉ cho đây là những “bước đầu”, rồi đưa ra kết luận: *“... Những khám phá của Nguyễn Khắc Ngữ chỉ là bước đầu. Để tìm ra những quy ước chung và hệ thống hóa thứ chữ tối cổ này, chúng ta còn cần thêm nhiều vết tích nữa.”* (Văn Khảo tr.14)

Gần hai mươi năm sau, trong cuốn Văn Học Việt Nam hôm nay, ông kết luận chắc nịch:

“... *Những chứng tích rõ ràng này cho thấy người Việt đã sáng tạo ra chữ viết từ hơn 4000 năm trước.*” (tr. 100)

Điều gì đã đến với tác giả TBS trong gần 20 năm sau? Độc giả hãy nên mở đọc cuốn sách này để thấy một sự đam mê cùng cực của một nhà biên khảo không chịu ngừng ở một công trình dang dở với một kết luận lấp lửng. Ông bỏ ra thêm gần hai chục năm nữa để tìm cho đến tận cội nguồn của các giả thuyết từng được các vị tiền bối đưa ra. Độc giả cũng có quyền hỏi, đây (quyển sách này) đã phải là cái “đỉnh điểm” của một cuộc khảo cứu hay chưa? Tôi nghĩ rằng một nhà biên khảo có đam mê, có lương tâm... như ông, sẽ còn tiếp tục theo dõi và đeo đuổi công việc mình làm cho đến hơi thở cuối cùng!

Chương 3 - Chữ Hán-Chữ Nho:

Câu dẫn nhập đưa đến chương 3 như sau: “*Những thành đạt về chữ viết của Lạc Việt bị người Tàu chiếm đoạt và tiếp nối, dùng thứ chữ của ta làm nền tảng, rồi phát triển, kiện toàn thành chữ Hán.*” (tr. 111) khiến tôi, vì tò mò không thể gấp sách lại!

Vào đầu tác giả TBS nói ngay: “*Nước Tàu gồm 6 giống dân Hán, Việt, Mãn, Mông, Tạng, Hồi hợp thành. Riêng giống Hán (giống Hoa Hạ, gốc người nước Sở) mạnh hơn nên đã đồng hoá 5 sắc dân kia và dùng thứ chữ họ chiếm đoạt được của Bách Việt làm quốc tự.*” (Nhấn mạnh của người viết.) (tr. 113).

Chương 3 này chiếm 30 trang sách (từ tr. 113 đến 143), tự nó đã là một bài viết hoàn hảo trình bày cả một tiến trình người Tàu xâm chiếm Bách Việt rồi đến người Tàu chiếm đoạt chữ viết của người Việt.

Ông chia Tiến Trình Bách Việt Bị Xâm Chiếm ra ba giai đoạn: Giai đoạn 1 (1042 TTL - 306 TTL) từ thời nước Sở lập quốc đến lúc thôn tính được nước Ngô Việt; Giai đoạn 2 (306 TTL - 111 TTL) từ khi chiếm được nước Ngô Việt đến lúc chiếm Lĩnh Nam; Giai đoạn 3 (306 TTL - 1253 STL) từ khi chiếm được Lĩnh Nam đến lúc chiếm tây nam Kinh Sở. Trong 3 giai đoạn xâm chiếm này, giai đoạn thứ ba là do cuộc xâm lăng của Mông Cổ xâm chiếm Bách Việt rồi luôn cả Trung Hoa, tình cờ phần đất này của Việt Nam cũng bị gộp chung và biến thành Trung Hoa luôn! Và cũng vô tình người Mông Cổ đã giúp cho người Tàu thực hiện được mộng bành trướng của họ. (tr. 120)

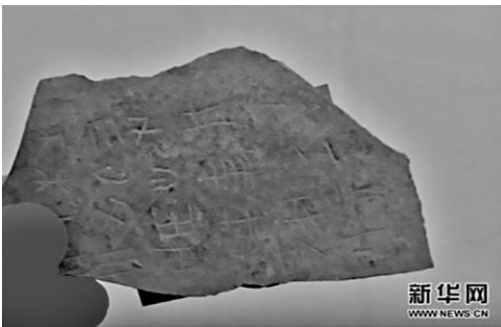
Mục đích của tôi là tìm hiểu tiến trình người Tàu “**dùng thứ chữ họ chiếm đoạt được của Bách Việt làm quốc tự**” như thế nào, cho nên dù cho Chương này có gồm nhiều tựa đề nhỏ khác rất hữu ích như “*Lịch Sử Chữ Hán*”, “*Cách Cấu Tạo Chữ Hán*”, “*Thư Pháp*”, “*Lịch Sử Chữ Hán ở Việt Nam.*” ...vv... được tác giả giải thích chi tiết, mạch lạc và trình bày rất đẹp mắt bằng những bức viết chữ Hán đủ kiểu đại triện, tiểu triện, chữ chân, chữ thảo, chữ lệ..., tôi cũng đành phải lướt qua để giờ nhanh đến phần có tựa đề:

Người Việt Sáng Tạo Ra Chữ Hán:

Sau khi tác giả chứng minh rằng chính người Hán khi chiếm được Bách Việt (trừ Lạc Việt) đã thâu nhập phần nào văn hoá các tộc Việt, chữ viết của người Việt cũng bị người Tàu sử dụng, biến chế thành chữ Hán của mình, ông kết luận: “*Tất cả các chứng tích tại di chỉ Bán Pha, An Dương, Cẩm Tang chứng minh chữ Lạc Việt xuất hiện vào đầu thời đại “đồ đá mới” và hình thành vào thời kỳ đỉnh cao của “văn hóa xeng đá lớn” (từ thế kỷ 40 TTL đến thế kỷ 20 TTL). Thứ chữ tối cổ đó còn thô sơ mới đang phát triển và ở trong thời kỳ TỰ...”* Và: “*... Họ sử dụng chữ cổ Việt làm cơ sở căn bản, tiếp tục phát triển tiếp từ giai đoạn TỰ đã có sẵn sang giai đoạn THƯ để hoàn thành chữ viết (tiến trình tạo chữ có ba giai đoạn: Văn 文: đóng vai trò khai mở quan trọng. Khởi thủy chữ dựa trên hình dáng, vẽ ra sự vật bằng các dấu hiệu tượng hình (pictogramme), Tự 字 (thanh âm): tượng hình gọi được tên nên trở thành tượng ý (ideogramme), dần dần thêm âm vào hình thì thành đợt Tự, giai đoạn cuối Thư 書: âm và hình nương nhau để ra nhiều chữ.* (Tr. 139)

Để bổ sung và tăng thêm sự thuyết phục cho những nhận định trên của tác giả TBS, tôi xin trích dẫn 3 hình minh họa cùng các chú thích dưới đây để độc giả rộng đường suy luận:

(I) Phiến đá có khắc chữ Lạc Việt ở Bình Quả tỉnh Quảng Tây:



Từ trái qua phải (5 chữ):

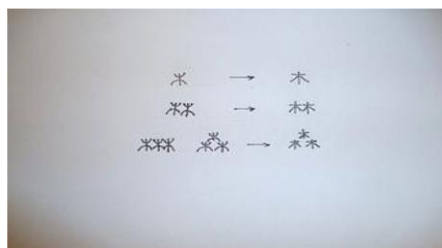
1 = Mộc 木, 2 = Sĩ 士, 3 = Xuất 出, 4 = Chấp 卪, 5 = Công 工

(II) Vài chữ khoa đầu và chữ Hán giống nhau như hai anh em sinh đôi:



Chữ khoa đầu (Chữ Việt cổ)	Chữ Hán (Kiểu chữ Lê)	Chữ Hán (Kiểu chữ Chân)
Chữ Nhân	Chữ Nhân	Chữ Nhân 人
Chữ Hoàng	Chữ Hoàng	Chữ Hoàng 皇
Chữ Hỏa	Chữ Hỏa	Chữ Hỏa 火
Chữ Đế	Chữ Đế	Chữ Đế 帝
Chữ Vương	Chữ Vương	Chữ Vương 王

(III) Chữ khoa đầu / Chữ Hán



Chữ *Mộc* 木 (cây)

Chữ *Lâm* 林 (rừng)

Chữ *Sâm* 森 (rừng rậm)

Nguồn: «Việt Tộc Có Chữ Viết Không?» Tác giả BS. Nguyễn Thành Đệ - Tập san Y Sĩ Canada (không tìm thấy ngày).

Từ bao nhiêu thế kỷ nay nhiều người Việt cứ có mặc cảm rằng từ văn hóa cho đến ngôn ngữ của mình đều là vay mượn của Tàu. Tôi từng được nghe mấy cô cậu “du học sinh” từ Việt Nam qua than thở rằng những người trẻ ở Trung Cộng mà họ có dịp tiếp xúc đều bị nhồi sọ rằng giống người Việt Nam là do giống Trung Hoa mà ra, đồng thời bị vặn hỏi tại sao Việt Nam lại chống Trung Quốc? Các cháu rất lúng túng, thiếu chuẩn bị, thiếu kiến thức để đối phó với tình huống này. Thiết nghĩ các thứ “mặc cảm”, “tự tôn” của người Tàu, hay “tự ti” của người Việt đều cần phải dẹp bỏ ngay lập tức. Công cuộc đi tìm dấu tích đích thực của mình là việc tối cần và cấp thiết. Kết quả của các cuộc khai quật tại các di chỉ khảo cổ tại Việt Nam hiện nay thật đáng khích lệ, đáng được cổ vũ. Tuy nhiên, như thường lệ, phải có sự thận trọng, sự vô tư và lương tâm nghề nghiệp của các nhà khảo cổ thời kết quả mới có giá trị.

Trong một bài đăng trên ViệtTimes (VN) đề ngày 24 tháng 4, 2019, nhà biên khảo Hà Văn Thùy đã dựa vào các kết quả khai quật tìm kiếm di tích chữ viết thượng cổ của người Việt tại nhiều nơi, rồi kết luận: “... *chứng cứ rõ ràng nhất cho thấy người Lạc Việt trên đất Trung Hoa khoảng 4000 đến 6000 năm trước. Mặt khác, chữ cổ Cẩm Tang chứng minh sự liên tục của chữ Lạc Việt từ Sapa Việt Nam tới nhiều vùng khác nhau trên lục địa Trung Hoa.*”

Trong cùng bài, nhà biên khảo Hà Văn Thùy cũng nêu lên “*sự làm lẫn lộn*” khi ta dùng “*từ Hán Việt*” để chỉ chữ Nho ta đang dùng trong tiếng Việt. Ông viết: “*Từ phân tích trên chứng tỏ rằng, tiếng Việt không những không vay mượn mà trái lại, còn là gốc gác, là mẹ đẻ của ngôn ngữ Trung Hoa. Cái mà nay người ta quen gọi là ‘từ Hán Việt’ là sự làm lẫn lộn bởi chưa hiểu cội nguồn sinh học cũng như văn hóa dân tộc, trong đó có quá trình hình thành tiếng nói và chữ viết.*”

Ông tiếp: “*Nhiều người đã hiểu cơ sự nên kiến nghị **khôi phục việc học chữ Nho.***”(nhấn mạnh của người viết) Ông cũng thò thêm một câu: “*Đấy là việc không thể không làm.*” Và: “*Trước hết vì giá trị lớn lao của chữ Nho. Tính triết lý sâu xa, ý nghĩa thâm thúy của nó khác với bất cứ chữ viết nào, giúp người học rèn trí thông minh, luyện tư duy... Chỉ điều này mới giúp chúng ta tiếp nối với truyền thống, tránh được mối nguy mất gốc như học giả nước ngoài cảnh báo mấy trăm năm trước. Đó là việc cần chú trọng và kế hoạch lớn. Trước mắt, việc có thể làm ngay là, trong chương trình tiếng Việt phổ thông, nên bổ sung một số tiết giảng tiếng Việt cổ, nhằm giải nghĩa những từ thường dùng để học sinh hiểu và sử dụng đúng, đồng thời tập cho họ cách tra Từ điển tiếng Việt.*”

*Chúng tôi xin đề nghị, cần một **cuộc cách mạng** (nhấn mạnh của người viết) loại bỏ thuật ngữ ‘từ Hán Việt’ khỏi ngôn ngữ Việt để thay vào đó tên gọi đúng: tiếng Việt cổ! Đồng thời dùng lại thuật ngữ chữ Nho để gọi văn tự của tổ tiên mà xưa nay vẫn lầm tưởng là chữ nước ngoài.”*

Vâng, thật quả là một “*cuộc cách mạng*” lớn! Không phải là do việc đề nghị bỏ “từ Hán Việt” trong ngôn ngữ Việt, mà do việc ông gọi chữ Nho là “văn tự của tổ tiên”, lấy chữ Nho làm chữ “Việt cổ” của mình! Đây có phải là con dao hai lưỡi?

Thiết tưởng công việc khảo cổ là công việc đầy chông gai và bất trắc. Bỏ ngoài chuyện Trung Cộng từng rêu rao rằng chữ Hán là chữ đầu tiên do người Tàu sáng tạo ra, và rằng chữ Giáp Cốt là chữ Hán cổ đại của người Hán đã du nhập vào các nước lân cận tạo thành “*Vùng văn hóa chữ Hán*”...(nguồn Internet), công việc khảo cổ của chúng ta cũng vẫn còn là con đường dài thăm thẳm...Thiền nghĩ, các bộ môn như lịch sử, khảo cổ, nhân chủng học, văn học, biên khảo... nên phải được độc lập, không để cho chính quyền, chính sách, chính trị...chi phối, thì mới có thể có được giá trị đích thực của nó.

Chương 4 - Chữ Nôm:

Đã có rất nhiều sách nói đến, nhưng trong Văn Học Việt Nam, tác giả TBS giải thích cách chế tạo chữ nôm rất mạch lạc và khoa học khiến cho một người có chút vốn chữ nho đều có thể hiểu được cái nguyên tắc căn bản trong việc ghép chữ nho thành chữ nôm một cách dễ dàng. Tuy nhiên đọc xong Chương này, thấy được sự phức tạp khó khăn của chữ nôm, chúng ta sẽ càng phải biết ơn các ông cố đạo người Bồ Đào Nha và người Pháp đã sáng tạo ra chữ quốc ngữ cho chúng ta sử dụng ngày hôm nay.

Nhân nhắc đến chữ quốc ngữ, tôi nhận thấy trong sách Văn Học Việt Nam tác giả TBS nói chữ quốc ngữ là do «mẫu tự La Mã» ghép thành, và ông mở ngoặc đơn ở đây với câu : *(không phải mẫu tự La Tinh như nhiều người lầm tưởng.)* (tr.80.) Rồi ông lại nhắc lại ở phần Chú Thích trang 238: «*Hầu hết các học giả của ta đều gọi nhầm là chữ La Tinh.*» Tôi tự hỏi: Nhầm gì mà nhầm suốt từ thế kỷ thứ 16 đến giờ mới có người nói ra?

Có lẽ tác giả TBS dịch chữ «Roman Alphabet» là «mẫu tự La Mã » cho sát nghĩa? Tuy nhiên, người xưa, các học giả, và kể cả các linh mục đề ra mẫu chữ này cũng gọi là «mẫu tự La Tinh» (Tự Điển Việt-La Tinh -

Dictionarium Anamitico-Latinum), thì phải có lý do gì chứ? Có lẽ tác giả Trần Bích San cũng nên giải thích lý do tại sao ông gọi thứ mẫu tự này là «mẫu tự La Mã», và tại sao gọi «mẫu tự La Tinh» là sai?

Trở lại chương Chữ Nôm. Chương này cũng được tác giả kèm vào bài viết các bản chữ nôm trích từ Truyện Kiều, truyện Lục Vân Tiên, thủ bút bằng chữ nôm của vua Quang Trung... Có cả bài Văn Tế Cá Sấu bằng chữ quốc ngữ, nhưng không có bản viết bằng chữ Nôm in chung, có lẽ như tác giả đã ghi ở dưới: «*Bài văn tế đũa cá sấu bằng chữ Nôm trên do Đoàn Như Khê và Nguyễn Can Mộng đưa ra nói là của Hàn Thuyên và cho biết sao lục lại từ sách của nhà chùa. Tài liệu này thiếu khả tín và không được công nhận vì chữ dùng mới, không phải chữ nôm cổ thời Hàn Thuyên.*» cho nên ông đã thận trọng không in bản chữ nôm vào đây, sợ làm sai lạc văn học sử. (Tr. 172)

Các Chương từ 6 đến 9 nói về các nền giáo dục (Tr. 281-455):

Ý thức được vai trò tối quan trọng của các nền giáo dục vì nó không chỉ đào tạo kiến thức chung chung hay các chuyên môn mà chính là đào tạo trí dục và đức dục cho con người, tác giả TBS đã dành 160 trang để đề cập 4 nền giáo dục: giáo dục Nho Học, giáo dục Pháp thuộc, giáo dục Quốc Gia, giáo dục Cộng Sản.

«Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài» là luật tự nhiên, cho nên các nền giáo dục ảnh hưởng rất lớn lên con người nếu không muốn nói là có thể thay đổi con người. Tôi được sinh ra và lớn lên trong vùng Quốc Gia, dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, được hưởng một nền giáo dục dựa trên triết lý nhân bản, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phát triển toàn diện mỗi cá nhân để hướng tới chân, thiện, mỹ... không khỏi ngậm ngùi khi lật đến các trang sách được tác giả vẽ lại cảnh phồn vinh của một thời... với một số lượng nhiều đến độ không thể đếm được các trường ốc, các cơ sở, các trung tâm đào tạo ra biết bao nhiêu tinh hoa của đất nước, của dân tộc... Nay còn đâu!

Cuốn sách Văn Học Việt Nam còn đề cập đến nhiều đề tài cần thiết cho những ai muốn tìm hiểu các vấn đề khác liên quan đến văn học Việt Nam. Có Chương giải thích các cuộc thi Hương, thi Hội, thi Đình và cất nghĩa các Học vị và Danh vị. Học vị Phó Bảng còn được chiếm cả một Chương riêng biệt.

Cũng có một Chương gọi là «Sai Lầm, Nghi Vấn Trong Văn Học Sử» để «giải mã» nghi vấn về các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn (Tr. 625). Vấn đề «thành viên» của Tự Lực Văn Đoàn quả đã gây nhiều bức xúc

cho các độc giả mến mộ họ. Người ta thấy danh sách thành viên Tự Lực Văn Đoàn có lúc thêm, lúc bớt, lúc dài, lúc ngắn! Không hiểu tác giả TBS trong phần này đã thoả mãn sự trông đợi của độc giả chưa? Riêng tôi, vẫn mong được nghe phản hồi của chính hậu duệ của Tự Lực Văn Đoàn.

KẾT :

Đọc cuốn sách mà bỏ qua cái TỰA không đọc là một điều thiếu sót và uổng phí vô cùng vì thường thường các tác giả hay gửi gắm tâm tình, quan điểm, triết lý... của họ trong đó. Nắm bắt được tình ý tác giả hay không lại còn là... «duyên may» của người đọc.

Trường hợp bài TỰA của tác giả TBS, dù ông viết tới 17 trang, theo tôi, tựu trung ông cũng chỉ muốn đề cao cái «sứ mệnh của người cầm bút» Ông viết: «... *bất kỳ người cầm bút có ý thức nào khi chọn nghiệp văn có lúc phải tự hỏi: viết để làm gì? viết cho ai? Từ nghìn xưa tới ngàn sau chắc chắn những người làm văn học nghệ thuật phải suy tư về nhiệm vụ của mình.*»

Sau đó để hậu thuẫn cho quan điểm của mình, ông dẫn chứng các công việc «tải đạo» của Phạm Quỳnh với Nam Phong Tạp Chí, Huỳnh Thúc Kháng với Tiếng Dân, các nhà văn của Tự Lực Văn Đoàn... Ông cũng trích lời của tiểu thuyết gia Nga Konstantin Paustovsky: « *...Nếu một người cầm bút không làm cho nhãn quan của con người sáng thêm lên, dù chỉ một chút thôi, người cầm bút đó không phải là nhà văn.*» (Tr. 17)

Trong một bài có tựa đề «Viết Để Làm Gì? Tại Sao Viết?» đăng trên tam cá nguyệt san Cỏ Thơm số 80 cách đây không lâu, tôi đưa ra qua điểm của mình: «*Tôi không tự khoác lên mình một sứ mệnh. Tôi cũng sẽ không dám nhận nếu ai đó khoác lên người tôi một sứ mệnh, tôi sợ nếu tôi lách ngòi bút theo một “sứ mệnh” tôi sẽ hết tự do và thành thật. Đứng trước một hoàn cảnh ngang trái, chẳngặng đừng tôi phản ứng theo bản năng tự nhiên, không đắn đo suy nghĩ, không cân đong kết quả, hậu quả... »*

Độc giả chắc cũng dễ dàng nhận thấy rằng tác giả Trần Bích San và tôi đang đi ngược chiều nhau! Có sao đâu? Tôi vẫn chúc mừng ông đã làm tròn sứ mệnh của người làm văn hóa, nghệ thuật. Đường nào thì rồi cũng đi được tới Rome thôi!

Không cuốn sách nào có thể đáp ứng được hết nhu cầu của độc giả. Tác giả TBS trong cuốn Văn Học Việt Nam cũng chỉ dám mong bàn đến một số đề tài mà ông quan tâm và có tư liệu.

Làm công việc biên khảo, nhất là biên khảo một bộ môn nào mà phải dựa vào khảo cổ học, người ta rất khó mà biết đâu là cuối đường hầm để mà tìm ra được ánh sáng soi rọi vào vấn đề. Công việc khai quật tìm kiếm...vẫn còn đang tiếp diễn, và công việc biên khảo về những công trình này do đó vẫn còn phải đeo đuổi dài lâu...Chúng ta hãy chờ xem!

Trong tình trạng bi đát và khốn trương nơi quê hương hiện nay: Nước sắp mất về tay quân xâm lược Bắc Phương một lần nữa. Lần này thì chiến thuật xâm lược của họ còn thâm độc hơn, hậu quả sẽ có sức tàn phá sâu xa hơn các lần trước bởi vì quân xâm lược không dùng súng đạn, mà dùng văn hóa để hòng đồng hóa dân tộc ta.

Vương Dương Minh (1472-1528) một nhà tư tưởng vĩ đại thời nhà Minh bên Tàu để lại cho nhân loại một câu nói bất hủ: *«Làm thầy thuốc mà làm thì giết một người, làm thầy địa lý làm thì giết một họ, làm chính trị làm thì giết một nước, làm văn hoá làm thì giết cả một đời.»*. Người lảng giềng tham lam và hiểm độc của chúng ta biết rõ hơn ai hết cái **sức mạnh vô bờ của văn hoá** cho nên họ đang dùng mọi thủ đoạn để làm sai lệch lịch sử, làm ô nhiễm văn hóa của chúng ta hầu đạt mục đích tối hậu là đồng hóa chúng ta. Văn học là phần tối quan trọng và cũng là tiền đồn của văn hóa.

Vì thế cho nên bất cứ nỗ lực nào nhằm bảo tồn văn học Việt Nam đều là những việc làm rất đáng được khích lệ và trân trọng. Pho Văn Học Việt Nam của biên khảo gia, học giả Tiến sĩ Trần Bích San sẽ là món quà quý cho tuổi trẻ Việt Nam, là cảm nang làm hành trang trên bước đường tranh đấu giành lại sự trong sáng cho ngôn ngữ Việt, sự trung thực cho văn tự Việt, và sự huy hoàng của một nền văn hóa Lạc Việt do ông cha ta để lại.

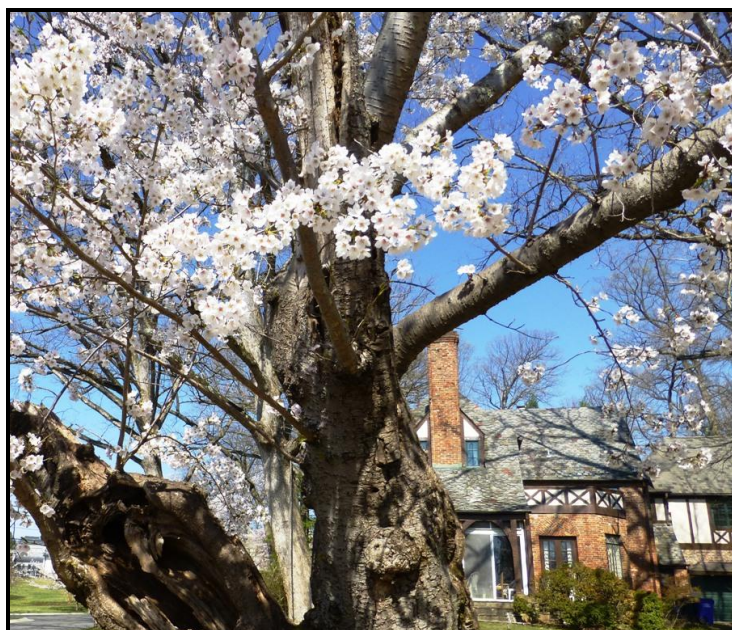
TRƯƠNG ANH THỤY

Virginia, mùa Quốc Hận 2019



**HOA ANH ĐÀO VÙNG KENWOOD
CHEVY CHASE, MARYLAND**

Ảnh: Phan Anh Dũng / April 4, 2019





Ảnh: [Phan Anh Dũng](#)



NHÌN LẠI ĐỂ THƯƠNG, ĐỂ CẢM PHỤC

**** Lê Mộng Hoàng ****

(Dưới đây là bài đọc của tác giả vào ngày Chủ nhật 28 tháng 4, 2019 ở chùa Hoa Nghiêm, tiểu bang Virginia nhân LỄ CẦU SIÊU cho các chiến sĩ VNCH và các đồng bào tử nạn ngày 30 tháng 4 năm 1975)

Xin kính chào quý THẦY trong tăng đoàn chùa Hoa Nghiêm, Sư cô Diệu Đạo, chị Hội trưởng NN, quý vị trưởng thượng và đại chúng thân thương của chùa Hoa Nghiêm.

Trước tiên xin cảm ơn chị NN đã có nhã ý đề nghị tôi chia sẻ tâm tình với quý vị về chuyến di-tản bất ngờ của 2 mẹ con tôi cùng ngày này năm xưa.

Đúng như vậy, đây là một sự trùng hợp ngày tháng ngẫu nhiên và kỳ lạ! Cách đây 44 năm lúc 11:30 trưa ngày 28 tháng 4 năm 1975 tôi lo thu dọn tất cả đồ đạc từ nhà riêng của hai mẹ con trên đường Nguyễn Thiện Thuật đem về nhà ba má tôi ở đường Tô Hiến Thành, Sài Gòn vì theo lời má tôi nói: "Người ta đồn khi Việt Cộng ngoài Bắc vô Nam, họ sẽ buộc các góa phụ trẻ có chút nhan sắc như con Vành Khuyên phải lấy những thương phế binh có công lớn với nhà nước". Vì nỗi lo sợ ấy nên cả nhà đều hối thúc tôi phải tìm cách trốn đi.

Tuy đã khá lâu rồi, 44 năm qua mà những gì xảy ra vào các ngày cuối tháng 4 năm 1975 vẫn còn âm thầm chất chồng trong sâu thẳm của lòng tôi. Trưa hôm ấy, sau khi đem đồ đạc từ nhà riêng qua để tạm ở sân trước nhà ba má tôi, vì trời quá nóng bức tôi định đi tắm cho tỉnh táo thì có tiếng chuông ở cửa trước, chạy ra mở cửa, tôi gặp người anh rể - chồng của chị XL, chị ruột của D, chồng tôi đã đột ngột từ trần vì tai nạn xe Vespa cách đây hơn 4 năm. Anh này đem tin cho hay: "Gia đình anh chị Bùi & XY đã tụ họp tại villa số 13 đường Hồ Xuân Hương sửa soạn lên phi trường đi qua Mỹ, mẹ và bé Lina nên đến nơi này ngay". Lúc này lòng tôi vừa mừng vừa lo, mừng vì đây là cơ hội để hai mẹ con có thể cùng đi chung với gia đình anh chị Bùi, lo là phải rời bỏ gia đình, ba má các em để ra đi xứ lạ xa xôi, chỉ có mẹ góa con cô, bé Lina mới 4 tuổi rưỡi thôi, biết phải làm gì khi bỏ xứ mà đi? Tôi chào từ biệt ba má, ôm thật chặt ba tôi, hôn lên má ông mà không ngờ đó là nụ hôn cuối cùng vì

sau ngày 28 tháng 4 ấy tôi không có cơ hội trở lại Sài Gòn và ba tôi đã qua đời vì cơn đau tim vào năm 1979 dù ông chỉ mới 65 tuổi.

Trở lại chuyến viễn hành bất ngờ và vội vã của hai mẹ con tôi, khi em trai tôi chở bé Lina và tôi đến villa 13 Hồ Xuân Hương thì cổng sắt của biệt thự này đóng kín, tôi đang băn khoăn nghĩ "Chắc không thể nào vào bên trong được". Bỗng có chiếc xe jeep nhà binh chạy tới, người lính gác cổng mở rộng cửa cho xe vào, tôi chậm chậm dắt Lina tiến vào bên trong. Lúc ấy lòng tôi lo lắng chẳng biết có gặp được gia đình anh chị Bùi không thì có tiếng gọi từ chiếc xe van trắng đậu trên sân: "Mợ Tám tôi ở đây". Chị XY, bà chị chồng tốt bụng đã thương yêu chăm sóc cho mẹ con tôi từ ngày ba của Lina đột ngột lìa trần lúc cháu mới được 4 tháng tuổi - đã giơ tay vẫy cho tôi thấy. Trước tiên tôi gặp một người đàn ông Việt Nam đứng gần chỗ xe van đậu, tôi chào ông ta và hỏi thăm: "Thưa ông, tôi là góa phụ ở chung với gia đình bà chị chồng đang ngồi trong xe kia, làm thế nào cho tôi được đi cùng với anh chị tôi?" Ông ấy nói: "Tôi không có quyền hạn gì cả, cô có biết tiếng Anh không thì tới nói với ông Mỹ đứng đằng kia kia". Tôi trả lời "Dạ có" rồi vội vàng đến gặp ông Mỹ. Ông này mau mắn chấp nhận lời yêu cầu của tôi rồi nói với ông Việt Nam lúc nãy ra bảo xe van hãy khoan đi, chờ ghi thêm tên hai mẹ con tôi vào danh sách ra phi trường.

Mọi sự xảy ra như một cơn lốc và tôi như có sự dẫn dắt huyền diệu của đức Quán Thế Âm Bồ Tát luôn theo dõi độ trì cho mẹ con tôi hoặc là của hương linh anh D, người chồng đã thì thầm với tôi: "Nếu lầy được em mà có chết anh cũng vui..." - khi anh biết được là bố của anh đã chọn "ngày rước dâu" là ngày xấu, không hợp với tuổi anh. Lúc xe van rời villa 13 Hồ Xuân Hương chạy lên phi trường Tân Sơn Nhất, mọi người đều hoảng sợ khi nghe tiếng nổ chát chúa. Sau này mới biết đó là quả bom nổ ở bệnh viện Từ Dũ trưa ngày 28 tháng 4, 1975. Vài giờ sau, chúng tôi gồm 10 người - gia đình anh chị BH và XY có 8 người, thêm 2 mẹ con tôi thành 10 xếp hàng lên phi cơ. Khi phi cơ cất cánh bay lên, không hẹn trước mà ai nấy cùng thoát ra tiếng khóc xót xa **vĩnh biệt Sài Gòn** rồi cùng im hơi lặng tiếng, chỉ nghe tiếng trẻ con khóc trong suốt chuyến bay lịch sử này, còn người lớn thì nước mắt vẫn chảy dài trên hai gò má họ. Nhưng theo suy nghĩ của tôi thì nỗi đau "mất nước, mất nhà, xa người thân yêu" quá lớn, quá bất ngờ khiến họ thẫn thờ như người mất trí, khủng hoảng tâm thần lặng câm chẳng thốt nên lời?

Đoàn người di tản được nghỉ qua đêm ở đảo Guam, sau đó đưa đến tạm trú tại các trại của khu quân sự Fort Chaffee, Arkansas. Chiều 30 tháng 4 năm 1975, trong lúc mọi người họp nhau ngồi trên sân cỏ để nghe Khánh Ly hát và ngóng trông tin tức từ Sài Gòn qua một radio của một bác cao niên mang theo thì từ máy phóng thanh lệnh truyền "Bỏ súng đầu hàng vô điều kiện" của tướng Dương Văn Minh đã khiến ai đó sững sốt la lên: "**Chết rồi, hết rồi, mất nước rồi!**" và rồi không ai bảo ai họ khóc thảm thiết như có người thân vừa qua đời và lặng lẽ bỏ ra về. Buổi họp mặt "văn nghệ lần đầu tiên tại Fort Chaffee" thất bại và cũng từ ngày ấy "Nỗi Đau Mất Nước" kéo dài triền miên lặng lẽ trong lòng các "người di tản buồn" thế hệ thứ nhất giống như tôi!

Năm sau 1976 khi liên lạc được với gia đình qua ngã Paris, rồi Canada, tôi mới biết được cùng ngày 30 tháng 4, 1975 ấy, ngoài các anh hùng tử sĩ tuần tiết vì không muốn mang nỗi nhục đầu hàng giặc Cộng như **Ngũ Hồ Tướng Công: Nguyễn Khoa Nam, Lê Nguyên Vỹ, Phạm Văn Phú, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai; Đại tá Hồ Ngọc Cảnh** bị xử bắn tháng 8 cùng năm 1975 và Trung Tá Cảnh Sát Quốc Gia Việt Nam Cộng Hoà **Nguyễn Văn Long** đã anh dũng tự sát trước tòa nhà Quốc Hội Việt Nam Cộng Hoà chiều ngày 30 tháng 4 ấy. Ngoài ra còn có rất nhiều vị quân nhân Việt Nam Cộng Hoà khác đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng trên khắp 4 vùng chiến thuật và nhiều không kể xiết những người vượt biển, vượt biên đi tìm Tự Do đã kết liễu đời mình để tránh nỗi nhục bị Việt Cộng tra khảo hành hạ hoặc bị hải tặc Thái Lan hãm hiếp tàn bạo.



Dù đã 44 năm qua rồi mà tôi vẫn không quên hình ảnh: cô **Tống Nữ Bích Hà**, em gái út của ba tôi, đã uống độc dược quyền sinh chiều ngày 30 tháng 4 khi hay tin Việt Cộng từ miền Bắc đã vào tới Sài Gòn. Cô không muốn bị chồng cô (chú H) từ bên kia chiến tuyến quay về hạch hỏi vấn tội cô. Cô tôi đã đi theo Việt Cộng vào mật khu để gặp chồng, nhưng sau đó vì quá kham khổ cô sinh đủ chứng bệnh và không phục tùng chế độ Cộng Sản cô đành trốn về Hội An, tiếp tục nghề dạy học, ở với bà Nội tôi và cuối cùng tự sát để bảo tồn danh dự của chính mình.

Vẫn còn đây trong cõi riêng sâu kín "con tim Việt Nam" của tôi hình ảnh hai người bạn gái đã lia trần vào ngày Quốc hận 30 tháng 4, 1975: * **Bạn Nguyễn Thị Nga** đã học cùng trường trung học Trần Quý Cáp với tôi, sau này Nga đi dạy tiểu học. Trong chuyến tàu vượt biên tìm đến bến bờ Tự Do, khi Nga bị hải tặc Thái Lan lên tàu của chị và bắt đàn bà con gái còn trẻ mang ra nhốt riêng để thỏa mãn nhục dục thì chị đã can cường nhảy xuống biển sâu tự vẫn.

* Người sau cùng nhưng rất gần gũi, thân mật với tôi vì chúng tôi cùng ở một phòng tại Đại Học xá Viện Đại Học Đà Lạt trong 3 năm liền 1963-1966: em **Lưu Thị Bích Đào**, hoa khôi xinh xắn dễ thương, hao hao giống tài tử Audrey Hepburn với đôi môi đỏ chúm chím, mái tóc ngắn ngắn và má lúm đồng tiền rất duyên dáng. Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Văn chương viện Đại Học Đà Lạt, Bích Đào đám cưới với người em yêu là Dược Sĩ Trần X Chiểu - mà trước đây đã bị ông anh Cả ngăn cản, nên Bích Đào phải đợi lúc ông anh này vì bệnh hoạn lâu ngày không còn sức kiểm soát chuyện tình cảm của cô em út xinh đẹp mới lấy chồng và về dạy học ở trường Trung Học Cần Thơ. Vào mấy ngày cuối tháng 4, gia đình Bích Đào & Chiểu và 3 con nhỏ tìm đường vượt biên theo mối lái của một chủ tàu đánh cá. Không ngờ người này lại lường gạt cả nhóm để lấy vàng, lấy tiền rồi sau đó ngầm báo tin cho Công An theo dõi chặn đường và bắt buộc đoàn người phải trở về nhà. Về tới nhà, thì nhà của Bích Đào đã bị cán bộ phường chiếm giữ không cho vào và đòi tống giam tất cả 5 người. Lựa chọn sau cùng của Chiểu và Bích Đào là đến tá túc tạm tại nhà một người quen rồi sáng sớm hôm sau Chiểu dùng ống tiêm chích độc dược cho 3 con nhỏ, cho vợ và cuối cùng cho chính mình. Tội nghiệp và oan uổng cho Chiểu, thuốc không còn đủ để kết liễu đời anh nên anh vẫn còn sống. Khi gia đình Bích Đào hay tin, quá đau khổ vì cái chết của 4 mẹ con Bích Đào, họ đã gọi công an tống giam Chiểu. Vào nhà tù, Chiểu trở nên mất trí, điên loạn và cuối cùng cũng tìm cách thoát ly cõi trần ai khổ nạn và nỗi hối hận dày vò vì quyết định chấm dứt cuộc sống của vợ con trước khi tự sát!



thân thương đã lặng lẽ chấm dứt cuộc đời trong buồn đau, tủi hờn.

Từ năm 1975 đến nay, vào tuần lễ cuối tháng 4, tôi luôn tưởng niệm và đọc kinh cầu siêu cho các hương hồn quý liệt sĩ "Sinh Vi Tướng Tử Vi Thần" cùng tất cả quân nhân Việt Nam Cộng Hoà, các nạn nhân trong biển cố đời kinh hoàng cùng 3 người

Từ ngày chùa Hoa Nghiêm được xây dựng rộng rãi, khang trang, tôi đã đưa ra ý kiến xin thầy Trụ Trì cử hành lễ cầu siêu trọng thể cho tất cả oan hồn tử sĩ, nạn nhân tuần tiết trong ngày 30 tháng 4 dương lịch hàng năm. Thầy Trụ Trì và ban hộ trì tam bảo đã chấp thuận, thành thử Chủ Nhật năm nay, chùa Hoa Nghiêm cũng cử hành Lễ Cầu Siêu cho toàn thể anh linh vị quốc vong thân cùng đồng hương tử nạn.

Kính mời quý vị vẫn chưa quên được niềm Đau Dại Dẳng ngày 30 tháng 4 ,1975 đứng lên, lặng yên trong 1 phút để cùng nhau chúng ta dâng nén tâm hương tỏ bày lòng Tri Ân, Cảm Phục đến những ai đã nằm xuống đắp đường cho chúng ta tiến tới ánh sáng Tự Do, đặc biệt là Thiếu Tướng NGUYỄN KHOA NAM mà cuộc đời và tài đức đã trở thành huyền thoại, được hầu hết chiến hữu quân lực VNCH tôn sùng tại hải ngoại cũng như quốc nội.

*"Tôi có mình tôi rất ngậm ngùi
Bốn mươi lần đếm tháng Tư rơi
Chén đắng sao ai mời uống mãi
Bên dòng bi sử dạt dờ trôi..." - PXT*

Thân Sung Dung - 4/28/2019



CHÉN CƠM QUÊ NHÀ

Bài thơ xin gửi người xa

*Chứa chan thương nhớ
quê nhà Tiền Giang
Ngọt ngào như cánh rau lang
Miệt vườn chân chất
mênh mang tình người*

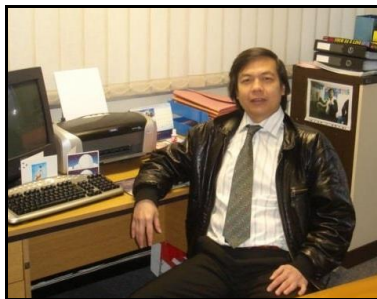
*Môi em đẹp mãi nụ cười
Bờ sông bến nước
cả mùi lần thương
Mưa trời rơi mãi vấn vương
Làm anh cứ phải
buồn tương tư hoài*

*Khi nào mây gió còn bay
Vẫn là yêu nhớ bàn tay dịu dàng
Mắt em như lá thu vàng
Anh xin gửi tặng
cả ngàn luyến thương*

*Cơm chiều đậm bạc quê hương
Khô chiên rau luộc
ớt tương đậm đà
Nhớ ai như nhớ quê nhà
Chiều mai ghé lại giọt ngà trên mi*

*Bao giờ ai hỏi tình si
Cho trăm năm nhớ
khắc ghi cau trầu
Bóng trắng Cai Lậy về đâu
Để dòng nước chảy đi vào tim yêu*

*Mây trời biển nhớ điều hiu
Chén cơm cá trắng
kho tiêu hôm nào
Quê nhà dưa cải tương chao
Mà sao vẫn mãi nhớ nhau một đời.*



Trường Đình

UK, sương mù già
Viết đêm 21 tháng 3 năm 2019

TAY BÚP MẪNG

**** Diễm Châu (Cát Đơn Sa) ****

Ai trông thấy tôi, cũng đều có cùng nhận xét giống nhau:

- “Con bé Thi quả là một đứa con gái quá xấu!”

Mặc dù đó là họ phê bình sau lưng, hay nói lên với nhau, nhưng rồi tôi cũng biết, bởi mấy đứa bạn quỷ quái thì có gì mà giấu được! Chẳng những thế, chúng còn mang điều này ra để mà nhạo báng tôi nữa!

Từ lâu, tôi đã biết mình không đẹp!

Ở cái tuổi mười ba, mấy đứa con gái nhoi nhoi như chúng tôi đã bắt đầu làm dáng, biết mặc cái cộc xê “bra” đầu tiên, ôm sát vào người cảm giác ngò ngò! Một lũ bạn gái với nhau, chúng nó đều có những thằng con trai chọc phá hay trao gửi ánh mắt thân thiện, chỉ riêng mình tôi là chẳng có ai! Lúc nào cũng lẻ loi một mình nếu trong lớp có cơ hội họp bạn với nhau, hay là chia phe làm văn nghệ v.v...

Vi vậy nên thỉnh thoảng ba mẹ lại dăm chiêu nhìn tôi, rồi se sẽ thở dài, lắc đầu quay mặt đi nơi khác, với ánh mắt buồn da diết! Nếu ai bên ngoài cũng cho rằng tôi không đẹp là sai... Bởi thực tình mà nói, thì tôi cũng có những cái hay cái đẹp khác mà họ không để ý!

Tôi biết khuôn mặt tôi xấu, còn hơn là con mụ Chung Vô Diễm hay diễn tuồng cải lương! Mụ này xấu đến mức “không thể xấu hơn”!... mà đôi khi ngồi coi diễn, tôi quên thân phận mình, lại đi chê người ta! Nhưng khi giật mình nhớ lại, thì tôi cũng ân hận, và không rõ là tôi xấu hơn mụ ta nhiều hay ít? vì tôi có bao giờ dám đứng lâu trước gương để chiêm ngưỡng dung nhan của mình! Tôi không thích nhìn khuôn mặt tôi trong gương. Má tôi biết rõ điều này, nên trong nhà tôi, ngoại trừ tấm gương nhỏ xíu trong phòng tắm, thì tìm khắp nơi không thấy tấm gương nào! Điều này cho biết ba mẹ cũng rất tế nhị với cô con gái cứng của mình!

Ba má tôi thuộc người làm ăn buôn bán, nhưng tôi lại thích thơ văn! Tôi thích văn chương chữ nghĩa, nhưng khi bắt đầu vào tuổi mộng mơ, hiểu biết, tôi bị dị ứng, không thích đọc truyện của mấy ông bà nhà văn kể truyện mấy người có bộ mặt xấu. Khi đọc những tác phẩm này, cho dù là nổi tiếng, tôi vẫn thấy ghét như thường!

Mấy đứa bạn ranh của tôi lại còn nói khích là:

- Con Thi bị đụng chạm tự ái cá nhân!

- Cái Thi từ lúc chưa sinh ra... đã bị nhà văn Nam Cao chửi xéo rồi!

Rồi chúng nó lôi chuyện của Nam Cao ra để bàn tán đến cặp Thị Nở và Chí Phèo, hay là truyện “chị Doãn có khuôn mặt của một người đàn ông xấu trai” để châm chọc tôi!

Hai cái tên Doãn và Nở tôi thù ghét nhất! Hễ đưa bạn nào mà nhắc đến, cho dù vô tình, là coi như nó đang chửi xéo tôi!

Cho nên cũng vì mấy vụ chọc ghẹo “có văn hóa” này mà tôi lên cơn điên, nhất quyết làm lì mặt mấy ngày không chịu đi học, khiến cho má tôi phải đến trường, nói với thầy Hiệu Trưởng... Nhưng vì không có chứng cứ “ai chọc ghẹo con gái bà?” ... cuối cùng thì cũng chẳng đi đến đâu! Và sau một thời gian giận chúng nó, tôi lại nhớ mấy đứa bạn quý quái, lại vác mặt đến trường!

Mẹ tôi muốn tôi bớt giận, vuốt ve:

- Mặc xác chúng nó, quên thằng Doãn con Nở nào đó đi... sao con lại tức làm gì cho mệt óc! Đừng có nhắc đến mấy cái tên khốn đó nữa!

Tôi vừa nhăn mặt tức tụi bạn, vừa giận mẹ không biết gì, nói lung tung:

-Con tức mấy đứa bạn chứ không tức mấy người đó... nhưng mà ông nhà văn này viết "quá tệ", nên chúng nó nói giống con, mới chọc con!!!

Mẹ tôi ít học, có biết gì đâu, nghe tôi nói vậy thì nhìn tôi khó hiểu, rồi quay đi, lùng búng trong miệng:

- Đúng là một lũ khùng!

Tôi không thể trách mẹ tôi, nhưng nói để cho mẹ hiểu thì “mệt quá”, tôi không muốn nhắc đến chuyện xấu đẹp ở đây! Thôi thì cứ cho nó qua đi. Nhưng nhờ mẹ tôi lên trường, thì trong lớp thầy cô mới cấm lũ bạn không được “đụng chạm” đến cá nhân người khác, đứa nào bất tuân, sẽ bị trừ điểm hạnh kiểm, nên cũng đỡ.

Trong lớp, tôi là đứa học giỏi. Nhưng sự giỏi giang ở đây, tôi vẫn không thể thắng nổi một tên con trai luôn luôn đứng nhất lớp, tức là trên tôi một bậc! Tên của hắn là Ngọc. Người ta hay nói rằng “Đẹp trai, con nhà giàu thì hay học dở!” Nhưng đây thì trái ngược lại! Chẳng những Ngọc học giỏi, hắn còn đẹp trai và con nhà giàu nữa! Khỏi nói thì khối đứa con gái trong lớp ganh ghét với sự học của tôi. Vì trong lớp, lúc nào thầy cô cũng đưa bài vở của tôi và Ngọc ra để làm gương cho lũ học trò. Dĩ nhiên là tên tôi và tên Ngọc thường hay đi kèm với nhau! Thế là chúng nó, tụi con trai, xoay ra nghịch phá, cấp đôi tôi và Ngọc thành một cặp! Mấy đứa con gái có đứa ganh tức, ngâm nga mấy câu thơ chát ngàm để trêu chọc tôi rằng:

“Nhìn xa thì nghĩ Tây Thi

Lại gần mới biết... Cu Li xấu òm!”

Đúng là thơ mắc dịch! Nghe tụi nó ngêu ngao, tôi tức lắm, vì nó lôi tên tôi vào chứ đâu! Chúng cố tình lấy hai chữ Tây Thi để xỏ xiên! Tôi cố giữ làm mặt tĩnh, không nghe và không thèm biết! vì nếu tôi gây lộn, thì chẳng lẽ mình nhận đó là mình!

Nhờ đứng nhất, nên Ngọc luôn được bầu làm trưởng lớp. Còn tôi là phụ tá. Mấy đứa bạn gọi Ngọc là Tống Ngọc, tên một gã đẹp trai nổi tiếng bên Tàu. Việc này đối với Ngọc bình thường, vì hắn đẹp trai thật, nên đâu có sao...

Còn tôi thì chúng nó gọi Tây Thi! Đây mới là gây cản, vì tôi không phải Tây Thi! Mà trái lại là khác!

Ngọc có tính nét thật là cao siêu! Trong khi tôi lờn lộn lên khi nghe cặp đôi Tống Ngọc với cái tên Tây Thi, thì hắn lại cười khà khà! Làm như hưởng ứng trò chơi này lắm! Đôi khi hắn còn bảo hắn là Phạm Lãi!

Hình như là hắn rất thích được gọi bằng cái tên "Phạm Lãi" này; những lúc bị cặp đôi lại càng khoái hơn! Tính "cả tưng" của hắn làm tôi không hiểu nổi là tại sao con người ăn học giỏi như vậy, mà hắn cũng "cà chớn", thích mang tôi ra để làm trò đùa.

Nếu mà hắn cũng bực mình, và nổi khùng lên để đánh lũ bạn chơi ác, thì tôi còn cho là có lý... Đằng này trái lại, những khi nghe lời chọc ghẹo của đám bạn, hắn còn làm tôi dễ điên hơn; bằng nụ cười toe toét hưởng ứng, khiến tôi lộn ruột lộn gan! Tôi cho là hắn sỉ nhục tôi quá đáng! Ai mà không biết hắn đẹp trai nhiều con gái mê! Nhưng tụi nó mê thì không việc gì đến tôi! Có lần tôi không ngăn nổi cơn giận, lấy cuốn sách Tự Điển ném mạnh vào hắn một phát. Cuốn sách bìa dày phang trúng vào tay hắn, hắn lên một vệt dài màu đỏ, khá đau! Tụi bạn rú lên cười. Dù đau, nhưng hắn vẫn làm bộ làm tịch, nhặt lấy cuốn sách, đưa đến trước mặt tôi trả lại, với nụ cười thân thiện, làm như không biết giận là gì!

Tôi vừa tức vừa lo. Thật là vô lý. Rồi tôi nhớ đến lời má tôi thường ngồi bên tôi an ủi, những khi tôi buồn cho thân phận:

- Thi à, con giỏi lắm, má rất hãnh diện khi có con. Con có biết dù khuôn mặt con không xuất sắc, nhưng con có đôi bàn tay rất đẹp không. Đây chính là đôi tay của một phu nhân quyền quý con à... Con không tin má phải không? Con nhìn quanh đi, coi có đứa bạn nào của con có đôi tay đẹp như tay con không?

Tôi đưa hai bàn tay mình lên, phải rồi, trái với khuôn mặt của tôi, thì hai bàn tay tôi như những búp măng non, làn da trắng nõn cùng mấy ngón tay thon duột, thắp bút mịn màng, rất đẹp.

Những lúc má tôi an ủi như vậy, thì tôi đang trong cơn điên, thường hay hét lên rằng: "không cần tay đẹp, tay điếc gì hết, chỉ thích mặt đẹp thôi!".

Má tôi thờ dài im lặng. Cũng có lúc má tôi bực, vì bà cho rằng tôi ngu... không biết lấy cái gì tốt của mình mà khoe ra với thiên hạ, ngược lại cứ ôm mấy thứ không đẹp vào lòng làm gì, cho nó nặng người! Nhưng lời má như “nước chảy lá môn”!

Những lần bị chọc phá đến tận cùng, với sự phụ họa của hần... nhiều khi tôi tức và buồn tủi cho thân phận mình quá, chỉ còn biết lấy vũ khí của đứa con gái, là bụm tay lên mặt... khóc! Những giọt nước mắt rơi xuống, làm cho giọng cười của lũ bất nhân đang ồn ào chột tắt ngấm. Cả mấy đứa con gái ganh ghét sự học của tôi đang hả hê, chúng nó cũng hoảng sợ không biết việc gì sẽ xảy ra. Dù hai tay đang bụm mặt, nhưng qua kẽ hở, tôi thấy hần có vẻ khổ sở, đầy hối hận! Nụ cười đã biến đi đâu mất! Mấy đứa con trai khác cũng giống như tình trạng của hần! Quả tụi con trai dễ mềm lòng trước những giọt nước mắt của đàn bà, cho dù là đàn bà xấu!

Tôi quay bước ra về một mình. Hình như có tiếng chân người đang đi theo! Tôi vẫn còn buồn trong lòng, nên không muốn quay lại. Bước chân gấp gáp hơn, rồi một giọng nói vang lên bên tai:

- Cho Ngọc xin lỗi Thi về chuyện hồi nãy! Chỉ giận chút với tụi bạn cho vui chứ không có ý gì!

Nói xong, thì không còn nghe thêm gì nữa. Tôi vẫn đếm bước nhưng trong lòng đã bớt giận, cảm thấy vui vui... Một lát sau, hình như không còn tiếng chân nhịp bước, chắc hần đã đi đường nào từ bao giờ rồi! Giá như... giá như hần cùng tôi đếm bước về nhà, chắc là tuyệt vời lắm! Nhưng thôi, đó chỉ là một thoáng mộng mơ, có ai thêm một đứa xấu như mình đâu! Mà tôi cũng không bao giờ dám mơ ước cao xa như vậy!

Để tìm quên những bất công trong đời, tôi lấy việc học hành làm chuẩn! Tôi tự nhủ xấu như tôi! Không lấy được chồng đẹp trai thì phải có sự học để còn no ấm tấm thân! Thế nên tôi cứ cắm đầu cắm cổ vào sách vở, khiến cho má tôi rất ái ngại và thương cảm cho tôi, bà không hiểu tại sao bà và chồng coi cũng được, mà lại để ra đứa con xấu như vậy! Đòi khi bà lại nghĩ quẩn, không biết có phải là ai đó đã đổi trẻ sơ sinh khi bà còn trong nhà thương không?

Đẹp qua ba chuyện xấu đẹp, chọc ghẹo phá phách của lũ bạn qua một bên, đợi đấy, khi tôi thi đậu vào đại học rồi hăng hay! Trong đầu tôi, tên mấy con nhỏ ngổ ngáo, đanh ác với tôi nhất, cùng với tên hần, thằng khỉ học giỏi làm trưởng lớp, chuyên môn ra về tử tế, nhưng rất quái chiêu đứng đầu trong danh sách trả thù!

Dù phải học thi đủ thứ, nhưng một biến cố xảy đến trong trường đã thay đổi đầu óc vốn hay buồn của tôi thành ra tươi tỉnh, sáng sủa hẳn ra.

Mẹ tôi nói đúng, tôi có rất nhiều thứ để hãnh diện với đời, chẳng hạn như tôi học giỏi, tôi có dáng người và đôi bàn tay thon đẹp... Tôi đã không nghe mẹ để khoe những cái đẹp của tôi ra, tôn vinh lên... mà lại cứ đi ủ ê vì khuôn mặt xấu của mình!

Một ngày bất ngờ có đoàn phim ghé ngang trường, xin vào thăm lớp để tuyển một nữ học sinh có dáng lạ, quay phim dùng để làm quảng cáo bảo trợ cho cuốn phim sắp chiếu. Mấy đứa con gái nghe tin này rậm rộ hẳn lên. Chúng nó chụm đầu vào làm đẹp cho nhau, đứa nào cũng tô thêm phấn hồng lên má, son lên môi... hy vọng đạo diễn để ý tới mình mà chấm trúng. Còn tôi, biết thân phận, tôi ngồi thu lu trong một góc, chẳng thèm bon chen làm gì cho mệt! Chúng nó thấy được lại cười cho vỡ mặt!

Khi đoàn phim bước vào lớp, ông đạo diễn ra dấu cho các học sinh ngồi xuống, ông vừa đi qua dãy bàn, vừa đảo mắt nhìn các khuôn mặt trong lớp. Thấy ông đi gần đến bàn mình, tôi vội cúi xuống cho mái tóc che mặt, rồi đưa hai tay lên chống cằm, nhưng thực ra để che giấu khuôn mặt cho ông không nhìn thấy! Tôi không muốn người ta nhìn thấy tôi để rồi thương hại tôi là đứa xấu xí! Thực tế là như vậy! Mặc cho mấy đứa bạn ngồi bên làm duyên làm dáng, tôi gần như không nhìn ông ta một chút nào! Công nhận lớp tôi có nhiều đứa con gái ma lanh, nhưng chúng rất xinh đẹp! Ông đạo diễn vừa nhìn đám học sinh, vừa quay qua nói chuyện với cô giáo. Nói gì thì chúng tôi không rõ, vì ông nói quá nhỏ và rất kín đáo, để cho các học sinh không biết chút gì về sự lựa chọn của mình.

Một tuần sau, cả lớp háo hức chờ đợi sự tuyên bố tên tuổi của người được lựa từ cô giáo, về việc nhận người đóng phim quảng cáo cho hãng mỹ phẩm “lotion” Lan Hoa. Nếu được công việc này, học sinh ngoài sự nổi tiếng, còn được trả cho 5 triệu đồng và một chiếc xe đạp của Pháp mới toanh. Cả “ba trong một” khiến ai cũng mơ ước mình được đạo diễn chọn! Nhiều cô tự tin, đã kháo nhau rằng tiền có được sẽ dùng chi tiêu việc gì! Tôi nhìn chúng nó, thấy chúng nó cũng xứng đáng để đóng phim! Có điều trong những đứa đẹp này, không biết ông đạo diễn sẽ lựa ai?

Cô giáo sau khi đập bàn bảo học trò im, cô nói:

- Cô đọc tên ai thì người đó đứng lên.

Cô đọc tên hai đứa con gái, hai đứa con trai, trong đó có Ngọc, rồi cô nói tiếp: “còn một người sau cùng”, người đó chính là tôi! Thú thật mà nói tôi ngạc nhiên quá sức, không tin ở tai mình! Hay là cô đọc lộn? Tôi nhìn ngang nhìn ngửa. Cô giáo nói:

- Đúng là tên em rồi, đừng có tìm nữa, đứng lên đi.

Rồi cô tiếp:

- Trong năm em này, các em nghĩ ai sẽ được chọn để đóng một vai quảng cáo đây?

Tên của Ngọc và tên mấy đứa con gái được ái mộ vang lên, chẳng có đứa nào ủng hộ réo tên tôi cả! Cô giáo quật cái thước lên mặt bàn, ra dấu yên lặng, và cô xướng tên tôi rõ to. Thật là bất ngờ và xúc động! Tôi không thể ngờ là tại sao mình lại được chọn? Họ có lộn hay không?

Thì ra không hiểu tại sao trong lúc chờ đợi sự chọn lựa, ông đạo diễn lại nhận được một tấm hình chụp tôi đang ngồi cúi đầu, hai tay úp vào mái tóc rũ trước mặt, bàn tay đẹp của tôi có ấn tượng dữ dội, dù ông không nhìn thấy khuôn mặt tôi, nhưng đó là bức hình đẹp được nhiều người trong hãng phim đồng ý nhất!

Thế là qua bức ảnh nghệ thuật quảng cáo về kem dưỡng da, tôi trở nên nổi tiếng lẫy lừng! Dù chưa bước vào nghệ thuật người mẫu! Mẹ tôi là người hãnh diện nhất, bà lên mặt:

- Đó con thấy chưa, mẹ đã nói là bàn tay con đẹp, chưa kể mái tóc và vóc dáng... người ta nói “cái răng cái tóc là vóc con người...” răng tóc con đẹp thế này thì để gì có ai bằng!

Nhờ tấm hình quảng cáo, uy tín của tôi tăng lên thật nhanh. Mấy đứa con trai trong lớp bắt đầu ra mặt o bế tôi, nhất là hấn. Hấn còn chăm chỉ đến mức làm giùm việc của tôi, vì tôi bận chụp hình quảng cáo. Tôi cho là hấn “ba xạo” để chuộc tội hồi xưa đây! Tôi thờ ơ, làm như không thèm quan tâm. Phải nhớ rằng hấn và mấy đứa con gái đẹp trong lớp là kẻ thù của tôi, đừng bao giờ quên! Đôi khi, tôi cũng gặp ánh mắt hấn nhìn tôi với nét thiết tha... nhưng đừng có tin tụi con trai mà chết!

Cuối năm học mạnh ai nấy đi, tôi chọn vào trường Y ở thành phố lớn vì điểm cao. Còn thằng đối thủ trong lớp chuyên môn chiếm hạng nhất thì không biết thích đi trường nào! Ngày ghi danh, mèn ơi, tôi lại gặp hấn ngay trong dòng người xếp hàng để nộp đơn. Ngồi ở một cái bàn để điền giấy tờ bổ túc, hấn liền cười toe khi ánh mắt bắt gặp tôi nhìn qua. “Vô đây rồi đừng có đi bêu rêu tui nữa nghe ông!” Tôi thầm nghĩ như vậy. Cũng may mà mấy đứa bạn quái quỷ không cùng vào trường này.

Ngày đầu niên khóa, tôi coi danh sách trong lớp. Hình như lòng tôi hy vọng có hấn ở lớp mình! Đây rồi, trên giấy là tên Hoàng Đức Ngọc của hấn rõ nét. Tôi nhìn kỹ hơn vào cái tên của người mình ghét, thấy hình như đã... đỡ ghét hơn xưa một chút, có lẽ đất lạ quê người làm cho tôi bớt mặc cảm, và cần bất cứ khuôn mặt nào tôi quen thì đỡ sợ hơn ...

Đúng là oái oăm! Càng buồn cười hơn là lần này, ở hoàn cảnh mới, hẳn lại chứng tỏ tài năng và thành tích, được bầu làm lớp trưởng. Rồi chính hẳn lại chỉ định tôi làm phó cho hẳn! Coi như giống ngày xưa! Hẳn có vẻ vui khi gặp lại tôi. Mà hẳn vui thật, khoe là ngày xưa có học chụp hình, và chụp tôi làm mẫu vài tấm! Tôi không tin, hẳn khoe xấp hình của hẳn... Thì ra hẳn là người cung cấp hình tôi cho ông đạo diễn làm quảng cáo truyền hình! Bây giờ tôi mới hết nghi ngờ hẳn chơi xấu tôi. Nếu không có hẳn đưa tấm hình ra, thì chắc gì ông đạo diễn đã biết đến bàn tay và mái tóc đẹp của tôi để chọn! Hẳn hỏi lung tung, tôi vẫn còn chưa ăn khớp với hẳn cho lắm!

Lúc này thì tôi đề phòng cái bản mặt đẹp trai của hẳn! Ở đây, con gái đẹp còn nhiều hơn trường cũ của tôi trước đó! Nhìn lũ con gái trong lớp lượn lờ làm quen với hẳn, vờ hỏi này nọ, là tôi cũng thấy sần si nổi lên! Dù sao tôi cũng nhớ chuyện ngày xưa và chắc chưa quên chuyện hẳn đưa tôi ra làm trò cười trong lớp! Dù hẳn nói lời xin lỗi, nhưng đừng có tin tụi con trai, nhất là mấy đứa có nhiều con gái theo đuổi! Nếu mà hẳn bình thường một chút, chắc là tôi đỡ đề phòng hơn! Thật ra chỉ vì hẳn hoàn hảo quá, khiến tôi sợ... tôi sợ một ngày nào, tôi... thích hẳn, thì lại ôm thêm một mối sầu khổ vào lòng! Khuyết điểm của mình lớn quá, đừng nên mơ mộng!

Nhất định tôi phải qua mặt hẳn, phải là người con gái thành công trong sự học, phải là thủ khoa của khóa sau này, khi ra trường. Đừng như những con gái khác chỉ biết hẹn hò, yêu đương. Để quên mọi sự, tôi vừa đi học vừa đi làm thêm buổi tối, để có tiền tiêu vặt, dù ba mẹ tôi vẫn chu cấp đầy đủ. Nhưng tôi sợ có giờ rảnh lại nhớ đến hẳn, đứa con trai tôi ghét vì bản mặt đẹp trai! Người ta khen tôi là gái ngoan!

Một đêm, tôi vừa ra khỏi chỗ làm, trên đường về, tôi bị hai thằng cô hồn giở giọng trêu ghẹo lưu manh, rượt tôi chạy trốn chết! Đã mệt lại vừa sợ, còn chưa kịp ăn uống gì cả, nên khi chạy gần chỗ đón xe bus, thì tôi chịu hết nổi, ngã lăn quay ra bất tỉnh! Trước khi nhắm mắt, tôi còn nghe tiếng đàn ông gọi tên tôi, mà tôi không biết là ai! Hình như người này quen lắm. Khi tôi cựa mình, mở mắt ra thì thấy không gian trắng xóa. Đền đâu mà sáng thế này! Tôi thấy hơi chóng mặt và yếu lả, chưa biết tại sao mình lại ở đây? Đây là đâu?

- Thi tình lại rồi!

Tiếng ai nghe như tiếng hẳn? Thì ra là hẳn thật! Thấy tôi như ngạc nhiên, hẳn vội giải thích:

- Ngọc tính ghé tiệm Thi làm để đưa Thi cái này, không ngờ thấy Thi bị hai thằng cô hồn rượt chạy, Ngọc chạy theo khi gần bắt kịp thì Thi xỉu, tụi nó chạy mất! Ngọc kêu xe cứu thương chở Thi vào đây...

Ngọc lại sau lưng tôi, vòng tay ra sau lưng nâng tôi ngồi dậy.

- Thi thấy đỡ chưa?

- Rồi, nhưng Thi mệt lắm...

- Chết, hay là bị gì không? Ngọc đi gọi bác sĩ đến...

- Thôi! Thi biết tại sao rồi!

- Đừng đoán bậy, coi chừng hồi nãy té có sao không?

- Không, không sao...

Tôi nói xong rũ người ra như một cọng bún. Ngọc hoảng hồn ôm tôi vào lòng: - Thi, Thi... sao vậy? Đau chỗ nào?

Tôi đáp, giọng run run: - Thi đói quá!

Ngọc nhìn tôi thở phào, cười yên tâm rồi đưa tay nắm lấy bàn tay tôi áp ủ, rồi bắt chợt kéo tay tôi lên miệng hôn âu yếm!

- Thương Thi và đôi bàn tay dịu dàng này quá!

Tự dưng tôi cảm thấy sung sướng và như có một sức mạnh đang chạy trong cơ thể. Tôi ngước mắt nhìn Ngọc và chợt thấy rung động tận đáy lòng, rồi nước mắt chợt tuôn trào ra thành dòng, chảy xuống dàn dựa đầy mặt. Có phải vui mừng quá người ta cũng khóc hay không?

Đưa tôi ra một tiệm ăn khuya, Ngọc săn sóc cho tôi nũng nần. Tôi không nghĩ đây là một trò đùa như trước, vì chung quanh chúng tôi không có một đứa bạn nào cả.

Ăn gần xong tô cháo, bắt chợt Ngọc kêu lên:

- À quên, Ngọc có cái này tặng Thi.

Tay Ngọc thò vào trong túi quần, lôi ra một bông hồng nhưng đã bị dập:

- Tặng Thi ngày sinh nhật vui vẻ! Lúc nãy Thi té, Ngọc quýnh quá nhét đại vào túi quần nhưng dù sao thì hoa hồng vẫn còn đây, đừng chê nhé!

Nụ cười trên môi Ngọc thật tươi. Tôi nhìn Ngọc và đón nhận đóa hoa nhàu nát.

Đây là lần đầu tiên trong đời cũng là lần sau cùng tôi nhận được hoa từ con trai, gã thanh niên đẹp trai mà tôi đã có thời không bao giờ dám mơ ước và tin tưởng... để sau đó, chính hắn là ông chồng tốt mang lại hạnh phúc cho tôi ngày nay. Lời má tôi đúng, tôi có số sung sướng vì nhờ bàn tay đẹp, phải không?

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

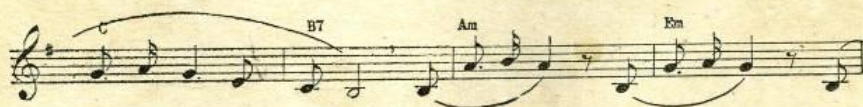
đường em đi...



LENTO CON MOTO — NHỊP NHÀNG



Đường em có đi Hằng đêm bước qua Nở



những đóa thơ ôi dị kỳ! Đường em có khi Chờ em bước qua Là



ngiêng giấc mơ ước thể... Ngàn sao sáng xa Nhìn em thướt tha Rụng



rơi vương mây tóc ngà Đường thơm bóng gầy Nhạc run lá bay Hồng
 cây thiết tha đắm say... Đường dịu ngang bao ngõ đắng cay Dừng chân phút giây xong
 chia lia... Đường dài thêm bao nỗi éo le Dài thêm nắng mưa thêm
 é chề... Đường em cứ đi Tình ta cứ xây Chờ em thật thài quay
 đường về... Đường quanh khúc co Nhịp chân trời vo Đường duyên ảm vui... Đường mơ...

1960

Tâm Hào hát: “**Đường Em Đi**”

Nhạc & lời: **Phạm Duy** - sáng tác năm 1960

<https://www.youtube.com/watch?v=0kU0-utJ4F4>



HƯƠNG THƠM NGÀY CŨ

**** Vũ Nam ****

*Em hãy ra bờ sông nhìn nắng trải
Nhớ cho mình dáng đắp người yêu
Lỡ dòng đời tóc điểm muối tiêu
Còn giây phút chạnh lòng như mới lớn...*

Mấy câu thơ này của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên đã nhập vào đầu Giang tự lúc nào anh không biết. Trong đời, có những điều cứ chạy theo mình như nước suối nguồn. Ròng rã với ngày tháng. Miệt mài với mọi mùa trăng. Thăng trầm với sườn đồi vách núi. Và thênh thang về lòng đại dương...

Năm mười bốn tuổi, Giang cùng một người bạn học vào nhà thương để thăm cô em gái bà con của cậu ta vừa bị xe Honda đụng ở đầu và bắt tỉnh. Đứng bên cô gái trong trạng thái mê man Giang lại thấy cô đẹp vô cùng. Buồn đâu chưa thấy lại phải lòng một cô gái nhỏ đang bị tai nạn. Tuổi thiếu niên, vui đó, buồn đó, nhớ thương đó rồi quên đó, là chuyện thường tình. Do vậy, sau ngày ấy, Giang cũng không tìm gặp cô gái hay hỏi thăm nhà cửa “nơi nao” để kiếm chuyện làm quen. Nhưng mãi đến hôm nay, sau gần ba mươi năm, anh vẫn còn nhớ đến cô gái nằm mê man trong nhà thương ngày ấy. Hẳn bây giờ, nếu có dịp tình cờ nào mà gặp lại cô gái này, anh kể cho cô nghe chuyện anh “phải lòng” cô trong lúc cô thập tử nhất sinh, chắc là cô ngạc nhiên và cảm động lắm!

Những ngày còn ở Việt Nam, trong một lần đi lao động Xã Hội Chủ Nghĩa (XHCN) thủy lợi, có một hình ảnh đập vào mắt Giang, cô gái mười bảy tuổi, người cùng làng, mà anh vẫn còn giữ mãi đến ngày hôm nay. Bây giờ nghĩ lại Giang thấy tiêng tiếc một chuyện gì...đó, như lời ca:
Ngày xưa tiếc sao mình không ngộ, để rồi chiều nay mình đâu thấy cô đơn, ván kia bây giờ đóng thuyền rồi, có còn chi đâu nữa thôi tìm gì trong mơ...

Ngày ấy, lao động XHCN là điều bắt buộc, không có chuyện tự nguyện. Giàu nghèo, sang hèn, có học hay thất học đều phải đi làm công tác lao động và phải mang theo lương thực để tự túc một tuần, một tháng, tùy theo nhu cầu của nhà nước. Chỉ thương cho những gia đình nghèo, khoai bắp mỗi ngày còn không có để nuôi con, vậy nếu mất đi một ngày làm, một tuần làm thì các con lấy gì ăn. Nhưng hình như đó là chuyện của dân nghèo, chứ không phải là chuyện của cán bộ lo về thủy lợi ở địa phương, phường xã.

Toán làm thủy lợi của Giang ngày đó khoảng mười người. Tám thanh niên, hai thiếu nữ, Như và Lan. Lên khu thủy lợi phải tấp vào nhà dân xin ở đậu và phải tự túc nấu ăn. Bọn Giang phân công là tám thanh niên mỗi ngày đều phải đi làm thủy lợi. Còn hai cô gái thì thay phiên nhau ở nhà để nấu cơm cho toán. Nghĩa là, cứ đi làm một ngày thì ở nhà nấu cơm một ngày. Năng suất lao động thủy lợi nhiều hay ít đã có tám thanh niên lo liệu.

Hôm nào Như nấu cơm, khi chiều về thấy, Giang ít có để ý vì Như gọn gàng nhanh lẹ, nấu mau xong. Nhưng hôm nào đến Lan nấu, nhìn cô anh thấy mà... thương. Thường bọn anh phải phụ tay vào mới mong có cơm ăn sớm. Chắc Lan không quen kiểu nấu cơm dã chiến. Chắc cô không từng là dân trong Gia đình Phật Tử, Thiếu Nhi Thánh Thể hay Hướng Đạo..., những nơi tạo cho thanh thiếu niên tự lực cánh sinh khi sinh hoạt vui chơi ngoài trời. Nấu cơm gì khói phun đầy, mà nơi này có củi gì để gọi là củi đầu. Lan quơ quào đại ba lá chuối khô, ba cọng cỏ khô rơm khô làm mồi. Và khi đã cháy lên thì phải cần củi, tìm củi không biết “tìm mồi” cô chỉ còn biết đi “tha” củi về từ trong những lều nhà dân cho mình ở đậu. May mà những gia đình này rất dễ dàng với dân lao động thủy lợi. Thấy Lan ngồi nhúm lửa, thổi lửa, thỉnh thoảng có nước mắt chảy dài, dù đói mà thấy cảnh này bọn anh cũng bắt no ngang! Lúc thì Lan ngồi chồm hổm, lúc chổng mông thổi lửa, có lúc ngồi bẹp cả xuống đất chẳng còn sợ dơ quần là gì. Cô chỉ mong cho mau xong để tổ có cơm để ăn. May mà cô không có vết lọ nghẹ nào dính trên mặt. Nếu có, chắc là để cười lấm.

Hình ảnh đó sau hai mươi năm, khi Giang kể lại cho Lan nghe trong một lần điện thoại viễn liên, cô cười bảo: “anh nhớ dai quá”.

Bây giờ thì Giang biết nói gì với Lan? Ngày xưa khi cả hai còn nhỏ, dù anh có lớn hơn cô vài tuổi, nhưng nghề nghiệp chưa có. Đất nước sau chiến tranh đã hơn mười năm nhưng nhìn đâu cũng còn thấy khổ. Mọi tình trong làng, vừa chớm nở với Lan anh cũng cố gắng nén vội như người đang đi ngang qua cơn bão, chỉ trông ánh nắng về. Phải lòng nhau cũng chỉ biết nhìn nhau. Hai chục năm sau đó, từ bên này đất nước, nhìn tấm hình Lan chụp từ quê nhà gửi sang, Giang biết anh đã để vượt mất một người tình, một cuộc tình mà những ngày làm thủy lợi và cả sau đó nữa anh không một lần dám thốt nên lời: yêu em. Để rồi Lan như hoa lan trong vườn đã có chủ.

Cũng từ nơi đây, vùng của sương mù, Giang gửi về nơi quê hương, nơi có những mùa nắng dài, và những ngày mưa, ôi mưa sao mà mưa mãi, một lọ kem Hoa Lan cho...Lan. Nghe nói ở Việt Nam phụ nữ quen xài loại kem này, nên nhân dịp có người bạn đi Mỹ, anh nhờ mua. Ngày nào những làn khói trong lúc nấu cơm không làm da mặt Lan trở nên hiu hắt, nhưng chắc là sau ngần ấy năm với những cơn nắng miền Nam

hành hạ ắt hẳn bây giờ da mặt Lan đã đen, hoặc thâm, hoặc gì gì đó nữa làm nhan sắc cũng theo tháng năm mà tàn phai. Nhìn nụ cười gượng gạo của Lan trong hình, Giang đoán vậy. Tấm hình đã làm héo úa một dung nhan. Hy vọng những làn phấn mỏng sẽ làm giảm sự già nua, cùng lúc làm tăng vẻ mịn màng trên làn da của người đàn bà đã bắt đầu bước gần vào tuổi bốn mươi.

Lan viết thư cho Giang sau khi nhận được hộp kem: “Cám ơn anh còn nhớ đến em. Em... ít... có xài kem, nhưng em cũng cám ơn anh về món quà này. Cám ơn anh đã nhắc lại những kỷ niệm. Công việc mệt nhọc, lại chắc là vì đã lớn tuổi, dễ mệt, nên em rất làm biếng viết thư. Không chỉ làm biếng viết thư cho riêng anh mà các bạn khác cũng vậy.”

Ngày xưa Giang biết Lan là cô gái ít ăn ít nói, nên nay cũng không ngạc nhiên khi cô viết cho anh chỉ đôi lời cám ơn khi nhận được quà. Ngoài ra, anh đoán được có những trâm uất cho Lan, nếu cô cứ bị chồng chất những khó khăn trong cuộc sống. Công ăn việc làm, hoàn cảnh gia đình đều có thể giết chết mọi tư tưởng, vấn vương. Những tình cảm lãng mạng vừa nảy sinh, phút chốc bị nhát dao thô bạo của đời sống chém bổ xuống thành những đứt đoạn, lìa tan.

Giá trị của việc làm, sự sống ở Việt Nam cho đám dân nghèo hiện tại là giá trị phải tranh đấu từng tháng, từng ngày. Ai đó thì có thể nhậu nhẹt ngày đêm, trai gái ngày đêm, xe này xe kia, chó dân đen, dân không có thân nhân nước ngoài, chắc là phải bán mặt cho đất, bán lưng cho trời. Một bịch đậu phộng chín mua từ tiệm Á Châu ở đây khoảng hai đô la, Giang không biết là đắt hay rẻ, nhưng ở Việt Nam nếu người nông dân được con buôn cho biết hàng của họ đã có “đầu ra”, dù họ phải bán rẻ, chắc họ mừng lắm. Dầu sao, cứ có “đầu ra” là sẽ có công ăn việc làm ổn định. Giang không biết chính xác Lan bây giờ làm gì ở Việt Nam, chỉ nghe nói cô làm trong một cơ quan nhà nước, lương không nhiều, nhưng cũng lo được cho bản thân, gia đình. Anh cũng mừng cho Lan.

Từ nơi xa xôi, Giang ao ước có một ngày nào đó anh sẽ gặp lại Lan trên quê hương đã vàng úa, đã khập khiểng vì WTO (World Trade Organization), đã manh nha những mầm móng loạn lạc. Nhất là những khi trong gia đình có những xào xáo, cơm không lành canh không ngọt, anh lại càng nhớ đến Lan nhiều hơn, vì nơi Lan lúc nào anh cũng tìm thấy sự tươi mát, nhẹ nhàng. Anh thương tưởng về những buổi chiều nắng rọi bờ đê trên con kinh thủy lợi, về hình ảnh Lan ngồi bên bếp lửa với khói cơm chiều nơi mái hiên nhà người nông dân ngày nào, về những ngày trong xóm hai đứa đứng nói chuyện bên nhau.

Và ngày gặp đó đã đến. Về Việt Nam, Giang dành một buổi xế trưa ngày Chủ nhật để tạt qua thăm Lan mà không báo cho cô biết trước. Anh muốn đem đến cho cô một ngạc nhiên vui vui. Nghĩ xế trưa cuối tuần, khi những tia nắng còn rõ nét trên mặt đường, còn làm ran rát làn

da, thì ít khi cô gái nào, đàn bà nào, còn muốn giữ nhan sắc mình trước những tàn phai của nắng đã dấp ra đường, chắc Lan cũng vậy. Nhưng lúc đến nơi, Giang được người em gái của Lan nói cho biết cứ khoảng giờ này, vào ngày Chủ nhật, chắc chắn một trăm phần trăm chị Lan của cô đang làm công quả trên chùa. Ngôi chùa cách nhà Lan khoảng hai cây số. Giang hơi ngạc nhiên vì chuyện Lan đến chùa. Trong những thư gửi qua, có bao giờ Lan nói cho anh biết đến việc đi chùa làm công quả vào những ngày cuối tuần. Nghe vậy, anh lại hình dung đến chuyện Lan và Điệp ngày xưa. Nhưng anh không phải là Điệp, người tình của Lan, còn ai đó là Điệp ắt chỉ mình Lan biết.

Theo người em gái Lan chỉ, Giang chạy xe đến chùa. Ngôi chùa lớn, yên tĩnh, ngày nhỏ anh đã có lần vào, chung quanh giờ có xây tường cao để “che chắn” bên trong. Trước sân chùa có những hàng cây thông cao, chung quanh có những cội bồ đề, cành nhánh đang dao động vì cơn gió nhẹ. Từ trong chùa tiếng Đại Hồng Chung đã ngân vang từng tiếng, cách quãng, thánh thót và vang ra xa như bất tận.

Tiếng Đại Hồng Chung vang lên làm những phien trước ai đang có cũng tan biến đến vô thủy vô chung, tận cùng trời đất. Từ xa nhìn vào nơi Đại Hồng Chung đang ngân vang tiếng vọng, Giang thấy nét mặt của một người đàn bà, tóc được phủ kín bằng chiếc nón màu nâu, chiếc áo màu lam, ngồi quay lưng nghiêng nghiêng về phía anh, đôi cánh tay, bàn tay của người như vịn vào chiếc dùi thật lớn được treo chặt tòn ten bởi hai sợi dây lên trần nhà chùa. Cung cách của “người thỉnh chuông” xem ra như chẳng màng gì đến thế sự bên ngoài. Người đàn bà như chỉ vịn hờ vào chiếc dùi, nhưng cứ sau mỗi lần người thúc chiếc dùi vào Đại Hồng Chung là một tiếng “boong” thật lớn vang lên, rồi theo sau là muôn ngàn tiếng vọng ngân dài lan truyền ra thật xa, xa đến cả bản làng thôn xóm, những khu nghĩa địa quanh chùa.

Giang dựng xe trước cổng chùa, yên lặng đi trên con đường nhỏ vòng qua ao sen và tượng Quan Thế Âm lớn trước chùa để vào hậu liêu. Chùa vắng hoe, không một bóng người. Vùng đất này ngày xưa, còn nhỏ, Giang đã nghe kể có rất nhiều ma vì chung quanh có nhiều mã mồ. Nay nghĩ lại không phải là lời truyền từ xưa là không có lý. Thời đại ngày nay mà ngôi chùa này có sự yên tĩnh như hiện tại, thật đến rợn người. Từ chánh điện đến khu nhà phía sau, từ trong ra ngoài không thấy một bóng người, không một chú tiểu, không một ni cô, chỉ có tiếng Đại Hồng Chung đang lên tiếng.

Bước chân Giang lần lên tam cấp, nơi có Đại Hồng Chung, chậm chạp nhẹ nhàng như người đi ăn trộm. Giang sợ như là một tiếng động từ anh gây ra sẽ làm tiếng Đại Hồng Chung ngưng lại, buổi thỉnh chuông sẽ hư hoại. Giang đến rất gần người đàn bà. Một cảnh tượng làm anh thấy

thương cảm vô cùng, thấy như anh cũng không còn là mình nữa. Người đàn bà đang thản nhiên ung dung tự tại đánh dùi đều đặn vào Đại Hồng Chung không ai khác hơn là Lan. Dù nhìn nghiêng nhưng Giang vẫn nhận ra Lan, cô gái của hai mươi năm trước đã cùng anh làm thủy lợi trên vùng kinh tế mới, đã có những buổi chiều ngồi thổi lửa nấu cơm cho bọn anh ăn. Thời đó đất nước sau chiến tranh, còn khổ, còn chấp nhận được, còn hiện tại, đất nước đã hơn ba mươi năm sau chiến tranh không lẽ Lan cũng còn dính dáng với nỗi buồn như vậy sao? (dưới mắt một người đời trần tục từ Giang, anh thấy dáng Lan đang ngồi đánh dùi vào Đại Hồng Chung sao mà buồn quá!). Lan cũng biết có người đến gần mình, nhưng cô không quay lại, vẫn tiếp tục công việc “thỉnh” 108 tiếng Đại Hồng Chung.

Biết làm gì bây giờ khi Lan còn đang mê “thỉnh chuông”? Giang đi đến hành lang bên hông chùa, đứng yên lặng nhìn quang cảnh chung quanh chùa, nhìn nắng đang “thieu đốt” xóm làng bên ngoài. Mùa hè ở Việt Nam sao bây giờ có nắng kinh hoàng! Đời sống khó khăn hiện tại không đủ nóng để đốt người thôi sao, mà bây giờ ông trời còn bắt người dân chịu cái nắng đến khắc nghiệt như vậy? Hay là cái nắng do nền công nghiệp toàn cầu gây nên và Việt Nam cũng cùng hứng chịu, như hứng chịu mưa bão cứ mỗi năm lại về? Để tránh nắng đàn ông còn tinh bơ, chớ phụ nữ đàn bà bây giờ một bước ra đường là tay, mặt, đầu tóc hoàn toàn được che kín bằng bao tay, bằng nón, bằng khăn. Thậm chí có cả những cô gái mang dép còn mang cả vớ để che bàn chân cho khỏi...đen! Việt Nam bây giờ đầy những người bịt mặt. Không còn biết ai đẹp ai xấu, không biết ai oan ai ứng!

Giang nhìn lên trần nhà chùa, thấy rõ được những mảng nhện bám trên những hàng kèo cột đen xì. Chùa đã trải qua những mùa nắng mưa dầu dãi, mấy độ rêu phong. Ngôi chùa này, ngày nhỏ có những lần Giang đã đi qua khi có đám ma hoặc bắt đé về đá, bắt bọ rày về cho bay với tàu thủy máy bay được làm bằng cây, bằng kẽm. Nhưng ngày ấy, vì còn nhỏ nên Giang không để ý gì đến ngôi chùa, có một vào xin thầy trụ trì chuỗi sớ để ăn, nước lạnh để uống, rồi lại ra đi chơi tiếp tục. Nay đến đây cũng bắt đác dĩ vì nghe nói có Lan đang ở trong chùa, chớ lòng anh chưa bao giờ thấy thấm nhập Phật Pháp nhiều, chưa cảm được thấu đáo đời sống thiền môn.

Xong buổi thỉnh Đại Hồng Chung, Lan cất nón, thay bộ đồ màu lam ra. Lan trở thành một thiếu nữ và cô đang đi tìm người khách lạ nào viếng chùa thỉnh linh trong buổi xế trưa hôm nay. Vài phút nhìn Giang ngượng ngập rồi Lan cũng nhận ra anh. Cô lộ vẻ ngạc nhiên:

- Anh Giang đây phải không...? Ủa. Anh về hồi nào mà không báo cho em biết trước. Ai chỉ em ở chùa mà anh biết để vô đây. Anh đi với em xuống nhà sau để ngồi uống nước và nói chuyện.

Lan khoan thai đi trước dẫn đường xuống tam cấp ra hậu liêu. Giang đi sau, thấy dáng Lan y như ngày trước: khoan thai nhưng có nét hơi ẻo lả. Khi hai người đã ngồi đối diện Giang vẫn còn bồi hồi bởi hình dáng Lan vừa qua, nên nói chuyện với Lan còn rất lơ là:

- Lan không thay đổi nhiều. Nhưng hơi ốm và da mặt hơi đen hơn hồi nhỏ.

Lan vừa rót nước ra ly vừa trả lời:

- Mời anh Giang uống nước. Ai bây giờ nghèo mà không ốm và đen. Anh không nghe chữ “dân đen” sao?

Giang hỏi Lan:

- Lan cũng nghèo à?

- ...

Lan chưa kịp trả lời. Thấy câu hỏi của mình hơi kỳ kỳ khi vừa mới gặp lại Lan, nên Giang hỏi tiếp chuyện khác:

- Sao chùa vắng quá vậy? Không thấy một bóng người!

- Thầy trụ trì đi vắng, chắc cũng gần về. Chùa ở đây chỉ có hai người tu. Thầy và một sư cô.

Giang cười với Lan:

- Còn Lan nữa! Lan cũng định đi tu à? Chắc có giận người nào tên Điệp chứ gì?

Biết Giang nói giỡn nên Lan cười theo anh:

- Đâu có! Đâu có ai tên Điệp mà Lan giận. Em chỉ lên chùa làm công quả. Em thấy mỗi lần lên chùa em rất vui.

- Hồi nãy đứng nhìn Lan đánh Đại Hồng Chung sao thấy Lan có vẻ như buồn buồn!

- Không có buồn đâu anh! Tại mình phải cố giữ sự nghiêm trang yên tĩnh, chứ không phải buồn.

- Lan đi chùa tự bao giờ? Hồi còn ở Việt Nam anh có thấy Lan đi chùa đâu?

- Lúc đó em có đi, nhưng anh đâu có biết! Nhưng lúc đó chỉ thỉnh thoảng em mới đi thôi, không thường như trong mười năm đổ lại đây.

- Còn chuyện chồng con em ra sao? Viết thư anh có hỏi nhưng sao không thấy em nói gì cả.

- Em đâu có chồng con mà kể cho anh nghe. Không có nên em giấu. Em mắc cỡ nên không kể cho anh nghe.

- Sao vậy Lan? Em đẹp, sao lại ở vậy, không chịu lập gia đình?

- Em muốn đi tu!

- Sao vậy?

- Không biết tại sao! Nhưng ngay từ những năm mười lăm mười sáu tuổi, thỉnh thoảng cuối tuần, ngày rằm, em đã đến chùa này làm công quả rồi. Không hiểu sao, nhưng rồi từ từ em không còn muốn lập gia đình, không còn muốn ở ngoài đời. Em chỉ muốn đi tu thôi!

Và Lan cứ tiếp tục nói chuyện đi tu.

Thấy Lan cứ nói chuyện tu, buồn quá, nên Giang đổi đề tài:

- Thầy, em nói hồi nãy là ai? Sư ông hay sư bà?

- Thầy là một sư cô, ở nơi khác đến tu, không phải người làng mình. Thầy đang đi công chuyện Phật sự. Anh ngồi chơi đây một lát nữa chắc sẽ gặp thầy.

- Sao em lại phải ngồi đánh Đại Hồng Chung trong ngày hôm nay?

Mặt Lan lộ ra nét vui:

- Em xin thầy cho phép để em làm công quả đó! Ngồi thỉnh 108 tiếng Đại Hồng Chung sẽ có nhiều phước báu lắm! Em chỉ rảnh có ngày cuối tuần.

Lan cười:

- Dọn đường cho sau này em xuất gia.

- Trong tuần em cũng đi làm? Giang nhỏ nhẹ hỏi Lan.

- Dạ. Em là cô giáo dạy ở nhà trẻ.

- Cũng sống được?

- Dạ, cũng sống được anh. Còn cuộc sống của anh ở Anh chắc là sướng rồi, phải không?

Mấy ngày sau, Giang hẹn Lan vào một ngày Chủ nhật, sau buổi thỉnh Đại Hồng Chung ở chùa, sẽ có một việc quan trọng mà anh muốn bàn cùng Lan trước khi anh trở lại Anh. Trên con đường mòn vào núi, buổi chiều vắng hoe, hai người vừa đi vừa trò chuyện:

- Nãy giờ anh đã nói hết hoàn cảnh và ý định của anh. Bây giờ Lan tính sao? Có chịu để anh làm giấy bảo lãnh em qua bên Anh không?

Lan không nhìn thẳng vào mắt Giang. Đôi mắt cô hướng về phía trước mặt, hướng đỉnh núi, nơi có một tảng đá khổng lồ màu trắng, nghe nói là nơi máy ông “cách mạng” trồn bom B52, thời còn chiến đấu ở trong rừng. Vùng dưới tảng đá là cây rừng với màu xanh sậm.

- Thôi anh! Đừng làm giấy bảo lãnh em làm gì. Em đã nói với anh, em không còn muốn lập gia đình!

Biết nói gì thêm với Lan đây, khi cô cứ một mực từ chối. Chuyện vợ chồng của Giang đã “rã gánh”, không còn hợp nhau nên đường ai nấy đi, không hận thù, chỉ còn xem nhau như bạn. Kỳ này đi về Việt Nam anh định tìm một người vợ khác, không ngờ biết ra Lan chưa có gia đình, anh lại thao thức nhiều đêm để đi đến một quyết định sẽ xin cưới Lan. Dù muộn nhưng vì là chỗ quen biết trước, nên anh nghĩ tình yêu hai đứa chắc là không đến nỗi nào nhạt nhẽo, còn thi vị nữa là khác.

Lan cười chọc Giang:

- Ngày xưa, sao lúc đi anh không rủ em. Lúc đó anh chưa có vợ mà. Nếu anh rủ em cùng đi vượt biên lúc đó, biết đâu bây giờ chuyện đã đổi khác.

- Lúc đó anh cũng vội vàng. Hơn nữa vì sợ công an nên anh cũng không dám rủ ai. Nhưng mà chuyện cũng đã qua lâu rồi!

-...!

Đường vào gần chân núi sương chiều càng đậm đặc. Giang vòng tay ngang qua vai Lan để cản bớt sương lạnh cho cô, chứ không phải anh

muốn dỗ trút những buồn vui trong cuộc đời mình lên đôi vai nhỏ bé của người bạn gái thuở thiếu thời. Lan để yên bàn tay Giang trên vai cô. Anh hít được mùi hương thơm mà cũng không biết hương thơm từ Lan, hương thơm của núi rừng về chiều, hay hương thơm ngày cũ. Và khi trên đường trở lại về làng thì trời đã tối hẳn, không kìm hãm nổi cảm xúc, cộng lối sống Tây phương đã quen, Giang đã ôm Lan vào lòng và hôn trên đôi má nàng đã lấm tấm sương. Giang đành chia tay Lan từ buổi chiều tối hôm đó.

Năm ngoái có cơn bão lớn thổi ngang qua làng Lan. Sau đó, khi nghe nói có người trong thành phố Giang ở về Việt Nam làm công tác từ thiện nhân vụ bão lụt vừa qua, dịp này anh nhờ họ về ghé đến chùa của Lan để giúp đỡ giùm, nếu chùa có bị thiệt hại vì bão. Khi họ trở qua, Giang được biết: chùa ngoài hai sư trụ trì cũ họ còn gặp một sư cô mới vào tu, pháp danh là Thích Nữ Trí Vân, tên ngoài đời là Lan, người của làng. Dù biết Lan đã vào chùa tu như lời thư cô đã viết, nhưng khi nghe những người vừa gặp Lan nói ra, Giang cũng thấy buồn buồn. Giang biết kể từ đây, khi gặp lại Lan anh không có quyền áp má, quàng vai như lần gặp trước, mà phải chấp tay Nam Mô A Di Đà Phật. Giờ Lan đã là sư cô. Một sư cô chưa từng vẫn đọc bởi chuyện thế gian trần tục! Duyên nghiệp của Lan được sinh ra trong đời này là để đi tu. Có người bạn, khi nghe Giang kể chuyện Lan, đã nói với anh như vậy.

Một anh bạn trong toán về Việt Nam làm công tác từ thiện còn nói giỡn: Sư cô mới đi tu này chỉ khoảng tuổi trên dưới bốn mươi, rất vui vẻ và còn đẹp lắm! Mọi người đều cười ồ lên, trong khi chỉ mình Giang biết là Lan đã đi trên con đường cô đã chọn, nên cô vui khi tiếp chuyện với khách thập phương cũng là chuyện thường tình. Còn chuyện đẹp xấu chắc cô không màng.

Tự dưng Giang có cảm giác không vui, như ngọn gió bắc muộn, lạt loài, đang mang hơi lạnh về trên khắp thành phố anh đang cư ngụ, dù trời đang bước những bước chân chậm chạp vào xuân.



Vũ Nam (Germany)

KHI VỀ NGANG ĐỒN CŨ

*Đâu những ngày qua rạn chiến công
Và đâu khói súng đượm cay nồng
Xưa sao ngạo nghễ bao hào lũy
Nay lại tiêu điều một bến sông
Đất nước thanh bình thôi máu lửa
Dân tình thống khổ mắc xiềng gông
Bao nhiêu kỷ niệm mùa tao loạn
Đã khuất mờ theo dấu ngựa hồng*

Nguyễn Kinh Bắc

Cầu Sông Bé 1980

HẸN MỘT NGÀY VỀ

*Ta ước mơ và em ước mơ
Rời xa biên biệt đến bao giờ
Dấu hương tình cũ còn sâu đậm
Mà bóng quê xưa đã mịt mờ
Nhớ buổi ra đi sầu mắt lệ
Mong ngày trở lại thăm duyên thơ
Em ơi, gắng đợi ngày mai ấy
Khắp cả non sông rợp bóng cờ*

Nguyễn Kinh Bắc

HOA XUÂN

ẢNH: MINH CHÂU (Richmond, VA)





ẢNH: **MINH CHÂU** (Richmond, VA)



CHUYẾN ĐI NAM MỸ

Brazil, Argentina và Chile

** Quốc Thái Đình Hùng Cường **

Trong quan niệm là - Không thể sống cho qua ngày, chờ cho qua đời - tôi đã theo bằng hữu đi chơi liên miên, và như thế tôi nghĩ rằng, viết và nói ra đây, chỉ là những lời nhảm chán. Nhưng rồi tôi cũng phải viết, vì có những cái bất ưng tức cười lẫn hiểm nguy mà chúng tôi muốn mời quý vị nghe. Chung cuộc không có chuyến đi chơi nào giống chuyến nào, mỗi nơi mỗi vẻ.

Chuyến đi của chúng tôi bắt đầu, khi sai một ly, đi nhiều dặm. Toán tám người, sau khi chuyển tàu từ Houston, bay 9 tiếng đồng hồ đến Rio de Janeiro, thủ đô của Brazil (Ba Tây). Trong chương trình, hotel sẽ cho xe ra đón. Chúng tôi chờ dài cả cổ từ 2 đến 4 giờ chiều, chả có xe ma nào đón, lý do máy bay đã đến trễ, vì từ sân bay Houston, nó không được cất cánh, phải trở lại parking để kiểm soát trước khi trở lại phi đạo. Và khi xe bus của hotel ra phi trường theo giờ hẹn, không thấy tàu bay, không thấy người, thế là nó trở về xe không, cho leo cây cả đám. Từng cặp, từng cặp, chúng tôi phải lấy taxi, và phải mặc cả, vì không ai có tiền Brazil. Ở Nam Mỹ, ở Âu Châu, hay bất cứ ở đâu, đồng tiền xanh của Mỹ cũng đều được ưa chuộng, tiêu pha thoải mái, đưa đô la, là được thối lại đô la. Thủ đô Brazil nằm bên bờ biển, đẹp khỏi chê, thành phố như đang đổi mới để chào đón Thế vận hội 2016 (Olympic), sẽ mở tại đây cuối năm nay. Cái lạ là thời tiết ở Brazil lại nghịch với ta, chúng ta ở Mỹ đang mùa đông, thì họ là mùa hè nóng nực. Rũ áo lạnh, cởi áo “coat”, bỏ mấy lớp ở trong người, chúng tôi mặc đồ mùa hè thoải mái đi phố. Chỉ 12 giờ bay



từ D.C, chúng tôi đã từ một nơi băng tuyết, đến một miền xanh tươi nắng ấm, một cảnh thanh bình đập ngay trước mắt, một cặp tài tử da đen đang biểu diễn “Tango” điêu luyện ngoài phố, du khách xúm đông xúm đở, tôi đến gần thì mới vỡ lẽ ra anh vũ công nhảy một mình, cái người con gái anh đang ôm, diu dặt là lướt theo tiếng

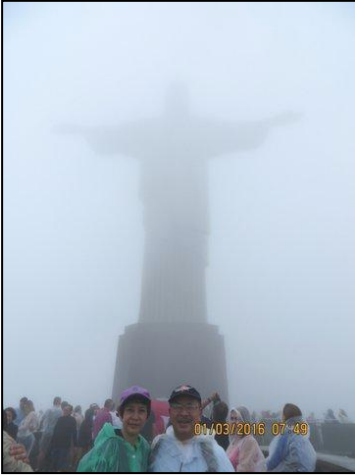
đàn chỉ là một hình nộm! Làm sao họ lại có thể nhảy ăn khóp, nhíp nhàng đến thế. Thì ra chiếc giày của anh gắn chung với chiếc giày của cô gái, anh lùi thì hình nộm tiến, hai chiếc chân vị tự nhíp nhàng sống động tiến lui theo điệu nhảy “Tango”.

Ấm thực là điều cần thiết, cho dù dĩ thực vi tiên, nhưng chúng tôi không vội, vì chị Chi Lan, người trưởng đoàn đã tìm thấy một tiệm ăn ngon trên “internet”, cả bọn phải chịu khó đi lùng hỏi thăm cho ra cái địa chỉ để đến ăn. Xứ Ba Tây nổi danh về thịt bò, chúng tôi đã vô một tiệm ăn toàn thịt bò, đông ơi là đông vì hình như du khách ai cũng biết, chúng tôi phải xếp hàng cả tiếng, và thịt bò của họ quả thật là ngon. Mình có bò 7 món, người Ba Tây có bò 17 món, ăn chết bỏ, món này lại đến món kia, thịt bò từng xâu, toàn là thịt nướng, đủ tên, đủ kiểu, từ bí tết, đến sườn bò v.v... Ngon miệng, chả ai kiêng khem gì cả, cứ ăn cho lòi phèo rồi tính, trong đoàn có văn hữu Nguyễn Đức Nam, lúc nào cũng bô bô phải ăn kiêng, ăn ít, thế nhưng khi ra cửa, thì bụng của văn hữu vượt ngực đi phía trước. Văn hữu đã ăn nhiều hơn cả những người không kiêng khem. Đây cũng là điều cần nhấn mạnh, là đi chơi, đi với đồng tiền. Chơi nhiều mà tiền ít, có nghĩa là bình dân đại chúng, ai cũng chơi được, ai cũng ăn được, chỉ khác là có muốn chơi hay muốn ăn không, một bữa ăn như thế, cả rượu, cả tráng miệng, và cũng cả tiền tip, tip sộp (20%), thế mà một người chưa tốn đến năm mươi đô la. Điển hình là nhà văn nghèo Nguyễn Đức Nam chỉ ăn rồi đi đánh “golf” mà cũng đi chơi đều đều.

Ngày hôm sau, một chiếc xe van đã đến đón cả đoàn, chị Chi Lan đã khôn ngoan, cho đến Ba Tây trước hai ngày, ở hotel, và đi chơi Thủ đô Rio de Janeiro trước khi “boarding” lên tàu đi “cruise”. Xe chạy trên phố phường đông đúc, kiến trúc rất đẹp không thua gì những thành phố lớn bên Âu Châu. Có điều lạ là dân Ba Tây (Brazil) không nói tiếng “Xi” (Spanish) như hầu hết dân Châu Mỹ La Tinh, mà họ nói tiếng Bồ Đào Nha (Portuguese) và cũng lạ hơn nữa, người Brazil không nói tiếng Anh, và hầu hết cửa hàng, bảng hiệu, tên phố tên đường đều không có tiếng Mỹ. Họ chê Mỹ, nhưng lại không chê tiền Mỹ, US dollars tiêu xài thoải mái, chả phải đổi điếc chi cả.

Chiếc xe van rời thành phố, bắt đầu đi lên núi dưới cơn mưa tầm tã. Vì là du khách, dù trời mưa chúng tôi cũng phải đến viếng thăm tượng chúa Jesus. Nếu không, biết bao giờ có dịp trở lại? Trời mưa thì mặc trời mưa, chúng tôi đều trang bị áo mưa đã chiến lên đường. Người đâu mà đông thế! mưa to gió lớn mà người ta cũng xếp hàng chật cứng. Bước xuống xe, Trâm và tôi vừa để ý tránh một vũng bùn, ngừng lên là không thấy ai hết, chiếc xe đã rời chỗ và người “tour guide” dắt các bạn tôi đi đâu mất

hết! Thế là hai vợ chồng hoảng hốt, hè nhau chen đám đông, chạy lên phía trước, ra đến bến xe lên núi, cũng không thấy ai cả. Trâm bàn là nên quay trở lại vì họ không thể đi nhanh thế được. Trâm đã đúng, rõ ràng các bạn tôi vẫn chờ ở điểm xuất phát, tôi vỡ lẽ là ngay chỗ xuống xe có cái nhà cầu, đằng ta túa vô hết, và vì thế, chỉ trong tích tắc tôi đã lạc họ!



Đường lên thăm Chúa ngàn trùng xa xôi. Từ đầu núi, chúng tôi chuyển sang xe đò của chính phủ do những tài xế với tay lái vững vàng chạy đường núi. Có những khúc quanh, tim tôi như đứng lại vì những chiếc xe xuống núi chạy nhanh như muốn đâm xầm vào xe chúng tôi. Xe con thoi hai chiều tấp nập, bất chấp mưa bão cứ vun vút qua mặt nhau. Hành khách cứ hú hồn, rợn tóc gáy! Đến đỉnh núi chưa phải là đến, phải trình vé vô cửa một lần nữa rồi mới được leo lên thang máy, ở thang máy bước ra, lại phải leo thêm ba bốn chục bậc đá

mới tới chân Chúa Jesus. Thất vọng tràn trề, đi đứng khổ cực thế mà cũng chỉ thấy cái bệ của Chúa đứng, chưa thấy được cái chân của Chúa. Lý do là vì trời vẫn vũ, khi mưa, khi tạnh, sương mù giăng giăng trên đỉnh núi, và hình Chúa cũng mờ mờ ảo ảo, khi ẩn, khi hiện, ít khi thấy rõ, dù chỉ là một phần của bức tượng Chúa. Những loại áo mưa rẻ tiền, mặc một lúc là rách, cho dù có áo nhưng chúng tôi cũng đều bị ướt. Người “tour Guide” đề nghị, ngày mai quá trưa quý vị mới “boarding”, chi bằng chúng ta đi thêm ½ ngày tour nữa, chúng tôi sẽ đưa quý vị sang ngọn núi bên cạnh, không được dưới chân Chúa, nhưng có thể nhìn rõ hơn.

9 giờ sáng hôm sau, chúng tôi đã chất hết hành lý, rời hotel và đi trở lại lên núi. Lần này người đông gấp đôi, gấp ba ngày hôm qua, lý do là con đường thứ hai để lên núi đã bị cây đổ đêm qua và tắc nghẽn. Chỉ còn một con đường cho lưu lượng tất cả xe cộ lên xuống, nên rất đông và khó đi. Đến được đỉnh núi thứ hai, nơi có bãi trực thăng, và rất gần tượng Chúa, nhưng vì có lẽ đoàn người này không có duyên, nên Chúa cũng không cho gặp. Lý do là tượng Chúa cao tới trời, nên mây trắng cứ thi nhau bay ngang mà quán lầy. Trời xanh, mây trắng, nắng đẹp, nhưng vẫn không thấy mặt Đức Chúa, toàn thân người chỉ mờ ảo trong mây. Thái Phạm có thừa kiên nhẫn ngồi rình cho mây ngừng trôi để chụp hình nhưng vô ích. Mây không nhiều lời, nhưng cứ bảo nhau trôi đều đặn, hết

đám này đến đám khác. Và đây là vấn nạn mà Thái không thể chờ thêm: vì lý do đường kẹt và các bà có “vấn đề”. Người “tour guide” hứa là lên núi sẽ có nhà cầu nhưng khi đến nơi, cảnh sát nói nhà cầu bị nghẹt, đóng cửa! Thế là đám đàn ông thi nhau chui vào bụi, và đàn bà thì chỉ biết nhịn, và nín tè. Giữa đường, bà vợ tôi là người chịu nhịn dở, nhất định nói “tôi phải là tôi phải”. Thế là người “tour guide” đồng ý phải xuống núi cho vợ tôi xếp hàng, chiếc xe cố neo chờ, vô ích, không đợi được. Cảnh sát đã đuổi đi vì kẹt đường. Tôi và Thái, vội vàng nhảy xuống giúp Trâm. Nhà cầu đàn ông thì vắng hoe, mà bên đàn bà thì xếp hàng vòng trong vòng ngoài. Tôi nhảy ra kêu Trâm vô đại, tôi gác cửa, T. nhất định không chịu, cứ đứng đợi! Đến khi anh Thái nhảy lên đứng trước cửa nhà cầu đàn ông, hành động như người địa phương đang điều hành công việc vệ sinh thành phố. Thái chỉ định bà “xì” này vô, bà “xì” kia ra, khi thấy Thái cho hai ba bà xì vô nhà cầu, Trâm mới ù té chạy theo. Nhờ Thái lanh lẹn cứu bồ nhưng không kịp: xe đã bị đuổi đi, người “tour guide” cũng lạc. Thái mở phone đổi sang “roam” kêu đủ người, không ai nhắc máy. Bạn Thái muốn giúp vợ chồng chúng tôi mà mang họa! Loay hoay tìm người dẫn đường cũng không thấy, cả 3 quyết định xuống núi. Chúng tôi đi bộ nhanh hơn xe chạy. Con đường dài nhưng hẹp, xe chạy hai chiều, chen nhau bóp kèn. Chưa hết, bọn xe gắn máy cứ lượn lách như đèn cù. Đường nguy hiểm thế, chỉ có 3 chúng tôi đi bộ, vừa tránh xe, vừa dáo dác kiếm xe, tìm người “tour guide”. Đường rừng, không có vĩa hè, đi bên lề đường thì vướng gai, vướng bụi, đi trên đường thì sợ xe cán, tôi phải dắt Trâm đi trên những cục đá hai bên bờ, nguy hiểm tới mức: nếu bước hụt sẽ ngã xuống hố, mà nghiêng mặt ra ngoài hơi nhiều là có thể bị kính chiếu hậu bên cạnh cửa xe chạy tới va vào mặt! Nhiều lúc chúng tôi chỉ cách cái xe dưới đường đang chạy có 2 hay 3 “inches”, trượt chân xuống là nó cán liền. Ba người chúng tôi đánh đu với hiểm nguy trên đường như thế cả ½ tiếng đồng hồ. May thay chiếc xe đi tới, chúng tôi vừa nhận ra nó, thì người tài xế cũng bóp còi inh ỏi. Chiếc xe phải đi xuống tới đáy núi, rồi mới đi ngược lên tìm chúng tôi, vì không có chỗ quay đầu! Trên xe 3 chị bạn của vợ tôi vẫn nín tè chịu trận. Chúng tôi lại phải tiếp tục hành trình chạy xe từng bước, từng bước lên núi, đi tìm người dẫn đường, may thay, chúng tôi đã thấy anh ta, và cũng chỉ còn đủ thì giờ chạy ra bến tàu. Cả một nửa ngày đánh vật, chỉ vì cái cầu tiêu bị hư, và một chuyện đi tè! Cho hay chỉ có nước Mỹ là quan tâm tới con người, còn ngoài ra các nước khác, thì sống chết mặc bay! Một địa điểm du lịch to lớn, một số lượng du khách đông đảo, mà cảnh sát không có biện pháp chở cầu dã chiến cho dùng. Mà chỉ đơn thuần đề bảng “Cầu Hư”.

Trời mùa hè Ba Tây, nóng cả 100 độ F. Nước Ba Tây đang kiến thiết để đón Thế Vận Hội (Olympic 2016), họ cấm đường cản lối, những người lên tàu, phải xếp hàng dài dằng dặc trên vỉa hè bốc khói. Vật lộn, giành giật luộm thuộm để làm thủ tục và rồi vợ chồng tôi được ra tàu sớm. Tôi ngồi đợi bạn, thấy gần đủ mặt, chỉ thiếu anh chị Thái & Hằng. Đợi hoài, đợi mãi, gần tàn cuộc, không thấy Thái, tôi rất ái ngại phải lên tàu bỏ bạn. Tôi cũng nghiệm ra cái văn hoá của mình là “một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ” đã không còn nữa. Ở đây, có con ngựa đau là Thái mà không ai bỏ ăn cỏ. Tất cả bước đi, để vợ chồng Thái sau lưng! Tôi gọi phòng Thái cầm chừng, hy vọng bạn ta không bị bỏ lại. May thay lúc 6 giờ chiều, tàu gần nhỏ neo thì Thái bốc “phone”. Mừng quá, bạn đã lên tàu. “Có gì trực trực, mà nó giữ bạn lâu vậy?”. Thái bảo là quên không in cái “copy” trả tiền visa nhập cảnh cho xứ Argentina! Thái tưởng trả tiền là đủ, không ngờ nó đòi “copy”. May Thái nhớ “password” mà in lại được. Tôi thầm cảm ơn Trời, không phụ những người có lòng hay giúp bạn như Thái.



Tiếng còi tàu hụ lên từng hồi, báo hiệu nó nhỏ neo. Thủy thủ cho gỡ dây và con tàu rời cảng ra khơi. Hành khách túa lên “deck” chụp hình, quay phim và ngắm cảnh. Đúng lúc tôi đứng nhìn Rio de Janeiro, Thủ đô của Brazil, lần chót thì bên rặng núi cao, Chúa Jesus hiện ra hiện tử, Ngài dang hai tay chào đón chúng tôi. Trời quang mây tạnh, Ngài uy nghi sừng sững trước biển cả bao la, không có đám mây nào che phủ. Tôi vừa cúi đầu chào Ngài tạm biệt, quay ra thì gặp lối nhỏ một số anh chị em phe ta, những người này đã mua vé riêng, và đi trước chúng tôi một ngày. Thế là trên đoạn đường dài chúng tôi có thêm 11 người, bạn bè tổng cộng lên tới 19 Mít, không kể một số đồng hương từ Houston, Cali, Canada mà chúng tôi không quen. Tàu xuôi giòng trên biển Đại Tây Dương (ĐTĐ), dọc theo xứ Argentina.

Nước biển xanh đen, chứng tỏ biển sâu lắm, tàu trôi êm ả, ba ngày là tới Thủ đô Buenos Aires của nước Argentina (Á Căn Đình), nơi có điệu nhảy Tango đặc biệt. Chị trưởng toán đã ‘đặt vé trước’, chúng tôi hăm háu lên bờ. Nhóm của anh chị Dương Đức Trường 11 người cũng đặt vé trước, tư tưởng lớn, không hẹn mà gặp. 19 người chúng tôi và một rừng người ngoại quốc, đứng đợi xe đến đón. Xe van đến, xe van đi, xe đồ

đến, xe đồ đi, gần 9 giờ tối đoàn của tôi và của Dương Đức Trường vẫn trơ thủ địa, đợi hoài đợi mãi, chẳng thấy xe đâu! Bỗng đoàn người còn lại mừng rỡ vì một chiếc xe bus khổng lồ trờ tới, nó hốt hết những người khách còn lại. Nhưng buồn thay, tài xế từ chối không cho chúng tôi lên vì không có tên trong danh sách “Reservation”. Trâm, vợ tôi có cơ hội thi thố tài năng nói tiếng Tây Ban Nha, vì trước đó khi ở Brazil người ta nói tiếng Bồ Đào Nha, Trâm đã không hiểu nhiều. Nhưng bây giờ cho dù có nói trôi chảy tiếng Xi, Trâm cũng không thuyết phục được anh tài xế vì cả đoàn không có tên. Anh ta rất tử tế, gọi về nhà hàng, và sau đó nói với Trâm là chịu khó đi taxi, chỉ mười đồng thôi, và nhà hàng vẫn còn chỗ. Vấn đề trở nên nhiều khê, nhiều người không muốn đi nữa. Chúng tôi đành vẫy tay, tạ từ chào bạn trên xe và lủi thủi trở lui trước con mắt ái ngại của 11 bằng hữu. Không khí u tịch, vừa trễ vì trên 9 giờ tối rồi, vừa đói vừa mỏi chân vì đứng đợi cả giờ. Đoàn quân thất bại, trở lui về tàu đi tìm đồ ăn. Thê lương quá, và để phá tan cái bầu không khí ủ dột như những người bị mất cửa, tôi bèn cất tiếng hát vang như bò rống để chọc mọi người:” Don’t Cry For Me Argentina! “.

Rồi chuyện buồn cũng qua đi, hôm sau chúng tôi được ăn hàm thụ về bữa tiệc ngon, và xem trong tưởng tượng những bước nhảy “Tango” tân kỳ qua sự tả chân của Dương Đức Trường. Trường là một “Computer man”, một tay chơi hào sảng, và một tay đàn trứ danh. Trường thường đàn cho Khánh Ly hát năm xưa. Trường cũng là nhà hài hước hóm hỉnh. Có lần anh kể tôi câu chuyện làm tôi cười bò: anh có người bạn, cái gì cũng biết, và anh gọi anh bạn này là 9 biết. Tại sao vậy, tôi hỏi Trường là cái gì cũng biết là “Mr. Know All” rồi. Vậy là biết đủ là 10, sao gọi 9? Trường chỉ cười và nói:” Bạn em có 9 cái biết, mà một điều 10 anh ta không biết đó là cái “Không Biết Điều”.

Hiện tại là chiếc tàu sẽ đi thêm hai ngày nữa để đến một hòn đảo lịch sử, đó là Falkland Island, nơi đây đã xảy ra cuộc chiến giữa Anh Quốc và Argentina, hai bên ынh nhau chết bỏ vào năm 1982. Argentina chơi kiêu ta cậy gần nhà, đem quân chiếm ngang xương đảo Falkland của Anh, nơi có hơn ba ngàn dân sinh sống. Bà Margaret Thatcher, Thủ tướng Anh Quốc thời bấy giờ, đem quân ынh bại Argentina, chiếm lại hòn đảo và bây giờ nó vẫn thuộc Anh nhưng nó có tiền tệ riêng. Đồng tiền của Falkland có giá trị tương đương với Bảng Anh. Chỉ một dúm người, nhưng nó sống như 1 quốc gia.

Con tàu bắt đầu lắ lư vì nó đang đi trên giữa hai biển, Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Hai giòng nước giao thoa đã làm con tàu chòng chành không ít. Trên tàu có đủ trò chơi cho hành khách, muốn gì có nấy,

từ ăn uống, movies, TV, nghệ thuật, shows, cờ bạc v.v. Trâm chọn học Tango Argentina. Tango nước này lạ kỳ, họ nhảy 8 bước, có khi biến chế thành 12, 16... và đàn ông lại “depart” bằng chân phải, trong khi Tango Tây chỉ có 5 bước, và đàn ông “depart” bằng chân trái. Tôi nhảy Tango quen đi chân trái, bây giờ theo “Tango Argentina”, tôi không nhớ, vẫn vung chân trái theo thói quen, thế là đá ngay vào chân vợ, nhiều lúc loạng quạng, muốn đẩy vợ té xuống sàn. Trúc Mai thấy tội nghiệp, phải ra dắt tôi tập trước cho quen, trước khi đi lại Tango với vợ. Trúc Mai là thế hệ Trưng Vương trẻ, cùng đi chơi chuyến này với Trưng Vương Kiều Thu. Trúc Mai thích nghệ thuật, đã theo những lớp học chung, rồi còn trả tiền cho lớp học riêng. Những lần học như vậy, anh Dũng, chồng Trúc Mai, đều đứng quay video làm tài liệu. Sau vài lần tập, tôi đã đi được chân phải thay vì đá chân trái. Cảm ơn Trúc Mai, và cũng phải nói tới Kiều Thu bạn chí thân của Trúc Mai, người bạn trẻ này sợ say sòng, cứ nằm ỳ ở phòng, bắt ông chồng là anh Hoà lo cơm, lo nước. Nói vậy, anh Hoà cũng chẳng cực bao nhiêu, cứ “order” đồ ăn là đã có người mang tới tận phòng. Những tay khác thì có thú vui đỏ đen, ăn thua trên sòng bài là sướng nhất. Họ là những tay chơi rất sắc nước, dám đánh lớn lúc hên và dám ngừng, nghỉ xả hơi khi vận đen tới. Chơi cờ bạc mà không cay cú, biết vận mình, nên họ ít thua lắm.



Cặp vợ chồng Nguyễn Đức Nam coi bộ vẫn còn yêu thương nhau tha thiết, lúc nào cũng thấy tay cầm tay dắt nhau trên boong tàu. Mỗi lần thấy tôi, Nam hỏi: - vợ đâu? thì đều được câu trả lời của tôi là: “trong nhà cầu”. Bởi vì vợ tôi cứ sợ mót tiểu mà không có nhà cầu, cho nên cứ đi một lúc, thấy nhà cầu là chui vô, bất kể có cần hay không! Do đấy, Nam đã ứng khẩu trương tôi là: “Tìm em như thể tìm chim, chim bay bẻ bấc, anh tìm cầu tiêu!”. Tôi quen Nam lâu lắm, từ năm 1975, nhưng có điều khi ở Việt Nam tôi là bạn của Nguyễn Quốc Hiệp (y sĩ Nhảy Dù), mà Hiệp lại là bạn Nam. Thế mà tôi lại không biết Nam! Cũng như thời đi học Trần Lục, tôi là bạn thân của Trần Như Xuyên, và Xuyên lại là bạn thân của Mùi Quý Bồng. Tôi lại không biết Bồng, ngay cả lúc anh Bồng lên D.C., Nam dọn sạch sẽ nhà cửa, mời cả 100 bạn bè đón Bồng, và tặng Bồng những cuốn sách, văn hoá Việt, vì tài sản sách vở của Bồng đã bị bão Katrina cuốn đi mất sạch. Tôi cũng không nhớ Bồng

và cũng không biết con người tài ba ấy là bạn học với mình. Tôi đem chuyện này nói với Nam là làm sao lại có chuyện kỳ cục vậy? Nam chỉ cười và mượn câu thơ của nhà thơ Du Tử Lê (mà bạn Điền của tôi gọi là “Con dê ở trong cái lu”) để nói với tôi: “Có những điều, ở chốn trần gian không thể hiểu!”. Nhưng nếu tôi kể chuyện này ra thì ai cũng hiểu. Tôi biết Nguyễn Đức Nam là nhà văn trẻ rất có tiếng thời đi học. Sau này khi qua Mỹ, tôi cũng nhe nhoe viết lách, tự truyện cuốn sách nhỏ “Tôi Là Lính”. Tôi muốn tìm cách đánh bóng mình, bèn nghĩ ra một mưu vặt, cứ mỗi lần gặp Nam trong đám đông là tôi trang trọng: “Chào văn hữu Nguyễn Đức Nam”. Sau vài lần như thế, Nam hiểu ngay tôi là kẻ muốn ăn cắp bỏ cho người, thế là con người thông minh ấy đã không ngần ngại trả lời: “Chào văn hữu Đinh Hùng Cường”. Nhờ Nam mà tôi đã nhẹ nhàng bước vào văn giới. Từ đấy, mỗi lần chúng tôi gặp nhau thì hai câu chào cùng thoát ra một lúc “Chào Văn Hữu”. Đời tôi trở thành “giàu vì vợ, sang nhờ bạn”.

Falkland Island, địa điểm lịch sử, nơi chúng tôi chờ đợi đã không đến được. Sóng nước dập dình, cứ đẩy ra, đẩy vô, làm cho con tàu loay hoay nhưng không cập bến được. Mặc dù trước đó, trên tàu đã có buổi thuyết trình xôm tụ, về địa phương chí, về chiến tranh giữa Argentina và Anh Quốc, và những hình ảnh trên bờ, có cả bức tượng bà Thatcher. Nhưng rồi, thuyền trưởng cũng xin lỗi là không cập bến, con tàu to lớn cứ tròn trành như muốn đến, nhưng chẳng được! Có một chuyện khẩn cấp xảy ra đã cho chúng tôi thấy cách làm việc của người Tây Phương. Một bệnh nhân trên tàu, không biết vì lý do đâu yếu ra sao, cần đi nhà thương. Lập tức thuyền trưởng liên lạc với cơ quan quân sự của đảo Falkland, nơi đây đã phái một chiếc trực thăng ra tàu chở bệnh nhân. Trong đêm tối hãi hùng, chiếc trực thăng đơn độc ra khơi và phải đáp xuống sàn tàu nhưng không phải dễ. Đáp trên con tàu tròn trành, dễ làm trực thăng mất thăng bằng mà lật. Cánh quạt trực thăng sẽ phang vào thành tàu và tai nạn thảm khốc sẽ xảy ra không biết cho bao người. Để làm chuyện này, cho dù đã quá nửa đêm, thuyền trưởng cũng đánh thức cả tàu và thông báo, ông yêu cầu tất cả phải ở yên trong phòng, không được ra ngoài có thể bị nạn. Riêng từng lầu 12, nằm sát ngay dưới sân đáp trực thăng, tất cả hành khách khu đó phải xuống lầu 5, trong số đó vợ chồng văn hữu Nguyễn Đức Nam. Hai ông bà phải thức giấc nửa khuya, xuống lầu năm, uống cà phê, chờ trực thăng bốc xong bệnh nhân mới được trở về phòng. Qua một chuyện nhỏ, ta thấy con người được quý trọng, bất kể ai, có chuyện là được giúp đỡ. Có trên một ngàn người trên tàu để phục

dịch trên ba ngàn du khách. Đúng như lời người Mỹ nói “Không bỏ một ai”, và mỗi người đều được đáng kể” (No one left behind, and every one is matter!).

Qua ngày sau, chúng tôi đi qua “Cape Horn” nơi tận cùng phía nam của quả địa cầu. Qua đến địa điểm kế, cũng không khá hơn, sóng gió vẫn ào ạt trên boong, đợi đến trưa mà gió vẫn lên đến trên 60 miles/một giờ, nó thổi sóng biển nổi cồn trắng xoá khắp nơi. Thế là lại hủy bỏ, đi tới địa điểm kế. Suốt 5 ngày tù túng, lênh đênh trên biển, không được vào bờ, hành khách chán lảm, ông già bà cả, bồng chồn thờ dài thờ ngắn, chờ đợi tiếng nói uy quyền của ông thuyền trưởng người Ý Đại Lợi, ông nói tiếng Anh ngọng nghịu:

“ Cho tôi xin sự chú ý, đây là thuyền trưởng Ravera, nói từ đài chỉ huy trung ương. Chúng tôi rất thông cảm quý khách, chúng tôi quyết định để quý khách lên bờ, bằng cách hạ thủy những chiếc tàu con (tenders) ở hai bên sườn để chở khách. Sóng rất lớn, quý vị cần theo hướng dẫn của thủy thủ đoàn và cẩn thận khi xuống thuyền nhỏ, cũng phải rất cẩn thận khi lên bờ. Chiều nay 6 giờ tàu sẽ ra khơi, xin quý vị trở lại tàu lúc 5 giờ, không được trễ hơn”.



Vừa bảnh mắt, chưa 7 giờ sáng, trên phòng ăn tôi đã thấy phái đoàn 11 người của Dương Đức Trường nai nịt sẵn sàng. Tôi hỏi: “Đi mô mà đi sớm dữ tề?” Trường đáp: “Tụi em đã mua tua đi coi nhà ở của những con penguins, đảo đó cách đây cả hai tiếng đồng hồ, phải lên tàu đi sớm”.

Chúng tôi không đi coi penguins, nên chẳng vội gì! 10 giờ cả bọn xuống thuyền con vô bờ. Tuy chỉ cách bờ chưa đầy cây số mà cái tàu con cũng lòng vòng, không cập bến được! cứ rồ máy, rà tới chân cầu, chưa kịp móc giây là sóng lại đẩy nó ra xa. Bốn mươi phút sau con tàu nhỏ chở cỡ 100 người mới cho được hành khách lên bờ. Trâm, vợ tôi mặt đã xanh lè, muốn nôn lảm mà cố kềm lại. Chúng tôi quyết định trả \$25.00 chung nhau đi “tour” bằng xe riêng trong thành phố, ông bà Nam muốn đi lên chỗ coi penguin, giá cũng chỉ \$25.00. Tôi phải giải thích cho văn hữu nghèo (mà ham) của tôi là \$25.00 là chỉ tới bến, còn muốn ra đảo phải đi ít nhất hai tiếng bằng phà (ferry), giá cũng cả trăm đô la. Nhóm Dương Đức Trường đi bằng tàu gần bốn trăm đồng một người. Coi con penguin không phải đơn thuần hai mươi lăm đồng đâu. Thế là chàng bỏ ý định, nhập bọn rong chơi với chúng tôi. Cái mồm đất “Punta Arenas” này thuộc Chí Lợi (Chile), không có người nghèo, chỉ

có người trung lưu và người giàu, đúng là hải đảo thần tiên. Trước khi lên đây, thuyền trưởng đã ra thông cáo, vì lý do tế nhị, chúng ta không nên mang những mũ, áo có dấu hiệu đảo Falkland, vì làm như vậy là khiêu khích dân địa phương. Chúng tôi có ghé được Falkland đâu mà có đồ đó. Chúng tôi dạo chơi, mua sắm thả dãn. Vào lúc xế trưa, cả bọn tìm tiệm ăn ngon, nhưng chẳng thấy! Bạn Thái bàn là thuyền nhỏ, sóng to, chi bằng chúng ta về tàu, ăn không mất tiền, mà đồ ăn còn ngon hơn ở đảo. Vợ tôi đã mua được túi đồ chơi cho con, cho cháu nặng trĩu, bắt tôi vác trên vai. Cả toán nghe Thái thế mà hay, ngay sau khi chúng tôi về tàu, có thể chuyến chúng tôi là chuyến chót. Thuyền trưởng ra lệnh không chở người về nữa, sóng to quá nguy hiểm, ông ta hứa sẽ tìm giải pháp khác, vì ông ta đang kẹt trên 1,700 hành khách ở trên bờ. Biện pháp đầu tiên, ông xin hải quân Chí Lợi dùng tàu to của hải quân chở hành khách ra ra tàu lớn, thay vì dùng tàu nhỏ của Princess. Hải quân cóc chịu, ông bèn đưa giải pháp thứ hai. Hành khách xếp hàng trên "Pier" có thể bị gió thổi bay xuống biển, xin tàu hải quân cặp bến, làm giao liên cho hành khách - có nghĩa là thay vì đợi trên "pier", hành khách xuống tàu hải quân đợi, và từ tàu hải quân lên tàu nhỏ về tàu lớn. Hải quân Chí Lợi cũng cóc chịu, thế là ông thuyền trưởng nổi điên, hăm dọa sẽ đề nghị hủy bỏ cảng này trong những chuyến "cruise" tới và quyết định cho cái tàu to tiến gần bờ, quay ngang để cản bớt gió, và từ từ chuyển vận hành khách về tàu. Gió đưa sóng nhỏ, mãi đến sau nửa đêm, hành khách mới lên hết trên tàu. Vì trễ giờ khởi hành con tàu đã tăng tốc độ, nó chạy như điên trên biển, để lấy lại những giờ đã mất, mong về bến đúng giờ cho chuyến đi kế.

Sáng hôm sau, tôi lại gặp Dương Đức Trường, tôi hỏi: "Hôm qua đi về mệt không Trường?" Anh ta trả lời: "Đi làm mới mệt, đi chơi làm sao mà mệt được anh? Khoẻ re như bò kéo xe". Rồi anh kể chuyện penguins cho tôi nghe. Muốn đi coi penguins có ba giá: - giá thông thường là toán của Trường, khoảng gần bốn trăm đồng một người đi tàu nhỏ, loại tàu có thể giảm sóng, vì nó trống ở dưới đáy; - loại thứ hai đắt tiền là "speed boat" loại này chạy nhanh kinh khủng và có thể lướt sóng; và - loại thứ ba là đi xe bus đến nơi mua vé đi phà qua là rẻ nhất. Nhưng rốt cuộc chỉ có đoàn của Trường là coi được, những loại kia là hock xẹt hết. Lý do là tàu của Trường đi sớm, chưa có gió to sóng mạnh, cả tàu chỉ lao chao tí chút, nhưng mọi người đến đảo chơi với penguins ngon lành. Loại thứ hai "Speed boat" của nhà giàu chạy nhanh, nhưng đi trễ, sóng to quá, chiếc tàu cứ như bay trên nước lướt trên sóng, hành khách nôn mửa ra tới mặt xanh mặt vàng. Cả đoàn tới đảo cứ ò ra trên tàu mà nôn cho đến khi về,

chả gặp được con penguin nào cả, một bà khách trên tàu đã than là mất tiền, không được coi, mà còn đầy thân, phải ngửi những mùi nôn ọe của hành khách, hôi hám, kinh hãi tới chết được!” Trường lại nói tiếp: “Những người đi phà còn khốn nạn hơn, anh biết rồi, chiếc phà nó làm bằng phẳng ở dưới đáy, để có thể chở nhiều người, hàng hoá và xe cộ. Khi nó bị sóng nhồi, thì những luồng sóng đánh vào đáy phà trong một bề mặt tiếp xúc lớn, mang chiếc phà lên cao và nhồi xuống như là đi trên “roller coasters” liên tục vậy. Những hành khách trên đó còn khốn khổ hơn “speed boat”, vì bị nhồi nhiều liên tục mà lại phải ở dưới biển lâu hơn vì phà chạy rất chậm. Đến đảo cũng thi nhau mà ới rồi trở về. Tụi em may hơn những người kia nhưng rồi cũng không khá: cả toán trở về hứng chí, đi ăn đi chơi trên đảo. Đến khi trở về, thấy người ta đông nghẹt, xếp hàng, không ai về tàu được. Trong toán có anh chị Thanh bạn với anh Dụng từ thời học Luật ở Sài Gòn. Anh Thanh đến từ Oregon, đi chơi chung với nhóm, tương người to khoẻ, vũng vàng như lực sĩ, thể mà đứng đợi lâu quá, cũng xum bà chè bỏ cuộc! Rồi mãi tới sau nửa đêm bọn này mới về được tàu, chuyến đi thật vất vả, nhưng rất vui và nhiều kỷ niệm.” Trường vừa nói xong, thì tiếng loa lại vang lên, vẫn lời ngọng nghịu tiếng Anh của ông thuyền trưởng Ravera người Y-Ta-Lồ. Ông xin lỗi về tất cả những bất tiện xảy ra, từ lúc lên tàu ở Brazil, cho đến thời tiết khắc nghiệt của biển cả. Tuy không hẳn tất cả lỗi của Princess, nhưng thông cảm với khó khăn của du khách, ông quyết định cho mỗi người một trăm đô la để mua sắm trên tàu và trừ cho 50% phí tổn của chuyến đi - nếu mua vé đi chơi sang năm, sẽ lấy nửa số tiền này bù vào tiền vé mới. Tôi cũng hiểu rằng đồng tiền những hành khách bỏ ra để đi trên tàu này đều trả khác nhau, có người được bớt, được trừ, có người được thưởng vì vào “members”. Riêng vợ chồng tôi, là công dân hạng hai nên trả nhiều nhất, trả nguyên con, không trừ bồi gì cả! Do đó, số một nửa số tiền trả lại của chúng tôi cũng sẽ nhiều nhất, âu cũng là cái lộc trời cho!

Tôi kể lại chuyến đi này để cảm ơn các bạn tôi, những người bạn mà tôi quý mến như trong gia đình, đã tình cờ hội ngộ cùng chuyến hải hành. Tôi vui sướng vì mỗi chiều, gần hai chục mạng chúng tôi, ngồi ăn cơm chung, vui chơi đùa bỡn, và cái thích là tha hồ ba hoa, chẳng ai giận dỗi. Nhưng rồi cũng đúng như nhà văn Nguyễn Đức Nam thường mượn câu thơ của ông “Con dê ở trong cái lu” nói: “Ở chốn trần gian có nhiều điều không thể hiểu”. Ăn uống sung sướng, từ tôm hùm, bí tết, gà, vịt, cừu, dê, mỗi món mỗi vị. Cơm Tây, cơm Ý, cơm Tây Ban Nha đủ cả, nhưng Mít ta chê hết. Anh Dụng đem theo ít gà kho xả, ít tôm khô tự tay anh

làm, thế là mọi người xin cơm trắng, chia nhau ăn ngon lành. Sau vài hôm, thực phẩm của vợ chồng Dụng & Trúc Mai đã hết, thì Mít ta lại yêu cầu nhà hàng: kho thịt, kho gà theo kiểu Á Đông. Những người hầu bàn thật dễ thương, họ là những người Thái Lan, người Phi Luật Tân, nên cũng hiểu người Á Đông. Họ chiều khách, yêu cầu nhà bếp nấu những món Á Đông đặc biệt cho chúng tôi ăn. Trước khi chấm dứt bài viết, tôi muốn nhận diện một lần, kỷ niệm chuyến đi với những bạn tôi gồm:

- Nhóm một là chúng tôi đi từ Cánh Đồng Mùa Xuân (Springfield, Virginia): Chi Lan & Từ Doanh mà Chi Lan là chủ sậu, có hãng du lịch Unique Travel, chị đã dùng hãng này để “booked” vé cho nhóm chúng tôi; Thái & Hằng là hai người bạn trẻ, hãy cứ coi là trẻ, cho dù Thái mới về hưu ở bộ Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ; vợ chồng văn hữu Nguyễn Đức Nam, và vợ chồng tôi Cường & Trâm. Tuy không có mặt trong chuyến đi nhưng cũng phải nhắc tới, đó là anh chị Vũ An Thanh, người đã ghi tên đi từ đầu với chúng tôi, nhưng vì lý do đặc biệt đã phải ở lại.



- Nhóm hai gồm 11 người, như tôi đã nhắc trong chuyện như Trường & Thu, Dụng & Trúc Mai, Hoà & Kiều Thu, anh chị Thanh từ Oregon, Thông và Cơ là hai người tôi chưa nhắc trong câu chuyện, nhưng cũng phải kể ra đây. Mỗi sáng vợ chồng tôi đều tiếp anh Thông ăn sáng, vì chị Cơ thường ngủ trễ, nên Thông ta đói bụng cứ phải lên lầu

ăn trước. Trong nhiều lần đi chơi chung với cặp vợ chồng này, tôi học được cách cho tiền của họ. Lấy tiền của người đã khó, mà cho đồng tiền đi còn khó hơn. Đúng vậy, anh chị này quan niệm đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn. Có nghĩa là ăn uống gì, hay cần chuyện gì, anh chị Thông & Cơ cũng đều cho tiền trước, và do đấy cái đồng tiền đó đi rất xa. Chỉ những người khôn ngoan lịch duyệt làm mới làm được như vậy.

Người thứ 11 mà tôi muốn nói tới ở phần chót để đúc kết câu chuyện là anh Hà, anh họ của Dương Đức Trường. Anh Hà đơn phương nhập bọn có một mình, người ta đi đủ về đôi, riêng anh đi lẻ về loi một mình. Lý do giản dị là phu nhân anh đã quá vắng, cho dù trong quá khứ hai người đã xây dựng một gia đình hạnh phúc và rất thành công về tài chánh tại

Houston. Anh đang là người lữ hành đơn độc, con người của anh quả thật là đen tình đỏ bạc. Anh đã trúng một cái số rất lớn trên tàu. Anh chẳng mê cờ bạc, chỉ theo bạn, ngồi chơi, đặt mười đồng bạc cầu vui và anh đã trúng \$5,000. Số tiền quá lớn so với số vốn \$10. Tôi đùa bảo anh, rất không may anh đã đi chơi theo bọn tôi, nếu vận may như vậy, anh mà ở lại Houston, mua vé số Power Mega, biết đâu anh chả trúng cả bạc tỷ, chung với mấy người Mỹ vừa trúng số tuần qua. Trong một bữa ăn chung, anh Hà thấy vợ chồng tôi khắc khẩu, cãi vã nhau dữ quá, anh Hà bảo: “Anh chị đang sống hạnh phúc đó, bớt cãi cọ đi”. Tôi hiểu ở hoàn cảnh anh mới nhìn thấy những người chúng tôi là hạnh phúc. Tôi cũng hiểu thế và tôi cũng cảm ơn anh. Chỉ thầm mong cho bà vợ tôi cũng hiểu như tôi, như anh Hà, bớt chét chét cái miệng ăn thua thì quả thật lúc đó tôi mới hạnh phúc.

Khi chúng tôi đến điểm chót rời tàu là Valparaiso, một hải cảng lớn nhất của Chí Lợi, từ đây chúng tôi phải đi hai tiếng đồng hồ trên xe van để đến Santiago, Thủ đô của Chí Lợi. Từ đó sẽ bay về Mỹ. Suốt chặng đường xa xôi, qua bao nhiêu quốc gia Nam Mỹ, tôi thấy người dân hiền hoà, lương thiện, buôn bán ngay thẳng, ít nói thách. Gặp người trả giá, họ không muốn bán thì chỉ cười và vui vẻ xếp lại đồ hàng, không có vẻ bức mình, chống đối, hay chửi bới khách hàng như người mình. Thấy người mà buồn cho dân mình, còn lâu lắm người mình mới có thái độ cởi mở như họ. Còn bạn bè thì sao? Tôi thấy hầu như đa số bạn tôi hoặc là hưu trí, hoặc đã qua đời, ít ai còn đủ sức lực để tiếp tục đi làm. Những người đã chết thì mồ yên mã đẹp, những người còn sống thì lại chia ra nhiều quan niệm sống khác nhau. Người thì bo búa đồng tiền, không thấy tiền vô thì họ không muốn tiền ra, cho dù tiền hưu, tiền để dành vẫn còn nguyên cả. Nếu lỡ bệnh tật trời tới cướp đi đời sống, họ vẫn còn tiền y nguyên. Rồi những đồng tiền này để làm gì? cho con ư? chúng nó cũng cảm ơn, nhưng chúng cũng chẳng cần, chỉ tiêu phí vì chúng nghĩ là đồng tiền ngoài dự tính. Có người bạn khác, nhìn ra, biết ngộ cuộc đời, đồng tiền cực khổ của mình, xứng đáng tiêu dùng nó trước khi nhắm mắt. Tôi thích những người này và đồng quan niệm sống với họ: ngày nào mình không vung tay quá trán thì ngày đó mình đi chơi, hưởng cuộc đời còn lại với bạn bè, bằng hữu, đầy đủ và ý nghĩa. Tóm lại những người bo búa, chỉ biết ôm đồng tiền, thì họ đã chết ngay từ lúc họ mới về hưu. Còn gì để nói!

Viết xong tại Disney World ngày 6, tháng 2, 2016.

Quốc Thái Đình Hùng Cường

NHỮNG ĐÓA HOA LÒNG

(Mến gởi các Em đã từ ngàn dặm xa xôi về dự hội Hoa Anh Đào, cùng chung vui với Ta du ngoạn, ăn uống đây đó mùa Xuân Kỷ Hợi năm 2019 Thủ Đô Hoa Kỳ, Washington D.C)

Trò Xưa Trường Cũ trong lòng.
Hoa thơm, Dị thảo
Ta mong đơm đầy.
Xuân sang hội họp xum vầy,
Qua rồi Đông lạnh,
sương đầy sớm mai.

Ngày xưa thân ái cùng ai,
Tóc mây buông thả
bờ vai thon gầy.
Thi đua học tập lời Thầy.
Tương lai tổ quốc mai này cậy Em.

Chung trường chung phố
thân quen.
Sớm chiều tới lớp đua chen
học hành.
Mai sau danh đạt công thành.
Công Cha, nghĩa Mẹ
sao đành vô ơn?

Yêu thương đùm bọc khuyến lơn.
Từ Bi Hỷ Xã quý hơn bạc tiền.
Ơn đền, nghĩa trả ưu tiên.
An dân, bảo quốc
lưu truyền cháu con.

Hy sinh vì nước vì non
Chăm lo học tập khi còn học sinh.
Các Em như ánh bình minh.
Như Hoa thơm tỏa hương trinh
ngọt ngào.

Niềm vui Xuân mới dạt dào.
Cùng Ta trẩy hội Anh Đào nơi đây.
Thầy, Trò hội ngộ ngát ngây.
Hoa lòng bùng nở
trời mây rạng ngời.

Thái Hưng/PGH



(Thái Hưng - thứ 6 từ trái)

Truyện Vui
VỢ VẮNG NHÀ
(Gửi người nơi cố quận)
**** Phạm thành Châu ****

Có một triết gia đã nói một câu mà quý ông rất thích “**Người đàn ông có hai lần hạnh phúc. Lúc cưới vợ và lúc trở lại thành độc thân**”. Vì sao? Vì vợ nói nhiều quá và bị (phải) ăn các thứ vợ nấu. Vợ nói nhiều xảy ra từ thời con người còn ăn lông, ở hang. Đàn ông muốn săn thú rừng phải im lặng. Gây tiếng động thì con thú chạy mất! Trong lúc quý bà, trong hang đá “Tùng tam tụ ngũ”, chuyện trò với nhau, chờ chồng đem thịt rừng về nhậu. Đó là xét theo lịch sử.

Theo nghiên cứu khoa học, trường Y khoa Indiana ở Indianapolis cho biết đàn ông chỉ dùng nửa bán cầu não, có tên là Temporal Lobe để nghe và nói. Các bà thì dùng cả hai bán cầu não. Bởi thế các bà học ngoại ngữ rất tài và có thể nói suốt ngày không mỏi miệng. Còn theo thống kê thì mỗi ngày, quý ông, trung bình, nói hai nghìn (2,000) tiếng. Quý bà nói năm nghìn (5,000) tiếng. Đa số là để la lối với chồng con và “Thế hả?” với các bà bạn trên điện thoại. Có ông kia, đi uống cà phê với bạn, báo tin “Tôi sắp ly dị vợ”. Hỏi vì sao? Ông ta thờ dãi “Nó không hề mở miệng nói với tôi lời nào!”. Các ông cười, chế nhạo “Xạo hoài! Liên Hiệp Quốc vừa công bố: Sinh vật quý hiếm (người vợ ít nói) đó đã tuyệt chủng từ lâu rồi!”. Ông khác thì theo năn nỉ “Ông muốn vợ nói nhiều thì đổi vợ cho tôi đi. Vợ tôi nói nhiều quá. Chịu hết nổi. Khi ngủ nó cũng “mớ”, miệng lảm nhảm suốt đêm”. “OK! Đổi thì đổi, nhưng không được trả lại”. Một ông khác khoe “Tôi có cách làm bà vợ hết nói. Để tôi kể cho quý vị nghe. Vợ tôi cũng nói cả ngày lẫn đêm. Một buổi tối, lên giường, tôi nói. Em chiều anh đêm nay, được không? Nàng hỏi. Trong bao lâu? Tôi nói. Suốt đêm nay. Nàng hỏi. Sao bữa nay hăng quá vậy? Tôi nói. Em cứ nhắm mắt ngủ. Chuyện đó để anh lo. Nàng vui vẻ nhắm mắt ngủ. Tôi cũng ngủ một giấc đến gần sáng thì thức dậy sửa soạn đi làm. Nàng chợt thức giấc, ngạc nhiên và giận dữ. Nói. Suốt đêm ông ngủ khò. Bắt tôi đi ngủ sớm mà có làm gì đâu? Bây giờ, dậy sớm để chạy làng phải không? Tôi nói. Anh cần em chiều anh, là đi ngủ sớm, đừng nói gì cả để anh ngủ yên, lấy sức, sáng nay đi làm sớm”. Mấy ông gật gù “Hay. Hay! Rồi sao nữa?”. “Thì nàng nín áo, bắt đền... Tôi lại “bị” đi làm trễ giờ”.

Đọc đến đây, làm gì cũng có bà tức giận “Bộ các ông không nói nhiều sao?”. Xin thưa quý bà “Có ạ! Chuyện xảy ra tại tòa án quận Mười, Sài Gòn. Có bà vợ tên Huê, 61 tuổi, đưa ông chồng tên Hưng, 63 tuổi, ra tòa, đòi ly dị, vì ông chồng nói nhiều quá, chịu không thấu. Sau khi bà vợ trình

bày sự việc, đến lượt ông chồng phát biểu trước tòa. Ông ta nói suốt ba giờ đồng hồ khiến ông chánh án phải dọa. Nếu ông còn nói nữa, tòa sẽ phạt vì tội nói nhiều. Lúc đó ông ta mới chịu im. Dĩ nhiên, tòa cho ly dị. Có một người đàn ông nữa, nói hơn ba giờ đồng hồ tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc. Đó là cố đồng chí chủ tịch Fidel Castro của nước Cuba”.

Vợ hấn thì hơn các bà khác. Vừa nói vừa nạt vừa đánh chồng. Đi làm về, đã thấy nàng đứng chống nạnh với cái chổi lông gà “Ông nhìn đồng hồ coi! Giờ này mới mò về. Theo con đi chớ nào mà về trễ cả nửa giờ? Đừng nói kẹt xe với tôi”. Và nàng vung cái chổi lông gà lên. Chỉ một cái lắc mình, hấn đã đứng xa nàng hai trượng, vòng tay thủ lễ “Tiểu nhân có điều gì thất thố, xin phu nhân lượng thứ!”. Nàng bậm môi, để khỏi phì cười, tung chổi, tấn công liền. Hấn lùi lại “Tiểu nhân đi đây!”, rồi dùng thuật phi hành phóng chạy. Nàng ì ạch, như con vịt bầu, đuổi theo, miệng nheo néo “Đồ đàn ông mất nết. Có giỏi thì đứng lại!”. Hấn chạy quanh nhà, thỉnh thoảng dừng lại, thè lưỡi, méo miệng chọc quê để nàng nổi sùng (ì ạch) đuổi tiếp. Muốn nàng không đuổi nữa, hấn chỉ việc chạy ra đường, nàng vô nhà, sợ hàng xóm thấy, gọi cảnh sát “Vợ bạo hành chồng”. Nó có nguyên nhân: Vợ hấn hơi nặng cân, cỡ một tạ (100 kí lô). Bác sĩ bảo nàng phải chạy bộ mới bớt mập. Nàng hỏi “Tôi rượt ông xã tôi, có được không, bác sĩ?”. Ông bác sĩ gật gù “Hai ông bà cùng chạy thì tốt quá, nhưng coi chừng, ông ta chạy luôn đến nhà bà khác thì phiền”. Hấn rất muốn giúp nàng giảm cân nên hấn chạy trước, nàng đuổi theo quanh nhà. Được một năm thì kết quả thật đáng kinh ngạc: Nàng sụt mất một nghìn (1,000) milligrams! Một lý do khác để nàng có dịp rượt hấn, là hấn vốn có máu dê. Ra đường, thấy người đẹp đưa ngực, đưa đùi, là hấn nhìn sững “Bước đi rồi, con mắt còn có đuôi...”. Nàng giận tím mặt. Về nhà, mới bước xuống xe, là nàng dùng hai ngón tay, kẹp miếng thịt bên hông hấn, vặn treo, miệng đay nghiến “Tật dê không chữa! Tôi hỏi ông. Tôi khác mấy con đi chớ đó chớ nào mà ông nhìn muốn rớt con người? Khác chớ nào? Hả? Nói mau!”. Hấn nói “Khác nhiều chớ lắm!” rồi (lại dùng thuật phi hành) tuông chạy, nàng lại rượt hấn.

Một lần khác, hấn đưa vợ đi chợ. Thông thường, hấn đẩy xe theo sau vợ. Vợ hấn muốn mua gì thì bốc bỏ vô xe. Hấn bỗng thấy một cô đi vào chợ với đôi gò bồng đảo to, để lộ một nửa đôi ngực trắng hồng như hai trái bưởi (đã lột vỏ). Hấn như người mất hồn, đẩy xe theo cô ta để nhìn trộm cái ngực bự, quên cả thế gian. Vợ hấn quay lại không thấy chồng, đi tìm, thấy hấn đứng nhìn sững ngực người đẹp. Nàng kéo tai hấn, lôi đi. Về nhà, nàng đóng cửa lại, bắt hấn nằm sấp xuống xô pha, trở cán chổi lông gà. Vừa nhip trên mông hấn vài cái là hấn giả bộ méo máo khóc như CỎ THƠM

em bé. Vợ hắn tức cười nhưng làm nghiêm “Uả! Biết tội gì chưa? Đã đánh đâu mà khóc? Nín ngay! Tại sao thấy con đàn bà nào có ngực bự là ông cứ theo nhìn mê man, quên cả vợ con?”. Hắn trả lời “Ngực nhỏ, nhà mình có rồi!” Nói xong hắn vùng dậy, tung cửa chạy ra đường...

Một hôm, nàng bảo hắn đi mua vé máy bay để nàng về Việt Nam thăm các dì của mấy cháu. Hắn hỏi “Em đi mấy ngày?”. Nàng đáp “Một tháng!” Hắn tưởng mình đang nằm mơ, thấy Bụt hiện ra “Ta nói thế là để thử lòng nhà ngươi đấy thôi!”. Nhưng đó là sự thật, không phải là giấc mơ. Hắn vội chạy đi mua vé máy bay, sợ nàng đổi ý thì mất vui. Hắn về, đưa vé máy bay cho nàng, mặt buồn thiu, cất tiếng hát “Em đi rồi... còn ai vuốt tóc tôi?”. Hắn có tâm hồn nghệ sĩ, thi ca, hò, vè, hắn đều xuất sắc. Gặp chuyện gì hắn cũng có thể cất tiếng, hát hoặc ư ử ngâm vài câu thơ, nghe (rất) vừa dở vừa vô duyên. Lần này, hắn đóng kịch quá tẻ, bị nàng lột mặt nạ “Đừng có vờ vịt. Tôi chưa lên máy bay là ông đã chạy theo mấy con chó cái đó rồi. Liệu cái thần hồn! Lặng quạng, tôi thiên tận gốc cho biết thân”. Hắn hát tiếp “Ngày mai em đi, ngày tháng bơ vơ đợi chờ...” Nàng không thèm cười, vợ lấy cái chổi lông gà. Thế là nàng lại rượt hắn.

Vợ vắng nhà. Đó là chân hạnh phúc. Vì sao? Vì không phải nhìn thấy mặt vợ. Có lần, vợ hắn trang điểm, diện áo quần đẹp, ẹo qua, ẹo lại trước gương soi, làm bộ thờ dài để hắn chú ý và khen nàng đẹp. “Thỉnh thoảng, soi gương, thấy mình già và xấu quá! Thiệt, chán hết sức!”. Hắn đồng tình ngay “Đúng vậy! Em thì thỉnh thoảng mới soi gương nhìn dung nhan mình. Còn anh thì giờ nào, ngày nào cũng nhìn thấy em. Ngán quá. Muốn chết quách!”. Nàng co chân, rút chiếc giày, ném vào người hắn rồi vợ lấy cái chổi lông gà. Hắn lại tung chạy. Nàng, bước thấp, bước cao (một chân không giày), vừa rượt hắn vừa khóc hu, hu! Hắn phải quay lại, ôm vợ, xin lỗi riu rít “Sorry! Em đẹp nhất thế gian. Mấy con hoa hậu thế giới, so với em, là đồ bỏ!”... Hạnh phúc thứ hai khi vợ vắng nhà là không phải ăn các món vợ nấu. Nhiều ông chồng, đôi khi, để làm vui lòng vợ, khen một món nào đó do vợ nấu. Chớ chơi dại! Vợ sẽ nấu mãi món đó, chồng ăn mãi món đó. Ăn tới “lòi cuống họng!” Đi ăn nhà hàng, chồng vô tình khen một món của nhà hàng. Cũng là chơi dại! Lập tức, vợ đi chợ, nấu món đó. Để trở tài và để “ông xã” ăn ngon, ăn nhiều lấy sức. Nấu thì giống nhưng dở ẹt. Dám chê không? Không ăn cho hết thì sẽ biết “Thế nào là lẽ độ!”. Trong tám cái khổ của chúng sanh, có “Tảng oán hội” khổ. Nghĩa là đau khổ khi phải sống với (ai đó) mình không ưa (dù trước đây mình có mê như điều đồ). Cái khổ thứ hai là “Cầu bất đắc” khổ. Nghĩa là muốn chết quách để khỏi sống chung với “ai đó” mà không chết được, NSCTOL-SỐ 15

cũng là khổ. Ngày xưa, có một vị Thái tử can đảm, bỏ vợ con, cung vàng điện ngọc để tìm con đường giải thoát, vì thấy chúng sanh quá khổ (trong đó, dĩ nhiên có cái khổ phải nghe vợ nói “muốn điếc con ráy” và phải ăn các món vợ nấu). Có ông nọ, lúc sắp được nằm ngủ trong lòng chị “Sáu... Tám” có mấy lời trần trối với vợ “Sau khi tôi chết, bà đừng nấu nướng gì cả. Cứ ra “tiệm cơm chi” (bán đồ ăn nấu sẵn) mua về cúng tôi”. Bà vợ hỏi “Ông nói tôi nghe. Tại sao?”. Ông chồng thều thào “Các món bà nấu, tôi “bị” ăn suốt bao nhiêu năm, ngán đến tận cổ. Tôi chết bà lại nấu cúng tôi, chỉ ngửi thấy mùi, tôi đã khiếp vía, không dám hưởng, sẽ thành ma đói, không siêu thoát được”. Bà vợ day nghiến “Tôi sẽ chết theo để nấu cho ông ăn”. Ông chồng thất kinh “Tôi lạy bà. Để tôi đi một mình”. Nói xong, thở hắt ra, linh hồn “cấp tốc” phóng chạy vào hư không. (Như những chuyện tôi đã kể trước đây. Nhiều ông, trước giờ lâm chung cũng đã lạy vợ kiểu đó).

Trở lại chuyện vợ hấn về Việt Nam. Trên đường đưa nàng đến phi trường, hấn lại hát nho nhỏ “Người ơi! Chốn xa xăm biết người nhớ tôi những gì?...”. Mặt lạnh tanh, nàng nói “Xạo đủ rồi!”. Hấn cười hề hề rồi liếc nhìn gương mặt hằm hằm của nàng để biết chắc gương mặt “đáng yêu” đó sẽ không hiện diện trong cuộc đời hấn trong một tháng. Sau khi nàng lên máy bay, hấn “lưu luyến” đứng nhìn chiếc máy bay (có nàng trong đó) cho đến khi nó chỉ còn là một chấm nhỏ, khuất vào trong mây trời. Hấn mới tát vào mặt mình mấy cái, để biết chắc mình không nằm mơ, rồi ngâm nga “Vợ đi! Ừ nhỉ, vợ đi thực. Nàng giờ đây ở trên máy bay. Nàng giờ đây nhỏ như hạt bụi. Ta giờ đây, phải nhậu cho say...”. Và hấn reo lên “Ồ là là, con gà rô ti! Ha ha! Không thấy mặt vợ đến một tháng luôn!”. (Sửng phát điên nên nói làm nhảm!) Rồi nhảy chân sáo, ra xe, mở chai “Thằng Johnny đi bộ” (Đã mua, giấu kỹ cho giờ phút này), tì tì từng ngụm, mắt ngược nhìn mấy cánh chim đang lướt trên bầu trời xanh bao la, để suy ngẫm và thưởng thức hai chữ Tự Do. Hấn cứ ngồi lơ lơ mơ mơ như thế cho đến khi già rượu, hấn lái xe về mà lòng hồi hộp, lo lắng, không hiểu, vợ còn ở nhà hay đã về Việt Nam? Ngay đêm đầu tiên, nằm ngủ trên giường, thỉnh thoảng hấn quờ quạng khắp giường, thấy trống vắng, biết chắc vợ đã về Việt Nam, hấn mỉm cười, chìm vào giấc ngủ (cô đơn!).

Sáng hôm sau, trước khi đi làm, hấn móc điện thoại “A lô! Anh Ba Trợn đây!”. “Dạ. Em Kiều Linh nghe anh đây!”. “Trưa nay, giờ lunch (nghỉ ăn trưa) mình ra chợ Eden (VA) kiếm gì ăn?”. “Dạ. Cám ơn anh. Khoảng mười hai giờ. Em sẽ ra với anh”. Cô Kiều Linh này là một trong các cô bạn rất thân của hấn, nhưng tình bạn còn rất trong sáng, không như các cô khác (đã hết trong sáng!). Lịch sử tình bạn của hấn với người đẹp

CỎ THƠM

cũng chẳng có gì lãng mạn. Số là, một hôm hấn nói với bà bạn “Bà giới thiệu cho tôi một cô nào hơi đẹp một chút để làm quen được không?” “Tôi có cô bạn cùng sở, độc thân, đẹp và nghiêm lắm. Phải ăn nói cẩn thận. Nhiều ông tán tỉnh kiểu hạ cấp, bị cô khinh, từ mặt luôn”. “Bà yên chí lớn. Tôi sẽ nghe lời bà dặn”. Một buổi trưa, hấn mời hai người, bà bạn và người đẹp, đi ăn tiệm. Sau khi chào hỏi, ngồi vào bàn, hấn làm bộ ngạc nhiên nói với người đẹp “Em là ảo thuật gia tài ba nhất ở đây”. Cô cảnh giác “Em có ảo, iếc gì đâu?”. “Em làm cách nào mà chung quanh đây anh chẳng thấy ai. Chỉ thấy mình em!”. Cô mỉm cười, không nói gì. Nhưng mấy hôm sau, bà bạn gọi hấn “Cô Kiều Linh hỏi thăm ông”. “Kiều Linh nào?”. “Người đẹp bữa trước đó!”. “Nhờ bà nói giùm, tôi đang bệnh tương tự em gần chết”. “Gạ gẫm kiểu đó vừa xưa vừa thiếu trình độ. Nhưng để tôi thử nói như thế với cô ta, xem sao?”. Vậy mà cô ta đồng ý cho hấn gọi hỏi thăm. Từ đó hai người thành đôi bạn.

Trưa hôm đó, mời được nàng Kiều Linh vào tiệm ăn, hấn và nàng chuyện trò thân mật. Đàn ông có tật xấu là thấy đàn bà, con gái là cứ lỏ mắt nhìn muốn “lò con người” vào mấy điểm chiến lược của người ta. Vì tò mò chứ chẳng ham muốn gì. Chỉ cần nhìn thoáng qua, áo mỏng hay vải lớp áo dày, các ông cũng biết chính xác là đồ thật hay giả, to hay nhỏ, tròn hay méo, quả lê hay trái mướp. Cô, bà nào mặc quần đùi ra đường là các ông nhìn chăm chăm, chẳng phải chiêm ngưỡng mà vì tò mò, xem đùi nàng có mấy con trùn (nổi gân xanh). Các ông còn có biệt tài là biết ngay bà nào cắt mắt. Có đôi mắt (cắt) rất đẹp, cũng có đôi mắt thao láo, trợn trừng, thấy phát khiếp! Nhìn ngắm để đánh giá quý bà là thú vui của bọn đàn ông, chứ lên cao nguyên, các cô gái sắc tộc để ngực trần hay ở các bãi biển, người ta mặc hai mảnh tí xíu, các ông đâu thèm nhìn? Mà cũng chẳng có gì tội lỗi vì các bà cũng cần các ông nhìn. Mình có đẹp, có hấp dẫn người ta mới nhìn. Không được nhìn mới đáng tủi thân. Nhưng xin quý ông đừng nhìn “nham nhở” quá khiến người ta “nhột”. Trước khi đi đâu, quý cô, quý bà bỏ hàng giờ để trang điểm, lựa chọn áo quần để làm gì? Để “khoe” với các ông. Trên đời này mà không có đàn ông thì quý bà hoặc trùm kín mít như bên Ả Rập hoặc chẳng thèm mặc áo quần làm gì cho mắt thì giờ. Cứ “vườn không, nhà trống” mà thồn thện ngoài đường “Cho gió mát cái bàn chân, cho gió mát cái cùi tay...”. Ở bên Âu Châu có hội khóa thân, ra bãi biển, chẳng ai thèm nhìn ai. Tôi xin phép được lạc đề qua tác phẩm “Đại Đường Tây Vực Du Ký” của thầy Đường Tăng (Tam Tạng), kể chuyện qua Tây Vực (Ấn Độ) thỉnh kinh, khoảng thế kỷ thứ 7. Một lần đi ngang qua Nữ Nhi Quốc, là nước chỉ toàn đàn bà. Các bà được tin, vội vàng diện áo quần, trang điểm rồi kéo nhau ra đường phục kích, bắt được Tam Tạng. Lúc đó Tam Tạng, khoảng 24 tuổi, khỏe

mạnh, đẹp trai (đi thỉnh kinh chỉ một mình, không như trong truyện Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân). Các cô, các bà mê tí tởm, bèn họp nhau tổ chức bắt thăm và “Oánh tù tì, you ra cái gì? Me ra cái này!” để biết ai trước ai sau với ông sư đẹp trai. Nhưng xui xẻo, gặp ông thầy tu, nói gì cũng lắc đầu, xúm nhau vuốt ve, quờ quạng, thầy cũng “xụi lơ!” Các bà bèn giải thích rằng “Sư phụ đừng lo. Nước chúng tôi có lệ như thế này. Đàn ông mà bước vào xứ tôi là phải làm chồng chúng tôi. Sau khi làm “nghĩa vụ” xong thì sẽ bị trục xuất khỏi nước. Ai có bầu mà sinh con gái thì chúng tôi nuôi, con trai thì giao cho các ông nuôi. Bọn đàn ông sống lẫn quất chung quanh để bảo vệ chúng tôi và chờ đợi, khi cần chỉ “À lô!” một tiếng là có ngay. Nếu sư phụ không chịu thì chúng tôi giữ lại, không cho đi ra khỏi đây”. Không biết sư phụ đối phó cách nào? Nhưng vào trường hợp tôi, e chỉ một tuần là “quá cố”, được (cáo phó) là “Hưởng dương” . Và tôi đoán chừng, lũ đàn ông sống gần Nữ Nhi Quốc đều mang tên của tài tử Hàn Quốc “Chơi Xong Đông” (Choi Song Yong).

Trở lại chuyện cậu Ba Trợn. Cô bạn ngồi trước mặt, trang phục lịch sự, kín đáo, chỉ dưới cổ, để trần một chút ngực trắng nõn, (có lẽ) thơm tho, mà mắt hấn cứ láo liên, nhìn trộm một cách bất lương. Đàn bà nhạy cảm với đôi mắt đàn ông về mấy vụ này. Nàng biết, mím cười hỏi “Âm mưu gì đây? Định thả dê. Phải không? Không hi vọng gì đâu!” Hấn làm ‘mặt buồn’ “Vui sướng gì mà dê với ngựa. Vợ về Việt Nam...”. Nàng ngạc nhiên “Anh mà cũng nhớ vợ?”. “Không phải. Vợ anh về Việt Nam, đem luôn chìa khóa cửa. Tối nay không biết ngủ đâu!”. Nàng lại cười “Đừng mong dụ dỗ người ta. Nhà em đông người lắm”. “Thì đến nhà anh”. Nàng mỉa mai “Xạo vừa thôi! Mới nói vợ đem chìa khóa nhà đi...”. “Anh nói thật mà. Nhưng cửa đâu có khóa”. Biết âm mưu đen tối của hấn, nàng cảnh giác. Mấy bữa sau, hấn mời nàng đi ăn trưa, nàng không đi, Mời đi uống cà phê buổi sáng cuối tuần, nàng “No sir!” (Đừng hòng!). Nàng chỉ đồng ý cho gặp trên điện thoại mười lăm phút thôi. Thấy nàng quyết liệt, mà một tuần đã trôi qua, hấn sốt ruột, đổi chiến thuật. Hấn khen nàng đẹp trên điện thoại. Khen từ mái tóc, gương mặt, đôi mắt cho đến hình dáng... Dĩ nhiên hấn phải khen đúng để nàng soi gương, mím cười và hài lòng. Đàn bà, con gái có chỗ yếu là được ai khen thì có cảm tình với người đó. Hấn thêm một bước nữa. Hấn tỉ tê rằng nhớ nàng, mong được gặp mặt cho đỡ nhớ. Nàng không trả lời, có lẽ còn đắn đo. Sở Khanh (trong Truyện Kiều) có truyền cho lũ đệ tử đời sau rằng “Đàn bà nói “Không!” hoặc làm thinh là có thể. Nói “Có thể” là được. Nói “Được” là nửa đàn bà, nửa đàn ông”. Hấn biết, không lẽ nàng “Ừ!” ngay. Và hấn chờ đợi. Một buổi chiều mùa thu, trời mưa lất phất và lạnh. Cảnh này làm các cô hơi lớn tuổi, độc thân, buồn ghê lắm. Không có nỗi buồn nào bằng nỗi buồn cô đơn! Nàng

CỎ THƠM

gọi cho hắn “Em đi công chuyện, ngang nhà anh, em sẽ ghé thăm, độ năm phút thôi. Vì chuyện gấp nên em đến thăm anh là đi liền”. “Em có thể đến sớm, để chuyện trò lâu một chút. Cả tháng (xạo!) nay, em có cho anh gặp đâu!”. Im lặng. Một phút sau “Bảy giờ em đến, bảy rưỡi em đi”. Ôi chà chà! Nửa giờ! Rõ ràng là nàng đã phớt lờ số phận đầy đọa, đến bến bờ nào cũng... OK!

Hắn đi nấu trà, đem bộ đồ trà chưng trong tủ búp-phê ra, để trên bàn khách cho thêm phần long trọng. Nàng đến, hắn mở cửa mời vào. Nàng ngồi đối diện. Hắn rót trà mời. Trong ánh đèn mờ, hắn thấy trang phục nàng đẹp, son phấn cẩn thận, chứng tỏ nàng có đi đâu đó thật chứ không phịa chuyện để đến gặp hắn. Coi bộ gay go đây! Sĩ phu ngày xưa có câu “Tri hành hợp nhất” nghĩa là khi biết đối tượng muốn gì thì mình phải làm sao cho đúng sự “hợp ý nhất”. Nhưng nàng có ý nghĩ giống như hắn không? Chợt nàng xem đồng hồ tay. Hắn thử đoán, nàng sốt ruột, muốn đi công chuyện hay muốn nói với hắn “Coi chừng hết giờ!”? Trò chuyện thêm mấy câu nữa, nàng nói “Thôi, em về!” Hắn cũng nói “Anh cũng đi công chuyện ngay bây giờ. Để anh tắt đèn”. Hắn đứng lên, tắt đèn. Tối thui!

Tôi, người kể chuyện này, chưng hửng! Mà quý bạn đọc cũng chán nản “Trường gì gay cán sắp xảy ra. Mất công theo dõi này giờ!” Mà tôi có muốn kể tiếp, tả tình tả cảnh cũng chẳng thấy gì. Tối mò mò! Và lại, họ sắp rời nhà, ra xe. Nhưng khoan. Xin lắng nghe. Trong bóng tối dày đặc, có tiếng nàng “Chìa khóa xe em đâu rồi?”. “Anh đang giữ đây”. “Cho em, để em về”. “Cho anh hôn một cái, anh đưa chìa khóa”. Yên lặng... “Để em về!”. Có tiếng rừ rừ của hắn, nghe không rõ nhưng đoán chừng hắn đang tỉ tê gì đấy với người đẹp. Nàng, giọng miến cưỡng “Để em về kéo trẻ”. Lại tiếng thì thầm. Nàng cũng thì thầm “Đừng anh! Đừng làm em sợ!”...

Nửa giờ sau, trong bóng tối, bỗng vọng lên tiếng hát “Một lần nữa thôi, người ơi!... Một lần nữa thôi, người ơi!”. Tiếng nàng cười rúc rích “Anh là ‘đồ quỷ sứ’, làm người ta sợ muốn chết! Một lần này là thôi. Lần sau, em không dám đến thăm anh nữa đâu!”. Hắn lại cất tiếng hát “Thôi rồi còn chi đâu em ơi. Hết rồi còn chi đâu em ơi!”. Có tiếng đập lưng hắn thỉnh thoảng “Hết rồi thì đưa chìa khóa cho người ta về. Mở đèn lên. Quần áo xóc xếch hết cả rồi nè!” Hết!

Phạm Thành Châu

QUÊ BẠN, QUÊ TÔI

* Tặng Nguyễn Vô Cùg

"Người có biết vùng quê tôi Quảng Trị
Địa danh nào cũng lại lắng tình thơ"
(Thơ Nguyễn Vô Cùg)

Lời thơ xưa bạn viết, đến bây giờ
Tôi vẫn nhớ,
với trọn niềm thương mến
Quê hương bạn,
một khung trời kỷ niệm
Có hẹn hò đôi lứa bướm cùng hoa
Có tiếng còi tàu vang những sân ga
Có cỏ may đan kín thời thơ dại
Có những thôn trang rộn mùa gặt hái
Có bến sông xuân chờ trọn nỗi niềm
Có những đêm trăng
rọi sáng bên thềm
Có bếp lửa khi mùa đông rét đậm
Có những đôi sim,
những tròng dài cát trắng
Có những con đường
ngập nắng ban trưa
Có những mùa xuân rộn rã tuổi thơ
Gói bánh chưng, bạn tìm tre khảm lá
Tuổi thơ bạn một thời êm ả quá
Rồi một ngày cảnh ấy có còn đâu
Chiến tranh về,
quê bạn chất buồn đau
Bao tang tóc giữa Mùa Hè Đỏ Lửa
Thạch Hãn, Đông Hà, Gio Linh,
Cam Lộ
Dãy Phố Buồn Thiu,
Đại Lộ Kinh Hoàng
Đã trở thành chốn địa ngục trần gian
Cho cả nước nghẹn ngào
chan chứa lệ

Ta tái chiếm, cờ vàng bay ngạo nghễ
Trên Cổ Thành, nói lại những bờ vui
Sau những chia ly,
người lại gặp người...

Bạn diễm phúc : có quê hương để nhớ
Tôi - một người bất hạnh –
thiếu quê hương
Mới lớn lên, chưa cắp sách đến trường
Thì quê đã bên kia bờ Bến Hải
Hai mươi năm, quê vẫn còn xa ngái
Đến hôm nay lại cách biệt muôn trùng
Đã bao lần tôi tưởng tượng mộng lung
Bờ chỉ biết quê qua lời Mẹ kể
Xứ Kinh Bắc, nguồn thi ca diễm lệ
Làng Đạp Cầu nhỏ nhỏ ở ven sông
Nguyệt Đức Giang
êm ả chảy xuôi giòng
Ghi chiến tích của một thời phá Tống
Rời kháng chiến,
cảnh vườn không nhà trống
Mất Mẹ buồn sau một chuyến hồi cư
Tôi lớn lên trong lòng Mẹ nhân từ
Được áp ủ bằng câu ca Quan Họ
Đọc thơ bạn bỗng dưng giòng lệ nhỏ
Như bao người, tôi cũng có niềm đau
Đến khi nao tôi biết được Đạp Cầu?

Nguyễn Kinh Bắc



HOÀI NIỆM

** TIÊU-THU **

Reng! Reng! Từng hồi chuông điện thoại reo inh ỏi như thúc dục, khiến bà Khanh vội vàng lau tay vào chiếc khăn làm bếp, nhấc điện thoại ghé vào tai. Vừa mới a lô là đã nghe tiếng bà chị cả xỏ một tràng dài:

- Ủa, chị tưởng em đi ra ngoài sớm dữ vậy chớ...

Bà Khanh cười:

- Đầu có. Em đang hâm nồi bánh canh giò heo để anh Thanh thức dậy ăn sáng. Sau đó tụi em mới đi Ottawa. Ở đây mấy chục năm rồi mà tụi em chưa đi ngắm hoa Tulipe lần nào.

- Gì mà quê òm vậy! Anh chị đi mấy lần rồi đó. Đẹp hết biết luôn.

Đoán trước cái tính hay “đi vào chi tiết” của bà chị thân mến, bà Khanh chặn ngang:

- Chị kêu em sớm bộ có chuyện gì hả?

Đầu giây bên kia im lặng mất vài giây, rồi giọng bà Bá cất lên, buồn buồn:

- Khanh à, em có nhớ ngày chị em mình đặt chân xuống thành phố Montréal này là ngày nào hay không?

Bà Khanh bỗng nhiên thấy lòng chùng xuống, bùi ngùi:

- Quên sao được? Hai gia đình mình tới đây ngày 14-5-75. Còn một tuần nữa là đúng ba mươi ba năm rồi! Lẹ quá hả chị!

- Ủ, nhớ hồi nào, chị em mình còn ngồi khóc như mưa ở Sài Gòn, ngày 28-4-75. Chị cảm ơn Trời Phật đã độ trì cho gia đình mấy chị em mình chạy thoát. Em nghĩ coi, miền Nam mình lúc đó có bao nhiêu triệu người, vậy mà mình được may mắn ở trong số ít oi những người vượt thoát được.

- Chị nói đúng. Em còn nhớ lúc ngồi xe chạy ra Tân Cảng, thấy ngoài đường dân chúng cũng chạy lao xao, mặt mày hớt hải. Có đám còn tay xách, nách mang những đồ hồi được trong mấy cơ quan của Mỹ bỏ lại. Tiếng súng đi đùng khắp nơi thấy sợ quá chừng.

Nói đến đây, bà Khanh thở dài, đầu óc hiện lên dày đặc những hình ảnh thâm trầm năm xưa.

- Xe chạy vô bến Tân Cảng, bà Bá tiếp lời, nghe nói Việt Cộng đang chiếm bên kia cầu, ai cũng xanh máu mặt hết trơn. May mà mình đến đúng lúc. Chậm chút xíu là tàu tách bến rồi!

Tuy đang buồn nhưng bà Khanh cũng cười:

- Chị nhớ cái gia đình đông nghẹt cả mấy chục mạng ngay bên cạnh gia đình mình hay không?

- Cái gia đình khuôn theo cả đồng đồ ăn đó chớ gì? Lại còn nằm nệm nữa chớ!

- Đúng rồi. Họ có con gái là vợ một người Đại Hàn trên tàu, nên họ đã lên tàu từ mấy hôm trước. Đem theo cả chục thùng mì gói, bánh trái lu bù...

- Ủ, ai như gia đình mình, chạy mình không lên tàu! Mấy đứa nhỏ đói meo đói mốc. Chị còn nhớ cảnh thằng Cu Tâm với con Bé Ngà nhà mình dòm lom lom cái thằng nhỏ bên cạnh nhai nhóc nhách suốt ngày. Nghĩ lại mà đứt ruột!

Bà Khanh cười:

- Chị quên là thằng nhỏ đó có cho hai nhóc tí nhà mình mấy hột nho khô hay sao? Cửa ít lòng nhiều mà!

Tiếng bà Bá chép miệng:

- Nhớ lại hồi đó nhà mình cả chục người chia nhau có 1 hộp cá mòi với cơm sáy khô. Đói quá cũng nuốt ào ào! Lúc đói thấy cái gì cũng ngon. Chẳng bù bây giờ, thịt cá ê hề lại ngán tới cổ! Ừ hự!

- Chị có nhớ dưới hầm tàu nóng như thiêu như đốt, người nào cũng kiếm thứ gì đó để quạt phành phạch, khiến lòng tàu như có một đàn bướm đang chớp cánh hay không? Rồi lúc tàu chạy ngang Rừng Sắt mọi người hầu như nín thở, làm như nếu thở mạnh, Việt Cộng trên bờ sẽ nghe thấy. Hì hì hì!

- Trời! Lúc đó tình hình nghiêm trọng quá mờ, chị Bá phản đối, lỗi tội nó thật cho 1 trái B 40 là tàn đời. Em không nhớ tàu Việt Nam Thương Tín bị Việt Cộng pháo kích theo ra tuốt ngoài biển, khiến nhà văn Chu Tử bị chết thảm đó sao?

- Vậy mà tàu mình chạy lên chạy xuống từ Vũng Tàu tới Cà Mau ba, bốn ngày trời mà vẫn bình yên vô sự. May mà cuối cùng cái ông nội Cố vấn Mỹ thoát ra được. Nghe đâu đây là một tay C.I.A hạng gộc, Cố Vấn An Ninh vùng Bốn Chiến Thuật. Anh Thanh em nói ông ta thoát ra biển bằng một chiếc ghe nhỏ. Nếu nhân vật "trầm trọng" này không ra tới, hổng biết chiếc tàu còn trôi nổi lên xuống bao nhiêu ngày nữa mới chịu đi qua Subic Bay, mà dân chúng trên tàu đã lây nhau bệnh đau mắt. Người nào cặp mắt cũng đỏ lờm như mắt tôm luộc. Thiệt là trần ai khoai củ!

- Tức cười nhất là những ngư phủ của các làng chài lưới ven biển, khi được vớt lên tàu, đã đem theo lũ khỉ quang gánh, TV, có người còn đem theo chiếc xe Honda, thủy thủ Đại Hàn liệng tôm xuống biển luôn! Chị sợ nhất là lúc có một vị tu hành nhân danh những người lên sau, đòi chia tiền của Mỹ viện trợ. Khanh có nhớ ông nói gì hông?

- Sao mà hồng nhớ. Ông nói tiền Mỹ viện trợ cho những người di tản đầu? Phải đem chia đều cho mọi người. Đại diện ban điều hành hỏi tiền gì? Thế là Ngài Tarzan nổi giận, giở giọng hăm dọa, sau khi đã kết án Ban Điều Hành đã chia chác nhau số tiền viện trợ đó. Bên phe ông đông gấp ba lần những người xuống tàu trước, nên cũng đáng nể lắm chứ bộ!

- Hi hi! Bởi vậy họ mới trình lên thuyền trưởng Đại Hàn. Công nhận là ông này gồ ghề thiệt. Ông bèn nói với vị tu hành kia, nếu lộn xộn họ sẽ bắt ông xuống biển. Rồi còn cho đám thủy thủ cầm súng đứng canh cả đêm nữa chứ. Vậy là im re!

- Chị thấy không, ngay một người lãnh đạo tinh thần cho cả một cái làng, mà đầu óc còn hủ bại, hẹp té như vậy biểu sao đám dân ngu khu đen khá lên được?

- Thôi, chị em mình hồng khá thì có! Những người kia qua Mỹ, sau này họ làm nhiều tiền tới nỗi đốt chị em mình cháy tan xác còn được nữa à!

Bà Khanh cười :

- Chị biết tách em lè phè mà, lại không có duyên buôn bán như chị, thành ra thôi thì cứ đi làm lương ba cọc ba đồng cho chắc ăn. Bây giờ về hưu non cũng khỏe. Ở xứ này có ai chết đói đâu mà sợ. Bề gì cũng có chánh phủ lo mà...

- Chớ hồng phải như bên Việt Nam: Nhân dân đừng no, để nhà nước no hén!

Bà Bá sực nhớ ra, vội nói với em:

- Chị mới gặp chị Đáng dưới phố Tàu hôm kia. Chỉ gửi lời thăm Khanh đó. Năm nay tóc chỉ bạc trắng hết trơn. Đi đường phải chống gậy, nhưng mặt mũi vẫn hồng hào, đẹp lão quá chừng. Chị nhớ lúc ở đảo Guam, chỉ một mình với mười đứa con và một bà mẹ già. Người đầu mà can đảm phi thường!

- Em chỉ nhớ lúc tàu vừa cập bến Subic Bay, cả nhà mình sau bảy ngày đói khát dưới tàu, đã ăn uống tận tình tất cả những gì ban tiếp tân Mỹ dọn ra mời. Ô hô! Ai tai! Hậu quả là vừa xuống phi trường Đảo Guam là cả nhà bị Tào Tháo rượt chạy trốn chết. Nếu không nhờ chai thuốc Élixir parégorique của chị Đáng thì nguy to! Hi hi hi.

Bà Khanh không nín cười được khi nhớ lại cái cảnh người chạy ra, kẻ chạy vô chiếc lều, người nào người nấy ôm bụng, mặt mày nhăn nó như khi ăn gừng. Sữa tươi, sandwich và cam Mỹ ngon quá mà. Ai cũng chiếu cố nên mới ra nông nỗi!

- Chị nhớ đã gặp nhiều người quen trên đảo mà không nhận ra nhau. Với cái nóng hừng hực như lửa thiêu, mà mỗi ngày hai lần đứng sắp hàng để lãnh cơm thì ai mà hồng thành Chà Và ma ní cho được! Với lại khẩu

phần cơm trắng cộng với hột gà bột khuấy lên đều đều thì chị em phụ nữ trở thành “mình hạc xương mai” ngay. Khởi phí công, phí sức đai-ét đai-icé khổ sở như bây giờ! Mà dân Việt Nam mình cũng kỳ. Bếp Mỹ bỏ chai Maggi nào ra cho dân chúng xịt vô cơm là bị chôm chai nấy. Riết rồi họ không thèm bỏ Maggi ra nữa. Thật đáng xấu hổ! May mà chị em mình chỉ ở Guam có 1 tuần rồi được phái đoàn Canada nhận cho qua định cư ở Québec.

- Bây giờ nghĩ lại em còn rùng mình đó chị à. Dám dắt díu nhau ra đi mà trong túi chỉ có vài chục đô la. Lại còn không biết đi đâu nữa chớ! Cứ nhắm mắt mà bước lên tàu. Thiệt là đánh liều nhắm mắt đưa chân. May thay Con Tạo xoay mình qua xứ Canada đất lạnh tình nồng này! Em không bao giờ quên được sự tiếp đón nồng nhiệt, thân thiện của người dân Québec. Họ thật sự là những người giàu lòng bác ái hén chị. Hồi trước, khi mình còn ở Mỹ Luông đó, người Việt ở Campuchia bị lính Miên cấp dưỡng, phải chạy về Việt Nam nương náu. Nhưng họ có được nuôi nấng đàng hoàng đâu nà. Em thấy buồn cho dân mình ghê! Bà Khanh thở dài.

- Cũng bởi chiến tranh liên miên mà em. Như xứ Iraq bây giờ, ngày nào cũng bom nổ đạn rơi, người chết như rạ. Chị nghĩ chắc ông bà mình cũng tu nhơn tích đức dữ lắm, nên đám con cháu mới được như ngày nay. Chị em mình ở Canada, con Bác Ba ở Úc, con chú Sáu ở Ý, còn con cô Út đều ở Mỹ. Hồi đó mới chân ướt chân ráo tới thành phố Montréal là được chính phủ đưa vào ở trong một khách sạn thật sang. Ngày ba bữa toàn cơm tây. Mấy ngày đầu còn thấy ngon, sau đó ngán muốn chết luôn! Lần đầu được nếm món spaghetti chan sốt cà chua, thịt băm, nấm...ngon ơi là ngon. Rồi pizza cũng lạ miệng. Tụi nhỏ ăn như điên. Chỉ có đám già là mau ngán.

- Phải rồi. Nhớ nước mắm chấy nước miếng luôn. Lúc đó chỉ cần có cơm trắng chan nước mắm cũng ngon chết giấc, nói chi tới món canh, món xào, món kho! Nhứt là ông Thanh nhà em ngày nào cũng phải "sơi" cơm mới chịu nổi!

- Thì anh Bá em cũng gốc "guộng" mà. Mỗi ngày đúng bốn chén cơm mới đủ "đô"! Bà Bá nói đùa.

- Em nhớ từ hôtél Queen, em theo anh Bá với anh Thanh lần hồi thăm đường mà cũng mò tới Phố Tàu Montréal. Trời ơi, nói sao được cái hạnh phúc, cái thống khoái của ba người khi bước chân vô tiệm, mỗi người ăn một tô hoành thánh mì. Em chắc đó là tô mì ngon nhất trong cuộc đời của em. Sau khi ăn xong, ba anh em mới tà tà làm một màn "thăm dân cho biết sự tình". So với phố Tàu các nơi, chắc phố Tàu

Montréal là nhỏ nhất. Bằng cái bụm tay. Giống như phố núi Pleiku, đi dăm phút đã về chốn cũ. Phố này đi quãng mười phút là hết đường. Vậy mà tụi em cũng vắc về cho mỗi gia đình một cái nồi cơm điện National và một chai xì dầu.

Bà Bá ngắt ngang:

- Ờ, chị nhớ rồi. Thấy hai anh em mỗi người ôm về một nồi cơm điện chị mừng hết lớn. Mong mau mau dọn ra khỏi hôtêl để nấu cơm ăn. Chị còn nhớ cái "bin đinh" chị em mình ở đường Alma đó. Trời ơi, đông nghẹt Việt Nam. Sau này mùi nước mắm đuổi tụi da trắng đi hết ráo!

- Đó là sau này. Em nhớ hôm ra nhà mới, mình đi chợ Steinberg mua một bịch gạo, một con gà và một cây sà lách. Bữa cơm đầu tiên với thứ gạo chi cứng ơi là cứng, thịt gà luộc chấm xì dầu, nước luộc gà bỏ rau sà lách làm canh, vậy mà mọi người ăn quên thôi. Còn ngon hơn cao lương mỹ vị!

Bà Bá cười :

- Hèn chi hồi xưa có một vị vua, bị ông Trạng Quỳnh chơi khăm bỏ đói cả ngày trời. Lúc bụng đói meo, Trạng Quỳnh mời ông ăn cơm với tương chao, vậy mà ông ta thấy ngon hơn sơn hào hải vị trong Cung đình! Sau đó Khanh có nhớ ai đã chỉ cho chị em mình hàng tuần đi chợ thịt Saint-Laurent không?

- Lâu quá em không nhớ ai. Chỉ nhớ là hồi đó thịt cá sao mà rẻ khủng khiếp. Rẻ nhất là cánh gà. Xương heo, xương bò cho không. Dân Mít tha hồ vắc về nấu súp. Nhưng còn nói mẽ là xin cho chó ăn, để khỏi mất mặt bầu cua!

- Chị thì thỉnh thoảng vắc một cái đầu heo có hai đồng, về nhà cạo sạch sẽ, xắt ra làm dưa đầu heo ngâm dấm cho mấy ông nhậu lai rai. Cánh gà rẻ nhất nên tuần nào cũng cánh gà chiên bơ, cánh gà luộc chấm muối tiêu chanh. Khổ nhất không có nước mắm, món nào cũng nêm muối. Chấm thì chấm xì dầu. Mà cũng tức cười, bên Việt Nam đường mắc đấng, qua đây đường tính ra còn rẻ hơn muối!

Bà Khanh chép miệng:

- Em nhớ hôm thềm món bún bò xào. Thịt bò bên này mềm mại, chớ không dai nhách như bò bên mình. Bữa đó em xào thịt bò với cần tây (céléri), rồi luộc spaghetti cộng nhỏ để thay bún, rau thơm thì chỉ có rau húng quế của Ý, mùi nồng hơn rau húng của mình. Thay nước mắm tỏi ớt bằng xì dầu tỏi ớt, vậy mà cả nhà cũng ăn một bữa ngon thấu trời xanh.

Tiếng bà Bá cười hí hí bên kia đầu giây:

- Khanh còn nhớ cái lần chị bị đau cổ tay hết một tuần lễ không? Tại chị chặt quai da để làm món bì. Chị đãi cả nhà Khanh ăn bì bún đó nhớ chưa?

- A, em nhớ ra rồi. Mà ai dạy chị làm da bì vậy? Cũng ngon hết sẩy con cào cào đó nghen.

- Má mình dạy chứ ai. Hồi xưa dưới quê, đâu có ai bán thứ đó. Muốn ăn thì phải làm lấy mà thôi. Làm cực lắm đó nghen em. Chị phải dọn tụi bán thịt quen dưới Saint Laurent cho chị da heo tươi. Đem về rửa sạch. Lạng bỏ lớp mỡ dưới da. Xong rồi cuộn lại đem nấu. Khi da chín vớt ra ngâm vào nước lạnh có pha chút phèn chua cho da giòn. Vài tiếng đồng hồ sau mới đem ra lạng từng miếng mỏng, dài độ hai lóng tay. Sau cùng dùng dao thiệt bén xắt từng cọng nhỏ cỡ cây tăm xỉa răng. Chị vừa lạng vừa xắt, da heo dai nên sau đó bị đau cổ tay cả tuần. Anh Bá cứ chọc quê chị: "cái miệng mà kiện cái thân". Vậy mà lúc làm món bì bún, cơm bì, ông ăn còn nhiều hơn ai hết!

- Em nhớ chị cũng luộc spaghetti thế bún để ăn với bì phải không? Vậy mà cũng ngon quá trời. Em không biết tại lúc đó mình thèm quá hay sao, mà ăn món gì cũng thấy ngon, tuy rằng cứ phải lấy món nọ thế món kia lung tung cả lên.

- Hình như là cả nửa năm sau mới có người Việt Nam mở tiệm, nhập cảng đồ từ Thái Lan qua phải không Khanh?

- Hình như vậy. Chị nhớ không, cách đây ba mươi ba năm, một chai nước mắm dờ òm mà họ bán tới \$3.75. Bây giờ có cả chục hiệu, hiệu nào cũng ngon mà chưa tới \$ 2.00 một chai. Giá một chai nước mắm hồi đó còn mắc hơn một giờ làm lương tối thiểu. Em nhớ như in, lương tối thiểu hồi đó là \$2.25.

- Ngộ biến phải từng quyền chứ sao? Chị Bá xô nho chùm! Bây giờ chỉ có gan rỗng là không có bán, còn thứ gì cũng ê hề. Mà lạ, giờ đây chị thấy cơm với rau dưa lại ngon miệng Khanh à. Hôm nào lên Chùa ăn cơm chay, chị thấy ngon cách gì. À, tuần này là rằm lớn. Khanh đi chùa Huyền Không với chị nghen. Chùa này có món bún bò chay ngon nổi tiếng lắm.

Bà Khanh định hỏi chị đi chùa lễ Phật hay để ăn bún bò, nhưng chưa kịp nói thì có tiếng ông Thanh cất lên thành linh từ cửa bếp:

- Đang nói chuyện với ai mà say sưa vậy bà nó?

Bà Khanh vội vàng từ giã chị, móc điện thoại lên giá rồi quay qua trả lời chồng:

-Còn ai trồng khoai đất này! Chị Bá với em đang nhắc lại những ngày mình rời Sài Gòn, qua Guam rồi qua Montréal đó mà. Nhiều kỷ niệm buồn quá!

Ông Thanh chọc quê vợ:

- Chị Bá có biết là nhờ kết duyên với một ông Bắc Kỳ thứ thiệt như anh, em mới có cái may “xuất ngoại” hay không? Nếu lấy một ông Nam Kỳ, anh nghĩ chắc em đã bị ở lại với bác và đảng rồi! Tha hồ sơi bo bo, sắn, khoai lang sùng!

- Xi, tưởng bỏ! Trong tử vi của em có sao Thiên Di (nói đại). Hồng chừng nhờ số của em mà anh mới đi ra nước ngoài được đó. Hồng cảm ơn còn nói!

Ông Thanh cười xí xóa:

- Thôi thôi, xin chịu thua bà xã yêu vầu! Kiến bò bụng rồi nè. Em nấu món gì mà nghe mùi thơm lừng vậy? Anh ăn được chưa?

Bà Khanh múc nước lèo trong vắt đổ lên những cọng bánh canh trắng nuột, điểm vài lát giò heo xắt mỏng, vài con tôm lột vỏ đỏ au. Sau cùng rắc một nhúm hành tím chiên vàng rộm lên trên:

- Xin mời ông Tướng sơi cho nóng. No rồi còn lái xe cho tui đi Ottawa ngắm hoa. Hồi nãy chị Bá chê tui mình nhà quê đó nha! Thôi em đi tắm rửa, sửa soạn trước.

Vừa nói bà Khanh vừa đi vô phòng. Ông Thanh gọi với theo:

- Em ơi, còn cà phê cái nồi ngồi trên cái cốc của anh?

Bà Khanh ném lại mà không cần nhìn lui:

- Bữa nay cho phép anh tự lực cánh sinh!...

Tiểu-Thu (Canada)



Phố Tàu Montréal



Đồi Hoa - Ảnh: **NGUYỄN SƠN (Germany)**



Đường Lên Đồi Hoa - Ảnh: **NGUYỄN SƠN (Germany)**

MƯA BÊN ĐỜI

**** Đỗ Bình ****

Tử Sĩ

*Từ độ quê nghèo yên khói lửa,
Mẹ ngồi khắc khoải đếm sương khô.
Núi sông phẳng phát mùi thầy rửa,
Vát vường hồn oan chẳng nắm mờ!*

ĐB

Mưa Paris chiều nay làm tôi gợi nhớ về những chiều mưa trên quê hương, những cơn mưa chợt nắng Sài Gòn, những ngày mưa lê thê Phố Huế, mưa lạnh trên Cao Nguyên và cơn mưa phùn Hà Nội của thuở xa xưa lúc còn bé. Đang thả hồn bay bổng trong những kỷ niệm đẹp hồn tôi bỗng se lại vì chợt nhớ cơn mưa chiều năm ấy. Những hình ảnh cũ hiện ra như một khúc phim của một quãng đời tưởng đã nhạt phai theo thời gian nhưng nó vẫn ẩn trong tiềm thức. Chiều năm ấy màu hoàng hôn đầy mây xám, trời đổ những cơn mưa tầm tã làm giăng mờ con đường rừng dẫn đến trại tù. Mưa trút nước trắng xóa lớp hàng kẽm gai rào quanh trại như muốn xóa bỏ những móc nhọn đang vây hãm những người bị mất tự do. Trời nhá nhem tối tiếng mưa lẫn tiếng gió hú tạo thành một âm thanh rờn rợn tê tái khiến cảnh sắc trại tù thêm thê lương!

Hồi còn ở trại tù Suối Máu và trại An Dưỡng tôi gặp lại rất nhiều bạn thời đi học cũng như bạn cùng đơn vị, ngày ấy tôi đã gặp một người bạn thuộc lớp đàn anh của tôi trong ngành Chiến Tranh Chính Trị (CTCT), anh có bằng cao học Văn Khoa trước khi vào lính. Đang đảm trách trường khối của một đặc khu chẳng hiểu bị đổi hay anh thích phong trần nơi chiến trường nên xin chuyển chuyên ra đơn vị tác chiến và được đưa về ban Tham mưu Bộ chỉ huy chiến thuật nhưng chẳng đảm trách nhiệm vụ gì, mặc dù cấp bậc của anh ngang với tiểu đoàn trưởng! Anh Nghiêm Đăng đáng người cao dong đồng nghệ sĩ nhưng trong màu áo trận đậm nét phong sương của núi rừng rừng anh có vẻ oai hơn. Anh ít nói, cử chỉ từ tốn, thích trầm tư như triết gia, phong cách ngược hẳn với một người lính nhanh nhẹn xông xáo. Anh có tài thổi harmonica, thỉnh thoảng giúp vui văn nghệ nên được tất cả mọi người trong đơn vị quý mến. Sau hiệp định Paris chiến tranh ngày càng khốc liệt, đã có biết bao người ngã xuống nơi chiến trường nhưng anh không tìm cách ở hậu cứ nán nã nơi văn phòng có rất nhiều việc để làm, mà thường theo chúng tôi đi hành quân. Anh và tôi có chung một nhiệm vụ, ra chiến trường vũ khí anh

mang theo là cây bút và mớ kiến thức về chính trị thì chắc không phải muốn làm người hùng mà chỉ muốn làm giống các bạn trong đơn vị tác chiến. Cuộc hành quân kéo dài liên miên cũng may trong nhiều trận đánh khốc liệt đạn đã tránh nên anh còn lành lặn sau cuộc chiến. Có lần đơn vị dừng quân bên ngoài một thành phố nhỏ nghỉ dưỡng được ít ngày, thời gian đó các bạn tôi quây quần bên nhau uống rượu đàn hát. Nghiêm Đăng cũng có mặt, anh thích uống rượu vui văn nghệ thì làm sao mà bỏ lỡ cơ hội này. Anh uống rất nhiều nên đã ngà ngà say và nằm võng ngủ gằn đó. Riêng tôi vì không biết uống rượu nên chỉ ngồi chơi với anh em, hòa nhập vào không khí văn nghệ thường thức những tiếng đàn hát tiếng cười nói thật vui nhộn. Đến quá nửa khuya, Alpha Ân một cây văn nghệ tham gia, anh là một đại đội trưởng thâm niên có nhiều huy chương chiến trận. Ân hát một bản nhạc tiền chiến nổi tiếng một thời, ca khúc có giai điệu thật diu dặt nhưng Alpha N Hữu Chung men rượu đã thắm, chéch choáng say nên đệm không đạt khiến nhạc phẩm mất một phần tinh hoa! Bỗng dừng tiếng anh Nghiêm Đăng gất lên như xé âm thanh: *«Thôi xin ông đừng đàn nữa tôi điếc ráy rồi!»*

Chúng tôi cứ ngỡ anh Nghiêm Đăng đã ngủ nhưng anh vẫn còn thức nằm nghe các anh em đàn hát. Nghe anh hét, Chung đang chơi đàn bỗng nhiên xù mặt, nó cũng là dân cựu Văn Khoa đã tốt nghiệp Cử nhân và là một đại đội trưởng gan dạ. Nó nửa đùa nửa thật cười nói: *«Thôi cha! Anh biết đàn đâu mà dám chê tui ?.. Xin niên trưởng để chúng em yên!»*.

Cả nhóm cười ồ lên và tiếp tục đàn hát. Không thấy anh Nghiêm Đăng trả lời, tôi nghĩ anh say, nhưng lại thấy anh ngồi dậy im lặng trên võng nghe hết bản nhạc rồi đứng lên tiến đến tôi miệng nở nụ cười và chậm rãi nói: *«Cậu lấy cho tớ cây mượn đàn.»*

Tôi hơi ngạc nhiên tưởng anh đùa vì quen biết anh đã lâu ở Sài Gòn không hề thấy anh chơi đàn. Tôi hơi ngần ngại nhưng vì nể anh, tôi cũng mượn cây đàn của Chung đang chơi. Chung vì nể tôi nên đã trao đàn mà lòng không vui! Cả nhóm trở mắt nhìn anh ôm đàn, có lẽ họ nghĩ là anh Nghiêm Đăng đang muốn diễn? Tôi biết anh hát nhạc tiền chiến rất hay và nghĩ anh ôm đàn làm dáng để hát góp vui. Nhìn cách ôm đàn và so lại dây hơi lâu mà không cần nhấn nhiều vào phím, sau đó lại xuống dây số 6 thành Rê, tôi giật mình vì chỉ những nhạc sĩ có lỗi tai nhạy bén âm độ và đạt mức chuẩn âm mới lên dây đàn kiểu này. Tôi ra dấu bảo các bạn im lặng, Nghiêm Đăng rít mạnh mẩu Basto xanh dính trên môi một hơi và trịnh trọng vào nhạc. Những ngón tay trái của anh như đoàn vũ ballet

lướt trên cung bậc diễn tả bản Capricho Arabe của danh sư Francisco Tarrega một cách tài tình - đây là một bản nhạc khó, kỹ thuật cao của guitare trong dòng nhạc cổ điển Tây Phương. Nghiêm Đặng chơi tiếp một số bản khác. Hay quá, một sự việc không thể ngờ được! Rất tiếc các ngón tay của anh vẫn chưa mềm để có thể diễn tả đến mức tuyệt vời những hình nốt trong cấu trúc bác học của dòng nhạc cổ điển Tây Phương. Đáng lẽ anh cần phải để các ngón tay quen dần dạo qua một số bài đơn giản trước khi chơi bản Capricho Arabe của F. Tarrega! Có lẽ do lâu ngày không cầm đàn nay cầm lại khiến anh hững quá và chơi liên tục chứ anh không có ý định khoe hay biểu diễn. Các bạn không ai bảo ai, giữ im lặng tạo một không gian thật tĩnh, để lắng nghe tiếng đàn. Đêm càng khuya chỉ còn tiếng đàn du tâm hồn người nghe vào một thế giới riêng thật huyền ảo của âm nhạc. Tiếng đàn đang réo rất bỗng ngưng lại vì anh Nghiêm Đặng đặt đàn xuống, lấy trong túi ra gói thuốc Basto xanh rút một điếu thuốc, se se nhẹ hai ngón tay chậm rãi gõ điếu thuốc vào lưng bàn tay trái, sau đó gắn lên môi rồi móc trong túi lấy chiếc bật lửa Zippo mời thuốc. Cữ chỉ của anh chậm chạp làm chúng tôi sốt ruột! Anh rít mạnh một hơi rồi tiếp tục ôm đàn dạo tiếp đoạn nhạc cổ điển, dòng nhạc liên tục chuyển sang nhạc Việt với những nhạc phẩm nổi tiếng mang tính nghệ thuật cao của một số nhạc sĩ tiền chiến và đương thời đã được các nhạc sĩ tài danh về guitare soạn hòa âm guitare. Cứ như thế chúng tôi thay nhau mời thuốc khi điếu thuốc của anh sắp tàn để dòng nhạc được liên tục cho đến 3 giờ sáng mới chấm dứt. Về sau tôi hỏi anh tại sao chơi đàn giỏi thế mà giấu, anh cười buồn trả lời: *«Cũng tại mê đàn tới mức mất mối tình đầu và sống độc thân đến nay gần 40 mà chưa vợ!»*

Tôi tôn trọng chuyện riêng của anh nên không hỏi gì thêm. Sau biến cố tháng tư năm 75, tôi từ Tổng y viện Cộng Hòa ra và đi tù. Gặp lại anh Nghiêm Đặng trong tù anh em chúng tôi vừa mừng vừa tủi, tôi trông anh gầy hốc hác do thiếu ăn mà còn phải lao động nhiều, nhưng phong cách vẫn nghệ sĩ. Anh nắm tay tôi trìu mến ái ngại cho tình trạng sức khỏe của tôi đang chống cặp nặng! Tôi cười bảo anh yên tâm tôi chịu đựng được! Anh khoe với tôi đang cho một con chim sẻ ăn cơm. Tôi cười hỏi: *«Ở tù cơm không có mà ăn, anh nuôi chim lấy đâu cho nó ăn?!»* Anh cười: *«Nhìn một chút sẽ có hạt cơm cho nó ăn ngay, hơn nữa nó ăn được cả bo bo!»* Tôi bảo: *«Đã ở tù rồi anh lại nuôi nó chẳng khác nào anh nhốt tù nó?»*. Anh Nghiêm Đặng: *«Cậu không hiểu, ở đây làm bạn với chim vui hơn người; mình thích nó hơn. Còn ở đất nước mình chỗ đêch nào mà chẳng là nhà tù....mình có nhốt nó đâu?»*

Tôi và anh ở chung không lâu thì bị biên chế trong đợt ra Bắc lần đầu, dù có tên trong danh sách chuyển trại nhưng vì những vết thương cũ của tôi bị nhiễm trùng nên được nằm điều trị bệnh xá trại, ở đó có nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông - Đại tá Đông cũng bị hoãn đưa ra Bắc vì bệnh nặng. Họ xếp tôi vào loại là bệnh mãn tính nên không có thuốc chữa do đó tôi phải rời viện trở về lán lao động. Về trại, các bạn bảo tôi trông giống bộ xương khô biết đi và tưởng tôi đã đi «đứt» nhưng tôi vẫn sống, vẫn lết từ trại này sang trại tù khác dù sức khỏe càng ngày càng tệ.

Ngày tháng cứ dần trôi và sự gian khổ cũng dần quen, người được thả về thì ít người bị bệnh thiếu thuốc ra nghĩa trang ngày càng nhiều! Sự chuyển trại cứ vẫn liên tục, dù bị chuyển đến đâu các bạn thấy tình trạng sức khỏe của tôi đều thương nên đã lãnh thế những công tác lao động nặng như vào rừng cưa cây, đập đá núi làm đường,... anh em để tôi làm những việc nhẹ ở lán. Có lần tôi và người bạn được giao đi lãnh cơm vì tôi không còn đi bằng cặp nạng nữa, vết thương cũ đã tạm lành nhưng con mắt bị nhiễm trùng vì không được thuốc chữa thì trở nặng, gần như mù! Còn người được phân công khiêng cơm với tôi là bạn cũ, anh ấy bị cụt một chân phải đi bằng chiếc chân gỗ. Ngày trước anh ấy là một người anh hùng rất can đảm trong chiến trường đã giành được chiến thắng. Nhưng cũng ở nơi đó anh đã để lại một phần thịt xương thịt của mình trên ngọn núi 1062 cùng với bao chiến hữu khác nằm yên nghỉ muôn đời nơi chiến trường Thường Đức năm xưa! Mới ngày nào khi rời ghế Đại học tâm hồn chúng tôi đầy mơ mộng, đầy hoài bão về một tương lai rộng mở, thế nhưng chiến tranh càng khốc liệt thì sự tử vong càng nhiều, đất nước rất cần thanh niên dấn thân đi bảo vệ quê hương, giữ gìn sự tự do an bình cho tổ quốc đang bị lâm nguy. Tiếng gọi quê hương đã thúc dục chúng tôi lên đường nhập ngũ tiếp nối truyền thống hào hùng của cha ông, chúng tôi thay vì ở văn phòng đã tình nguyện ra những đơn vị tác chiến hiên ngang xông pha trận mạc. Thế sự thay đổi khiến thế đời cũng đổi thay nên hôm nay hai chúng tôi làm kiếp tù nhân, khiêng thau cơm nặng cho các bạn tù khác ở lán. Cái thau đựng cơm được gò bằng tôn chế biến lại trông nó có vẻ to, tưởng đựng được nhiều nhưng đến khi chia ra cho mỗi người cũng chỉ được lưng chén! Chúng tôi đang khiêng thau cơm về gần đến lán thì đoàn tù lao động cũng vừa trở về chưa đến lán nhưng đã thấy thau cơm, các bạn đã reo lên vì đói! Người bạn khiêng thau cơm đi phía trước của tôi chẳng biết vì xúc động bởi những tiếng reo của các bạn hay vì đường trơn ướt mà chiếc chân gỗ không chịu được nặng nên đã bước lệch khiến hai người té xấp xuống đường!

Trong đoàn tù có những tiếng rú lên mà thanh âm nghe náo nức: *-Trời ơi, cơm đồ ròi!*

Tôi nghe tiếng thét mà rụng rời cùng với những tiếng chân vội vã chạy đến như đang dẫm vào hồn tôi! Sự áy náy trách nhiệm tạo cảm giác hụt hẫng, trống vắng nhưng trong đầu vẫn vang lên âm thanh lạnh lốt: «Đồ cơm ròi» ! Tôi bỗng cảm thấy đau nhói vì chẳng một tiếng thờ dài xót thương cho hai kẻ thương binh bị té xấp! Có lẽ trong số bạn tù chẳng ai còn tâm trí nghĩ đến tình chiến hữu thuở nào! Phải chăng khi con người trong cơn đói lả thì miếng ăn đã ám ảnh che lấp tình đồng loại? Cái đói đã khiến người tù không đủ hơi sức kêu thành tiếng khác, ngoài sự ám ảnh của cơn đói vọng lên âm thanh từ vô thức «đồ cơm ròi» ! Những khoảnh khắc giao động của cảm xúc lắng xuống, một số bạn tù ùa nhau chạy lại, kẻ thì đỡ tôi, người thì vục Quý Dù. Một số khác xúm nhau nhặt từng hạt cơm văng xuống dưới rãnh hiên lán rồi đem rửa từng hạt cơm như đãi cát tìm vàng. Mặc dù không trông thấy rõ nhưng tôi vẫn cảm nhận được cơn đói hằn trên khuôn mặt anh em khiến mắt tôi tuôn trào như cơn mưa chiều đang giăng mờ!

Dù trong tình trạng vết thương cũ chưa lành hẳn, tôi không chịu làm việc nhẹ nữa. Kể từ hôm đó, tôi cùng anh em vào rừng cưa cây, tôi còn quyết định để một nửa phần cơm chiều của mình dành cho bữa cháo sáng. Tôi nghĩ: *"Đây cũng là cách chuộc lỗi đã tắc trách làm đồ thau cơm của anh em"*. Bạn cùng tổ lúc đầu còn áy náy khi thấy tôi nhịn bớt phần cơm mình để có phần cháo sáng, nhưng dần dần thành quen, không còn ai thắc mắc. Tình trạng thiếu ăn ở trong tù ngày càng trầm trọng! Hạt cơm trong tù quý và hiếm lắm! Ai đã từng trải qua cơn đói lả mới thấy giá trị của miếng ăn! Cơn đói đã trở nên gổ đầu, nghĩa là ăn bữa nay mà cái đói nó dồn từ vài bữa trước. Nhiều buổi chiều lao động về đói quá tôi đã ăn hết phần cơm để dành để nấu cháo. Sáng ra, vài bằng hữu không thấy cháo đâm nổi quạu! Tôi ngạc nhiên và tự hỏi tại sao lại nổi quạu? Và chợt nghĩ: *"Hình như các bạn ấy ngỡ bản phận của tôi là phải có cháo sáng cho họ ăn... Thế mới biết một việc được lập đi lập lại nhiều lần dù ở trong tù hay bất cứ ở nơi đâu cũng thành thói quen !"*

Tôi bùi ngùi thờ dài, trong lòng vừa có chút xót xa vừa cảm thấy ửng ửng! Rồi lại nghĩ: *"Mình thì bệnh tật, lại thường hay phát biểu bị quy là chống đối và bị kỷ luật, có lẽ mình sẽ bỏ xác trong tù! Mình có ăn thêm một chút thì cũng chỉ kéo dài sự sống, thêm chuỗi ngày đau khổ, nhưng nhìn chút*

cháo sáng lại là chút niềm vui nhỏ mỗi ngày...cũng ấm lòng cho ít bạn bè".

Tôi lại tiếp tục nhìn, nhìn riết rồi cũng quen. Niềm vui nhỏ đó thoáng nhanh, chỉ một thời gian không lâu chúng tôi lại bị biên chế, nhóm bạn ấy và tôi bị phân tán đi khắp nơi. Sau này ở hải ngoại gặp lại một số bạn tù, các bạn kể trong số những người bạn cũ, có người đã chết vì bệnh, người thì kiệt sức ngủ yên nơi góc rừng khe núi. Nghe kể, lòng tôi xót xa! Các bạn tôi và tôi chẳng còn ai thềm những hạt cơm rơi nữa, nhưng tôi vẫn nhớ hạt cơm rơi trong chiều mưa. Tôi có gặp lại Nguyễn H. Chung, nhưng anh Nghiêm Đặng thì không!

Paris đã vào mùa xuân nhưng tiết trời còn lạnh, chiều nay ngồi trong căn phòng ấm nhìn những hạt mưa rơi lòng tôi chợt cảm thấy buồn! CƠM MƯA chiều đã gợi nhớ những hình ảnh những người bạn năm xưa ; mà nay có người còn kẻ mất ! Những kỷ niệm vui buồn của một thời khói lửa, và những năm tháng ngậm ngùi sau cuộc chiến về thân phận con người!

*«Đời buồn như chiếc lá,
lặng rơi bên hiên nhà.
Mưa vô tình ngập lối
Cuốn trôi mảnh hồn ta!»*

Đỗ Bình (France)



BẢN TANGO và EM

Em về đâu đứng bên bờ ngóng đợi
Khách qua đò
không ngoảnh lại bến sông
Hôm chia tay
cất bước chút chạnh lòng
Nghe gió thoảng
bâng khuâng lời nhắn gọi.

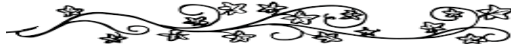
Giấc mộng đầu say hồn theo bóng tối
Bản Tango diu dặt đến chơi vơi
Tay trong tay theo dòng nhạc lá rơi
Mùi hương cũ trở về bao ước vọng.

Em đang bơi giữa dòng sông lạc lõng
Ai đâu ngờ có bến đực, bến trong
Trả giấc mơ em về nơi gió lộng
Nước quanh năm
vẫn xuôi chảy một dòng.

Ngồi ôn lại những vết đời phiêu lãng
Dư âm xưa bỗng khoanh khắc mơ hồ
Định mệnh buồn óng mượt ánh vàng tơ
Cuộc đời nào
không lắm điều ngao ngán!

Nhưng em biết yêu anh là hữu hạn
Thuở yêu đương
đâu nghĩ đến phủ phàng
Xin lưu đời một tâm trạng xốn xang
Dòng sông chảy
chẳng bao giờ quay lại...

BÙI THANH TIÊN



TÔI LÀM TÔI MẤT NƯỚC

**** Lê Văn Phúc ****



Trích từ trang 99 đến 121 trong tập truyện “Tôi làm tôi mất nước”:

... Mặc dù tình hình chiến sự trên bốn vùng chiến thuật sôi động, nhiều trận đánh ác liệt kinh hồn, nhưng hầu hết các trục lộ do quân ta kiểm soát an ninh, các đồn phòng ngự vẫn tung bay ngọn cờ vàng ba sọc đỏ, các thị trấn vẫn sinh hoạt bình thường. Và tại thủ đô miền Nam, Hòn Ngọc Viễn Đông, vẫn như thuở thanh bình thịnh trị. Nếu không có người lính Dù ôm M-16, mặc áo giáp đứng trên lô-cốt cạnh cầu Phan Thanh Giản, nếu không có đồn bót quanh vòng đai an ninh Saigon chất đầy bao cát và những vòng giây kẽm gai hiểm hóc, nếu không có những quân nhân mặc đồ trận mang nón sắt mang vũ khí di chuyển trong đám thường dân, nếu không có những quân xa sơn màu lá rừng, những xe thiết giáp trang bị súng lớn chạy âm âm đây đó, nếu không có những chiếc máy bay 130, A-37, trực thăng bay lượn trên vòm trời xanh mây trắng... thì ít ai có thể ngờ rằng đất nước tôi rờn rã buồn vui suốt mấy chục năm vẫn còn khói lửa tơi bời. Khói lửa ở xóm thôn, ở ven đô, có khi trong đô thị. Khói lửa ở các địa danh cao nguyên, đồng bằng, sông rạch, đường xá, vị trí đóng quân, phục kích, hành quân... Nơi mỗi người dân là một mối u sầu lờn vờn.

Tình hình quân sự coi ra phía địch được tiếp tế viện trợ tối đa, còn phe ta bị hạn chế, cắt ngân khoản, cắt đủ mọi thứ. Người bạn đồng minh đã trở cờ, chuẩn bị rút lui. Chỉ còn lại một quân đội can trường tiêu dùng, đánh giặc với các điều kiện hoàn toàn bất lợi. Tình hình chính trị càng ngày càng thê thảm hơn. Nhóm ngụy hoà, thân Cộng ồn ào chống đối

chính quyền. Người quốc gia ngao ngán trước tình cảnh nguy vong đổ vỡ.

Trong bối cảnh thất điên bát đảo ấy, tôi vẫn vác sách đi học đêm, nghe các giáo sư diễn giảng về chính trị, ngoại giao. Các thầy đều là hành chánh gia, lý thuyết gia, chính trị gia, luật gia, nói như nước chảy hoa trôi thao thao bất tuyệt khiến sinh viên cứ ngồi vểnh tai lên mà nghe rất sượng. Sượng nhất là nghe thầy bàn về tình hình chiến sự và chính trị. Với những luận cứ chắc hơn báp, thầy bảo rằng tình thế tuy nó là thế nhưng chưa hẳn đã là thế đâu. Nghĩa là dẫu ta có mất vài tỉnh, rút quân từng phần nhưng đôi bên sẽ phải ngưng một nơi có chuyển đồ vĩ tuyến. Vĩ tuyến ấy ở chỗ nào thì thầy đưa ra vài cái rồi quả quyết rằng ta cứ yên chí, chớ có ồn ào, rối trí, mất bình tĩnh mà hỏng việc. Có thầy lại viết báo Chính Luận bày tỏ lập trường, dự đoán tình hình đất nước và lạc quan nhận định dẫu có bề gì, mình vẫn còn giữ được một phần lớn miền Nam. Giới trí thức, chính trị mà đã quan sát, phê bình như thế, tất nhiên đám sinh viên chúng tôi phải coi là khuôn vàng thước ngọc rồi nên rất an tâm. Có một điều lạ là ngoài phổ thiên hạ bàn ra tán vào rất khác lập trường của các thầy đại học. Giới chị em ta có liên lạc mật thiết thân tình với quân nhân Mỹ coi mọi hoạt động mãnh liệt hơn cả. Mặc dù tình thế rối tơ vò, chẳng ai hiểu đường đi nước bước ra sao, nhưng các chị em ta có lập trường rõ rệt. Ấy là đưa người vào phi cảng, vào DAO (Defense Attaché Office) để đi Mỹ.

Tôi cũng có giao dịch với chị em ta, tuy không mặn mà như G.I. Mỹ nhưng cũng thu thập khá đủ tình hình tin tức tình báo chiến thuật để quyết định một phùa chót chuyện này. Nhận thấy rằng nghe theo các thầy có vẻ hay đấy nhưng không có lợi. Đảng này, phía chị em ta được đồng minh rử tai nên có chương trình ra đi chớp nhoáng mà lại mần xin khá gọn. Tôi gia nhập vào băng của họ, chuyên mối lái các gia đình giàu có muốn đi. Thế là tôi thu xếp cho người ta vào DAO, mỗi người chỉ phải nạp ít vàng hoặc đô-la xanh là OK xong việc. Những chuyến đi như thế, tôi có thể kiếm dăm bảy ngàn đô-la như bõn, hoặc dăm mười lượng vàng nhanh như cắt.

Gần cuối tháng 4 năm 1975, tình hình coi mòì bết bát, lần lượt các tỉnh lỵ bị Cộng Sản tràn ngập. Chiến sự đã gần kề đô thành. Chính phủ thay đổi. Tôi cũng tìm đường dọt cho mau vào phút chót. Ngày 28 tháng 4, gia đình tôi đã nằm trong DAO Tân Sơn Nhất, đêm đó Cộng Sản pháo kích phi trường, đạn réo như xé lụa, rít lên thật là rùng rợn và kinh hoàng.

Trưa ngày 29 tháng 4, mấy ngàn người cả Việt lẫn Mỹ kẹt trong DAO thì tôi thấy có xe Mỹ đi nhỏ cột điện, chướng ngại vật khu sân rộng. Lính Mỹ nói rằng sẽ có máy bay đến đón chúng tôi và đưa ra biển. Khu DAO ồn ào hẳn lên, nhốn nháo bàn tán, chờ đợi. Lối ba giờ chiều, ba chiếc trực thăng từ ngoài Vũng Tàu bay tới, hạ cánh khoảng 100 lính Thủy Quân Lục Chiến, súng ống đầy mình để giữ an ninh cho khu DAO. Trên trời, mấy chiếc phản lực thay nhau vằn vũ. Đám người Việt, người Mỹ được chia từng khu, từng toán trật tự, có lệnh mới a-la-xô lên máy bay. Cứ ba trực thăng đi thì chút xíu lại có ba cái khác đáp xuống. Chuyển bay tôi rời DAO lúc 5 giờ chiều. Chiếc trực thăng bán phản lực, chở 60 người cất cánh, bụi tung mù mịt, động cơ âm âm, hờ phía đuôi, có thể nhìn xuống dễ dàng.

Không ai bảo ai, những người lớn đều ôm mặt. Có người nghẹn ngào nước nỡ, có người khóc thành tiếng bị thương. Tôi không khóc, không ôm mặt mà lại mở thật to đôi mắt để nhìn quê hương lần cuối. Dưới đó, là Tân Sơn Nhất, là Gia Định, Gò Vấp, Thủ Đức, Long Thành, Vũng Tàu... Dưới đó là những mái nhà tôn nhà lá nhà gạch, những con đường nhựa đường làng, những thửa vườn, luống rau, những đôn bót đơn vị, những kỷ niệm chông chất, dập vùi....

Khi sống trên quê hương, tôi chả bao giờ thiết tha đến những thứ đó, trái lại nhiều lúc còn dửng dưng coi rất tầm thường. Mà sao khi mất mát nó rồi mới thấy nhớ nhung, quý báu, xót xa. Giá trước khi chạy ra máy bay, tôi vốc được một nắm đất bỏ vào túi làm kỷ vật có phải là đẹp biết mấy không chứ! Chiếc trực thăng bay gần 50 phút, chúng tôi ra tới hải phận quốc tế, đáp trên chiến hạm. Chưa đầy một tiếng đồng hồ, tôi đã là người tỵ nạn lên lệnh đên như con thuyền không bến.

Đoàn người được tiếp tế ăn uống và chờ đợi di chuyển qua tàu khác. Tôi vẫn ôm khư khư cái túi đựng đô-la và vàng Kim Thành, không lúc nào chảnh mắng. Với số tiền dăm chục ngàn đô-la và vàng lá, qua Mỹ tôi sẽ tự tậu một cái nhà, sắm một cái xe hơi Huế-Kỳ mới toanh và mua một cơ sở tự lập khỏi phải nhờ vả ai phiền phức. Đến đêm, mấy tàu Mỹ bật đèn như sao sa, sáng choang một vùng biển, nom tựa một thành phố nổi vậy. Nhờ trời quang mây tạnh, các xà-lan chở người qua tàu khác không mấy khó khăn. Chỉ có một chút khó khăn là sóng biển chập chùng, lắc lư cái xà-lan và khi từ xà-lan lên tàu lớn thì phải trèo thang giây, có người đỡ. Tôi đã cẩn thận luồn cái túi tiền qua cổ qua vai, thế là yên chí lớn. Đến lượt tôi bắt đầu trèo thang giây, bỗng dừng trời nổi gió. Sóng nước lao

đao, còn con người cũng lão đảo. Những người già trẻ lớn bé, đang trào thang giây, sợ hãi, hò hét om sòm. Tôi lúc đó cũng hoảng hồn chỉ sợ té. Trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy người nhẹ hẫng đi, thì ôi thôi, chiếc túi tiền với vàng đã rơi tòm xuống biển. Tôi chết điếng cả người, không dám hé răng vì còn phải cố gắng mò thang giây leo lên tàu buôn lớn. Cái tàu buôn này chuyên môn chở hàng, thủy thủ đoàn lối hơn chục người nhưng khi được Hoa Kỳ thuê chở dân tỵ nạn nó đã chứa tới năm ngàn mạng. Đó là con tàu "Pioneer Commander". Khi cả nhà lên tàu, kiểm điểm thấy vợ chồng con cái đầy đủ, kiểm được một góc tạm cư, lúc bấy giờ tôi mới nhớ lại cái túi tiền và vàng rớt xuống biển mà lòng đau như cắt. Mụ vợ tôi thấy tôi thờ dài sườn sượt cứ ngỡ rằng tôi buồn nhớ cố hương, mặc dù mụ ấy cũng đang khốn khổ khốn nạn, an ủi rằng:

- Thôi thì vận nước như thế, mình phải chịu! Còn biết bao nhiêu người kẹt lại không đi được thì sao? Mình phải chấp nhận hoàn cảnh. Trời sinh voi trời sinh cỏ, có người có ta...

Nghe mụ vợ nói lải nhải, tôi đâm cáu:

- Có cái con khỉ! Mất bố nó cái túi tiền rồi!

Mụ vợ tôi nghe chưa dứt câu đã khóc rống lên như bị ai chọc tiết, làm bàn dân thiên hạ chung quanh quay lại, tưởng bọn tôi nhớ nước thương nòi nên vỗ về an ủi. Tôi ngồi thừ người ra, còn mụ vợ tôi không khóc thống thiết bi ai nữa mà khóc như cha chết! Thế là của thiên trả địa, vợ vét một số tường ngon ơ, ai ngờ tay trắng lại hoàn tay trắng, nay ngồi trơ mắt ếch!

Con tàu trực chỉ hướng Guam, sau mấy ngày ăn cầm hơi, uống cầm chừng, đoàn người tỵ nạn nối nhau thành hàng dài đặt chân trên đảo. Nơi đây đã chuẩn bị sẵn sàng các lều nhà binh rộng lớn, các tiện nghi tối thiểu vệ sinh để tiếp đón mọi người. Chúng tôi tạm trú ở Guam ba tuần rồi lại lên máy bay 707 ghé Hạ-Uy-Di, Washington State, xuyên ngang nước Mỹ, hạ cánh tại Florida, về nhà người bảo trợ. Người này không xa lạ gì với tôi vì ông chính là cố vấn của Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp mấy năm trước, tên là Schroepfer. Cái tên Đức hơi khó đọc, khó nhớ nên tôi tạm phiên âm là "Xốp-Phơ" cho tiện. Ông về hưu, ở Spring Hill, cách Tampa vài chục dặm. Khu này đa phần là người già, xa đô thị nên quanh quẩn chỉ có vài trăm gia đình. Chúng tôi tới nhà ông bảo trợ, ăn rằm ở rề ba tuần, ngày ngày theo chân ông Xốp-Phơ đi xin việc. Ông dẫn tôi lên Tampa xin việc văn phòng luật sư thì luật sư chỉ cần thơ ký biết nói tiếng Tây Ban Nha và tiếng Tàu. Hai ngoại ngữ đó tôi mù tịt.

Đến siêu thị xin chân xếp đồ trong kho, bấm máy tính tiền thì họ không thiếu người. Lại ngân hàng địa phương xin chân kế toán thì tôi chưa đủ khả năng chuyên môn, cần đi học một thời gian hoặ may họ có cần mới mượn. Ghé cơ quan bảo hiểm xin tập sự thì chủ nhân lắc đầu bảo tiếng ăng-lê của tôi mịt mùng quá, đầu sao nổi với thân chủ Mỹ. Tạt vào xưởng mổ bò thì mới vô đã choáng váng mặt mày vì thấy máu chảy lênh láng, mùi hôi lợm giọng, đồ tể nào cũng to con trông thật dữ tợn như muốn mần thịt mình luôn, tôi chùn chân thật gấp trở lui. Chỉ có cái nghề leo thang lên cây hái cam là được trọng dụng. Lương trả ba tiền, làm ngày tám tiếng, không có quyền lợi gì khác cả. Phần lớn các công nhân ngành này là dân Mỹ nghèo rớt mồng tơi mới lãnh việc. Làm ngoài trời mùa hè đã nóng, mà cái nạn muỗi đốt, kiến cắn, bọ chui vào đầu vào tai vào mình mẩy, vừa ngứa ngáy bần thiu, lại vừa mồ hôi mồ kê hể nhại, gai góc đâm bừa bãi, sơ ý là té bở nhào què chân gãy tay mình lãnh đủ. Tự lượng sức mình không sao cáng đáng nổi, tôi đâm ra thất vọng nảo nề, coi như đường hầm trước mặt. Ông bảo trợ nhanh trí mới tô-lô-phôn lên Thủ đô Hoa-Thịnh-Đốn nhờ cơ quan nào đó cho tên tôi vào “computer” kiếm việc làm. Cách một tuần sau, có cú điện thoại từ Lakeland - cách ồng chừng 40 dặm - một chủ trạm xăng cần người phụ tá, được computer thông báo mới kiếm được một hiền tài nhập cảng từ Việt Nam. Hấn liên lạc với ông bảo trợ hẹn gặp nhau họp thương đĩnh tại Lakeland. Ông Xốp Phơ dẫn tôi đến nơi, lại trạm xăng gặp ngay anh chủ tên là Bill Gruter, gốc Hoà Lan cao lớn đẹp trai, cũng di cư 12 năm trước, lập nghiệp với hai bàn tay trắng mà nay chủ ba trạm xăng, có dăm bảy cái nhà cho thuê, nhà cửa như dinh thự, nào hồ bơi nước nóng nước lạnh, nào sân nuôi ngựa, nào xe hơi hai ba cái láng chói. Hấn đưa tụi tôi thăm cơ sở, thăm nhà một vòng rồi mời ăn trưa tại một tiệm Tây khá sang trọng.

Tôi có xách cái cặp, mở ra trình bằng kinh nghiệm thì tên Bill nói rằng:
- Tôi chỉ cần một người khoẻ mạnh, bằng lòng làm trạm xăng, thế thôi. Các món giấy tờ của anh, tôi không cần ngó làm gì cả.
Sau khi hỏi điều kiện làm việc, lương bổng, tôi tính nhẩm có thể nuôi tạm gia đình lúc này, đỡ phiền lụy ông bảo trợ nên gạt đầu xin hẹn ba bữa nữa đem cả nhà xuống Lakeland định cư.

Thế là cái số tôi trước sau gì rồi cũng dính tí xăng nhớt mới khá. Ở Việt Nam, mần việc ngành Quân Nhu thì tôi cũng học qua loa về xăng nhớt và bán xăng rất lẹ. Sang đến đất Mỹ, lại chui đầu vào trạm xăng, kể như định mệnh đã an bài, tránh không khỏi số. Từ đó, tôi quản trị 12 vòi

xăng, một máy rửa xe, chuyên thay dầu mỡ xe hơi, đặc trách vá lốp các cỡ, thanh tra vệ sinh và bảo trì dụng cụ. Ngoài các nhiệm vụ chánh tôi còn túc trực đi câu xe, chạy cờ cho mấy tên thợ sai bảo đi mua cà-phê, mua sáng-uych, mua la-de hoặc đi mua đồ sửa xe dưới phố.

Làm việc được đâu chừng một năm, tôi khá thông suốt đường lối hoạt động, chủ trương, chính sách của chủ nhân và chẳng bao lâu nghiệm nhiên là một phụ tá tín cẩn đắc lực. Từ khi chiếm được lòng tin của chủ rồi, tôi mới dờ trò xưa tích cũ ra thi thố tài năng.

Cái tỉnh tôi ở là tỉnh nhỏ đêm buồn, lèo tèo dăm bảy gia đình ty nạn, phần lớn có việc tốt như làm hãng đóng máy bay, làm hãng hoá chất, làm chỗ bán hàng, chỉ có tôi bớm xăng làm chuẩn cho nên ai nhìn tôi cũng thấy là tôi thấp hèn kém cỏi. Cái giá trị ở xứ Mỹ này được tính bằng tiền lương giờ, lương tháng. Thiên hạ làm gấp hai, gấp ba lương tôi thì giá trị tôi nào có hơn gì cỏ mọn hoa hèn. Để trả thù đời, cho thiên hạ biết mặt, hễ gặp ai tôi cũng gọi chuyện Saigon, hỏi han xem họ làm gì rồi nhân đó đem cái tôi ra để hù thiên hạ. Hình như thiên hạ qua đây coi mấy cái đó là đồ bỏ cho nên tôi chẳng buồn nhắc đến nữa. Nhưng dần dà, có thêm dân ta qui tụ quanh vùng, họ qua lại mua xăng thì tôi lại thừa cơ hội để ra tay, bôn cũ soạn lại, đánh bóng cái tôi một thời vang bóng, cộng thêm, nhân thêm vài ba chi tiết vợ quàng để làm như ta đây nào có kém chi ai. Chỉ bởi mất nước mới ra nông nổi.

Từ khi được chủ tín nhiệm, biết việc, tôi làm ca đêm từ sáu giờ chiều đến hai giờ sáng, một mình một chợ tung hoành. Dù chủ cho đủ lương sinh sống, cho nhà ở, xe đi, xăng đồ líp ba ga, ăn uống tự do, tôi vẫn tính nào tạt ấy kiếm cách mần xìn. Đối với vụ bán xăng thì bán bao nhiêu máy chạy số bao nhiêu, thành tiền bắt buộc. Nhưng còn các mục khác, tôi tìm được lối mần tiền riêng. Như vá một cái vỏ xe không ruột, chỉ cần đủ dụng cụ nhà nghề và thời gian không quá 60 giây, tôi sửa xong cái vỏ xe thùng mà không cần trục xe tháo lốp. Tôi lấy bốn tiền bỏ túi dễ dàng, chẳng ai biết, chẳng tốn kém là bao, bất quá một hai chục xu là nhiều.

Xe nào lốp cũ bị bể, chủ xe không đủ tiền mua lốp mới, tôi đề nghị bán lốp cũ, thay niềng, làm "ba-lăng" chỉ tính 15 tiền chẵn không thuế. Xe nào cần thay dầu mỡ, lọc gió thì tôi vừa làm vừa đổ xăng, cỡ 20 phút xong xuôi, lại còn cho chủ xe rửa chũa một cú. Tiền phụ tùng, tiền công cỡ 20 25 đô-la, thỉnh thoảng tôi bỏ túi một vụ là có tí tiền còm. Những mục linh tinh đại khái như thế, chủ trạm xăng không thể nào biết được. Nó không có sổ sách gì ráo trọi, giao khoán cho tôi. Có khác gì giao trứng cho ác. Dem mỡ để ngay miệng con mèo. Hấn cứ tưởng rằng tôi là một người đứng đắn, đáng tin cậy nên giao tay hòm chìa khoá cho tôi.

Tôi thừa hiểu rằng mở một trạm xăng là tiền nhà, tiền đất, tiền thuế, tiền nhân công, tiền điện nước, tiền dụng cụ, tiền ăn uống, tiền may sắm quần áo, trăm thứ đổ vào đầu chủ, mà trạm xăng không kiếm ra tiền, không thu vén thì chả bao lâu mà vỡ nợ. Tôi vẫn cứ bơ đi, sống chết mặc bay tiền thầy bỏ túi. Tiền đây là tiền ăn cấp của chủ chứ nào phải tiền của mình. Có nhẽ cái máu ăn cấp đã nhập tới xương tủy của tôi rồi, không sao gột rửa sạch nữa. Thì cũng đành coi như định mệnh đã an bài, chứ biết làm chi? Một thoáng hối hận, ăn năn rồi lại như nước chảy qua cầu. Biết là thế mà làm lại không như thế. Khó thật!

Ấy thế là cuộc đời của tôi gắn liền với cái trạm xăng Amoco, có hơn chục vòi bơm, có ga-ra sửa xe và có máy rửa xe hút bụi. Tôi bầu bạn với Mỹ Trắng, Mỹ Đen, Cuba, Mễ-Tây-Cơ thuộc đủ tầng lớp xã hội, đủ mọi thành phần già trẻ nam nữ. Quanh quẩn bên mình là các máy đo bình điện, máy sạc bình ắc-quy, dầu nhớt mỡ, lốp xe, kim búa, mỏ lét, kích, giầy điện, bu-gi. Trang bị bản thân với chiếc quần màu xanh, cái áo sơ-mi trắng cộc tay có nhãn hiệu Amoco, túi sau nhét chiếc khăn lau nhỏ màu cam tòng teng, tôi chạy qua chạy lại lạch bạch như con vẹt bầu. Thân hình đã thấp bé, lại đa mang cái tuổi già tóc ngả muối tiêu, nom mình chả giống ai thì chắc bạn bè có ai trông thấy mình hẳn cũng động lòng trắc ẩn. Đành rằng cái xứ người văn minh tân tiến, một anh trước rửa bát, hoặc chặn bô, hoặc đóng phim xi-la-ma mà sau nhờ chí lớn, gặp thời cơ vẫn có thể thành nguyên thủ quốc gia và lấy làm hãnh diện về cái thuở thiếu thời, thuở hàn vi với những thành tích lẹt đẹt như thế. Nhưng mình là người phương Đông, sau đại học cái học bên Tây cho nên đầu óc bao giờ cũng phân ngôi thứ hạng sĩ, nông, công, thương, binh rất là lớp lang rành rẽ. Những giai cấp xã hội đã minh định phân miêng, không thể lộn xộn. Ngẫm trước kia, dẫu gì mình cũng ngạch ngỗng như ai, mần việc chính phủ định huỳnh, kẻ đưa người đón, vẫy vùng một cõi biên thù, đến nay qua một cuộc bể dâu, những điều trông thấy mà đau đớn lòng, đang thầy xuống thợ, đang ông xuống thằng, đang làm công dân Việt Nam Cộng Hoà bỗng thành kẻ tỵ nạn ngư ngư ngẩn ngẩn. Mọi chuyện đảo lộn tưng phèo. Gia đình ly tán, bè bạn trôi dạt như bèo như mây, như gió thoảng.

Dẫu làm thân mất nước vẫn ôm khư khư cái dĩ vãng tô màu vàng son rực rỡ lung linh, cho nên khổ. Và không muốn để ai coi mình hèn mọn nên đã thói phòng, đã đánh bóng cái tôi để lừa dối mình, để mong người khác kính nể, để tự mãn tự hào trong giầy lát.

Thế nên, gặp Mỹ hỏi han ba điều bốn chuyện về Việt Nam thì tôi khoa chân múa tay diễn tả thời cuộc, chính trị, quân sự như một chính khứa. Mỹ hỏi về nghề nghiệp, thì tôi có sẵn “résumé” trong đầu, phóng ra nào là Phó Tổng Giám Đốc Ngân Hàng, Giáo Sư Đại Học, Cố Vấn cho Hội Sư Tử, Chủ Tịch đoàn thể XYZ... Một lô com-panhi chức tước khiến Mỹ nghe xong cũng phải giây phút ngậm ngùi. Các nhà thờ, trường học, hội “Li-ông”, Thanh Thương Hội, toà báo địa phương cứ quần quít mời đến cơ sở họ để nói chuyện. Tất nhiên là tôi rất lịch sự từ chối. Bởi nếu tôi mà tới nói chuyện cho Mỹ nghe thì chắc chắn Mỹ sẽ vỡ mộng thiên đường, còn đâu là huyền thoại một anh cu-li bớm xăng mình đầy chữ nghĩa, hiểu biết và danh vọng ở Việt Nam!

Gặp đồng hương lạ hoắc, tôi vẫn tự nhận mình là dân nhà binh, cấp bậc Trung Tá cho nó hách xì xằng. Này nhé, cái hồi đi Thủ Đức, sau ba năm tôi đã đeo hai bông mai vàng. Nếu ở lại ngành cho đến khi mất nước, vị chi sơ sơ tám năm, thế nào mà chả lên ít ra Thiếu Tá? Mấy thằng bạn đồng khoá, chúng nó đeo mai bạc gần hết đấy chứ! Nếu không mất nước, ba, bốn năm nữa làm chi chả lên Trung Tá, Đại Tá mấy hồi. Tôi cứ trung dung chi đạo, nhận Trung Tá là nhũn nhận. Chả bù với bà cụ già cùng tỉnh Lakeland, mới gặp cụ ấy đã khoe rằng con rể bà cụ là Mỹ, nó mần việc với “ông tướng có hai ngôi sao” tức là thân cận, làm lớn lắm. Sau lòi ra hẳn là trung sĩ hầu cận cho ông tướng chứ lớn lao cái khỉ mốc gì. Ấy, chỉ hủ nhau như thế cho đời mua vui và hy vọng một chút an ủi. Chưa bằng thằng bạn học cũ của tôi, hồi ở Việt Nam làm sở Mỹ mà khi qua Mỹ gặp nhau, nó bảo bây giờ vẫn làm cho sở Mỹ lớn lắm, trong hãng có cả ngàn người mà nó đứng hàng thứ tư, thứ năm cơ mà! Tôi nghe, quả thực là hã và phục nó sát đất. Sau mới biết rằng nó vẫn làm cái chân lèng tềng phiên dịch chứ có làm ông làm cha ai đâu. Có nhẽ khi hãng chụp hình, nó đứng ở hàng thứ tư, thứ năm trong đám nhân viên của hãng chẳng? Nếu vậy thì nó vẫn tự trọng, nói đúng. Chỉ có tôi hiểu nhầm vì đầu óc sẵn tối mò mò ám ảnh. "Mình đã là thằng chuyên môn phóng đại tô màu, thế mà có bữa đưng ông bạn đồng hương, bà vợ ông khoe hồi ở Việt Nam, nhà có mấy cái bin-đinh cho Mỹ thuê, còn gia đình ở vi-la đường Cách Mạng. Ông chồng khoe làm việc sát Tổng Thống, coi ra vẻ rất trịnh trọng, ác liệt. Bãng một dạo, tình cờ tôi lại nghe về gia đình ông bà này lộn xộn, thiên hạ bói chuyện kể cho vui mới tiết lộ rằng họ ở thuê trong hẻm Trương Tấn Bửu gần phở gà Nam Xuyên, chồng làm tổng thư văn phủ Tổng Thống.

Những cảnh hù nhau như thế đã chẳng giữ được bao lâu, cũng chẳng no béo vinh hoa gì mà chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Rất may, Mỹ không có khoản thuế nào đánh thuế những đũa nói khoác, chứ không ngân sách Mỹ biết đâu chả nhờ thế mà trang trải hết nợ nần.

Sau này, sống trên đất Mỹ lâu hơn, tôi hiểu rằng cái thang giá trị của người nó khác của ta. Xứ người, có đủ điều kiện, đủ sức khỏe, đủ tiêu chuẩn, đủ khả năng, và có thêm chút may mắn là bắt được “dóp”. Dóp tốt hay xấu, nặng hay nhẹ, lượng cao hay thấp tùy nơi, tùy việc, tùy người. Người có việc đều đặn, nhiều “crê-dít” tốt là người ấy được nhiều nơi chiếu cố mời mua nhà, mua xe, mua đồ đạc, máy móc, mua cả ngàn thứ tiện nghi tân kỳ tưởng chừng như chỉ có trong thần thoại.

Thời gian thấm thoát như thoi đưa khung cửi, như bóng ngựa phóng qua màn, mới quay đi mà ngoảnh lại đã ba, bốn năm quē người lủi thủi tấm thân, một tháng đôi ba kỳ tôi vẫn cứ mơ về chốn cũ để nhớ để thương, để buồn để tủi. Trong cơn mê, chập chờn bóng dáng cha già còm cõi hắt hiu, ba mươi năm chưa thấy mặt thằng con bất hiếu. Khi mộng mị, gặp những bóng ma leo đèo lội suối phá rừng thi đua cải tạo, thấp thoáng đây đó những ánh mắt quen thuộc, hình như ngày xưa cùng đơn vị, cùng nhiệm sở với mình mà nay thân tàn ma dại tù đầy lao tác làm than. Lúc thoát hồn, nhìn rõ những đũa nằm vùng, những tên công an, những thằng đi dò la rình mò bắt bớ giam cầm, những vùng mang tên “kinh tế mới” của chế độ có tên “kinh tế thật lùi”, những khoai sắn bo bo thể chân gạo nàng hương, gạo tám thơm, gạo nanh chồn, gạo dự. Cuộc sống được bủa vây bằng một bức màn tre đầy chông gai, hầm bẫy và bao trùm bởi một tấm màn đen vĩ đại rợn người. Có lần, tôi mơ bị Cộng Sản lừa vào trại cải tạo hành hạ sỉ nhục không xong, chúng nó lôi tôi ra bãi đất dùng mã tấu chém đầu... Thanh mã tấu vừa dơ cao, tôi vùng vẩy hét lớn và tỉnh mộng. Mồ hôi trên trán nhỏ giọt. Vừa lúc thức dậy đi làm. Có lần, tôi mơ được trở lại thăm nơi chôn nhau cắt rốn là cái tỉnh nhỏ bé Hải Dương, ra bờ sông leo lên để đi tới tận Bến Bè, Cống Tráng, Cầu Phú Lương, vườn hoa Bảo Đại, phố Khách... Rồi thoát cái có mặt tại Hải Phòng, lượn qua đường Cát Dài, phi trường Cát Bi, ăn kem Thủy Tinh, ra vườn hoa Con Cóc. Theo quốc lộ số 5, tôi ghé Bàn Yên Nhân, đến Gia Lâm, vượt cầu Long Biên bắc ngang sông Hồng Hà vào thủ đô ngàn năm văn hiến Hà Nội. Cái chợ mà tôi thích nhất là Chợ Đồng Xuân, quà bánh ngon số một. Khu Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng Ngang tấp nập bán buôn. Khu bờ Hồ Hoàn Kiếm có cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, Tháp Rùa, có xe điện chạy leng keng khắp nẻo đô thành. Vùng Bách Thảo, Hồ Tây có bánh tôm, có bơi thuyền, có chùa Một Cột, có đền Quan Thánh, Hà

Nội có nhà hát lớn lâu lâu lại tuyển lựa ca sĩ, lại diễn kịch “Bến Nước Ngũ Bồ”, “Vân Muội”, “Tiếng Trống Hà Hồi”, sau có Ban Thăng Long trình diễn ca nhạc vui như ngày hội lớn. Hà Nội có tới năm cửa ô xưa, có đến ba mươi sáu phố phường, có cả trăm ngàn cô gái đẹp nõn nà, đài các kiêu sa. Hà Nội có trường Chu Văn An, trường Nguyễn Trãi, trường Trưng Vương, trường Puginier, trường Albert Sarraut. Hà Nội có Tháp Bút, Văn Miếu, gò Đống Đa oai linh hiển hách... Tôi được sống trong mơ với những kỷ niệm học trò bát ngát hương hoa, với những tham lam quán quít vắn vương của thời trẻ dại. Những hình bóng xa xưa ấy cứ nường nấu tiềm tàng trong vô thức để những lúc sắp quên hay những chiều tưởng nhớ thì kỷ niệm lại ồ ạt tuôn ra tựa thác lũ mưa ngàn, nhất là khi thu tới, đông về, khi hoa cúc hoa đào chúm chím môi chào chờ đón chúa xuân sang... Để diễn tả nỗi nhớ nhưng với vợ ấy, tôi nẩy nòi ý định làm thơ. Và căn cứ vào câu nói “mỗi người Việt Nam là một thi sĩ”, nên tôi luận lý học theo tam đoạn luận rằng: “Tôi là người Việt Nam. Vậy tôi đích thực y boong là một thi sĩ.” Bèn phóng bút moi vắn cho ra cái điều ta đây cũng văn nghệ văn gừng.

Nhân dịp năm con Ngựa sắp qua, năm con Dê tựu chức - tức năm 1979 - tôi thừa thắng xông lên mần một bài “phú” kể lể cà kê dê ngỗng như mang nặng tâm tư chất ngất u hoài, phong kín nỗi buồn áo não, tang thương. Sợ rằng bài phú không đúng khuôn phép, vi phạm các điều cấm cản, tôi gọi đó là “Phú... Tự Do” để tiện đường vi vút, vẽ vời. Lại lựa vận “A” cho dễ dàng ê a hợp điệu.

Và đây là bài “Phú... tự do” của tôi sau bốn năm tỵ nạn, với tựa đề:

Xuân Viễn Phương

Ngựa dột đày a?

Dê sang đó hả?

Trộm nhớ thuở giang sơn có bốn ngàn năm lịch sử gấm hoa.

Nghe rằng xưa dòng dõi Rồng Tiên, toàn liệt nữ hùng anh chí cả.

Đất nước mến yêu, này đây: Huế, Saigon, Hà Nội, Thiên Mục, Lăng Tả Quân, Chùa Một Cột, Chùa Hương...

Cơ đồ báu vật, ô kìa: Hương Giang, Trà Khúc, Cửu Long, Đồng Nai, Kinh Cái Sắn, Sông Hồng, Sông Mã...

Chả biết tại “nằm thao” chiến chinh cứ mù mịt rối bời

Đâu có hiểu “thế hào” tang thương còn nát tan vất vả.

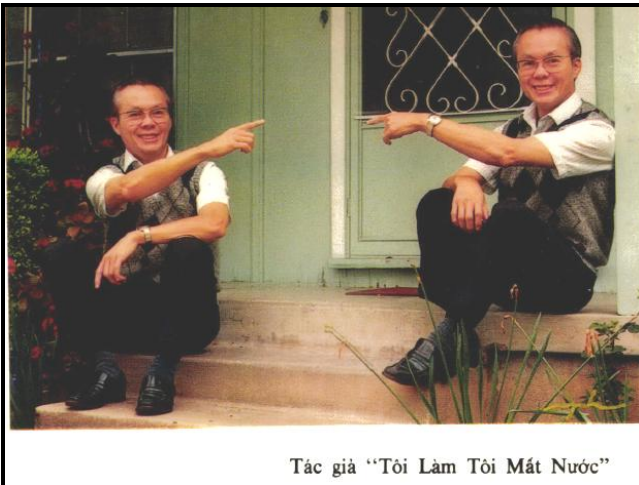
Đến nỗi đời trai bỏ thân chiến địa

Để cho má đào tàn một kiếp hoa

Đàn trẻ nhỏ lạc loài thiếu nơi nương tựa

Lũ em thơ thui thui không chỗ vào ra
Rồi bỗng một ngày chướng khí âm u,
quân Cộng tràn về bắn vào thành phố
Té ngựa ra rằng bọn chúng chính là lũ quỷ hiện hình ôm sủng A-Ka.
Tháng Tư Đen, Việt Nam chìm trong ngục tối
Bốn năm buồn, đoàn người lê gót bốn ba
Những tường qua đây vẫn dốt vũ dốt, ngây ngô như mán xá gà tô
Ai ngờ thám thoát đã vi vút tiếng Mỹ tiếng Tây ăn đong quá xá!
Người lớn đi làm thì chủ mển, xếp yêu lương tăng cái rụp.
Trẻ còn học hành được thầy nựng, cô chiều chiếm độc hạng A.
Tìm bạn tri âm, đó đây thanh niên thiếu nữ
Họp bạn lão niên, nọ kia bà cả ông già
Chợ búa Á Đông mọc lên còn mau hơn nấm
Sách báo An Nam phát hành đẹp tựa muôn hoa
Các mợ, các em nấu nướng đan may, thầy đều số dách
Nhiều bác, nhiều bà tứ đức tam tông liệt phụ khả gia
Đến nay, dân ty nạn ta:
Vẫn nghe nhạc Phạm Duy
nỉ non lời ru Việt Nam ngàn năm bất diệt
Thường khóc cùng Thái Thanh
ngậm ngùi tiếng hát muộn phiền cay đắng thiết tha
Vẫn ăn cơm nước mắt
Vẫn rau muống quả cà
Đau niêm đau ruột thịt
Xót tình mẹ tình cha
Ngoài kia Xuân, trời đất có cây đẹp như tranh vẽ
Trong lòng sầu, gió trắng mây nước buồn tựa sân ga
Tuy sống ấm no
Vẫn vọng tưởng quê nhà
Vẫn tâm tư buồn bã
Thương mấy chục triệu đồng bào đói rách ốm đau
Nhớ bao nhiêu vạn con người làm than toi tả Tim “Tự Do”,
vẫn có kẻ thuyền mảnh hát khúc viễn du Gọi “Nhân Quyền”,
chả thấy ai chỉ toàn bóng chim tăm cá
Nghĩ lắm lúc miệng học máu tươi, đầu óc nát như tương
Lại suy ra tay đứt ruột mềm, lệ đầm rơi lã chã
Ngán nhĩ?
Cuộc đời đôi ngã
Dâu bể phong ba
Sao không nghĩ trăm năm là mấy, để rắc reo tình thương, xoá bỏ hận thù
Mà cứ hành thân xác ốm o, rồi đầu tó tùm lum hơi quân Hà Bá?
Chả có nhẽ, mãi tang thương ngẫu lục để khiến cho cả nước cảm hờn
Đã hay rằng, dù vật đổi sao dời thì cứ biết toàn dân sẽ khá

Nay dịp Xuân sang
Xin gửi nhớ thương chất ngất nghẹn ngào về nơi đất tổ quê cha
Xin bình an lặng ru những tấm lòng héo hon tàn tạ.
Xin gửi các chiến sĩ Phục Quốc Quân
Thêm cảm mến kính yêu vào niềm tin sắt đá
Bởi chính các anh
Là những thành trì xây dựng giang sơn đất ấy!
Xin khẩn cầu Thượng Đế Nam Mô Phật Thích Ca
Ban ân phúc độ trì chúng con
Đám con dân vẫn ước mơ có một ngày về bến cũ cây đa
Có con đò êm ái triền miên trên dòng sông chờ đầy tôm đầy cá
Xin đoàn tụ yên vui đến với những người chờ mẹ mong cha
Xin vợ chồng anh em nâng chén men say bên cạnh ông bà
Xin vì tình yêu nhân loại đậm đà
Phổ biến “nhân quyền” như quảng cáo Coca
Xin cho nhau tình thương, bởi tình thương rộng rãi thiết tha
Và hai nữa, bởi nó lại còn rẻ hơn nước lã
Chỉ ước mơ niềm ước mơ nhỏ bé thế thôi
Tràn vào Việt Nam từng bao nhiêu năm lắm than
vì bị chiếu sao quả tạ
Để ấm no, đoàn tụ, tình thương về dưới mái nhà
Và cuối cùng
Xin ơn trên phù hộ chúng ta...



Tác giả “Tôi Làm Tôi Mất Nước”

LÊ VĂN PHÚC

(Viết xong tập truyện năm 1980)

Tấm ảnh “Hình ảnh một buổi chiều”

** LÊ HỮU **



** Để tưởng nhớ chị Dung*

Tôi vẫn thích sưu tầm ảnh đẹp. Nhìn ngắm một bức ảnh đẹp, thấy lòng mình như lắng xuống, thấy tâm hồn như dịu lại và cuộc sống như cũng dễ chịu hơn. Không chỉ thích ảnh đẹp tôi còn thích đặt tên cho ảnh. Nhiều ảnh không cần phải đặt tên, thế nhưng có đôi lúc gặp bức ảnh gợi nhiều cảm xúc tôi vẫn muốn tìm cho ảnh một cái tên.

Tấm ảnh tôi xem được ở nhà chị Dung là một ảnh như thế. Tấm ảnh khá quen thuộc với những người thân của chị. Tôi gọi tên ảnh là “Hình ảnh một buổi chiều”.

Tôi nhớ, trong chuyến đi Nam Cali ngắn ngày nhiều năm trước, chị Dung nhắn vợ chồng tôi ghé nhà chơi. Trước đó tôi được chị gửi tặng tập sách quý với chữ ký chỉ phác vài nét tên chị, cũng dung dị như tính cách của chị. Trong sách có cái “note”, chị nói phải gửi qua bưu điện vì chờ mãi chẳng thấy xuống để đưa tận tay. Tập sách đầy đặn, là “Tuyển tập Lê Đình Điểu”.

Chị Dung có lối nói chuyện thật tự nhiên và thân mật khiến người nào gặp chị lần đầu cũng cảm thấy thoải mái và gần gũi.

Hôm ấy tôi cũng được gặp những con người thật nghệ sĩ trong gia đình chị là chị Bích Huyền (phụ trách “Chương trình thơ, nhạc” quen thuộc đài VOA) và anh chị Phạm Anh Dũng (nhạc sĩ sáng tác, với nhiều ca khúc phổ thơ).

Sau bữa cơm gia đình là buổi “trà đàm” văn nghệ khá lý thú giữa mấy chị em trong nhà. Tôi không định nhắc tên anh Điếu, thế nhưng đến khi chị Bích Huyền đọc câu thơ trong bài thơ nào của Y Dịch,

*Lần đầu em hát theo tà áo
Lần đầu anh bối rối bàn tay*

tôi buột miệng hỏi chị cái lần “anh bối rối bàn tay” ấy có phải là “thờ ban đầu” của anh chị. Hỏi thế là có lý do, tôi nhớ có đọc đâu đó anh Điếu kể chuyện có lần anh phải đỏ mặt xấu hổ vì bị thầy giáo hay cô giáo trong lớp chị “bắt quả tang” anh lóng ngóng đứng chờ chị ngoài hành lang lớp học.

Tôi chỉ nhớ được mỗi câu lục bát của anh, bèn đọc cả nhà nghe và nói tôi thích câu thơ ấy vì rất gần với ca dao và thơ Nguyễn Bình.

*Mùa thu có lá ngô rơm
Có đôi người mới thành đôi vợ chồng*

Chị Dung nói chị cũng thích câu thơ ấy và anh chị đều thích thơ Nguyễn Bình. Rồi vui chuyện, chị kể thêm những bài thơ nào anh viết tặng chị, những bài hát nào hai người cùng thích, những cuốn phim nào hai người cùng xem như là những kỷ niệm ngọt ngào và cả những nơi chốn đầy những “dấu chân kỷ niệm” của anh chị kể từ ngày hai người gặp nhau, yêu nhau trong sân trường Văn khoa. Tôi nhớ chị nhắc tên phim “Vũ điệu trong bóng mờ” (*La valse dans l'ombre*) và tên bài hát “Tà áo Văn quân” của Phạm Duy Nhượng, như nhắc tôi nhớ ra rằng từng có một bài hát đẹp như thế trong nhạc Việt, kể về câu chuyện... *Một chàng phiêu lãng, ôm đàn tới giữa đời.*

Từ lúc ấy tôi chỉ có mê mãi ngồi nghe và nghe, chỉ thỉnh thoảng góp chuyện. Tôi nhớ định nói chị nên viết hồi ký kể lại câu “chuyện hai người” ấy nhưng lại thôi, và chỉ nói thật tiếc là tôi đã không được gặp anh ngày trước.

Đến một lúc câu chuyện tạm ngưng, chị Dung bỗng đứng dậy nói vợ chồng tôi đi theo chị. Chúng tôi bước vào căn phòng nhỏ tĩnh lặng, được chị cho biết là phòng làm việc của anh Điếu. Chị nói từ ngày vắng anh, chị giữ nguyên trạng các vật dụng bày biện trong phòng, như là anh chỉ mới vừa đi xa. Thỉnh thoảng chị vào phòng lau chùi bụi bặm, kéo màn cửa cho ánh nắng rọi vào.

Đứng bên chị, tôi đưa mắt nhìn quanh. Những giá sách, thật nhiều sách, và những tranh ảnh rải rác. Tôi chú ý chiếc khung ảnh trên bàn làm việc của anh. Tấm ảnh đen trắng, mờ mờ. Chị đứng nép một bên vai anh, tựa NSCTOL-SỐ 15

đầu lên vai anh. Anh cúi nhìn chị, nụ cười ấm áp thương yêu. Cánh tay chị quàng lên vai anh, và bàn tay anh nắm giữ bàn tay chị. Anh có nụ cười thật hiền, chị có miệng cười thật đẹp, để lộ đường răng trắng. Trông anh chị như đôi chim bồ câu quấn quýt không rời.

Tôi đứng nhìn thật lâu, như bị hút vào tấm ảnh, tưởng nhìn thấy được hạnh phúc trên nét mặt chị, trên nụ cười chị và cả trên những lọn tóc chị. Tựa đầu lên vai anh, khuôn mặt chị nằm nghiêng, mái tóc cũng nằm nghiêng. Mái tóc anh từng yêu, từng viết thành bài thơ tặng chị. Tôi không nhớ bài thơ như thế nào nhưng nhớ rằng bên dưới cái tựa chỉ có một chữ “Tóc” ấy anh viết xuống câu dẫn vào bài nhạc “Hình ảnh một buổi chiều” của Lâm Tuyền và Dạ Chung, “Anh không giữ trong tay một kho tàng hay một danh vọng nào cả, anh chỉ giữ hình ảnh một buổi chiều, khi nắng vàng nhuộm mái tóc em.”

“Ảnh cũ lắm rồi,” chị Dung nói. Tôi nói tấm ảnh đẹp giống như bài thơ hay, chẳng bao giờ cũ cả. Tôi lại quên hỏi chị ảnh chụp lúc nào, ở đâu. Không gian ấy có thể là buổi sáng hay buổi chiều nhưng tôi cứ cho là buổi chiều vì nhớ dòng chữ anh Điền ghi trên đầu bài thơ tặng chị. Nơi chốn ấy có thể là đồi cỏ hay cánh đồng nào ở miền quê. Xa xa, sau lưng hai người, là rặng núi mờ mờ.

Trong thoáng chốc, tôi thấy lòng mình như se lại. Tôi nghĩ đến những lần chị Dung một mình bước vào căn phòng vắng lặng ấy, một mình chị ngắm nhìn những kỷ vật nằm im lìm ấy, và cả tấm ảnh mờ mờ đánh thức trong chị những thoáng hạnh phúc mơ hồ, xa xăm. Chị giữ căn phòng ấy như giữ chút hơi ấm của người chồng muôn thuở.

Sau ngày anh mất, chị Dung đã có những năm sống một mình, lặng lẽ như chiếc bóng trong ngôi nhà đầy kỷ niệm ở Bellflower. Chị làm bạn với hoa lá trong mảnh vườn sau nhà, chị tận hưởng sự tĩnh lặng và cứ một mình một bóng như thế cho đến khi các con chị dọn về ở với chị.

Trở vào phòng khách, tôi nói đùa câu gì đó cho chị vui, nhưng không thấy chị cười. Chị lặng yên như đang suy nghĩ chuyện gì hay đắm chìm trong thế giới nào riêng tư.

Nhớ lần sau cùng tôi gọi điện thoại thăm chị Dung. Chị nói dạo sau này không được khỏe lắm, rồi chị nói sang chuyện khác. Chị Dung là vậy, chị chia sẻ niềm vui, chị giấu kín nỗi buồn. Chị không nói về mình, chị chẳng kể ai nghe, nhiều bạn bè chị không hề hay biết gì về bệnh tình của chị cho đến khi...

Hôm được tin chị mất, tôi tưởng mình nghe lầm, tôi mong là mình nghe lầm.

Cứ mỗi lần hay tin một người thân quen nào đột ngột qua đời, tôi lại có cảm giác thật hụt hẫng như vừa bước hụt vào khoảng không và nhận rõ hơn bao giờ hết cái vô nghĩa đến tột cùng của đời sống.

“Thứ Bảy này cả nhà sẽ tiễn đưa chị Dung,” chị Bích Huyền nói với tôi đêm qua. Chị rưng rưng nói chị rất buồn và nhớ.

“Chắc giờ này chị Dung đã gặp lại anh Hà,” sau cùng chị Bích Huyền nói.

“Tôi cũng tin như vậy,” tôi nói vậy, rồi mở cánh cửa sau bước ra ngoài, ngược nhìn bầu trời đêm lác đác sao. Tôi dõi mắt trông về một ngôi sao xa nhất, khi ẩn khi hiện trên nền trời đen thẫm, trông xa vẫn thấy lấp lánh như có một linh hồn.

Em đi rồi, anh trở về hồn lạnh, mắt sao rơi...

Câu hát ấy ở trong bài nhạc phổ thơ Y Dịch, bài thơ “Tiễn em” anh viết tặng chị khi tiễn đưa chị lên đường du học Hoa Kỳ, là thời kỳ hai anh chị mới yêu nhau... thì xa nhau. Người phổ bài thơ ấy là em chị Dung, nhạc sĩ Phạm Anh Dũng.

“Hai nốt nhạc ‘sao rơi’ ấy nghe thật là mệnh mang,” tôi nói với anh Dũng như vậy.

* * *

Chị Dung đã sẵn sàng và chuẩn bị mọi thứ cho chuyến đi xa của chị. Chị bình thản chờ đợi điều xấu nhất đến với mình; hơn thế nữa, chị mong đợi điều ấy đến với mình.

Chị mong đợi ngày ấy, như anh từng mong đợi chị, như anh và chị từng mong đợi nhau suốt những năm chị du học, suốt những năm anh tù tội. Anh và chị đã quen chờ đợi. Thế nhưng chị không thể bắt anh chờ đợi lâu hơn nữa.

“Mẹ để bố chờ lâu quá rồi, mãi đến 20 năm!” Chị Dung nói với cô con gái mình.

Hai mươi năm của chị Dung chỉ như bóng mây qua, chỉ như giấc mộng dài. Rồi anh chị lại có nhau, lại tay trong tay trên cánh đồng thời gian. Cũng như chị Bích Huyền và bao người thân yêu khác của chị Dung, tôi tưởng nhìn thấy anh đang dang rộng cánh tay về phía chị cùng với nụ

cười ấm áp thương yêu, nụ cười thật hiền hệt như trong tấm ảnh ngày xưa ấy.

Anh Điều “không giữ trong tay một kho tàng hay một danh vọng nào cả”, và chị Dung cũng chỉ giữ có mỗi tấm ảnh mờ mờ ấy. Tấm ảnh “Hình ảnh một buổi chiều”.

Lê Hữu

1/ Bà quả phụ Lê Đình Điều, quê danh: Phạm thị Dung, sinh ngày 16 tháng 7, 1940 tại Thái Bình, Việt Nam - qua đời ngày 26 tháng 4, 2019 tại Bellflower, California Hoa Kỳ.

2/ Mời nghe ca khúc “Tháng Bảy Chưa Mưa” (thơ: Y Dịch-Tiến Em, nhạc: Phạm Anh Dũng CA)

Tuấn Ngọc hát: <https://www.youtube.com/watch?v=mm2utk8M15I>

3/ Mời nghe ca khúc “Hình Ảnh Một Buổi Chiều” (nhạc: Lâm Tuyền, lời: Dạ Chung)

Quang Tuấn hát: https://www.youtube.com/watch?v=epbRkIN_3bw



THIỆP MỜI

Trân trọng kính mời quý vị tham dự

Kỷ Niệm 24 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Chủ Nhật ngày 23 tháng 6, năm 2019

Khai mạc lúc 11:00AM tại

HARVEST MOON RESTAURANT

7260 Arlington Boulevard, Falls Church, VA 22042

ĐT: (703) 573-6000

Chương trình gồm:

*** TIỆC TRƯA**

*** VĂN NGHỆ CHỌN LỌC** với sự tham dự của ca sĩ: Như Hương, Hiếu Thuận, Thái Ninh, Loan Phượng, Bạch Mai, Thái Phượng, Tâm Hào, Hoàng Cung Fa, Nguyễn Xuân Thương, Nguyễn Cao Thăng, Sĩ Tuấn...

Ban nhạc: Trần Thành (keyboard, âm thanh), Nguyễn Khải (guitar), Phạm Dương Hiến (violin)

MC: Đàm Xuân Linh & Mỹ Hạnh

Vé: 25 USD / Vé bảo trợ VIP: 35 USD

LIÊN LẠC:

Phan Anh Dũng: (804) 387-8773

Phan Khâm: (240) 893-7812

Nguyễn Thị Ngọc Dung: (571) 926-8962

Hồng Thủy: (301) 466-6120

Phạm Văn Tuấn: (703) 707-1602

Ỗ Nguyễn: (505) 453-9009

Thái Phượng: (804) 873-1033

Phong Thu: (202) 657-8654

Trương Anh Thủy: (703) 525-4538

Trúc Mai: (703) 534-0712

Thế Giới của Hoàng Dungdc

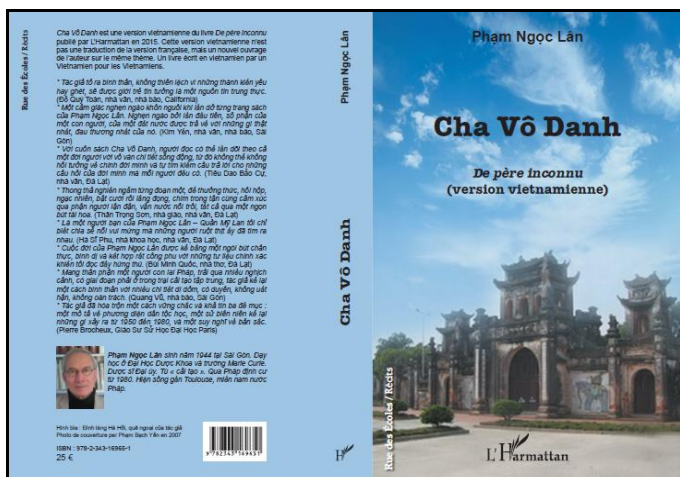


CỔ THƠM HÂN HẠNH GIỚI THIỆU ĐẾN ĐỘC GIẢ VÀ THÂN HỮU KHẮP NƠI:

4 quyển sách của nhà văn Hoàng Dungdc
vừa mới xuất bản vào đầu tháng 4, 2019:

- Chuyện Dung Kể: \$ 20
- Những Kề Lạc Loài: \$ 20
- Biển và Cá: \$ 15
- Bên Kia Đồi: \$ 15
- Một bộ 4 cuốn: \$ 60

Vui lòng liên lạc: Hoangdungdc@gmail.com



Sách «Cha Vô Danh» của **Phạm Ngọc Lân** đã phát hành tại Paris tháng 3-2019, do nhà xuất bản L'Harmattan (trước đây đã xuất bản cuốn tiếng Pháp «De Père Inconnu» năm 2015 và 2016).

Sách 534 trang khổ lớn, giá 25 euros, có bán tại tiệm sách của L'Harmattan (16 rue des Écoles, 75005 Paris). Ngoài ra có thể đặt mua tại bất cứ tiệm sách nào bên Pháp. Độc giả cũng có thể mua qua Internet, trên trang web của L'Harmattan (có bán sách in và sách điện tử dùng cho iPhone và iPad):

<http://www.editions-harmattan.fr/index.asp?navig=catalogue&sr=1>

Hoặc trên Amazon: <https://www.amazon.com/>

Ngoài ra, tác giả có thể gửi sách với chữ ký đến các bạn nào muốn.

Giá sách (kể cả cước phí) là 25 euros bên Âu Châu, 30 USD bên Mỹ. Xin liên lạc với: lan_phamngoc@yahoo.com

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):
Địa chỉ (Address):
.....
Phone, Fax, Email:
Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #) :..... tới số (To issue #):.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)
Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỔ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7 x 8.5")
1/2 trang trong: US \$30.00
1 trang trong: US \$60.00
Trang trong bìa trước: US \$100.00
Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):
COTHOM FOUNDATION
9020 CARDIFF RD
RICHMOND, VIRGINIA 23236
USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ ẮN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

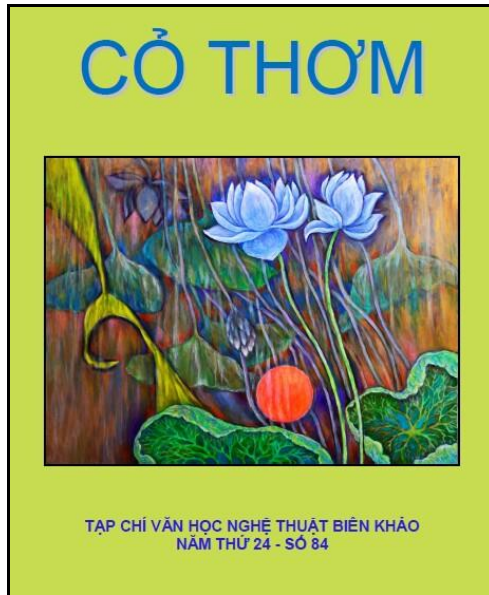


TỦ SÁCH CỎ THƠM

9020 CARDIFF ROAD
RICHMOND, VA 23236

Tel. (804) 276-7960 / dathphan1@gmail.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)
ĐIỂM TRANG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung
TRĂNG NHỚ ĐÊM RẪM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An
VẤN KHẢO (2000) - Trần Bích San; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung
TÌNH ANH NHƯ THỂ ĐÁY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YẾU EM (2002) - Thơ Kim Vũ
BÊN DÒNG THẠCH HẦN (2002) - Thơ Phan Khâm; SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lân
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao My Nhân, Phan Khâm,
Nguyễn T. Ngọc Dung, Văn Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An
ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004) - Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005) - Thơ Việt Bằng
PHƯƠNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005) - Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG (Tái bản 2005) - Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) - Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,
Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) – Thơ Phan Khâm
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẪM (2007) - Bút khảo của Hồ Trường An về các tác giả:
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.
KHÚC VÔ THANH (2008) , 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao
GIỮ MÃI GIỮM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013)
DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC KHOA HỌC & TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI
& NHÀ VĂN & NHÀ THƠ VÀ TÁC PHẨM 2018: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn
MƯA XUÂN/ SPRING RAIN - Thơ song ngữ Tâm Minh Ngơ Tăng Giao
MONG MANH & TỰ NHIÊN - Thơ Ý Anh
BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG - Bút ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - Biên khảo của Nguyễn Văn Thành
TỪ MỘT VÙNG KÝ ỨC - Ý Nguyễn; BÊN KIA BỜ NHỎ - Bút ký Phạm Bá & Ý Nguyễn



Tạp chí Cỏ Thơm số 84
đã phát hành ngày 21 tháng 4, 2019

MUA ỦNG HỘ TẠP CHÍ CỎ THƠM (BÁO IN)
Một năm 4 số, 40 USD, gởi tận nhà - xin liên lạc: dathphan1@gmail.com /
Phan Anh Dũng, 9020 Cardiff Rd, Richmond VA 23236

Tạp Chí Cỏ Thơm có bán tại tiệm Washington Music trong Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26 - Falls Church, VA 22044 / Tel. (703) 538-4979

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO CỎ THƠM:

CHỦ NHIỆM: PHAN ANH DŨNG <dathphan1@gmail.com>
PHÓ CHỦ NHIỆM: PHAN KHÂM <phanvyle@yahoo.com>
CHỦ BÚT: TRẦN BÍCH SAN <littleisaigonnews@aol.com>
TỔNG THƯ KÝ: ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH <hanhbang@hotmail.com>
CỐ VẤN DANH DỰ: NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG <dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN: 9020 CARDIFF RD
RICHMOND, VA 23236 USA
TEL. (804) -387- 8773

CHỦ BIÊN WEBSITE CỎ THƠM & CHỦ BÚT NGUYỆT SAN CỎ THƠM ONLINE:
PHAN ANH DŨNG <dathphan1@gmail.com>

